

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN XÂY DỰNG
CÔNG NGHIỆP VÀ ĐÔ THỊ VIỆT NAM

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số 19 /CBTT – VCC

Hà Nội, ngày 27 tháng 10 năm 2021

CÔNG BỐ THÔNG TIN

V/v : **Bổ sung trang 26 - Điều lệ công ty của Tài liệu Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021**

Kính gửi : - ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC
- SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN HÀ NỘI

1. Tên đơn vị : CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN XÂY DỰNG CÔNG NGHIỆP VÀ ĐÔ THỊ VIỆT NAM
2. Trụ sở chính : Tầng 8-11 Tòa nhà số 10 Hoa Lư, Phường Lê Đại Hành, Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội
3. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp với mã số doanh nghiệp: 0100106183
4. Vốn Điều lệ : 18 tỷ đồng
5. Vốn đầu tư của chủ sở hữu: 18 tỷ đồng
6. Điện thoại : 024.2220 5889 Fax : 024.2220 6366
7. Mã cổ phiếu: CCV
8. Loại công bố : thường niên
9. Nội dung công bố thông tin

V/v : **Bổ sung trang 26 - Điều lệ công ty của Tài liệu Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021**

Gửi đính kèm :

Tài liệu Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước Pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố

Trân trọng kính báo!

NGƯỜI CÔNG BỐ THÔNG TIN

Nơi nhận :

- Như trên
- Ban KS
- Lưu VP



**CÔNG TY CP TƯ VẤN XÂY DỰNG CÔNG NGHIỆP VÀ
ĐÔ THỊ VIỆT NAM**

TÀI LIỆU

**ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN 2021
CÔNG TY CP TƯ VẤN XÂY DỰNG CÔNG NGHIỆP
VÀ ĐÔ THỊ VIỆT NAM**

(Kèm theo Nghị quyết số 17/NQ-HĐQT ngày 09/8/2021 về việc
thông qua tài liệu ĐHĐCĐ thường niên năm 2021)

HÀ NỘI - 2021



Số: 19/QĐ-HĐQT

Hà Nội, ngày 30 tháng 8 năm 2021

QUYẾT ĐỊNH

V/v: Thành lập Ban tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ CÔNG TY CP TƯ VẤN XÂY DỰNG CÔNG NGHIỆP VÀ ĐÔ THỊ VIỆT NAM

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/6/2020 của Quốc hội nước Cộng hòa XHCN Việt Nam;

Căn cứ Điều lệ Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Công nghiệp và Đô thị Việt Nam (Điều lệ sửa đổi năm 2017);

Căn cứ Nghị quyết số 17/NQ-HĐQT ngày 09/08/2021 của Hội đồng quản trị về việc Thông qua tài liệu Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021;

Căn cứ Nghị quyết số 18/NQ-HĐQT ngày 16/08/2021 của Hội đồng quản trị về việc Tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021;

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Thành lập Ban tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 theo Nghị quyết số 18/NQ-HĐQT ngày 16/08/2021, gồm các ông, bà có tên dưới đây:

1. Ông: Trần Nhật Minh, Chủ tịch HĐQT - Trưởng Ban;
2. Ông: Trần Huy Ánh, Tổng giám đốc, thành viên HĐQT - Phó Trưởng Ban;
3. Ông: Nguyễn Văn Bằng, thành viên HĐQT - Ủy viên;
4. Ông: Nguyễn Huy Khanh, thành viên HĐQT - Ủy viên;
5. Bà: Phạm Thị Thăng, thành viên HĐQT - Ủy viên;
6. Ông: Nguyễn Văn Thắng, Phó TGĐ - Ủy viên;
7. Ông: Cao Văn Cường, Thư ký HĐQT - Ủy viên;
8. Bà: Hoàng Thị Ngọc Loan, Giám đốc Trung tâm Đô thị - Ủy viên;
9. Bà: Nguyễn Thị Hải Đường, Phó Văn phòng phụ trách - Ủy viên;
10. Bà: Liễu Bích Liên, Phó phòng KTTC phụ trách - Ủy viên;
11. Ông: Lê Anh Dũng, GD Trung tâm TVXD CN và MT - Ủy viên.

Điều 2. Ban tổ chức có nhiệm vụ giúp Hội đồng quản trị:

1. Lập chương trình tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021;
2. Thực hiện các thủ tục trước, trong và sau Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 theo đúng pháp luật.

Ban tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 tự động giải thể sau khi hoàn thành nhiệm vụ.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Các thành viên Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc, các phòng ban chức năng, đơn vị trực thuộc và các cá nhân, đơn vị liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 1, Điều 3;
- Ban kiểm soát;
- Website công ty;
- Thư ký HĐQT;
- Lưu: HĐQT.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH



Trần Nhật Minh

Số: /TB-HĐQT

Hà Nội, ngày tháng năm 2021

THÔNG BÁO MỜI HỌP ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2021

Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Tư vấn xây dựng Công nghiệp và Đô thị Việt Nam trân trọng thông báo:

1. Triệu tập Đại hội cổ đông thường niên năm 2021 của Công ty cổ phần Tư vấn xây dựng công nghiệp và đô thị Việt Nam

- Thời gian:

- Địa điểm: Hội trường tầng 12, Tòa nhà số 10 phố Hoa Lư, phường Lê Đại Hành, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội.

2. Đối tượng tham gia Đại hội cổ đông thường niên năm 2021

- Tất cả các cổ đông sở hữu hoặc được ủy quyền sở hữu cổ phần của Công ty cổ phần Tư vấn xây dựng công nghiệp và đô thị Việt Nam tại thời điểm chốt danh sách ngày ...

- Trường hợp không thể trực tiếp tham dự Đại hội có thể ủy quyền cho đại diện tham dự. Việc ủy quyền phải làm bằng văn bản theo mẫu gửi kèm theo thông báo này, có chữ ký xác nhận (đối với cổ đông là cá nhân) và ký tên, đóng dấu (đối với cổ đông là tổ chức, cơ quan).

3. Nội dung chương trình Đại hội

Thông qua báo cáo của HĐQT, Ban TGD, Ban kiểm soát; các Tờ trình của HĐQT trình ĐHCĐ; Thông qua Điều lệ, Quy chế quản trị nội bộ, Quy chế hoạt động của HĐQT, BKS; Kiện toàn thành viên HĐQT, BKS và một số nội dung khác.

4. Địa chỉ liên hệ

- Văn phòng Công ty cổ phần Tư vấn xây dựng công nghiệp và đô thị Việt Nam.

- Địa chỉ: Tầng 8, Tòa nhà số 10 phố Hoa Lư, phường Lê Đại Hành, quận Hai Bà Trưng, Hà Nội

- Điện thoại: 024.22205889; Fax: 024.22206366

Khi đến tham dự ĐHCĐ, đề nghị Quý cổ đông hoặc Người được ủy quyền đem theo Thông báo mời họp, các tài liệu được gửi kèm Thông báo mời họp này và giấy CMND hoặc CCCD/ Giấy CNĐKKD để Ban tổ chức kiểm tra tư cách cổ đông và phân phối tài liệu.

5. Tài liệu Đại hội

- Nội dung chương trình Đại hội

- Phiếu xác nhận tham dự Đại hội/ Giấy ủy quyền tham dự Đại hội;

- Phiếu biểu quyết (cổ đông sẽ nhận khi đăng ký dự họp).

- Các tài liệu Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 của Công ty cổ phần Tư vấn xây dựng công nghiệp và đô thị Việt Nam bao gồm: Thông báo mời họp, Chương trình Đại hội, Quy chế làm việc Đại hội, Quy chế bầu cử, các Báo cáo của HĐQT, TGD, BKS, Báo cáo tài chính năm 2020 đã được kiểm toán, các Tờ trình của HĐQT, BKS, dự thảo Điều lệ, Quy chế hoạt động HĐQT, BKS, Quy chế nội bộ về quản trị công ty... được đăng tải đầy đủ trên Website của công ty. Kính mời Quý Cổ đông truy cập để xem và tải tài liệu theo đường dẫn: <http://vcc.com.vn/hoat-dong-co-dong>



Handwritten signature and initials.

**Lưu ý: Để đảm bảo công tác phòng dịch Covid-19, đề nghị các cổ đông khi tham gia dự Đại hội tuân thủ các quy định về phòng dịch, 100% các cổ đông đeo khẩu trang, rửa tay sát khuẩn và đo thân nhiệt theo đúng quy trình của Ban tổ chức trước khi vào Đại hội.*

Trân trọng kính mời quý vị Cổ đông đến tham dự Đại hội!

Nơi nhận:

- Các cổ đông của VCC;
- HĐQT, BTGD, BKS;
- Thư ký HĐQT;
- Website Công ty;
- Lưu: HĐQT.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**



Trần Nhật Minh



CHƯƠNG TRÌNH
ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2021
CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN XÂY DỰNG CÔNG NGHIỆP VÀ
ĐÔ THỊ VIỆT NAM

1. Thời gian: 7h30 ngày 12/11/2021

2. Địa điểm: Hội trường tầng 12, Tòa nhà số 10 Hoa Lư, quận Hai Bà Trưng, Hà Nội.

Thời gian	Nội dung chương trình	Người thực hiện
7h30 – 8h15	Đón tiếp đại biểu, đăng ký cổ đông dự họp	Ban tổ chức và Ban kiểm tra tư cách cổ đông
	Kiểm tra tư cách cổ đông và phát tài liệu	
8h15 – 8h20	Báo cáo của Ban kiểm tra tư cách cổ đông thông qua đó xác định điều kiện tiến hành Đại hội cổ đông	Ban kiểm tra tư cách cổ đông
8h20 – 9h20	Khai mạc, giới thiệu đại biểu	Ban tổ chức Đại hội
	Giới thiệu Chủ tọa Đại hội	
	Chủ tọa giới thiệu Đoàn chủ tịch	
	Chủ tọa cử Thư ký Đại hội	Chủ tọa Đại hội
	Chủ tọa đề cử Ban kiểm phiếu	
	Bầu Ban kiểm phiếu (bằng phiếu biểu quyết).	Đại hội và Ban kiểm tra tư cách cổ đông
	Thông qua Chương trình Đại hội (bằng phiếu biểu quyết).	
	Thông qua Quy chế làm việc Đại hội (bằng phiếu biểu quyết).	
Thông qua Quy chế bầu cử (bằng phiếu biểu quyết).		
9h20 – 11h00	Báo cáo về quản trị, kết quả hoạt động của HĐQT năm 2020 và kế hoạch hoạt động năm 2021	Chủ tịch HĐQT
	Báo cáo của Tổng giám đốc về kết quả hoạt động SXKD năm 2020 và phương hướng hoạt động SXKD năm 2021.	Tổng giám đốc
	Tờ trình thông qua Báo cáo tài chính riêng và báo cáo tài chính hợp nhất năm 2020 đã được kiểm toán	Phụ trách kế toán
	Báo cáo của Ban kiểm soát về kết quả hoạt động năm 2020 và kế hoạch hoạt động năm 2021	Trưởng BKS
	Tờ trình về kết quả kinh doanh, phương án phân phối lợi nhuận sau thuế năm 2020 và kế hoạch kinh doanh, phương án phân phối lợi nhuận sau thuế năm 2021.	Tổng giám đốc
	Tờ trình về phê duyệt mức thù lao và một số chi phí khác HĐQT, BKS, Thư ký HĐQT năm 2020; Dự kiến mức thù lao và một số chi phí khác HĐQT, BKS năm 2021.	Thành viên HĐQT



bv ll

	Tờ trình về việc lựa chọn đơn vị kiểm toán thực hiện soát xét BCTC bán niên và kiểm toán BCTC năm 2021.	Trưởng BKS
	Tờ trình Dự thảo Điều lệ, Quy chế nội bộ về quản trị công ty, Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị, Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát (<i>Điều lệ và các Quy chế có hiệu lực ngay khi được ĐHĐCĐ biểu quyết thông qua</i>)	Chủ tịch HĐQT và thành viên HĐQT
	Thảo luận và Biểu quyết thông qua các nội dung trình Đại hội (<i>bằng phiếu biểu quyết</i>)	Đại hội và Ban kiểm phiếu
	Công bố kết quả biểu quyết các nội dung trình ĐHĐCĐ	Ban kiểm phiếu
11h00 - 11h50	Kiện toàn thành viên HĐQT/BKS: Thảo luận và biểu quyết đối với đề xuất miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên HĐQT/BKS và bầu thành viên HĐQT/BKS mới	Chủ tọa, Đại hội, Ban kiểm phiếu
11h50 - 12h00	Công bố kết quả kiểm phiếu	
12h00 - 12h10	Công bố Nghị quyết và thông qua Biên bản họp Đại hội (<i>bằng phiếu biểu quyết</i>).	Đại hội và Ban kiểm phiếu
12h10 - 12h15	Tổng kết, bế mạc Đại hội	Chủ tọa Đại hội

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH



Trần Nhật Minh



hkh
W
RMS

DỰ THẢO

Hà Nội, ngày tháng năm 2021

QUY CHẾ LÀM VIỆC
ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2021
CÔNG TY CP TƯ VẤN XDCN VÀ ĐÔ THỊ VIỆT NAM

Mục tiêu:

- Đảm bảo nguyên tắc đúng luật pháp, công khai, công bằng và dân chủ;
- Đảm bảo thành công, thuận lợi cho công tác tổ chức và tiến hành Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021.

Ban Tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Công nghiệp và Đô thị Việt Nam xin báo cáo Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 thông qua Quy chế làm việc như sau:

I. TRẬT TỰ CỦA ĐẠI HỘI

Người dự họp khi vào phòng đại hội phải ngồi đúng vị trí hoặc khu vực do Ban Tổ chức Đại hội quy định. Tuyệt đối tuân thủ sự sắp xếp vị trí của Ban tổ chức Đại hội.

Không hút thuốc lá trong Phòng đại hội.

Không nói chuyện riêng, không nói chuyện điện thoại di động trong lúc diễn ra Đại hội.

Tất cả các máy điện thoại phải để chế độ im lặng.

Tuân thủ các yêu cầu về phòng chống dịch Covid-19 của Chính phủ, Thành phố Hà Nội và Ban tổ chức Đại hội.

Thuê đơn vị bảo vệ chuyên nghiệp giữ gìn trật tự trong thời gian diễn ra Đại hội.

II. ĐIỀU KIỆN THAM DỰ ĐẠI HỘI, QUYỀN VÀ NGHĨA VỤ CỦA CỔ ĐÔNG VÀ CÁC BÊN THAM DỰ ĐẠI HỘI, ĐIỀU KIỆN TIẾN HÀNH ĐẠI HỘI

1. Điều kiện tham dự đại hội

1. Tất cả các cổ đông sử hữu cổ phần Công ty CP Tư vấn xây dựng công nghiệp và đô thị Việt Nam chốt quyền ngày hoặc những người được ủy quyền tham dự họp lệ.

2. Cổ đông hoặc người đại diện theo ủy quyền khi tham dự họp Đại hội đồng cổ đông phải mang theo Chứng minh thư nhân dân, CCCD hoặc hộ chiếu, giấy mời, giấy ủy quyền (nếu có) hoặc quyết định cử người đại diện phần vốn đối với cổ đông là tổ chức (đại diện theo ủy quyền) và đăng ký tham dự Đại hội với Ban Kiểm tra tư cách cổ đông.

2. Quyền cổ đông và các bên khi tham dự Đại hội

1. Được biểu quyết tất cả các vấn đề thuộc thẩm quyền của Đại hội theo quy định của Luật Doanh nghiệp 2020, các văn bản quy phạm pháp luật có liên quan.

2. Được Ban Tổ chức Đại hội thông báo công khai nội dung chương trình Đại hội.

3. Tại Đại hội mỗi cổ đông hoặc người đại diện theo ủy quyền khi tới tham dự họp ĐHĐCĐ được nhận Phiếu biểu quyết sau khi đăng ký tham dự Đại hội với Ban kiểm tra tư cách cổ đông.

4. Giá trị biểu quyết của Phiếu biểu quyết tương ứng với tỷ lệ số cổ phần có quyền biểu quyết của các cổ đông có mặt tại Đại hội.

5. Cổ đông hoặc người đại diện theo ủy quyền dự họp đến sau khi cuộc họp đã khai mạc vẫn được đăng ký và có quyền tham gia biểu quyết ngay sau khi đăng ký; trong trường hợp này, hiệu lực của những nội dung đã được biểu quyết trước đó không thay đổi.

3. Nghĩa vụ của cổ đông và các bên khi tham dự Đại hội

1. Cổ đông tham dự khi muốn phát biểu ý kiến thảo luận phải được sự đồng ý của Chủ tọa, phát biểu ngắn gọn và tập trung vào đúng những nội dung trọng tâm cần trao đổi, phù hợp với nội dung chương trình cuộc họp đã được thông qua. Những vấn đề đã được người trước phát biểu thì không phát biểu lại để tránh trùng lặp. Cổ đông tham dự họp cũng có thể ghi các nội dung vào phiếu câu hỏi và chuyển cho Ban Thư ký.

2. Tuân thủ các quy định tại Quy chế này, sự điều khiển của Chủ tọa và tôn trọng kết quả làm việc tại Đại hội.

4. Điều kiện tiến hành Đại hội

1. Đại hội đồng cổ đông được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện cho ít nhất sáu mươi lăm phần trăm (65%) cổ phần có quyền biểu quyết theo danh sách chốt ngày do Trung tâm lưu ký chứng khoán Việt Nam cung cấp.

2. Trường hợp cuộc họp lần thứ nhất không đủ điều kiện tiến hành theo quy định tại khoản 1 Điều này thì Thông báo mời họp lần thứ hai phải được gửi trong thời hạn ba mươi (30) ngày, kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Đại hội đồng cổ đông triệu tập họp lại chỉ được tiến hành khi có thành viên tham dự là các cổ đông và những đại diện được ủy quyền dự họp đại diện cho ít nhất ba mươi ba phần trăm (33%) cổ phần có quyền biểu quyết.

3. Trường hợp cuộc họp lần thứ hai không đủ điều kiện tiến hành theo quy định tại khoản 2 Điều này thì Thông báo mời họp lần thứ ba phải được gửi trong thời hạn hai mươi (20) ngày, kể từ ngày dự định họp lần thứ hai và trong trường hợp này đại hội được tiến hành không phụ thuộc vào số lượng cổ đông hay đại diện ủy quyền tham dự và được coi là hợp lệ và có quyền quyết định tất cả các vấn đề dự kiến được phê chuẩn tại Đại hội đồng cổ đông lần thứ nhất.

4. Chỉ có Đại hội đồng cổ đông mới có quyền quyết định thay đổi chương trình họp đã được gửi kèm theo thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông.

III. BIỂU QUYẾT THÔNG QUA CÁC VẤN ĐỀ TẠI ĐẠI HỘI

1. Nguyên tắc

Tất cả nội dung tại Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 Công ty CP Tư vấn Xây dựng Công nghiệp và Đô thị Việt Nam đều phải được thông qua bằng hình thức biểu quyết bằng phiếu tại cuộc họp.

2. Phiếu biểu quyết, điều kiện để Nghị quyết thông qua

Phiếu biểu quyết được đóng dấu treo của Công ty, trên phiếu có ghi thông tin cổ đông gồm: mã số cổ đông và số cổ phần có quyền biểu quyết tại Đại hội.

Ban kiểm phiếu sẽ hướng dẫn cách biểu quyết thông qua các vấn đề tại Đại hội.

Phiếu biểu quyết dùng để biểu quyết những nội dung cần biểu quyết thông qua tại Đại hội bao gồm:

- Bầu Ban kiểm phiếu (tỷ lệ thông qua 51%);
- Thông qua Chương trình nội dung Đại hội (tỷ lệ thông qua 51%);
- Thông qua Quy chế làm việc Đại hội (tỷ lệ thông qua 51%);
- Thông qua Quy chế bầu cử (tỷ lệ thông qua 51%);

- Thông qua Báo cáo về quản trị, kết quả hoạt động của HĐQT năm 2020 và kế hoạch hoạt động năm 2021 (tỷ lệ thông qua 51%);

- Thông qua Báo cáo của Tổng giám đốc về kết quả hoạt động SXKD năm 2020 và phương hướng hoạt động SXKD năm 2021 (tỷ lệ thông qua 51%);

- Thông qua Báo cáo tài chính năm 2020 đã được kiểm toán (tỷ lệ thông qua 65%);

- Thông qua Báo cáo của Ban kiểm soát về kết quả hoạt động năm 2020 và kế hoạch hoạt động năm 2021 (tỷ lệ thông qua 51%);

- Thông qua Tờ trình về kết quả kinh doanh, phương án phân phối lợi nhuận sau thuế năm 2020 và kế hoạch kinh doanh, phương án phân phối lợi nhuận sau thuế năm 2021:

+ Kết quả kinh doanh, phương án phân phối lợi nhuận sau thuế năm 2020 (tỷ lệ thông qua 51%).

+ Kế hoạch kinh doanh, phương án phân phối lợi nhuận sau thuế năm 2021 (tỷ lệ thông qua 65%).

- Thông qua Tờ trình về phê duyệt mức thù lao và một số chi phí khác HĐQT, BKS, Thư ký HĐQT năm 2020; Dự kiến mức thù lao và một số chi phí khác HĐQT, BKS năm 2021 (tỷ lệ thông qua 51%);

- Thông qua Tờ trình về lựa chọn đơn vị kiểm toán thực hiện soát xét BCTC bán niên và kiểm toán BCTC năm 2021 (tỷ lệ thông qua 51%);

- Thông qua Điều lệ công ty 2021 (tỷ lệ thông qua 65%);

- Thông qua Quy chế nội bộ về quản trị công ty (tỷ lệ thông qua 51%);

- Thông qua Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị (tỷ lệ thông qua 51%);

- Thông qua Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát (tỷ lệ thông qua 51%);

- Thông qua việc miễn nhiệm, bãi nhiệm và bầu thành viên HĐQT, BKS (tỷ lệ thông qua 65%);

- Thông qua Biên bản họp Đại hội (tỷ lệ thông qua 51%).

Ghi chú: Tỷ lệ thông qua được xác định bằng tỷ lệ của tổng số phiếu đồng ý trên tổng số phiếu của tất cả cổ đông tham dự Đại hội.

IV. PHÁT BIỂU Ý KIẾN TẠI ĐẠI HỘI

1. Nguyên tắc

Cổ đông và người được ủy quyền tham dự Đại hội phải tuân thủ sự điều hành của Chủ tọa cuộc họp. Khi muốn phát biểu ý kiến thảo luận phải đăng ký với Thư ký Đại hội nội dung phát biểu và được sự đồng ý của Chủ tọa.

Tổng thời gian phát biểu không vượt quá thời gian đã quy định trong chương trình làm việc đã được Đại hội thông qua và không quá 05 phút cho 01 lần phát biểu.

2. Cách thức phát biểu

Cổ đông và người được ủy quyền phát biểu ngắn gọn tập trung vào đúng những vấn đề cần trao đổi, phù hợp với nội dung chương trình nghị sự của Đại hội đã được thông qua. Không phát biểu lặp lại các ý kiến đã phát biểu.

Chủ tọa sẽ sắp xếp cho cổ đông phát biểu theo thứ tự đăng ký, đồng thời giải đáp các thắc mắc của cổ đông, các ý kiến phản biện được ưu tiên phát biểu trước.

V. BAN KIỂM TRA TƯ CÁCH CỔ ĐÔNG

Ban kiểm tra tư cách cổ đông gồm một (01) Trưởng ban và một số thành viên do Hội đồng quản trị lựa chọn, có trách nhiệm như sau:

Kiểm tra tư cách cổ đông hoặc người đại diện theo ủy quyền đến dự họp, xác định tính hợp lệ theo quy định của pháp luật và đối chiếu với danh sách cổ đông có quyền dự họp.

Phát cho cổ đông hoặc người đại diện theo ủy quyền của các cổ đông Phiếu biểu quyết.

Báo cáo trước Đại hội và chịu trách nhiệm về kết quả kiểm tra tư cách cổ đông dự họp trước khi cuộc họp chính thức được tiến hành.

Ban kiểm tra tư cách cổ đông có quyền thành lập bộ phận giúp việc để hoàn thành nhiệm vụ của Ban.

VI. CHỦ TỌA ĐẠI HỘI

1. Chủ tịch Hội đồng quản trị là Chủ tọa Đại hội, có quyền và nghĩa vụ điều khiển Đại hội theo đúng nội dung chương trình nghị sự, các thể lệ quy chế đã được Đại hội thông qua.

2. Trả lời những vấn đề do Đại hội yêu cầu hoặc chỉ định người trả lời.

3. Có quyền thực hiện các biện pháp cần thiết và hợp lý để điều khiển cuộc họp một cách có trật tự, đúng theo chương trình đã được thông qua và phản ánh được mong muốn của đa số người dự họp.

4. Hướng dẫn Đại hội thảo luận, lấy ý kiến biểu quyết các vấn đề nằm trong nội dung chương trình nghị sự của Đại hội và các vấn đề có liên quan trong suốt quá trình Đại hội.

5. Giải quyết các vấn đề nảy sinh trong suốt quá trình Đại hội theo quy định của pháp luật.

6. Bất cứ lúc nào Chủ tọa có thể trì hoãn Đại hội đến một thời điểm khác (phải phù hợp với quy định tại Luật doanh nghiệp và điều lệ, khi đã được thông qua) mà không cần lấy ý kiến của Đại hội nếu nhận thấy rằng:

- Hành vi của những người có mặt cản trở hoặc có khả năng cản trở diễn biến có trật tự của cuộc họp;

- Sự trì hoãn là cần thiết để các công việc của Đại hội được tiến hành một cách hợp lệ.

VII. BAN THƯ KÝ

1. Ban Thư ký gồm một (01) Trưởng ban và một số thành viên do Chủ tọa Đại hội đề cử.

2. Ban Thư ký thực hiện các công việc trợ giúp theo phân công của Chủ tọa, bao gồm:

- Ghi chép đầy đủ, trung thực các nội dung Đại hội;

- Ghi chép biên bản, dự thảo Nghị quyết Đại hội và thực hiện các công việc trợ giúp khác theo sự phân công của Chủ tọa.

3. Soạn thảo Biên bản họp Đại hội và các Nghị quyết về các vấn đề đã được thông qua tại Đại hội.

VIII. BAN KIỂM PHIẾU

1. Ban Kiểm phiếu gồm một (01) Trưởng ban và một số ủy viên do Chủ tọa đề cử và được biểu quyết thông qua trước Đại hội.

2. Ban Kiểm phiếu có quyền thành lập bộ phận giúp việc để hoàn thành nhiệm vụ của Ban.

3. Ban Kiểm phiếu có nhiệm vụ:

- Hướng dẫn cổ đông hoặc người đại diện theo ủy quyền của cổ đông sử dụng Phiếu biểu quyết và Phiếu bầu cử;

- Phát phiếu và thu phiếu, tiến hành kiểm phiếu, lập Biên bản kiểm phiếu và công bố kết quả kiểm phiếu;

- Xem xét và báo cáo với Đại hội quyết định những trường hợp vi phạm.

- Kiểm phiếu Miễn nhiệm, Bãi nhiệm thành viên HĐQT, BKS.

- Kiểm phiếu Bầu thành viên HĐQT, BKS.

IX. BIÊN BẢN HỌP ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

1. Tất cả các nội dung tại Đại hội đồng cổ đông phải được Thư ký Đại hội ghi vào Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và được đọc, thông qua trước khi kết thúc cuộc họp ĐHĐCĐ.

2. Nghị quyết đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua phải được đọc công khai trước khi kết thúc Đại hội.

Trên đây là toàn bộ Quy chế làm việc của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 của Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Công nghiệp và Đô thị Việt Nam.

Kính trình Đại hội xem xét thông qua.

**TM. ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG
CHỦ TỌA ĐẠI HỘI**

Trần Nhật Minh



Hà Nội, ngày tháng năm 2021

DỰ THẢO

QUY CHẾ

BẦU THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN KIỂM SOÁT CÔNG TY CP TƯ VẤN XÂY DỰNG CÔNG NGHIỆP VÀ ĐÔ THỊ VN

- Căn cứ Luật doanh nghiệp số 59/2020/QH14 do Quốc hội khóa 14 nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17/06/2020 và các văn bản hướng dẫn thi hành;
- Căn cứ Luật chứng khoán số 54/2019/QH14 do Quốc hội khóa 14 nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 26/11/2019 và các văn bản hướng dẫn thi hành.
- Căn cứ Điều lệ Công ty cổ phần Tư vấn xây dựng công nghiệp và đô thị Việt Nam (Điều lệ sửa đổi năm 2017).

Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 của Công ty cổ phần Tư vấn xây dựng công nghiệp và đô thị Việt Nam tiến hành bầu cử thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát theo các nội dung dưới đây:

ĐIỀU 1: Đối tượng thực hiện bầu cử

Cổ đông sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết (theo Danh sách tổng hợp người sở hữu chứng khoán số do Trung tâm lưu ký chứng khoán Việt Nam (VSD) lập tại Ngày đăng ký cuối cùng ...) hoặc đại diện theo ủy quyền của cổ đông sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết trực tiếp tham dự ĐHĐCĐ.

ĐIỀU 2: Tiêu chuẩn và điều kiện làm thành viên Hội đồng quản trị (HĐQT) và Thành viên Ban Kiểm soát (BKS)

2.1 Tiêu chuẩn và điều kiện làm thành viên HĐQT (theo Điều 155 Luật Doanh nghiệp 2020):

- Không thuộc đối tượng quy định tại khoản 2 Điều 17 của Luật Doanh nghiệp 2020;
- Có trình độ chuyên môn, kinh nghiệm trong quản trị kinh doanh hoặc trong lĩnh vực, ngành, nghề kinh doanh của Công ty và không nhất thiết phải là cổ đông của Công ty;
- Thành viên Hội đồng quản trị Công ty có thể đồng thời là thành viên Hội đồng quản trị của công ty khác.

2.2 Tiêu chuẩn và điều kiện làm thành viên BKS (theo Điều 169 Luật Doanh nghiệp 2020):

- Không thuộc đối tượng theo quy định tại khoản 2 Điều 17 của Luật Doanh nghiệp 2020;
- Được đào tạo một trong các chuyên ngành về kinh tế, tài chính, kế toán, kiểm toán, luật, quản trị kinh doanh hoặc chuyên ngành phù hợp với hoạt động kinh doanh của Công ty;
- Không phải là người có quan hệ gia đình của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc;
- Không phải là người quản lý Công ty; không nhất thiết phải là cổ đông hoặc người lao động của Công ty;

- e. Không làm việc trong bộ phận kế toán, tài chính của Công ty;
- f. Không là thành viên hay nhân viên của tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của Công ty trong 03 năm liền trước đó.

ĐIỀU 3: Đề cử ứng cử viên HĐQT, BKS và số thành viên được bầu

3.1. Đề cử ứng cử viên HĐQT (Khoản 5, Điều 115 Luật Doanh nghiệp 2020, Điều 26 Điều lệ công ty năm 2017)

Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 5% đến dưới 10% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử một (01) ứng viên; từ 10% đến dưới 30% được đề cử tối đa hai (02) ứng viên; từ 30% đến dưới 40% được đề cử tối đa ba (03) ứng viên; từ 40% đến dưới 50% được đề cử tối đa bốn (04) ứng viên; từ 50% trở lên được đề cử tối đa năm (05) ứng viên.

Trường hợp số lượng các ứng viên Hội đồng quản trị thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết Hội đồng quản trị đương nhiệm có thể đề cử thêm ứng cử viên hoặc tổ chức đề cử theo quy định tại Điều lệ của Công ty. Việc Hội đồng quản trị đương nhiệm giới thiệu thêm ứng viên phải được công bố rõ ràng trước khi Đại hội đồng cổ đông bầu thành viên Hội đồng quản trị theo quy định của pháp luật.

3.2. Đề cử ứng cử viên BKS (Khoản 5, Điều 115 Luật Doanh nghiệp 2020, Điều 34 Điều lệ công ty năm 2017)

Các cổ đông có quyền gộp số phiếu biểu quyết của từng người lại với nhau để đề cử các ứng viên Ban kiểm soát. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 5% đến dưới 10% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử một (01) ứng viên; từ 10% đến dưới 30% được đề cử tối đa hai (02) ứng viên; từ 30% trở lên được đề cử tối đa ba (03) ứng viên.

Trường hợp số lượng các ứng viên Ban Kiểm soát thông qua đề cử và ứng cử không đủ số lượng cần thiết, Ban kiểm soát đương nhiệm có thể đề cử thêm ứng viên hoặc tổ chức đề cử theo quy định tại Điều lệ Công ty và Quy chế hoạt động của Ban Kiểm soát. Việc Ban Kiểm soát đương nhiệm giới thiệu thêm ứng viên phải được công bố rõ ràng trước khi Đại hội đồng cổ đông biểu quyết bầu thành viên Ban Kiểm soát theo quy định của pháp luật.

3.3. Số lượng thành viên HĐQT và BKS được bầu

Số lượng thành viên HĐQT, BKS được bầu sẽ được Đại hội đồng cổ đông thông qua tại Đại hội (bằng phiếu biểu quyết, tỷ lệ thông qua 51%)

ĐIỀU 4: Phiếu bầu và ghi phiếu bầu

4.1. Danh sách ứng cử viên HĐQT, BKS:

Được sắp xếp theo thứ tự ABC theo tên, ghi đầy đủ họ và tên trên phiếu bầu.

4.2. Phiếu bầu và ghi phiếu bầu

- Cổ đông hoặc đại diện ủy quyền được phát Phiếu bầu thành viên HĐQT và Phiếu bầu thành viên BKS;
- Phiếu bầu được in thống nhất, có tổng số phiếu bầu thành viên HĐQT, BKS kèm theo mã số tham dự và thông tin của cổ đông;
- Trường hợp ghi sai, cổ đông đề nghị Ban Bầu cử đổi phiếu bầu khác;

ĐIỀU 5: Phương thức bầu cử

- 5.1 Việc biểu quyết bầu thành viên Hội đồng quản trị/Ban Kiểm soát thực hiện theo phương thức bầu đôn phiếu;

- 5.2 Mỗi cổ đông có tổng số phiếu bầu tương ứng với số cổ phần có quyền biểu quyết (bao gồm sở hữu và được ủy quyền) nhân với số thành viên được bầu của HĐQT/BKS được Đại hội cổ đông thông qua;
- 5.3 Bầu cử bằng phương pháp ghi số phiếu bầu cho ứng cử viên mà mình lựa chọn: cổ đông ghi trực tiếp số phiếu bầu vào ô "Số phiếu bầu" tương ứng với ứng cử viên mà mình lựa chọn. Cổ đông có quyền bầu hết hoặc một phần tổng số phiếu bầu của mình cho một hoặc một số ứng viên HĐQT, BKS đã được ĐHCĐ thông qua, phần phiếu còn lại có thể không bầu cho bất kỳ ứng cử viên nào. Tổng số phiếu bầu cho các ứng cử viên không vượt quá tổng số phiếu được quyền bầu ghi ở phần thông tin cổ đông.

Ghi chú:

- ❖ Trong trường hợp ủy quyền hợp lệ (có giấy ủy quyền), người được ủy quyền (đại diện cổ đông) có đầy đủ quyền biểu quyết/bầu cử.

ĐIỀU 6: Các trường hợp phiếu bầu không hợp lệ

- 6.1. Phiếu không theo mẫu quy định của Công ty, không có dấu của Công ty.
- 6.2. Phiếu tẩy xóa hoặc ghi thêm tên người ngoài danh sách ứng cử viên đã được ĐHCĐ thông qua trước khi tiến hành bỏ phiếu.
- 6.3. Phiếu có Tổng số phiếu bầu mà cổ đông/đại diện cổ đông bầu cho tất cả các ứng cử viên được bầu vượt quá tổng số phiếu được quyền bầu của cổ đông/đại diện cổ đông đó.
- 6.4. Phiếu bầu quá số lượng thành viên HĐQT/BKS đã được Đại hội thông qua.

ĐIỀU 7: Ban bầu cử, nguyên tắc bỏ phiếu và kiểm phiếu

7.1. Ban bầu cử là Ban kiểm phiếu của Đại hội

- a. Ban bầu cử có trách nhiệm:
- Hướng dẫn cổ đông quy trình bầu cử, cách thức bỏ phiếu;
 - Phát phiếu bầu;
 - Tiến hành kiểm phiếu;
 - Công bố kết quả bầu cử trước Đại hội.
- b. Thành viên Ban Bầu cử không được có tên trong danh sách đề cử và ứng cử vào HĐQT, BKS;

7.2. Nguyên tắc bỏ phiếu và kiểm phiếu

- a. Ban Bầu cử tiến hành kiểm tra thùng phiếu trước sự chứng kiến của các cổ đông;
- b. Việc bỏ phiếu được bắt đầu khi việc phát phiếu bầu cử được hoàn tất và kết thúc khi cổ đông cuối cùng bỏ phiếu bầu vào thùng phiếu;
- c. Việc kiểm phiếu phải được tiến hành ngay sau khi việc bỏ phiếu kết thúc;
- d. Kết quả kiểm phiếu được lập thành văn bản và được Trưởng Ban bầu cử công bố trước Đại hội.

ĐIỀU 8: Nguyên tắc trúng cử thành viên HĐQT, BKS (Khoản 3, Điều 148 Luật Doanh nghiệp 2020)

- 8.1. Người trúng cử thành viên HĐQT/BKS được xác định theo số phiếu bầu mà ứng cử viên nhận được tính từ cao xuống thấp, bắt đầu từ ứng cử viên nhận được số phiếu bầu cao nhất cho đến khi đủ số lượng thành viên HĐQT và số lượng thành viên BKS được ĐHCĐ phê duyệt.

- 8.2. Trường hợp có từ 02 ứng cử viên trở lên đạt cùng số phiếu bầu như nhau cho thành viên cuối cùng của Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát thì sẽ tiến hành bầu lại trong số các ứng cử viên có số phiếu bầu ngang nhau.

ĐIỀU 9: Lập và công bố Biên bản kiểm phiếu

- 9.1. Sau khi kiểm phiếu, Ban Bầu cử phải lập biên bản kiểm phiếu. Nội dung biên bản kiểm phiếu bao gồm: Tổng số cổ đông tham gia bỏ phiếu, tổng số phiếu bầu của các cổ đông tham gia bỏ phiếu (theo phương thức bầu dồn phiếu), số và tỉ lệ phiếu hợp lệ, phiếu không hợp lệ, phiếu trống; Tổng số phiếu bầu nhận được của từng ứng cử viên vào HĐQT và BKS; Kết quả trúng cử thành viên HĐQT, BKS.

- 9.2. Toàn văn Biên bản kiểm phiếu phải được công bố trước Đại hội.

ĐIỀU 10: Những khiếu nại về việc bầu và kiểm phiếu sẽ do chủ tọa cuộc họp giải quyết và được ghi vào biên bản cuộc họp Đại hội cổ đông.

Quy chế này gồm có 10 điều, được đọc công khai và có hiệu lực ngay sau khi Đại hội đồng cổ đông biểu quyết thông qua.

CHỦ TỌA ĐẠI HỘI

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN XÂY DỰNG CÔNG NGHIỆP VÀ
ĐÔ THỊ VIỆT NAM



BÁO CÁO
VỀ QUẢN TRỊ, KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
NĂM 2020 VÀ KẾ HOẠCH HOẠT ĐỘNG NĂM 2021



HÀ NỘI - 2021

csk

Hà Nội, ngày 10 tháng 08 năm 2021

BÁO CÁO

VỀ QUẢN TRỊ, KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG CỦA HĐQT NĂM 2020 VÀ KẾ HOẠCH HOẠT ĐỘNG NĂM 2021

Kính thưa: - Đại hội đồng cổ đông
- Các quý vị đại biểu và các quý Cổ đông

Thay mặt Hội đồng quản trị Công ty, tôi xin báo cáo trước Đại hội đồng cổ đông về quản trị, kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị năm 2020 và kế hoạch hoạt động năm 2021 như sau:

Phần I

CÔNG TÁC QUẢN TRỊ VÀ KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG NĂM 2020

I. Nhân sự Hội đồng quản trị

Ngày 27 tháng 4 năm 2017 Công ty CP Tư vấn Xây dựng Công nghiệp và Đô thị Việt Nam (VCC) đã tiến hành Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2017. Đại hội đã bầu ra HĐQT của Công ty gồm 5 thành viên:

1. Ông **Trần Nhật Minh** - Ủy viên HĐQT, Người đại diện phụ trách chung quản lý số cổ phần của Tổng công ty VNCC tại VCC;
2. Ông **Trần Huy Ánh** - Ủy viên HĐQT, Tổng giám đốc Công ty;
3. Ông **Nguyễn Huy Khanh** - Ủy viên HĐQT, Người đại diện theo ủy quyền quản lý số cổ phần của Tổng công ty VNCC tại VCC;
4. Ông **Nguyễn Văn Bằng** - Ủy viên HĐQT, Cổ đông VCC;
5. Bà **Phạm Thị Thăng** - Ủy viên HĐQT, Cổ đông VCC.

Ngày 05 tháng 5 năm 2017 tại cuộc họp đầu tiên của nhiệm kỳ Hội đồng quản trị Công ty VCC, các thành viên HĐQT đã bầu ông Trần Nhật Minh giữ chức Chủ tịch HĐQT, thông qua việc bổ nhiệm lại ông Trần Huy Ánh tiếp tục giữ chức Tổng giám đốc Công ty.

II. Công tác quản trị và Kết quả hoạt động năm 2020

2.1. Các hoạt động chính của Hội đồng quản trị

Hội đồng quản trị Công ty VCC nhiệm kỳ 2017-2022 được Đại hội đồng cổ đông bầu ra để thay mặt các cổ đông quản lý Công ty theo Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Công ty và các văn bản pháp luật hiện hành liên quan, làm việc theo nguyên tắc đa số nhất trí, tuân thủ các quy định của pháp luật.



Năm 2020, Chủ tịch Hội đồng quản trị đã triệu tập (bằng thông báo mời họp gửi tới các thành viên Hội đồng quản trị) 14 cuộc họp để bàn bạc về các nội dung liên quan đến công tác quản trị công ty, các vấn đề nổi cộm cần phải xử lý trong thẩm quyền của Hội đồng quản trị, trong đó có 05 cuộc họp đủ điều kiện về số lượng thành viên dự họp.

Các nội dung liên quan đến các cuộc họp Hội đồng quản trị được Chủ tịch Hội đồng quản trị triệu tập bao gồm:

- + Công tác liên quan đến dự thảo kết luận thanh tra theo Quyết định số 464/QĐ-TTr ngày 26/10/2018 của Chánh thanh tra Bộ xây dựng.
- + Công tác xem xét thông qua Hợp đồng góp vốn và Phụ lục hợp đồng điều chỉnh gia hạn hợp đồng gói thầu XL-02 dự án Trụ sở làm việc số 10 Hoa Lư.
- + Công tác chuẩn bị Đại hội cổ đông thường niên năm 2020 của Công ty cổ phần Tư vấn xây dựng công nghiệp và đô thị Việt Nam.
- + Công tác sửa đổi Điều lệ và các Quy chế nội bộ của Công ty VCC.
- + Công tác chi Quỹ thưởng Ban điều hành năm 2019.
- + Công tác thống nhất các thủ tục cần thiết để tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông bất thường thay thế Người đại diện phần vốn của Tổng công ty VNCC tại công ty VCC tham gia Hội đồng quản trị theo Văn bản số 57/HĐQT-VNCC ngày 11/6/2020.
- + Công tác miễn nhiệm chức vụ Tổng giám đốc công ty đối với ông Trần Huy Ánh và bổ nhiệm chức vụ Tổng giám đốc công ty đối với bà Hoàng Thị Ngọc Loan theo chỉ đạo của Tổng công ty VNCC.
- + Công tác sản xuất kinh doanh của công ty đến ngày 30/9/2020.
- + Công tác bảo lãnh các hợp đồng kinh tế tại Ngân hàng công thương Việt Nam.
- + Công tác báo cáo tình hình tài chính theo tuần của công ty.
- + Công tác dự toán kinh phí năm 2020.
- + Công tác giám sát tài chính theo văn bản số 80/HĐQT-VNCC ngày 30/11/2020.
- + Công tác thực hiện nhiệm vụ năm 2020 và xây dựng kế hoạch năm 2021.

Các nghị quyết của Hội đồng quản trị ban hành trong năm 2020 bao gồm:

- + Nghị quyết số 04/NQ-HĐQT ký ngày 31/01/2020 về việc Thông qua Hợp đồng góp vốn và Phụ lục hợp đồng điều chỉnh gia hạn hợp đồng gói thầu XL-02 dự án Trụ sở làm việc số 10 Hoa Lư.
- + Nghị quyết số 09/NQ-HĐQT ký ngày 13/3/2020 về việc Tổ chức ĐHĐCĐ thường niên năm 2020.
- + Nghị quyết số 12/NQ-HĐQT ký ngày 9/4/2020 về việc Thông qua các tài liệu ĐHĐCĐ thường niên năm 2020.
- + Nghị quyết số 19/NQ-HĐQT ngày 17/4/2020 về việc Lùi thời hạn tổ chức ĐHĐCĐ thường niên năm 2020.
- + Nghị quyết số 24/NQ-HĐQT ngày 01/6/2020 về việc Chi Quỹ thưởng Ban điều hành năm 2019.

Ngoài ra Hội đồng quản trị còn ban hành nhiều công văn chỉ đạo một số hoạt động của Ban điều hành và phòng chống dịch Covid trong thời gian dịch bệnh bùng phát và lan rộng nguy hiểm trong cộng đồng.

2.2. Tổng kết các cuộc họp của HĐQT và các quyết định của HĐQT

Năm 2020 Chủ tịch Hội đồng quản trị đã triệu tập nhiều lần các cuộc họp Hội đồng quản trị, tuy nhiên do nhiều lý do khác nhau số lượng cuộc họp có đủ thành viên HĐQT là rất ít.

2.3. Kết quả giám sát đối với Tổng giám đốc và người điều hành khác

Thực hiện quyền hạn và nhiệm vụ của Hội đồng quản trị được quy định tại Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Công ty, năm 2020 Hội đồng quản trị đã chỉ đạo và giám sát hoạt động kinh doanh và các công việc của Công ty, cũng như giám sát Tổng giám đốc và các cán bộ quản lý khác.

Việc chỉ đạo, giám sát của Hội đồng quản trị đối với Ban điều hành góp phần giúp cho hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty đã đạt các chỉ tiêu do Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2020 đề ra.

Trong quá trình giám sát còn có một số vướng mắc và không thống nhất giữa thành viên Hội đồng quản trị và bộ phận quản lý điều hành.

III. Kết quả sản xuất kinh doanh của Công ty năm 2020

Với vai trò chỉ đạo, giám sát của HĐQT, trong năm 2020 Hội đồng quản trị đã có nhiều chỉ đạo quan trọng đối với Ban Tổng giám đốc. Kết quả sản xuất kinh doanh của Công ty năm 2020 đã hoàn thành tất cả các chỉ tiêu do Đại hội đồng cổ đông năm 2020 đề ra. Các chỉ tiêu về thu nhập bình quân của người lao động, lợi nhuận trước thuế, tỷ lệ cổ tức, nộp ngân sách nhà nước tiếp tục đạt mức cao trong nhiều năm qua (Xin xem Phụ lục 1 kèm theo Báo cáo này).

3.1. Về các chỉ tiêu sản xuất kinh doanh

Một số chỉ tiêu sản xuất kinh doanh chính năm 2020 thể hiện trong bảng dưới đây:

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Năm 2020	NQ ĐHCĐ	Tỷ lệ đạt
1	Tổng doanh thu	Tỷ đồng	153,356	140	109,5%
2	Lợi nhuận trước thuế	Tỷ đồng	13,936	8,2	169,95%
3	Tỷ lệ cổ tức	%	29,84		
4	Nộp ngân sách nhà nước	Tỷ đồng	14,283		
5	Thu nhập bình quân của người lao động	Triệu đồng	15,4		

3.2. Về thù lao, lương, chi phí khác của HĐQT

Mức thù lao của và một số chi phí khác của các thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Thư ký HĐQT theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2020 và được quyết toán theo thực tế.

3.3. Công tác khác

Chỉ đạo thực hiện các chế độ chính sách đối với người lao động đúng theo quy định của Nhà nước.

Chỉ đạo công tác phòng chống dịch Covid trong toàn công ty.

15
40

Công tác đầu tư vào các lĩnh vực và đơn vị khác: Năm 2020 Công ty không có hoạt động đầu tư mới vào lĩnh vực hoặc doanh nghiệp khác.

Hoạt động đầu tư vào các công ty con và liên kết đạt kết quả như sau:

1. Cty VCCO:

- Tổng doanh thu	:	2.460.002.045	đồng
- Lợi nhuận trước thuế	:	79.899.393	đồng
- Cổ tức trả VCC năm 2020	:	2.881.704	đồng

2. Cty VCCHN:

- Tổng doanh thu	:	5.887.334.881	đồng
- Lợi nhuận trước thuế	:	168.981.702	đồng
- Cổ tức trả VCC năm 2020	:	23.330.486	đồng

3. Đầu tư góp vốn PCIC (nay là PVE-PMC):

- Cổ tức trả về VCC năm 2020	:	0	đồng
------------------------------	---	---	------

IV. Một số tồn tại trong hoạt động của HĐQT năm 2020

1. Chưa hoàn thành được việc sửa đổi Điều lệ công ty theo Luật Doanh nghiệp mới số 59/2020/QH14 do Luật mới ra chưa kịp có cơ sở để sửa đổi ngay được.
2. Chưa thống nhất được một số vấn đề liên quan đến điều hành doanh nghiệp theo đúng quy định của luật pháp, Điều lệ Công ty. Thời gian qua vẫn còn có một số đơn thư kiến nghị gửi tới HĐQT, Tổng Công ty VNCC, Bộ Xây dựng và Tổng công ty Đầu tư và kinh doanh vốn nhà nước (SCIC).
3. Nhiều cuộc họp Hội đồng quản trị đã không tổ chức được đúng thời gian do không có đủ số lượng thành viên HĐQT dự họp. Một số vấn đề trong phạm vi nhiệm vụ của HĐQT không được bàn bạc thông qua do không tổ chức được cuộc họp HĐQT.
4. Khu đất Vĩnh Tuy đến nay vẫn chưa có phương án khai thác đạt hiệu quả.

Phần II

KẾ HOẠCH HOẠT ĐỘNG CỦA HĐQT NĂM 2021

Năm 2021 có nhiều công tác quan trọng liên quan đến hoạt động của Hội đồng quản trị Công ty, đây cũng chính là cơ hội để Công ty tái cơ cấu một cách toàn diện nâng cao năng lực cạnh tranh, tăng trưởng mạnh mẽ và bền vững. Bên cạnh đó tình hình Dịch COVID - 19 đang diễn biến phức tạp trên toàn cầu sẽ có ảnh hưởng không nhỏ tới tình hình kinh tế của đất nước.

Với mục tiêu ổn định sản xuất, phát triển tiềm năng của Công ty, đảm bảo lợi ích của các Cổ đông cá nhân, Người lao động và Nhà nước, năm 2021 Hội đồng quản trị Công ty có các nhiệm vụ trọng tâm như sau:

1. Trình ĐHCĐ Điều lệ công ty sửa đổi, Quy chế nội bộ về quản trị Công ty, Quy chế hoạt động của HĐQT, Quy chế hoạt động của BKS cập nhật theo các quy định của Luật doanh nghiệp mới năm 2020 và các quy định pháp luật hiện hành liên quan.
2. Chỉ đạo Ban Tổng giám đốc thực hiện nghiêm chủ trương phòng chống dịch COVID - 19 của Đảng, Chính phủ, bảo vệ sức khỏe cho cán bộ nhân viên toàn Công ty.
3. Chỉ đạo hoàn thiện bộ máy quản lý điều hành Công ty theo hướng quản trị chuyên nghiệp, điều hành quản lý theo các quy định của pháp luật.
4. Tập trung chỉ đạo các giải pháp để tăng năng suất lao động, tăng thu nhập cho người lao động, tạo ra các sản phẩm vượt trội, tăng khả năng cạnh tranh với các doanh nghiệp có cùng ngành nghề.
5. Chỉ đạo xây dựng chiến lược phát triển thị trường trên cơ sở bám sát định hướng phát triển kinh tế xã hội của Nhà nước, các bộ, ngành, địa phương... phát huy lợi thế hoạt động trong lĩnh vực truyền thống của công ty như Tư vấn các công trình Công nghiệp, Quy hoạch các KCN và KĐT, hạ tầng kỹ thuật, bệnh viện, nhà cao tầng...
6. Phối hợp với Ban Tổng giám đốc xây dựng các mục tiêu, nhiệm vụ trọng tâm cho kế hoạch năm 2021 với các chỉ tiêu cụ thể như sau:
 - a. Giá trị sản xuất kinh doanh: 170 tỷ đồng
 - b. Doanh thu: 140 tỷ đồng
 - c. Lợi nhuận trước thuế: 8,4 tỷ đồng
 - d. Lợi nhuận sau thuế: 6,72 tỷ đồng
7. Tăng cường các công tác giám sát của Hội đồng quản trị, đặc biệt là giám sát tài chính, giám sát tình hình thực hiện đúng các quy định của Điều lệ công ty, các quy chế nội bộ, các Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị và các quy định của pháp luật.
8. Chỉ đạo Ban điều hành xây dựng phương án khai thác, đầu tư khu đất Vĩnh Tuy có hiệu quả.

Trên đây là Báo cáo của Hội đồng quản trị về quản trị và kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị năm 2020 và kế hoạch hoạt động năm 2021.

Thay mặt Hội đồng quản trị công ty VCC, tôi xin bày tỏ lòng biết ơn và sự tin cậy ủng hộ của các đối tác, đặc biệt xin trân trọng cảm ơn những nỗ lực lớn lao của tập thể CBNV Công ty và sự góp sức của quý vị Cổ đông đã góp phần quan trọng vào sự ổn định và phát triển thịnh vượng của Công ty trong những năm qua.

Xin trân trọng cảm ơn. Chúc Đại hội thành công tốt đẹp!

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH



Trần Nhật Minh

Phụ lục 1. Tổng hợp một số chỉ tiêu tài chính giai đoạn cổ phần hóa 2007-2020

STT	Chỉ tiêu	2007	2008	2009	2010	2011	2012	2013	2014	2015	2016	2017	2018	2019	2020
1	Tiền về	43.00	80.10	81.30	108.40	123.50	87.30	83.20	78.60	121.00	171.80	199.50	211.50	164.70	
2	Doanh thu	41.40	75.00	82.70	102.40	117.20	84.50	87.50	80.00	98.90	160.20	185.60	200.60	167.95	153.35
3	Giá trị hợp đồng	113.10	161.40	122.60	142.70	234.90	107.70	78.40	107.10	211.80	297.20	285.00	283.70	244.55	257.61
4	LN trước thuế	2.80	5.10	5.90	7.70	8.80	6.40	6.70	5.30	5.30	6.60	9.80	15.39	16.46	13.93
5	Lương bình quân	4.30	5.00	5.20	7.10	8.00	7.50	7.00	7.00	9.10	11.90	13.50	16.98	16.40	15.4
6	Cổ tức	8.40%	15.40%	13.00%	14.50%	16.70%	12.00%	12.30%	9.30%	10.40%	13.80%	19.76%	26.18%	32.68%	29.84%
7	Lãi NH bình quân (NHCT)	7.80%	17.00%	8.00%	9.00%	12.00%	12.00%	8.00%	7.50%	6.00%	6.50%	6.50%	6.45%	6.40%	
8	Tỷ suất LNTT/Vốn chủ sở hữu	13.4%	16.5%	18.1%	24.1%	27.3%	19.9%	21.3%	15.4%	15.3%	19.3%	30.0%	38.3%	38.6%	
9	Tỷ suất LNTT/Doanh thu	6.8%	6.8%	7.1%	7.5%	7.5%	7.6%	7.7%	6.6%	5.4%	4.1%	5.3%	7.7%	9.8%	

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN XÂY DỰNG CÔNG NGHIỆP VÀ ĐÔ THỊ VIỆT NAM



**BÁO CÁO CỦA TỔNG GIÁM ĐỐC
VỀ KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG SXKD NĂM 2020
VÀ PHƯƠNG HƯỚNG HOẠT ĐỘNG SXKD NĂM 2021**

Hà Nội – 06/2021



Hà Nội, ngày tháng 06 năm 2021

**BÁO CÁO CỦA TỔNG GIÁM ĐỐC
VỀ KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH NĂM 2020 VÀ
PHƯƠNG HƯỚNG HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH NĂM 2021**

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông Công ty VCC năm 2021

PHẦN I. TÓM TẮT HOẠT ĐỘNG NĂM 2020

1.1 Đánh giá về hoạt động năm 2020

1. Thuận lợi:

Năm 2020, Công ty có một số thuận lợi:

- Nổi tiếp thị trường và các nguồn công việc khai thác năm 2019, đồng thời tích cực trong tìm kiếm công việc, lượng hợp đồng khai thác và ký mới trong năm 2020 đáp ứng đủ công việc cho các đơn vị. Công ty luôn giữ ổn định được việc làm tại các đơn vị.
- Mặt bằng tài chính của Công ty lành mạnh, đủ vốn ứng cho thực hiện các hợp đồng đã ký cũng như triển khai tìm kiếm công việc, dự đấu thầu tư vấn và đầu tư chiều sâu...

2. Khó khăn:

- Năm 2020, do bối cảnh nền kinh tế trong nước chịu ảnh hưởng nặng nề bởi dịch bệnh và thiên tai kéo dài, lĩnh vực xây dựng nói chung và lĩnh vực tư vấn xây dựng thực sự gặp khó khăn. Các mặt điều hành, sản xuất kinh doanh của Công ty cũng chịu tác động, ảnh hưởng nhiều. Tuy nhiên, Công ty đã kịp thời có giải pháp ứng phó trong công tác phòng dịch an toàn và khắc phục các khó khăn, duy trì hoạt động sản xuất của công ty.
- Một số hợp đồng ký mới và các hợp đồng chuyển tiếp, quá trình triển khai nhiều hợp đồng bị dừng, không thực hiện và nhiều hợp đồng thực hiện chậm, công tác nghiệm thu thanh quyết toán cũng gặp nhiều khó khăn.
- Trong năm, lượng hợp đồng phân bổ giữa các đơn vị chưa được đều, nhân sự tại các đơn vị trong Công ty thay đổi, chuyển dịch giữa các đơn vị, một số cán bộ chuyên công tác, nghỉ hưu và tuyển dụng mới.
- Cho đến hết tháng 6/2021 là thời điểm cuối cùng để tiến hành Đại hội cổ đông thường niên theo qui định của Luật doanh nghiệp, vẫn tồn tại các



vướng mắc của năm 2020 trong xử lý công việc của HĐQT bao gồm không giải quyết dứt điểm các thủ tục liên quan đến mở bảo lãnh tại ngân hàng, phục vụ các hợp đồng tư vấn, thành viên HĐQT không nhận thù lao theo Nghị quyết của ĐHCĐ, ảnh hưởng đến sản xuất của công ty. Một số khoản chi phí chung như đi tham quan học hỏi nước ngoài đã thực hiện trong nhiều năm nhưng bị treo, dẫn đến phản ánh hạch toán lợi nhuận tăng không chính xác.

1.2 Kết quả sản xuất kinh doanh năm 2020

Với sự quyết tâm cao độ, toàn thể Công ty đã cố gắng phấn đấu sản xuất kinh doanh, kết quả SXKD đạt được vượt các chỉ tiêu kế hoạch năm 2020 và Nghị quyết do đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2020 đã thông qua:

TT	Chỉ tiêu	Nghị quyết ĐHCĐ 2020 thông qua	Giá trị thực hiện đến 31/12/2020	Tỷ lệ hoàn thành
1	Doanh thu công ty mẹ VCC, bao gồm cả 2 chi nhánh	140,0 tỷ đồng	153,356 tỷ đồng	109,5%
	Trong đó phần doanh thu riêng công ty mẹ VCC không bao gồm cả 2 chi nhánh (chi nhánh chỉ nộp lợi nhuận về Công ty, hạch toán riêng)		146.318 tỷ đồng	
2	Lợi nhuận trước thuế	8,2 tỷ đồng	13,936 tỷ đồng	169,95%

- Thu nhập bình quân đầu người toàn công ty: 15,4 triệu đồng/người/tháng.

Trong đó:

+ Người có thu nhập cao nhất là 91,07 triệu/người/tháng (thuộc cán bộ tại đơn vị sản xuất)

+ Người có thu nhập thấp nhất là 4,07 triệu/người/tháng (thuộc cán bộ tại đơn vị sản xuất)

- Các đơn vị trong Công ty đã hoàn thành vượt mức kế hoạch năm là Trung tâm TTKC1, TTKC2, TTGS-QLDA, TT Môi Trường, TT Đô Thị, TT Hạ Tầng 1.

- Tổng số hợp đồng ký năm 2020 là 207 hợp đồng trị giá: 257,619 tỷ đạt 104% kế hoạch năm 2020 (247,5 tỷ) và đạt 105% so với cùng kỳ năm 2019 (243,94 tỷ).

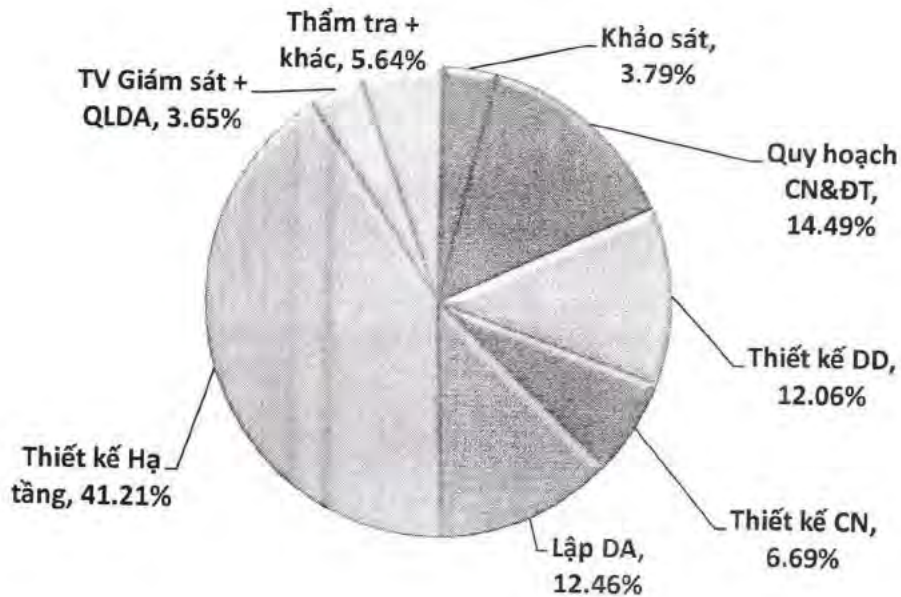
- Về lợi nhuận giá trị thực hiện cao vượt kế hoạch tuy nhiên có một số khoản chi phí chung đã thực hiện nhiều năm, đặc biệt là chi phí đi tham quan học hỏi nước ngoài chi từ năm 2018, nhưng hiện vẫn đang treo, chưa được hạch toán dẫn đến phản ánh vào lợi nhuận chưa chính xác, khi hạch toán chi phí sẽ làm giảm lợi nhuận năm sau.

- Các nghĩa vụ tài chính đối với nhà nước, các chế độ bảo hiểm đối với người lao

động luôn được công ty thực hiện đầy đủ.

- Ban điều hành thường xuyên đôn đốc làm việc với các đơn vị trong Công ty thu hồi công nợ từ chủ đầu tư và ghi nhận doanh thu, cùng đơn vị đã cố gắng nỗ lực trong năm dịch bệnh Covid rất khó khăn để hoàn thành và hoàn thành vượt mức các chỉ tiêu tài chính Đại hội đồng cổ đông đề ra.

- Phân loại ký hợp đồng trong năm theo loại hình công việc:



1.3 Các hoạt động liên quan khác

- Về tổ chức: Trong năm công ty nhân sự công ty có một số biến động nhỏ do có một số cán bộ nghỉ hưu, chuyển công tác và tuyển dụng mới. Tổng số cán bộ nhân viên của công ty vào thời điểm này là khoảng 282 người.

Trong năm 2020, Tổng công ty VNCC (cổ đông lớn 51% tại VCC) có sự thay đổi quyền chủ sở hữu vốn nhà nước từ Bộ Xây dựng về Tổng công ty đầu tư và kinh doanh vốn nhà nước SCIC.

- Về đào tạo: Năm qua, Công ty đã cử nhiều lượt cán bộ tham gia các chương trình hội thảo, đào tạo chuyên ngành, thi nâng ngạch, học tập về các chế độ chính sách, pháp luật áp dụng cho doanh nghiệp, pháp luật trong hoạt động xây dựng... Công ty chủ động mời chuyên gia tổ chức các chương trình đào tạo phổ biến kiến thức về công nghệ mới, vật liệu mới.

- Về đầu tư: Công ty đã kết hợp với viện quy hoạch đầu tư cải tạo hệ thống PCCC và đã tổ chức nghiệm thu PCCC trụ sở số 10 Hoa Lư. Đầu năm 2021 đã tiến hành đầu tư hệ thống hợp trực tuyến hiện đại phục vụ Công ty và các đơn vị làm việc với các đối tác trong và ngoài nước trong bối cảnh dịch bệnh

toàn cầu.

- Về hoạt động, phong trào: Tập thể cán bộ nhân viên Công ty đã tích cực tham gia các phong trào thi đua, phong trào văn thể. Công đoàn Công ty đã tổ chức đợt quyên góp tình nguyện và thực hiện thành công chương trình từ thiện “Trái tim yêu thương” của Công ty tới Trường mầm non Thanh Thủy, đây là việc làm rất có ý nghĩa, mang tính chất truyền thống của Công ty.
- Trong năm Công ty đã tổ chức Đại hội cổ đông thường niên năm 2020 thành công, Đại hội đã thông qua kế hoạch SXKD năm 2020.
- Công ty đã tổ chức thành công Đại hội Đảng bộ của công ty và bầu ra ban chấp hành Đảng bộ nhiệm kỳ mới 2020-2025 và kiện toàn các chi bộ trong Đảng bộ.
- Do dịch bệnh Covid và thực hiện các giải pháp ngăn ngừa như mua sắm dung dịch rửa tay sát khuẩn, nhiệt kế điện tử, phun thuốc khử khuẩn Covid, đề phòng lây lan bệnh tật. Tuy nhiên cũng do điều kiện dịch bệnh nên trong năm Công ty đã không tổ chức được các chương trình nghỉ lễ, nghỉ hè tập trung cho cán bộ mà thực hiện chi tiền từ Quỹ phúc lợi để các cán bộ tự tổ chức riêng theo điều kiện cá nhân, gia đình. Công ty đã kịp thời khen thưởng động viên các cháu học sinh giỏi và các bà mẹ có con ngoan học giỏi sau các kỳ thi, tổ chức khám sức khỏe định kỳ hàng năm cho toàn công ty.
- Công ty đã tổ chức thường xuyên tự kiểm tra trong toàn Công ty việc thực hiện quản lý chất lượng theo hệ thống ISO 9001-2015.
- Công ty đã xin cấp lại giấy phép hoạt động đo đạc



PHẦN II. PHƯƠNG HƯỚNG HOẠT ĐỘNG NĂM 2021

2.1 Mục tiêu hoạt động của Công ty năm 2021

- Xây dựng kế hoạch năm 2021 sát với tình hình thực tiễn, trong bối cảnh tình hình nền kinh tế luôn luôn biến động, dựa trên số liệu thống kê hoạt động SXKD và kế hoạch của các đơn vị.
- Cụ thể:
 - + Giá trị hợp đồng ký mới: 220 tỷ đồng
 - + Tổng giá trị sản xuất kinh doanh: 170 tỷ đồng
 - + Tổng doanh thu: 140 tỷ đồng
 - + Lợi nhuận: 8,4 tỷ đồng
 - + Thu nhập bình quân người lao động: 15 triệu/người /tháng

Tuy nhiên trong bối cảnh khó khăn chung về dịch bệnh, cũng như một số khó khăn riêng của Công ty, để hoàn thành chỉ tiêu doanh thu nêu trên sẽ rất cần có sự nỗ lực của toàn bộ tập thể cán bộ cũng như có những chuyển biến tốt của thị trường cuối năm 2021.

2.2 Các biện pháp tổ chức, kiến nghị để thực hiện

- Công tác tổ chức, quản trị: chỉnh sửa điều lệ, qui chế doanh nghiệp phù hợp với Luật doanh nghiệp mới và thực tế mô hình hoạt động của doanh nghiệp; Đổi mới, tăng cường năng lực bộ máy lãnh đạo doanh nghiệp từ HĐQT, BKS, Ban TGD, đến cùng cố các đơn vị trong Công ty, từng bước bổ sung cán bộ chuyên môn cho các đơn vị còn thiếu, bổ sung thêm các lãnh đạo công ty. Thiết lập, bố trí nhân sự quản lý sản phẩm trên cơ sở quy trình ISO đối với từng sản phẩm trước khi phát hành. Xây dựng chương trình hành động năm của Công ty, phân công cụ thể công tác chuẩn bị và triển khai thực hiện cho từng việc, tới từng bộ phận.
- Công tác kế hoạch: Dựa trên tổng hợp số liệu SXKD của công ty, kế hoạch các công việc đang khai thác, kết hợp xây dựng cơ sở dữ liệu thị trường 2021, trên năng lực thực tế của từng đơn vị và định hướng phát triển của Công ty, Công ty sẽ xây dựng kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2021.
- Công tác tài chính kế toán: thực hiện hạch toán các chi phí chung của Công ty đã thực hiện nhiều năm, đặc biệt là khoản chi đi tham quan học tập nước ngoài vào nguồn chi phí sản xuất kinh doanh hợp lệ của doanh nghiệp, không để treo chi phí không hạch toán trên Báo cáo tài chính doanh nghiệp;

Đề nghị HĐQT giải quyết dứt điểm các thủ tục liên quan đến bảo lãnh ngân hàng, tránh ảnh hưởng đến việc thực hiện các hợp đồng kinh tế, cũng như việc nhận thù lao HĐQT theo nghị quyết ĐHCĐ thường niên.



- Công tác Thị trường - khai thác công việc:
 - + Bám sát các định hướng phát triển kinh tế xã hội của đất nước, các biến động của thị trường trong nước của các ngành kinh tế và các địa phương và đầu tư của nước ngoài, đầu tư tư nhân. Bắt nhịp kịp thời với sự thay đổi của hệ thống pháp luật, để xây dựng chiến lược phát triển thị trường phù hợp, thực hiện mở rộng thị trường trên mọi mặt.
 - + Liên danh, liên kết với các đối tác trong và ngoài nước trong hợp tác chiến lược, cung cấp dịch vụ tư vấn, phát huy thế mạnh của các bên. Đẩy mạnh kiểm soát chất lượng tư vấn, lấy chất lượng làm thế mạnh trong giữ thị trường, khai thác các thị trường truyền thống, tiềm năng và quảng bá tiếp cận thị trường mới.
- Công tác đào tạo, đầu tư:
 - + Tập trung củng cố đội ngũ, cán bộ chủ nhiệm, chủ trì và các kiến trúc sư, kỹ sư chuyên ngành để đảm bảo có đủ trình độ và năng lực hoạt động trên các thị trường trong nước và khu vực.
 - + Thực hiện đầu tư, đổi mới mạnh mẽ công cụ lao động và quản lý, đặc biệt là việc ứng dụng các công cụ phần mềm hiện đại từ tính toán, thiết kế đến quản trị doanh nghiệp.
 - + Tổ chức các khóa đào tạo chuyên môn nghiệp vụ, các hoạt động khoa học, và tổ chức các khóa đào tạo về an toàn vệ sinh lao động theo quy định.
 - + Nghiên cứu xin cấp bổ sung chứng nhận năng lực hoạt động xây dựng cho một số lĩnh vực mà Công ty có thị trường, đồng thời có năng lực, nhân sự thực hiện. Việc đầu tư cơ sở vật chất phòng thí nghiệm, thiết bị thí nghiệm cũng như nhân sự thực hiện và xin cấp chứng nhận LAS-XD cần được nghiên cứu và phân tích sự cần thiết đầu tư để có phương án quyết định.
- Chú trọng xây dựng văn hóa doanh nghiệp, phát động phong trào thi đua trong hoạt động sản xuất. Tạo dựng sự đoàn kết, nhất trí, phát huy tính sáng tạo trong tập thể lãnh đạo và toàn thể cán bộ trong Công ty, để cùng hướng tới mục đích chung là đưa Công ty phát triển.

TỔNG GIÁM ĐỐC



TRẦN HUY ÁNH

BÁO CÁO VỀ KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG CỦA BAN KIỂM SOÁT NĂM 2020 VÀ KẾ HOẠCH HOẠT ĐỘNG NĂM 2021

Kính trình: Đại hội đồng cổ đông

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 ngày 26/11/2014;
- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/6/2020;
- Căn cứ Điều lệ của Công ty CP Tư vấn Xây dựng Công nghiệp và Đô thị Việt nam (VCC) (Điều lệ sửa đổi năm 2017);
- Căn cứ chức năng và nhiệm vụ của Ban kiểm soát quy định tại Luật Doanh nghiệp và Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát;
- Căn cứ Báo cáo tài chính năm 2020 của Công ty được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán CPA Việt nam.

Ban Kiểm soát Công ty cổ phần Tư vấn Xây dựng Công nghiệp và Đô thị Việt Nam (VCC) xin báo cáo cổ đông tình hình thực hiện công tác hoạt động của Ban kiểm soát Công ty VCC trong năm 2020 như sau:

I/. TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG CỦA BAN KIỂM SOÁT NĂM 2020

Trong năm 2020 Ban kiểm soát thực hiện công tác giám sát hoạt động Hội đồng quản trị (HĐQT), Tổng Giám đốc (TGD) trong việc quản lý và điều hành Công ty theo chức năng, nhiệm vụ được quy định tại Luật doanh nghiệp, Điều lệ Công ty và quy chế hoạt động của Ban kiểm soát cụ thể là:

- Ban Kiểm soát tham dự các cuộc họp HĐQT của Công ty theo đúng quy định.
- Ban Kiểm soát kiểm tra, giám sát việc thực hiện các Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông (ĐHĐCĐ) năm 2020.
- Xem xét tính pháp lý, trình tự, thủ tục ban hành các Nghị quyết, Quyết định của Hội đồng quản trị, Ban Tổng giám đốc trong năm 2020 theo các quy định của pháp luật và Điều lệ của Công ty.
- Thẩm định Báo cáo tài chính (BCTC) riêng và hợp nhất năm 2020 và Báo cáo tài chính bán niên của Công ty đã được kiểm toán nhằm đánh giá tính trung thực và hợp lý của các số liệu tài chính, phù hợp với các chuẩn mực, chế độ kế toán và chính sách tài chính hiện hành của Việt Nam quy định.



Handwritten signature

- Ban Kiểm soát cũng đã thực hiện xem xét việc lựa chọn Công ty kiểm toán thực hiện soát xét BCTC bán niên và kiểm toán BCTC năm 2020. Xem xét, giám sát việc thực hiện các chỉ tiêu tài chính theo nghị quyết của ĐHĐCĐ năm 2020 đã đề ra.
- Giám sát các công bố thông tin theo quy định đối với Công ty đại chúng.

II. KẾT QUẢ GIÁM SÁT HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

1. Giám sát đối với Hội đồng quản trị:

1.1. Đối với Hội đồng quản trị:

Hội đồng quản trị tổ chức các cuộc họp và thông qua các cuộc họp cũng đã ban hành các Nghị quyết, Quyết định để thực thi nhiệm vụ quản lý điều hành các hoạt động của Công ty.

Hội đồng quản trị hoạt động độc lập thực hiện chức năng giám sát và chỉ đạo Ban Tổng Giám đốc trong điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh.

Những việc đã thực hiện:

Trong năm 2020, HĐQT đã chỉ đạo, tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết của ĐHĐCĐ năm 2020 tuân thủ đúng Luật doanh nghiệp, Luật chứng khoán, Điều lệ của Công ty và các quy định khác của Pháp luật.

- HĐQT đã ban hành Nghị quyết của ĐHĐCĐ năm 2020 và thực hiện đúng theo Nghị quyết về việc chi trả thù lao cho HĐQT và BKS. Nội dung này thể hiện trong BCTC Công ty năm 2020 tại phần thuyết minh báo cáo tài chính được thực hiện kiểm toán bởi Công ty kiểm toán do ĐHĐCĐ 2020 lựa chọn và thông qua.

- Năm 2020, HĐQT đã ban hành các Nghị quyết thông qua hợp đồng góp vốn và phụ lục hợp đồng điều chỉnh gia hạn hợp đồng gói thầu XL-02 dự án Trụ sở làm việc sửa chữa cải tạo, chống xuống cấp Trụ sở làm việc số 10 Hoa Lư, Phường Lê Đại Hành, Quận Hai Bà Trưng, Hà Nội.

Những tồn tại :

- Trong năm 2020, HĐQT tổ chức được 05 cuộc họp và không có cuộc họp nào ban hành được Nghị Quyết, hầu hết các cuộc họp HĐQT được triệu tập nhưng nhiều thành viên HĐQT không tham dự đủ nên không đủ điều kiện tiến hành theo quy định của Điều lệ Công ty và Luật DN.

- Nội dung chi phí đi tham quan học tập nước ngoài phát sinh từ năm 2018 đến thời điểm 31/12/2020 khoản chi phí này vẫn chưa được xử lý, số dư tài khoản chi phí này có trong Báo cáo tài chính từ năm 2018 đến năm 2020, do vậy yêu cầu có biện pháp xử lý dứt điểm tồn tại khoản chi phí này, đảm bảo an toàn về tài chính, tuân thủ đúng chế độ hạch toán kế toán và các quy định của Nhà nước; Quy chế, Điều lệ của Công ty.

- Bản Dự toán kinh phí năm 2020 của Công ty đã được trình HĐQT nhưng trong năm cũng chưa được thống nhất thông qua và ban hành Nghị quyết.

- Thù lao của HĐQT, BKS, Thư ký HĐQT đã thực hiện chi trả theo Nghị quyết của ĐHĐCĐ thường niên năm 2020; Riêng thù lao của ông Nguyễn Văn Bằng - thành viên HĐQT, Phòng Kế toán tài chính đã thực hiện chi thù lao theo Nghị quyết nhưng ông Bằng đã bảo lưu ý kiến đối với việc này và ghi trên bảng thù lao là không lĩnh. Do vậy thù lao của ông Bằng năm 2020 vẫn đang hạch toán treo trên sổ kế toán.

- Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Hai Bà Trưng đã có văn bản gửi đến Công ty yêu cầu hoàn thiện hồ sơ phục vụ bảo lãnh các hợp đồng kinh tế tại Ngân hàng nơi mà Công ty mở tài khoản giao dịch để phát hành bảo lãnh theo quy định, về việc này Tổng Giám đốc đã có tờ trình gửi HĐQT xem xét để thông qua. Ngân hàng cũng đã gửi lại Công ty văn bản theo yêu cầu là đề nghị trả lời làm rõ một số nội dung trong văn bản của Ngân hàng, văn bản này đã chuyển tiếp đến HĐQT nhưng đến nay vẫn chưa xử lý được dứt điểm còn nhiều ý kiến chưa được làm rõ.

- Khu đất Vĩnh Tuy đến nay vẫn chưa có phương án khai thác để đạt hiệu quả hơn.

- Khoản đầu tư tài chính dài hạn đầu tư vào Công ty cổ phần Tư vấn Quản lý Dự án Dầu khí PVE giá trị 3 tỷ đồng, trong Báo cáo tài chính ba năm gần đây không thể hiện số lãi cổ tức và cũng chưa có hướng giải quyết khoản đầu tư này.

1.2. Đối với Ban Tổng Giám đốc:

* Thực hiện các Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2020 và Nghị quyết của HĐQT:

- Công ty đã thực hiện lựa chọn và ký hợp đồng với Công ty TNHH Kiểm toán CPA Việt Nam thực hiện kiểm toán năm 2020 đối với Báo cáo tài chính riêng và Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty.

- Thực hiện việc chi trả cổ tức theo nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên năm 2020.

- Thực hiện chi trả thù lao HĐQT; Ban kiểm soát và Thư ký HĐQT.

- Thực hiện việc góp vốn với Viện Quy hoạch Đô thị và Nông thôn Quốc gia sửa chữa cải tạo, chống xuống cấp Trụ sở làm việc số 10 Hoa Lư, Hà Nội.

* Điều hành sản xuất kinh doanh:

- Theo báo cáo tài chính năm 2020 đã được kiểm toán, các chỉ tiêu sản xuất kinh doanh của Công ty đều đạt và hoàn thành vượt mức các chỉ tiêu kế hoạch theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông năm 2020 đề ra.

- Phối hợp Viện Quy hoạch Đô thị và Nông thôn Quốc gia hoàn tất thủ tục và đã được chứng nhận PCCC của Phòng cảnh sát PCCC và cứu nạn cứu hộ được Công an TP Hà Nội cấp cho tòa nhà số 10 Hoa Lư, Hà Nội.

- Tổng Giám đốc trình Hội đồng quản trị: Tờ trình số 01/Tr-KTTC ngày 21/09/2020 hoàn thiện hồ sơ phục vụ bảo lãnh các hợp đồng kinh tế tại NHTMCP Công thương Việt Nam và Trình Bản dự toán kinh phí năm 2020 của Công ty.

* Các công việc khác: Phối hợp với Công đoàn, Đoàn TN Công ty thực hiện các

nội dung theo thoả ước lao động tập thể: Khám bệnh định kỳ cho CBNV; Tổ chức chuyển từ thiện do bão lụt tại trường Mẫu giáo mầm non Thanh Thủy, Huyện Lệ Thủy Tỉnh Quảng Bình; Tuyên truyền và kiểm soát dịch bệnh Covid-19; Tổ chức, kỷ niệm các ngày lễ tết theo quy định; Chi quỹ phúc lợi cho cán bộ Công ty trong dịp tết dương lịch, tết nguyên đán và các ngày lễ trong năm.

2. Kết quả giám sát hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty năm 2020:

Báo cáo tài chính riêng và hợp nhất năm 2020 của Công ty được lập theo các Chuẩn mực và chế độ kế toán Việt Nam hiện hành, được soát xét và kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán CPA Việt Nam là đơn vị đã được ĐHCĐ lựa chọn.

Ý kiến của kiểm toán viên về Báo cáo tài chính năm 2020 của Công ty đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ trong năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các chuẩn mực chế độ kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

MỘT SỐ CHỈ TIÊU CHÍNH CỦA CÔNG TY NĂM 2020

Đơn vị tính: tỷ đồng

TT	Tiêu chí	Kế hoạch theo NQ ĐHCĐ 2020	Thực hiện năm 2020
1	Doanh thu (SX, tài chính và thu nhập khác)	140	153,356
2	Lợi nhuận kế toán trước thuế	8,2	13,936
3	Lợi nhuận kế toán sau thuế		11,935
4	Nộp ngân sách		14,283
5	Dự kiến phân phối cổ tức		5,371

Tính đến thời điểm 31/12/2020, Công ty đã hoàn thành vượt mức các chỉ tiêu kế hoạch được giao, cụ thể: Doanh thu tỷ lệ hoàn thành $\approx 110\%$; Lợi nhuận kế toán trước thuế tỷ lệ hoàn thành $\approx 170\%$. Trong đó phần doanh thu Công ty mẹ VCC không bao gồm Chi nhánh Miền Nam và Chi nhánh Đà Nẵng. Cả hai chi nhánh chỉ nộp lợi nhuận về Công ty và hoạt động hoàn toàn độc lập theo con dấu và tài khoản riêng. Tình hình tài chính Công ty ổn định, vốn chủ sở hữu được bảo toàn và phát triển.

3. Sự phối hợp của Ban Kiểm soát:

Ban Kiểm soát đã phối hợp với HĐQT, Ban TGD và các bộ phận phòng ban quản lý khác trong Công ty để thực hiện chức năng, nhiệm vụ của Ban theo quy định.

Ban Kiểm soát được mời tham dự tất cả các cuộc họp của HĐQT, được cung cấp thông tin và nhận đầy đủ các Nghị quyết, Quyết định của Hội đồng quản trị.

Trong năm, Ban Kiểm soát đã ban hành các văn bản phản hồi và nêu rõ ý kiến đối với một số văn bản liên quan đến hoạt động của HĐQT.

Ban Kiểm soát phối hợp chặt chẽ với HĐQT và Ban TGD song vẫn duy trì

được tính độc lập trong thực hiện nhiệm vụ theo đúng vai trò, chức năng của Ban.

4. Đề xuất, kiến nghị:

Để hoàn thành tốt các nhiệm vụ kế hoạch năm 2021, Ban kiểm soát kính đề nghị:

- Hội đồng quản trị, Ban Tổng giám đốc Công ty phối hợp với Viện Quy hoạch Đô thị và Nông thôn Quốc gia để thực hiện tốt các công việc liên quan đến quyết toán hợp đồng góp vốn thuộc dự án sửa chữa, cải tạo, chống xuống cấp Trụ sở làm việc tại số 10 Hoa Lư, Hà Nội.
- Trình ĐHCĐ thông qua việc sửa đổi và bổ sung Điều lệ Công ty, các quy chế quản lý nội bộ nhằm nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh, phù hợp với tình hình thực tiễn hoạt động của Công ty và các qui định mới của Pháp luật trên cơ sở Luật chứng khoán mới số: 54/2019/QH14 ngày 29/11/2019 có hiệu lực từ ngày 01/01/2021 quy định lại điều kiện đối với Công ty đại chúng, Luật Doanh nghiệp mới số: 59/2020/QH14 ngày 17/6/2020 có hiệu lực từ ngày 01/01/2021.
- Đối với các khoản chi phí thuộc thẩm quyền của HĐQT còn hạch toán treo trên sổ kế toán chưa được xử lý, trong năm 2021 HĐQT cần có biện pháp xử lý dứt điểm để các phòng ban, bộ phận chức năng Công ty có cơ sở thực hiện.
- HĐQT sớm hoàn thiện hồ sơ theo yêu cầu của Ngân hàng để phục vụ bảo lãnh các hợp đồng kinh tế tại Ngân hàng nơi mà Công ty mở tài khoản giao dịch.
- Khu đất Vĩnh Tuy cần có phương án khai thác triệt để đem đến lợi ích hiệu quả tối đa cho Công ty.
- Khoản đầu tư tài chính dài hạn Đầu tư vào Công ty cổ phần Tư vấn Quản lý Dự án Dầu khí PVE cần có phương án về khoản đầu tư này để đạt hiệu quả hơn.
- HĐQT và BKS cần phối hợp chặt chẽ trong công tác quản lý, điều hành Công ty đảm bảo hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty, đem đến lợi ích lâu dài cho các cổ đông.

III. BÁO CÁO TỰ ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG CỦA BAN KIỂM SOÁT

* Những việc đã làm được:

- Ban kiểm soát đã tổ chức hai cuộc họp của Ban trong năm theo đúng Luật DN và Điều lệ Công ty.
- Ban kiểm soát đã thực hiện đúng vai trò, chức năng và nhiệm vụ của mình trong việc giám sát HĐQT, Tổng giám đốc trong việc quản trị và điều hành Công ty.
- Thông qua việc giám sát ban hành, thực thi các Nghị quyết, Quyết định của Hội đồng quản trị Ban kiểm soát đã nắm bắt kịp thời tình hình hoạt động của Công ty từ đó đưa ra một số ý kiến và kiến nghị với Hội đồng quản trị và Tổng giám đốc nhằm góp phần tăng cường công tác quản trị Công ty.
- Các kiểm soát viên tham gia các cuộc họp của Ban kiểm soát, Hội đồng quản trị và đóng góp ý kiến theo chức năng nhiệm vụ của mình.

- Ban kiểm soát làm việc với vai trò và trách nhiệm tuân thủ theo đúng Luật DN, Điều lệ Công ty và Quy chế hoạt động của Ban.
- * Hạn chế :
- Các thành viên Ban kiểm soát cần có sự trao đổi nhiều hơn nữa trong Ban để đi đến sự đồng thuận trong các công việc.
- Công bố Báo cáo quản trị của Hội đồng quản trị năm 2020 chậm so với quy định do năm đầu tiên thực hiện báo cáo này theo thông tư mới (TT 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020).

IV. KẾ HOẠCH HOẠT ĐỘNG NĂM 2021 CỦA BAN KIỂM SOÁT

Giám sát việc tuân thủ Luật DN và chấp hành Điều lệ Công ty, giám sát tình hình thực hiện các Quy chế, Nghị quyết, Quyết định của Hội đồng quản trị và Người quản lý trong Công ty.

Kiểm tra, giám sát tình hình triển khai thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2021.

Kiểm tra soát xét Báo cáo kết quả kinh doanh năm 2021, Báo cáo tài chính bán niên và BCTC năm 2021 của Công ty.

Giám sát công ty nộp nghĩa vụ ngân sách với Nhà nước.

Kiểm tra, giám sát thực hiện chi trả cổ tức cho cổ đông.

Các thành viên trong Ban kiểm soát cần phối hợp và trao đổi nhiều hơn để thực hiện các công việc chung của Ban đạt hiệu quả cao.

Thực hiện các nhiệm vụ khác theo quy định của Luật DN và Điều lệ của Công ty.

Trên đây là báo cáo tóm tắt về tình hình hoạt động năm 2020 và phương hướng hoạt động năm 2021 của Ban kiểm soát Công ty trình ĐHĐCĐ thường niên năm 2021.

Ban kiểm soát trân trọng cảm ơn Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc, các Phòng ban chức năng có liên quan cùng Quý cổ đông đã luôn phối hợp và tạo điều kiện cho Ban kiểm soát hoàn thành nhiệm vụ của mình.

Ban kiểm soát kính trình ĐHĐCĐ thường niên 2021 xem xét và thông qua.

Xin kính chúc các Quý cổ đông nhiều sức khoẻ, chúc Công ty ngày càng phát triển, ổn định, bền vững, chúc Đại hội cổ đông thành công tốt đẹp./

Nơi nhận:

- ĐHĐCĐ;
- HĐQT; BKS; BTGD;
- Lưu BKS

TM. BAN KIỂM SOÁT
TRƯỞNG BAN



Nguyễn Thị Khánh Giang



Số: 22/Ttr- HĐQT

Hà Nội, ngày 10 tháng 8 năm 2021

TỜ TRÌNH

V/v: Kết quả kinh doanh, phương án phân phối lợi nhuận sau thuế năm 2020 và Kế hoạch kinh doanh, phương án phân phối lợi nhuận sau thuế năm 2021

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/6/2020;
- Căn cứ Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 ngày 26/11/2019;
- Căn cứ Điều lệ Công ty cổ phần Tư vấn xây dựng Công nghiệp và Đô thị Việt Nam (sửa đổi năm 2017);
- Căn cứ Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2020 của Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Công nghiệp và Đô thị Việt Nam;
- Căn cứ Quy chế quản lý tài chính của Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Công nghiệp và Đô thị Việt Nam ban hành kèm theo Quyết định số 07/2008/QĐ-CT ngày 31/01/2008;
- Căn cứ kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2020 và kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2021;
- Căn cứ vào Báo cáo tài chính năm 2020 của Công ty đã được kiểm toán bởi công ty TNHH Kiểm toán CPA Việt Nam.

Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Công nghiệp và Đô thị Việt Nam kính trình Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 thông qua phương án phân phối lợi nhuận sau thuế năm 2020 và kế hoạch phân phối lợi nhuận sau thuế năm 2021 như sau:

I. Kết quả kinh doanh, phân phối lợi nhuận sau thuế năm 2020 với các chỉ tiêu cụ thể như sau:

Đơn vị tính: VND

TT	Chỉ tiêu	Thực hiện	Nghị quyết ĐHCĐ
1.	Giá trị sản xuất	170.000.000.000	170.000.000.000
2.	Tổng doanh thu (SX, TC, khác)	153.356.198.694	140.000.000.000
3.	Lợi nhuận kế toán trước thuế	13.936.442.265	8.200.000.000
4.	Lợi nhuận sau thuế (LNST)	11.935.407.716	
5.	Kế hoạch phân phối lợi nhuận sau thuế TNDN		
	Trích lập các quỹ (50% LNST)	5.968.407.716	50%
	- Quỹ khen thưởng, phúc lợi (45%)	5.371.637.330	45%
	- Quỹ thưởng Ban quản lý điều hành công ty (5%)	596.770.386	5%
	Trả cổ tức (50% LNST-33,15%)	5.967.000.000	50%
	- Cổ đông VNCC (51%)	3.043.170.000	
	- Các cổ đông còn lại (49%)	2.923.830.000	

II. Dự kiến các chỉ tiêu sản xuất kinh doanh, phân phối lợi nhuận sau thuế năm 2021 như sau:

Đơn vị tính: VND

TT	Chỉ tiêu	Số tiền	Ghi chú
1	Giá trị sản xuất	170.000.000.000	
2	Tổng doanh thu (SX, TC, khác)	140.000.000.000	
3	Lợi nhuận kế toán trước thuế	8.400.000.000	
4	Lợi nhuận sau thuế (LNST)	6.720.000.000	
	Trích lập các quỹ		50% LNST
	- Quỹ khen thưởng, phúc lợi		45% LNST
	- Quỹ thưởng Ban điều hành		5% LNST
	Trả cổ tức bằng tiền cho các cổ đông		50% LNST

III. Triển khai thực hiện:

Đại hội đồng cổ đông giao Hội đồng quản trị triển khai thực hiện việc phân phối lợi nhuận sau thuế năm 2020 và kế hoạch phân phối lợi nhuận sau thuế năm 2021 theo đúng Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông.

Nơi nhận:

- Như kính gửi;
- Lưu: HĐQT.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH



Trần Nhật Minh



Số: 23/Ttr- HĐQT

Hà Nội, ngày 10 tháng 8 năm 2021

TỜ TRÌNH

V/v: Phê duyệt mức thù lao và một số chi phí khác HĐQT, BKS, Thư ký HĐQT năm 2020;
Dự kiến mức thù lao và một số chi phí khác HĐQT, BKS năm 2021

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/6/2020;
- Căn cứ Điều lệ Công ty cổ phần Tư vấn xây dựng Công nghiệp và Đô thị Việt Nam (sửa đổi năm 2017);
- Căn cứ Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2020 của Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Công nghiệp và Đô thị Việt Nam;
- Căn cứ Quy chế quản lý tài chính của Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Công nghiệp và Đô thị Việt Nam ban hành kèm theo Quyết định số 07/2008/QĐ-CT ngày 31/01/2008;
- Căn cứ kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2020 và kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2021;
- Căn cứ vào Báo cáo tài chính năm 2020 của Công ty đã được kiểm toán bởi công ty TNHH Kiểm toán CPA Việt Nam.

Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Tư vấn xây dựng Công nghiệp và Đô thị Việt Nam kính trình Đại hội đồng cổ đông thông qua mức thù lao và một số chi phí khác HĐQT, BKS, Thư ký HĐQT năm 2020; Dự kiến mức thù lao và một số chi phí khác HĐQT, BKS năm 2021 như sau:

I. Phê duyệt mức thù lao thực tế và một số chi phí khác HĐQT, BKS, Thư ký HĐQT năm 2020:

1. Phương án 1 (thực hiện theo Nghị quyết số 22/NQ-ĐHĐCĐ ngày 5/5/2020 của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2020, tính doanh thu là 153,356 tỷ đồng):

- | | |
|---|--------------------|
| 1.1. Tổng thù lao HĐQT: | 78.868.800 đ/tháng |
| - Chủ tịch Hội đồng quản trị: | 52.579.200 đ/tháng |
| - Thành viên HĐQT không kiêm nhiệm (02 người): | 8.763.200 đ/tháng |
| - Thành viên HĐQT kiêm nhiệm (02 người): | 4.381.600 đ/tháng |
| 1.2. Tổng thù lao BKS: | 43.268.300 đ/tháng |
| Trưởng BKS chuyên trách (01 người): | 35.600.500 đ/tháng |
| Thành viên BKS không kiêm nhiệm (01 người): | 4.381.600 đ/tháng |
| Thành viên BKS kiêm nhiệm (01 người): | 3.286.200 đ/tháng |
| 1.3. Mức lương, thưởng, phụ cấp và các quyền lợi khác của chức danh Thư ký HĐQT tương đương với chức danh Phó Trưởng phòng Công ty. | |
| 1.4. Chi phí điện thoại và cước 3G (đối với thành viên không kiêm nhiệm): theo chứng từ thực tế, mức tối đa: 200.000 đ/người/tháng; | |
| 1.5. Phụ phí xăng xe (đối với các thành viên không kiêm nhiệm): 150.000 đ/tháng. | |

2. Phương án 2 (theo kiến nghị của Ban điều hành công ty VCC tính doanh thu riêng 146,318 tỷ đồng):

- | | |
|-------------------------|--------------------|
| 2.1. Tổng thù lao HĐQT: | 75.249.098 đ/tháng |
|-------------------------|--------------------|



Handwritten signature

- Chủ tịch Hội đồng quản trị: 50.166.065 đ/tháng
- Thành viên HĐQT không kiêm nhiệm (02 người): 8.361.011 đ/tháng
- Thành viên HĐQT kiêm nhiệm (02 người): 4.180.505 đ/tháng
- 2.2. Tổng thù lao BKS: 41.282.491 đ/tháng
 - Trưởng BKS chuyên trách (01 người): 33.966.607 đ/tháng
 - Thành viên BKS không kiêm nhiệm (01 người): 4.180.505 đ/tháng
 - Thành viên BKS kiêm nhiệm (01 người): 3.135.379 đ/tháng
- 2.3. Mức lương, thưởng, phụ cấp và các quyền lợi khác của chức danh Thư ký HĐQT tương đương với chức danh Phó Trưởng phòng Công ty.
- 2.4. Chi phí điện thoại và cước 3G (đối với thành viên không kiêm nhiệm): theo chứng từ thực tế, mức tối đa: 200.000 đ/người/tháng;
- 2.5. Phụ phí xăng xe (đối với các thành viên không kiêm nhiệm): 150.000 đ/tháng.

II. Dự kiến mức thù lao và một số chi phí khác HĐQT, BKS năm 2021:

1. Tổng thù lao HĐQT: 72.000.000 đ/tháng
2. Tổng thù lao BKS:
 - Trường hợp có Trưởng ban là chuyên trách: 39.500.000 đ/tháng
 - Trường hợp Trưởng ban là không chuyên trách: 20.000.000 đ/tháng
3. Chi phí điện thoại và cước 3G đối với thành viên HĐQT: theo chứng từ thực tế, mức tối đa: 200.000 đ/tháng;
4. Phụ phí xăng xe đối với các thành viên HĐQT: 150.000 đ/tháng.
5. Thù lao của HĐQT, BKS năm 2021 là tạm tính với doanh thu kế hoạch năm 2021 (140 tỷ đồng), thực hiện tạm ứng 70% và sẽ được quyết toán theo nguyên tắc nhân mức thù lao từng thành viên với hệ số tính bằng doanh thu thực tế chia cho doanh thu kế hoạch.

III. Triển khai thực hiện :

Đại hội đồng cổ đông giao Hội đồng quản trị triển khai thực hiện việc chi thù lao và một số chi phí khác HĐQT, BKS, Thư ký HĐQT năm 2020; Dự kiến mức thù lao và một số chi phí khác HĐQT, BKS năm 2021 theo đúng Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông.

Nơi nhận:

- Như kính gửi;
- Lưu: HĐQT.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH



Trần Nhật Minh

Số: 24./TTr-HĐQT

Hà Nội, ngày 10 tháng 8 năm 2021

TỜ TRÌNH

V/v: Thông qua Báo cáo tài chính riêng và báo cáo tài chính hợp nhất năm 2020
đã được kiểm toán

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội Khoá 14 Nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17 tháng 6 năm 2020;
- Căn cứ Luật chứng khoán số 54/2019/QH14 do Quốc hội khóa 14 nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 26/11/2019; và các văn bản hướng dẫn thi hành;
- Căn cứ Điều lệ Công ty cổ phần Tư vấn xây dựng công nghiệp và đô thị Việt Nam (Điều lệ sửa đổi năm 2017);

Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Tư vấn xây dựng công nghiệp và đô thị Việt Nam kính trình Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 thông qua:

Báo cáo tài chính riêng và báo cáo tài chính hợp nhất năm 2020 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán CPA Vietnam.

Tài liệu kèm theo:

Báo cáo tài chính riêng và báo cáo tài chính hợp nhất đã được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020 kèm theo Báo cáo kiểm toán độc lập của Công ty TNHH CPA Vietnam (đã được đăng tải trên Website công ty VCC).

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét, thông qua.

Nơi nhận:

- Như kính gửi;
- Lưu: HĐQT (VT, TK).

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**



Trần Nhật Minh

Trần Nhật Minh

Số: 08 /TTr-BKS

Hà Nội, ngày 29 tháng 6 năm 2021

TỜ TRÌNH

Về việc: Lựa chọn đơn vị kiểm toán thực hiện soát xét Báo cáo tài chính bán niên
và kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2021

Kính trình: Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/6/2020;
Căn cứ Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 ngày 29/11/2019;
Căn cứ Điều lệ của Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Công nghiệp và Đô thị
Việt Nam (VCC);

Ban Kiểm soát trình Đại hội đồng cổ đông các tiêu thức lựa chọn và danh sách
Công ty kiểm toán thực hiện soát xét Báo cáo tài chính bán niên và kiểm toán Báo cáo
tài chính năm 2021 của Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Công nghiệp và Đô thị
Việt Nam (VCC) như sau:

1. Các tiêu thức lựa chọn Công ty kiểm toán:

- Là Công ty hoạt động hợp pháp tại Việt Nam và được Bộ Tài chính, Ủy ban chứng khoán Nhà Nước chấp thuận thực hiện kiểm toán cho đơn vị có lợi ích công chúng năm 2021;
- Có uy tín về chất lượng kiểm toán;
- Đội ngũ kiểm toán có trình độ cao và nhiều kinh nghiệm, kiểm toán các đơn vị có ngành nghề, lĩnh vực kinh doanh tương tự Công ty VCC;
- Đáp ứng được các yêu cầu của Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Công nghiệp và Đô thị Việt Nam về phạm vi, tiến độ kiểm toán;
- Căn cứ vào hồ sơ năng lực và báo giá với mức phí kiểm toán hợp lý, phù hợp với chất lượng kiểm toán và phạm vi kiểm toán.

2. Danh sách các Công ty kiểm toán đề xuất lựa chọn:

Căn cứ các tiêu thức nêu trên, Ban kiểm soát lựa chọn các Công ty kiểm toán thực hiện soát xét Báo cáo tài chính bán niên và kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2021 của Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Công nghiệp và Đô thị Việt Nam như sau:



TT	Tên tổ chức kiểm toán	Tên viết tắt	Địa chỉ trụ sở
1	Công ty TNHH Kiểm toán CPA VIET NAM	CPA VIET NAM	Tầng 8 Cao ốc Văn phòng VG Building, Số 235 Nguyễn Trãi, Quận Thanh Xuân, TP.Hà Nội.
2	Công ty TNHH Kiểm toán Vaco	VACO	Tầng 12A, Toà nhà Tổng Công ty 319, Số 63 đường Lê Văn Lương, Phường Trung Hoà, Quận Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội.
3	Công ty TNHH Kiểm toán Quốc tế	iCPA	Tầng 15, Toà nhà Center Building - Hapulico Complex, Số 1 Nguyễn Huy Tưởng, Quận Thanh Xuân, TP.Hà Nội.
4	Công ty TNHH hãng kiểm toán AASC	AASC	Số 1 Lê Phụng Hiểu, Phường Tráng Tiền, Quận Hoàn Kiếm, Hà Nội
5	Công ty TNHH kiểm toán và tư vấn A&C	A&C	Trụ sở chính : 02 Trường Sơn, Phường 2, Quận Tân Bình, TP.HCM Văn phòng Hà Nội: Số 40 Giảng Võ Quận Đống Đa, TP. Hà Nội

3. Đề xuất:

Kính trình Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 của Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Công nghiệp và Đô thị Việt Nam xem xét và thông qua Công ty kiểm toán thực hiện soát xét Báo cáo tài chính bán niên và kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2021 theo đúng quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- DHĐCĐ;
- HĐQT; BKS; BTGD;
- Lưu BKS

TM/BAN KIỂM SOÁT
TRƯỞNG BAN



Nguyễn Thị Khánh Giang



Số: 25./TT-HĐQT

Hà Nội, ngày 1 tháng 8 năm 2021

TỜ TRÌNH

V/v: Thông qua Điều lệ công ty, Quy chế nội bộ quản trị công ty, Quy chế hoạt động HĐQT, Quy chế hoạt động BKS của Công ty cổ phần Tư vấn xây dựng công nghiệp và đô thị Việt Nam

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội Khoá 14 Nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17 tháng 6 năm 2020;
- Căn cứ Luật chứng khoán số 54/2019/QH14 do Quốc hội khóa 14 nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 26/11/2019; và các văn bản hướng dẫn thi hành;
- Căn cứ Điều lệ Công ty cổ phần Tư vấn xây dựng công nghiệp và đô thị Việt Nam (Điều lệ sửa đổi năm 2017);
- Căn cứ Thông tư số 116/2020/TT-BTC ngày 31/12/2020 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn một số điều về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng tại Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;

Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Tư vấn xây dựng công nghiệp và đô thị Việt Nam kính trình Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 xem xét thông qua một số nội dung như sau:

1. Thông qua Điều lệ 2021 của Công ty.
2. Thông qua Quy chế nội bộ về quản trị của Công ty.
3. Thông qua Quy chế hoạt động của Hội đồng quản của Công ty.
4. Thông qua Quy chế hoạt động Ban Kiểm soát của Công ty.

(Điều lệ và các Quy chế có hiệu lực ngay khi được ĐHĐCĐ biểu quyết thông qua)

Tài liệu kèm theo:

- Dự thảo Điều lệ 2021 của Công ty.
- Dự thảo Quy chế nội bộ về quản trị của Công ty
- Dự thảo Quy chế hoạt động Hội đồng quản trị của Công ty
- Dự thảo Quy chế hoạt động Ban Kiểm soát của Công ty

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét, thông qua.

Nơi nhận:

- Như kính gửi;
- Lưu: HĐQT.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**



Trần Nhật Minh

(Handwritten initials and signature)

Số: /NQ-ĐHĐCĐ

Hà Nội, ngày tháng năm 2021

DỰ THẢO

NGHỊ QUYẾT
ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2021
CÔNG TY CP TƯ VẤN XÂY DỰNG CÔNG NGHIỆP VÀ ĐÔ THỊ VIỆT NAM

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 16/7/2020 của Quốc hội nước Cộng hòa XHCN Việt Nam;

Căn cứ Điều lệ Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Công nghiệp và Đô thị Việt Nam (Điều lệ sửa đổi năm 2017);

Căn cứ Biên bản ĐHĐCĐ thường niên năm 2021, Biên bản kiểm phiếu biểu quyết thông qua các báo cáo và tờ trình, biên bản kiểm phiếu về việc kiện toàn thành viên HĐQT, BKS tại Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 của Công ty CP Tư vấn Xây dựng Công nghiệp và Đô thị Việt Nam ngày /2021,

QUYẾT NGHỊ:

Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 của Công ty CP Tư vấn Xây dựng Công nghiệp và Đô thị Việt Nam thông qua Nghị quyết của Đại hội với những nội dung chính như sau:

Điều 1. Thông qua Báo cáo về quản trị, kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị năm 2020 và kế hoạch hoạt động năm 2021, với mức đạt thông qua là ... %.

Điều 2. Thông qua Báo cáo của Tổng giám đốc về kết quả hoạt động SXKD năm 2020 và phương hướng hoạt động SXKD năm 2021, với mức đạt thông qua là ... %.

Điều 3. Thông qua Báo cáo tài chính riêng và báo cáo tài chính hợp nhất năm 2020 đã được kiểm toán, với mức đạt thông qua là ... %.

Điều 4. Thông qua Báo cáo của Ban kiểm soát về kết quả hoạt động năm 2020 và kế hoạch hoạt động năm 2021, với mức đạt thông qua là ... %.

Điều 5. Thông qua Tờ trình về kết quả kinh doanh, phương án phân phối lợi nhuận sau thuế năm 2020 và kế hoạch kinh doanh, phương án phân phối lợi nhuận sau thuế năm 2021.

5.1. Kết quả kinh doanh, phương án phân phối lợi nhuận sau thuế năm 2020, với mức đạt thông qua là ... %.

5.2. Kế hoạch kinh doanh, phương án phân phối lợi nhuận sau thuế năm 2021, với mức đạt thông qua là ... %.

Điều 6. Thông qua Tờ trình về phê duyệt mức thù lao và một số chi phí khác HĐQT, BKS, Thư ký HĐQT năm 2020; Dự kiến mức thù lao và một số chi phí khác HĐQT, BKS năm 2021, với mức đạt thông qua là ... %.

Điều 7. Thông qua lựa chọn đơn vị kiểm toán thực hiện soát xét BCTC bán niên và kiểm toán BCTC năm 2021 là:, với mức đạt thông qua là ... %.

Điều 8. Thông qua Điều lệ Công ty cổ phần Tư vấn xây dựng công nghiệp và đô thị Việt Nam, với mức đạt thông qua là ... %.

Điều 9. Thông qua Quy chế nội bộ về quản trị Công ty CP Tư vấn xây dựng công nghiệp và đô thị Việt Nam, với mức đạt thông qua là ... %.

Điều 10. Thông qua Quy chế hoạt động Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Tư vấn xây dựng công nghiệp và đô thị Việt Nam, với mức đạt thông qua là ... %.

Điều 11. Thông qua Quy chế hoạt động Ban kiểm soát Công ty cổ phần Tư vấn xây dựng công nghiệp và đô thị Việt Nam, với mức đạt thông qua là ... %.

Điều 12. Thông qua kết quả kiện toàn (miễn nhiệm, bãi nhiệm, bầu) thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, cụ thể như sau:

- Thành viên HĐQT miễn nhiệm, bãi nhiệm:
- Thành viên BKS miễn nhiệm, bãi nhiệm:
- Thành viên HĐQT bầu thay thế:
- Thành viên BKS bầu thay thế:

Điều 13. Điều khoản thi hành.

Nghị quyết này được nhất trí thông qua toàn văn tại Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 của Công ty cổ phần Tư vấn Xây dựng Công nghiệp và Đô thị Việt Nam.

Các ông, bà thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Ban Tổng giám đốc, các cổ đông chịu trách nhiệm thi hành Nghị quyết này và tổ chức triển khai thực hiện phù hợp với quy định của pháp luật và Điều lệ hiện hành của Công ty.

Nơi nhận:

- Như Điều 13;
- Tổng công ty VNCC;
- CBTT, Website của công ty;
- UBCK Nhà nước, Sở GDCKHN;
- TT LKCK Việt Nam;
- Thư ký HĐQT;
- Lưu: HĐQT.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**

Trần Nhật Minh

**CÔNG TY CP TƯ VẤN XÂY DỰNG
CÔNG NGHIỆP VÀ ĐÔ THỊ VIỆT NAM**

Trụ sở: Tầng 8-11, Số 10 Hoa Lư - Lê Đại Hành, Hai Bà Trưng, Hà Nội
Điện thoại: 024.22205889 – Fax: 024.22206366; Số ĐKKD: 0100106183

Hà Nội, ngày tháng năm 2021

GIẤY MỜI HỌP

ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2021

Trân trọng kính mời Quý cổ đông

Ông (Bà):

Mã CD:

Số CPSH:

Địa chỉ:

Tham dự Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021

Thời gian:

Địa điểm: Hội trường tầng 12, Tòa nhà số 10 Hoa Lư, Phường Lê Đại Hành, quận Hai Bà Trưng, TP. Hà Nội

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**

TRẦN NHẬT MINH

Trần Nhật Minh

I. Nội dung ĐHĐCĐ thường niên năm 2021

1. Báo cáo về quản trị, kết quả hoạt động của HĐQT năm 2020 và kế hoạch hoạt động năm 2021;
2. Báo cáo của Tổng giám đốc về kết quả hoạt động SXKD năm 2020 và phương hướng hoạt động SXKD năm 2021;
3. Báo cáo tài chính riêng và báo cáo tài chính hợp nhất năm 2020 đã được kiểm toán;
4. Báo cáo của Ban kiểm soát về kết quả hoạt động năm 2020 và kế hoạch hoạt động năm 2021;
5. Tờ trình về kết quả kinh doanh, phương án phân phối lợi nhuận sau thuế năm 2020 và kế hoạch kinh doanh, phương án phân phối lợi nhuận sau thuế năm 2021;
6. Tờ trình về phê duyệt mức thù lao và một số chi phí khác HĐQT, BKS, Thư ký HĐQT năm 2020; Dự kiến mức thù lao và một số chi phí khác HĐQT, BKS năm 2021;
7. Tờ trình về việc lựa chọn đơn vị kiểm toán thực hiện soát xét BCTC bán niên và kiểm toán BCTC năm 2021.
8. Thông qua Điều lệ công ty, Quy chế nội bộ về quản trị công ty, Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị, Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát.
9. Kiện toàn thành viên HĐQT, BKS.

II. Tài liệu gửi kèm:

Giấy mời họp kèm theo tài liệu được gửi cho các Quý Cổ đông theo địa chỉ đã đăng ký với công ty VCC:

1. Chương trình Đại hội;
2. Phiếu xác nhận tham dự Đại hội;
3. Giấy ủy quyền tham dự Đại hội.

* Các tài liệu khác sử dụng trong cuộc họp được đăng tải trên trang Web công ty www.vcc.com.vn/hoat-dong-co-dong

Lưu ý: Khi tham dự họp, đề nghị Quý Ông (Bà) mang theo:

- Giấy mời họp;
- CMND hoặc CCCD hoặc hộ chiếu;
- Phiếu xác nhận tham dự Đại hội;
- Những trường hợp không tham dự họp có ủy quyền đề nghị Quý Ông (Bà) lập giấy ủy quyền theo mẫu gửi kèm;
- Phiếu bầu biểu quyết, cổ đông sẽ nhận khi đăng ký dự họp.

Mọi chi tiết ý kiến đóng góp Đại hội xin liên hệ trước theo địa chỉ:

Văn phòng Công ty: Tầng 8-11, Tòa nhà số 10 Hoa Lư, phường Lê Đại Hành, Hai Bà Trưng, TP. Hà Nội. Điện thoại: 024.22205889; Fax: 024.22206366

bu
ru

**CÔNG TY CP TƯ VẤN XÂY DỰNG CÔNG
NGHIỆP VÀ ĐÔ THỊ VIỆT NAM**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Hà Nội, ngày tháng năm 2021

**PHIẾU XÁC NHẬN THAM DỰ (Mẫu 2)
ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2021
(Để nhận các phiếu biểu quyết)**

Kính gửi: Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Tư vấn xây dựng công nghiệp và đô thị Việt Nam

Họ tên cổ đông:

Mã cổ đông:

CMND/CCCD số:

Ngày cấp:

Nơi cấp:

Địa chỉ:

Điện thoại:

Là cổ đông/đại diện cổ đông của Công ty CP Tư vấn Xây dựng Công nghiệp và Đô thị Việt Nam
đăng ký tham dự Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 tổ chức ngày ...

Số cổ phần sở hữu/Đại diện sở hữu: cổ phần

Cổ đông

(Ký ghi rõ họ tên)

Đã nhận đủ các phiếu biểu quyết

PHẦN GHI CỦA BAN KIỂM TRA TƯ CÁCH CỔ ĐÔNG

- Bàn tiếp nhận số:

- Người tiếp nhận hồ sơ, trả

phiếu (ký tên):

Ghi chú: Cổ đông nộp phiếu này cho Ban tổ chức vào trước giờ khai mạc đại hội để nhận các phiếu biểu quyết.

Cổ đông dự họp lưu ý kê khai danh sách cổ đông ủy quyền ghi vào mặt sau của phiếu này (nếu có)

10/2021 - 14

**CÔNG TY CP TƯ VẤN XÂY DỰNG CÔNG
NGHIỆP VÀ ĐÔ THỊ VIỆT NAM**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Hà Nội, ngày tháng năm 2021

**PHIẾU XÁC NHẬN THAM DỰ (Mẫu 2a)
ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2021**
(Để nhận các phiếu biểu quyết)
Dành cho Người được ủy quyền không phải là cổ đông

Kính gửi: **HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ CÔNG TY CP TƯ VẤN XÂY DỰNG
CÔNG NGHIỆP VÀ ĐÔ THỊ VIỆT NAM**

Họ tên người dự họp (Viết chữ in):

Đánh dấu vào ô này nếu người được ủy quyền
dự họp không phải là cổ đông của công ty

Mã cổ đông (nếu là cổ đông của VCC):

CMND/CCCD số:

Ngày cấp:

Nơi cấp:

Địa chỉ:

Điện thoại:

Người dự họp
(Ký ghi rõ họ tên)
Đã nhận đủ các phiếu biểu quyết

PHẦN GHI CỦA BAN KIỂM TRA TƯ CÁCH CỔ ĐÔNG

- Bàn tiếp nhận số:

- Người tiếp nhận hồ sơ, trả

phiếu (ký tên):

*Ghi chú: Người dự họp kê khai nộp phiếu này cho Ban tổ chức vào trước giờ khai mạc đại hội để
nhận các phiếu biểu quyết.
Người dự họp lưu ý kê khai danh sách cổ đông ủy quyền ghi vào mặt sau của phiếu này (nếu có)*

Wey 11
2021

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hà Nội, ngày tháng năm 2021

GIẤY ỦY QUYỀN (Mẫu 1)

Tham dự Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 Công ty CP Tư vấn Xây dựng Công nghiệp và Đô thị Việt Nam và biểu quyết các nội dung trong Chương trình Đại hội gửi kèm theo Giấy mời họp

Kính gửi: Hội đồng quản trị Công ty CP Tư vấn Xây dựng Công nghiệp và Đô thị Việt Nam

Tên tôi là:

CMND/CCCD số:

Ngày cấp:

Nơi cấp:

Địa chỉ thường trú:

Mã cổ đông:

Số lượng cổ phần sở hữu:

Bằng chữ:

ỦY QUYỀN CHO

Ông/bà (Viết chữ in):

CMND/CCCD số:

Ngày cấp:

Nơi cấp:

Địa chỉ thường trú:

Mã cổ đông (nếu là cổ đông VCC):

Được thay mặt tôi tham dự Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 của Công ty CP Tư vấn Xây dựng Công nghiệp và Đô thị Việt Nam và biểu quyết tất cả những vấn đề có liên quan tương ứng với số cổ phần do tôi sở hữu.

Người được ủy quyền
(Ký và ghi rõ họ tên)

Người ủy quyền
(Ký và ghi rõ họ tên)

Ghi chú:

* Đề nghị phổ thông chứng minh thư nhân dân hoặc thẻ căn cước công dân, hộ chiếu của người ủy quyền.

* Giấy Ủy quyền này chỉ có giá trị với các nội dung được quy định nêu trên, không có giá trị ủy quyền cho những nội dung khác như: Thành lập nhóm cổ đông; kiến nghị hoặc biểu quyết những nội dung nằm ngoài chương trình Đại hội đã được chuyển đến cổ đông.

1/24
lll
(1/24)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hà Nội, ngày tháng năm 2021

GIẤY ỦY QUYỀN (Mẫu 1a)

Tham dự Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 Công ty CP Tư vấn Xây dựng Công nghiệp và Đô thị Việt Nam và biểu quyết tất cả các nội dung tại Đại hội (các nội dung kèm theo Giấy mời họp và các nội dung hợp pháp, nếu có)

Kính gửi: Hội đồng quản trị Công ty CP Tư vấn Xây dựng Công nghiệp và Đô thị Việt Nam

Tên tôi là:

CMND/CCCD số:

Ngày cấp:

Nơi cấp:

Địa chỉ thường trú:

Mã cổ đông:

Số lượng cổ phần sở hữu:

Bằng chữ:

ỦY QUYỀN CHO

Ông/bà (Viết chữ in):

CMND/CCCD số:

Ngày cấp:

Nơi cấp:

Địa chỉ thường trú:

Mã cổ đông (nếu là cổ đông VCC):

Được thay mặt tôi tham dự Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 của Công ty CP Tư vấn Xây dựng Công nghiệp và Đô thị Việt Nam và thực hiện các công việc sau với tư cách là đại diện cho số cổ phần ủy quyền nêu trên:

- Tham dự cuộc họp, phát biểu ý kiến về các vấn đề thảo luận tại buổi họp;
- Tham gia bầu cử, biểu quyết các vấn đề được đưa ra trình Đại hội thông qua;
- Thực hiện các quyền, nghĩa vụ tương ứng với số cổ phần được ủy quyền tại Đại hội;
- Ký kết các giấy tờ cần thiết.

Bên ủy quyền có nghĩa vụ thực hiện đúng nội quy Quy chế làm việc của Đại hội, không được ủy quyền lại cho bên thứ ba.

Thời hạn ủy quyền từ ngày ký đến khi cuộc họp Đại hội đồng cổ đông kết thúc

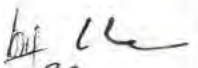
Người được ủy quyền
(Ký và ghi rõ họ tên)

Người ủy quyền
(Ký và ghi rõ họ tên)

Ghi chú:

* Đề nghị phô tô chứng minh thư nhân dân hoặc thẻ căn cước công dân, hộ chiếu của người ủy quyền.

* Giấy Ủy quyền này chỉ có giá trị với các nội dung được quy định nêu trên, không có giá trị ủy quyền cho những nội dung khác.



Hà Nội, ngày tháng năm 2021

**GIẤY ỦY QUYỀN (THEO NHÓM)
ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2021 CÔNG TY CỔ PHẦN
TƯ VẤN XÂY DỰNG CÔNG NGHIỆP VÀ ĐÔ THỊ VIỆT NAM**

Kính gửi: Công ty cổ phần Tư vấn xây dựng công nghiệp và đô thị Việt Nam

Căn cứ Thông báo mời họp của Công ty cổ phần Tư vấn xây dựng công nghiệp và đô thị Việt Nam, chúng tôi xin xác nhận việc tham dự Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 của Công ty cổ phần Tư vấn xây dựng công nghiệp và đô thị Việt Nam tổ chức vào ngày ... như sau:

Chúng tôi những người có tên trong danh sách đính kèm Giấy ủy quyền này (sau đây gọi chung là "Bên ủy quyền") cùng nhất trí ủy quyền cho:

Ông (Bà):.....

Số CMND/ĐKKD:.....cấp ngày:.....tại:.....

Địa chỉ:

(Sau đây gọi tắt là "Bên được ủy quyền")

Thay mặt bên ủy quyền thực hiện các công việc sau với tư cách là đại diện cho số cổ phần ủy quyền nêu trên:

- Tham dự cuộc họp, phát biểu ý kiến về các vấn đề thảo luận tại buổi họp;
- Tham gia bầu cử, biểu quyết các vấn đề được đưa ra trình Đại hội thông qua;
- Thực hiện các quyền, nghĩa vụ tương ứng với số cổ phần được ủy quyền tại Đại hội;
- Ký kết các giấy tờ cần thiết.

Bên ủy quyền có nghĩa vụ thực hiện đúng nội quy Quy chế làm việc của Đại hội, không được ủy quyền lại cho bên thứ ba.

Thời hạn ủy quyền từ ngày ký đến khi cuộc họp Đại hội đồng cổ đông kết thúc

Giấy ủy quyền này chỉ có hiệu lực tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 của Công ty cổ phần Tư vấn xây dựng công nghiệp và đô thị Việt Nam. Bên ủy quyền cam kết chấp thuận mọi hành vi của Bên được ủy quyền trong phạm vi ủy quyền nêu trên.

Giấy ủy quyền được thành lập 02 (hai) bản, mỗi bên giữ một bản và có giá trị pháp lý như nhau.

NGƯỜI ĐƯỢC ỦY QUYỀN

(ký, ghi rõ họ tên)

ĐẠI DIỆN NGƯỜI ỦY QUYỀN

(ký tên trong danh sách kèm theo)

Handwritten signature

CÔNG TY CP TƯ VẤN XÂY DỰNG CÔNG NGHIỆP VÀ ĐÔ THỊ VIỆT NAM
ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2021

PHIẾU BIỂU QUYẾT
Thông qua danh sách Ban kiểm phiếu

Mã số Cổ đông:

Số CPSH:

STT	Nội dung biểu quyết	Tán thành	Không tán thành	Không có ý kiến
(A)	(B)	(1)	(2)	(3)
1	Thông qua Danh sách Ban kiểm phiếu Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021			

Ghi chú:

- Phiếu biểu quyết này chỉ có giá trị tại phiên họp ĐHĐCĐ thường niên năm 2021.
- Cổ đông có thể lựa chọn 1 trong 3 phương án ghi trên phiếu. Trường hợp không đánh dấu ở nào được coi là lựa chọn phương án "Không có ý kiến".
- Các phiếu sau được coi là không hợp lệ:
 - Phiếu không do Công ty phát hành (không theo mẫu quy định, không có dấu của Công ty trên phiếu biểu quyết).
 - Phiếu tẩy xóa hoặc phiếu lựa chọn hơn 1 phương án ghi trên phiếu.

bii-ur

CÔNG TY CP TƯ VẤN XÂY DỰNG CÔNG NGHIỆP VÀ ĐÔ THỊ VIỆT NAM
ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2021

PHIẾU BIỂU QUYẾT
Thông qua Chương trình Đại hội

Mã số Cổ đông:

Số CPH:

STT	Nội dung biểu quyết	Tán thành	Không tán thành	Không có ý kiến
(A)	(B)	(1)	(2)	(3)
1	Thông qua Chương trình và nội dung Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021			

Ghi chú:

- Phiếu biểu quyết này chỉ có giá trị tại phiên họp ĐHĐCĐ thường niên năm 2021.
- Cổ đông có thể lựa chọn 1 trong 3 phương án ghi trên phiếu. Trường hợp không đánh dấu ô nào được coi là lựa chọn phương án "Không có ý kiến".
- Các phiếu sau được coi là không hợp lệ:
 - Phiếu không do Công ty phát hành (không theo mẫu quy định, không có dấu của Công ty trên phiếu biểu quyết).
 - Phiếu tẩy xóa hoặc phiếu lựa chọn hơn 1 phương án ghi trên phiếu.

CÔNG TY CP TƯ VẤN XÂY DỰNG CÔNG NGHIỆP VÀ ĐÔ THỊ VIỆT NAM
ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2021

PHIẾU BIỂU QUYẾT
Thông qua Quy chế làm việc

Mã số Cổ đông:

Số CPSH:

STT	Nội dung biểu quyết	Tán thành	Không tán thành	Không có ý kiến
(A)	(B)	(1)	(2)	(3)
1	Thông qua Quy chế làm việc Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021			

Ghi chú:

- Phiếu biểu quyết này chỉ có giá trị tại phiên họp ĐHĐCĐ thường niên năm 2021.
- Cổ đông có thể lựa chọn 1 trong 3 phương án ghi trên phiếu. Trường hợp không đánh dấu ô nào được coi là lựa chọn phương án "Không có ý kiến".
- Các phiếu sau được coi là không hợp lệ:
 - Phiếu không do Công ty phát hành (không theo mẫu quy định, không có dấu của Công ty trên phiếu biểu quyết).
 - Phiếu tẩy xóa hoặc phiếu lựa chọn hơn 1 phương án ghi trên phiếu.

[Handwritten signature]

CÔNG TY CP TƯ VẤN XÂY DỰNG CÔNG NGHIỆP VÀ ĐÔ THỊ VIỆT NAM
ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2021

PHIẾU BIỂU QUYẾT
Thông qua Quy chế bầu thành viên HĐQT, BKS

Mã số Cổ đông:

Số CPH:

STT	Nội dung biểu quyết	Tán thành	Không tán thành	Không có ý kiến
(A)	(B)	(1)	(2)	(3)
1	Thông qua Quy chế bầu thành viên HĐQT, BKS			

Ghi chú:

- Phiếu biểu quyết này chỉ có giá trị tại phiên họp ĐHĐCĐ thường niên năm 2021.
- Cổ đông có thể lựa chọn 1 trong 3 phương án ghi trên phiếu. Trường hợp không đánh dấu ở nào được coi là lựa chọn phương án "Không có ý kiến".
- Các phiếu sau được coi là không hợp lệ:
 - Phiếu không do Công ty phát hành (không theo mẫu quy định, không có dấu của Công ty trên phiếu biểu quyết).
 - Phiếu tẩy xóa hoặc phiếu lựa chọn hơn 1 phương án ghi trên phiếu.

Handwritten signature

CÔNG TY CP TƯ VẤN XÂY DỰNG CÔNG NGHIỆP VÀ ĐÔ THỊ VIỆT NAM
ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2021

PHIẾU BIỂU QUYẾT
Thông qua Báo cáo của Hội đồng quản trị

Mã số Cổ đông:

Số CPSH:

STT	Nội dung biểu quyết	Tán thành	Không tán thành	Không có ý kiến
(A)	(B)	(1)	(2)	(3)
1	Thông qua Báo cáo về quản trị, kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị năm 2020 và kế hoạch hoạt động năm 2021			

Ghi chú:

- Phiếu biểu quyết này chỉ có giá trị tại phiên họp ĐHĐCĐ thường niên năm 2021.
- Cổ đông có thể lựa chọn 1 trong 3 phương án ghi trên phiếu. Trường hợp không đánh dấu ô nào được coi là lựa chọn phương án "Không có ý kiến".
- Các phiếu sau được coi là không hợp lệ:
 - Phiếu không do Công ty phát hành (không theo mẫu quy định, không có dấu của Công ty trên phiếu biểu quyết).
 - Phiếu tẩy xóa hoặc phiếu lựa chọn hơn 1 phương án ghi trên phiếu.

Handwritten signature

CÔNG TY CP TƯ VẤN XÂY DỰNG CÔNG NGHIỆP VÀ ĐÔ THỊ VIỆT NAM
ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2021

PHIẾU BIỂU QUYẾT
Thông qua Báo cáo của Tổng giám đốc

Mã số Cổ đông:

Số CPSH:

STT	Nội dung biểu quyết	Tán thành	Không tán thành	Không có ý kiến
(A)	(B)	(1)	(2)	(3)
1	Thông qua Báo cáo của Tổng giám đốc về kết quả hoạt động SXKD năm 2020 và phương hướng hoạt động SXKD năm 2021			

Ghi chú:

- Phiếu biểu quyết này chỉ có giá trị tại phiên họp ĐHĐCĐ thường niên năm 2021.
- Cổ đông có thể lựa chọn 1 trong 3 phương án ghi trên phiếu. Trường hợp không đánh dấu ô nào được coi là lựa chọn phương án "Không có ý kiến".
- Các phiếu sau được coi là không hợp lệ:
 - Phiếu không do Công ty phát hành (không theo mẫu quy định, không có dấu của Công ty trên phiếu biểu quyết).
 - Phiếu tẩy xóa hoặc phiếu lựa chọn hơn 1 phương án ghi trên phiếu.

CÔNG TY CP TƯ VẤN XÂY DỰNG CÔNG NGHIỆP VÀ ĐÔ THỊ VIỆT NAM
ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2021

PHIẾU BIỂU QUYẾT

Thông qua Báo cáo tài chính riêng và báo cáo tài chính hợp nhất năm 2020 đã được kiểm toán.

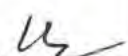
Mã số Cổ đông:

Số CPSH:

STT	Nội dung biểu quyết	Tán thành	Không tán thành	Không có ý kiến
(A)	(B)	(1)	(2)	(3)
1	Thông qua Báo cáo tài chính riêng và báo cáo tài chính hợp nhất năm 2020 đã được kiểm toán			

Ghi chú:

- Phiếu biểu quyết này chỉ có giá trị tại phiên họp ĐHĐCĐ thường niên năm 2021.
- Cổ đông có thể lựa chọn 1 trong 3 phương án ghi trên phiếu. Trường hợp không đánh dấu ô nào được coi là lựa chọn phương án "Không có ý kiến".
- Các phiếu sau được coi là không hợp lệ:
 - Phiếu không do Công ty phát hành (không theo mẫu quy định, không có dấu của Công ty trên phiếu biểu quyết).
 - Phiếu tẩy xóa hoặc phiếu lựa chọn hơn 1 phương án ghi trên phiếu.

2021 

CÔNG TY CP TƯ VẤN XÂY DỰNG CÔNG NGHIỆP VÀ ĐÔ THỊ VIỆT NAM
ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2021

PHIẾU BIỂU QUYẾT
Thông qua Báo cáo của Ban kiểm soát

Mã số Cổ đông:

Số CPSH:

STT	Nội dung biểu quyết	Tán thành	Không tán thành	Không có ý kiến
(A)	(B)	(1)	(2)	(3)
1	Thông qua Báo cáo của Ban kiểm soát về kết quả hoạt động năm 2020 và kế hoạch hoạt động năm 2021			

Ghi chú:

- Phiếu biểu quyết này chỉ có giá trị tại phiên họp ĐHĐCĐ thường niên năm 2021.
- Cổ đông có thể lựa chọn 1 trong 3 phương án ghi trên phiếu. Trường hợp không đánh dấu ô nào được coi là lựa chọn phương án "Không có ý kiến".
- Các phiếu sau được coi là không hợp lệ:
 - Phiếu không do Công ty phát hành (không theo mẫu quy định, không có dấu của Công ty trên phiếu biểu quyết).
 - Phiếu tẩy xóa hoặc phiếu lựa chọn hơn 1 phương án ghi trên phiếu.

CÔNG TY CP TƯ VẤN XÂY DỰNG CÔNG NGHIỆP VÀ ĐÔ THỊ VIỆT NAM
ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2021

PHIẾU BIỂU QUYẾT
Thông qua Tờ trình về kết quả kinh doanh, phân phối lợi nhuận

Mã số Cổ đông:

Số CPSH:

STT	Nội dung biểu quyết	Tán thành	Không tán thành	Không có ý kiến
(A)	(B)	(1)	(2)	(3)
1	Thông qua Tờ trình về kết quả kinh doanh, phương án phân phối lợi nhuận sau thuế năm 2020 và kế hoạch kinh doanh, phương án phân phối lợi nhuận sau thuế năm 2021			

Ghi chú:

- Phiếu biểu quyết này chỉ có giá trị tại phiên họp ĐHĐCĐ thường niên năm 2021.
- Cổ đông có thể lựa chọn 1 trong 3 phương án ghi trên phiếu. Trường hợp không đánh dấu ô nào được coi là lựa chọn phương án "Không có ý kiến".
- Các phiếu sau được coi là không hợp lệ:
 - Phiếu không do Công ty phát hành (không theo mẫu quy định, không có dấu của Công ty trên phiếu biểu quyết).
 - Phiếu tẩy xóa hoặc phiếu lựa chọn hơn 1 phương án ghi trên phiếu.

Handwritten signature

CÔNG TY CP TƯ VẤN XÂY DỰNG CÔNG NGHIỆP VÀ ĐÔ THỊ VIỆT NAM
ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2021

PHIẾU BIỂU QUYẾT
Thông qua Tờ trình về thù lao của HĐQT, BKS

Mã số Cổ đông:

Số CPSH:

STT	Nội dung biểu quyết	Tán thành	Không tán thành	Không có ý kiến
(A)	(B)	(1)	(2)	(3)
	Thông qua Tờ trình về việc Phê duyệt mức thù lao và một số chi phí khác HĐQT, BKS, Thư ký HĐQT năm 2020; Dự kiến mức thù lao và một số chi phí khác HĐQT, BKS năm 2021, trong đó:			
1	Phương án 1 (Tổng thù lao của HĐQT, BKS xác định theo NQ số 22/NQ-ĐHĐCĐ ngày 5/5/2020 của ĐHĐCĐ thường niên 2020)			
2	Phương án 2 (Tổng thù lao của HĐQT, BKS xác định theo kiến nghị của Ban điều hành Công ty VCC)			

Ghi chú:

- Phiếu biểu quyết này chỉ có giá trị tại phiên họp ĐHĐCĐ thường niên năm 2021.
- Cổ đông lựa chọn 1 trong 3 phương án "Tán thành", "Không tán thành", "Không có ý kiến" ghi trên phiếu. Trường hợp không đánh dấu ở nào được coi là lựa chọn phương án "Không có ý kiến".
- Cổ đông chỉ được lựa chọn "Tán thành" cho 1 trong 2 phương án xác định Tổng thù lao HĐQT, BKS.
- Các phiếu sau được coi là không hợp lệ:
 - Phiếu không do Công ty phát hành (không theo mẫu quy định, không có dấu của Công ty trên phiếu biểu quyết).
 - Phiếu tẩy xóa hoặc phiếu lựa chọn hơn 1 phương án ghi trên phiếu.
 - Phiếu lựa chọn "Tán thành" cho cả 2 phương án xác định Tổng thù lao HĐQT, BKS.

Handwritten signature and initials

CÔNG TY CP TƯ VẤN XÂY DỰNG CÔNG NGHIỆP VÀ ĐÔ THỊ VIỆT NAM
ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2021

PHIẾU BIỂU QUYẾT
Thông qua lựa chọn đơn vị kiểm toán

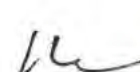
Mã số Cổ đông:

Số CPH:

STT	Nội dung biểu quyết	Tán thành	Không tán thành	Không có ý kiến
(A)	(B)	(1)	(2)	(3)
	Thông qua lựa chọn đơn vị kiểm toán thực hiện soát xét BCTC bán niên và kiểm toán BCTC năm 2021:			
1	Công ty TNHH Kiểm toán CPA Vietnam			
2	Công ty TNHH Kiểm toán VACO			
3	Công ty TNHH Kiểm toán Quốc tế			
4	Công ty TNHH hãng kiểm toán AASC			
5	Công ty TNHH kiểm toán và tư vấn A&C			

Ghi chú:

- Phiếu biểu quyết này chỉ có giá trị tại phiên họp ĐHĐCĐ thường niên năm 2021.
- Cổ đông có thể lựa chọn 1 trong 3 phương án ghi trên phiếu đối với mỗi công ty kiểm toán được đề xuất trên Phiếu biểu quyết này. Trường hợp không đánh dấu ô nào được coi là lựa chọn phương án "Không có ý kiến".
- Các phiếu sau được coi là không hợp lệ:
 - Phiếu không do Công ty phát hành (không theo mẫu quy định, không có dấu của Công ty trên phiếu biểu quyết).
 - Phiếu tẩy xóa hoặc phiếu lựa chọn hơn 1 phương án ghi trên phiếu đối với mỗi đơn vị kiểm toán.
 - Phiếu chọn "Tán thành" cho hơn 1 đơn vị kiểm toán.

trú 

CÔNG TY CP TƯ VẤN XÂY DỰNG CÔNG NGHIỆP VÀ ĐÔ THỊ VIỆT NAM
ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2021

PHIẾU BIỂU QUYẾT
Thông qua Điều lệ công ty

Mã số Cổ đông:

Số CPSH:

STT	Nội dung biểu quyết	Tán thành	Không tán thành	Không có ý kiến
(A)	(B)	(1)	(2)	(3)
1	Thông qua Điều lệ Công ty cổ phần Tư vấn xây dựng công nghiệp và đô thị Việt Nam			

Ghi chú:

- Phiếu biểu quyết này chỉ có giá trị tại phiên họp ĐHĐCĐ thường niên năm 2021.
- Cổ đông có thể lựa chọn 1 trong 3 phương án ghi trên phiếu. Trường hợp không đánh dấu ô nào được coi là lựa chọn phương án "Không có ý kiến".
- Các phiếu sau được coi là không hợp lệ:
 - Phiếu không do Công ty phát hành (không theo mẫu quy định, không có dấu của Công ty trên phiếu biểu quyết).
 - Phiếu tẩy xóa hoặc phiếu lựa chọn hơn 1 phương án ghi trên phiếu.

Handwritten signature

CÔNG TY CP TƯ VẤN XÂY DỰNG CÔNG NGHIỆP VÀ ĐÔ THỊ VIỆT NAM
ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2021

PHIẾU BIỂU QUYẾT
Thông qua Quy chế nội bộ về quản trị công ty

Mã số Cổ đông: _____

Số CPSH: _____

STT	Nội dung biểu quyết	Tán thành	Không tán thành	Không có ý kiến
(A)	(B)	(1)	(2)	(3)
1	Thông qua Quy chế nội bộ về quản trị Công ty cổ phần Tư vấn xây dựng công nghiệp và đô thị Việt Nam			

Ghi chú:

- Phiếu biểu quyết này chỉ có giá trị tại phiên họp ĐHĐCĐ thường niên năm 2021.
- Cổ đông có thể lựa chọn 1 trong 3 phương án ghi trên phiếu. Trường hợp không đánh dấu ô nào được coi là lựa chọn phương án "Không có ý kiến".
- Các phiếu sau được coi là không hợp lệ:
 - Phiếu không do Công ty phát hành (không theo mẫu quy định, không có dấu của Công ty trên phiếu biểu quyết).
 - Phiếu tẩy xóa hoặc phiếu lựa chọn hơn 1 phương án ghi trên phiếu.

Handwritten signature

CÔNG TY CP TƯ VẤN XÂY DỰNG CÔNG NGHIỆP VÀ ĐÔ THỊ VIỆT NAM
ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2021

PHIẾU BIỂU QUYẾT
Thông qua Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị

Mã số Cổ đông:

Số CPSH:

STT	Nội dung biểu quyết	Tán thành	Không tán thành	Không có ý kiến
(A)	(B)	(1)	(2)	(3)
1	Thông qua Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Tư vấn xây dựng công nghiệp và đô thị Việt Nam			

Ghi chú:

- Phiếu biểu quyết này chỉ có giá trị tại phiên họp ĐHĐCĐ thường niên năm 2021.
- Cổ đông có thể lựa chọn 1 trong 3 phương án ghi trên phiếu. Trường hợp không đánh dấu ô nào được coi là lựa chọn phương án "Không có ý kiến".
- Các phiếu sau được coi là không hợp lệ:
 - Phiếu không do Công ty phát hành (không theo mẫu quy định, không có dấu của Công ty trên phiếu biểu quyết).
 - Phiếu tẩy xóa hoặc phiếu lựa chọn hơn 1 phương án ghi trên phiếu.

Handwritten signature

CÔNG TY CP TƯ VẤN XÂY DỰNG CÔNG NGHIỆP VÀ ĐÔ THỊ VIỆT NAM
ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2021

PHIẾU BIỂU QUYẾT
Thông qua Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát

Mã số Cổ đông:

Số CPSH:

STT	Nội dung biểu quyết	Tán thành	Không tán thành	Không có ý kiến
(A)	(B)	(1)	(2)	(3)
1	Thông qua Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát Công ty cổ phần Tư vấn xây dựng công nghiệp và đô thị Việt Nam			

Ghi chú:

- Phiếu biểu quyết này chỉ có giá trị tại phiên họp ĐHĐCĐ thường niên năm 2021.
- Cổ đông có thể lựa chọn 1 trong 3 phương án ghi trên phiếu. Trường hợp không đánh dấu ô nào được coi là lựa chọn phương án "Không có ý kiến".
- Các phiếu sau được coi là không hợp lệ:
 - Phiếu không do Công ty phát hành (không theo mẫu quy định, không có dấu của Công ty trên phiếu biểu quyết).
 - Phiếu tẩy xóa hoặc phiếu lựa chọn hơn 1 phương án ghi trên phiếu.

104/16

CÔNG TY CP TƯ VẤN XÂY DỰNG CÔNG NGHIỆP VÀ ĐÔ THỊ VIỆT NAM
ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2021

PHIẾU BIỂU QUYẾT
Thông qua danh sách miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên HĐQT

Mã số Cổ đông:

Số CPSH:

STT	Nội dung biểu quyết	Tán thành	Không tán thành	Không có ý kiến
(A)	(B)	(1)	(2)	(3)
	Thông qua danh sách miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên HĐQT:			
1				

Ghi chú:

- Phiếu biểu quyết này chỉ có giá trị tại phiên họp ĐHĐCĐ thường niên năm 2021.
- Cổ đông có thể lựa chọn 1 trong 3 phương án ghi trên phiếu đối với mỗi thành viên HĐQT. Trường hợp không đánh dấu ô nào được coi là lựa chọn phương án "Không có ý kiến".
- Các phiếu sau được coi là không hợp lệ:
 - Phiếu không do Công ty phát hành (không theo mẫu quy định, không có dấu của Công ty trên phiếu biểu quyết).
 - Phiếu tẩy xóa hoặc phiếu lựa chọn hơn 1 phương án ghi trên phiếu đối với mỗi thành viên HĐQT.

CÔNG TY CP TƯ VẤN XÂY DỰNG CÔNG NGHIỆP VÀ ĐÔ THỊ VIỆT NAM
ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2021

PHIẾU BIỂU QUYẾT
Thông qua danh sách miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên BKS

Mã số Cổ đông:

Số CPSH:

STT	Nội dung biểu quyết	Tán thành	Không tán thành	Không có ý kiến
(A)	(B)	(1)	(2)	(3)
	Thông qua danh sách miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên BKS:			
1				

Ghi chú:

- Phiếu biểu quyết này chỉ có giá trị tại phiên họp ĐHĐCĐ thường niên năm 2021.
- Cổ đông có thể lựa chọn 1 trong 3 phương án ghi trên phiếu đối với mỗi thành viên BKS. Trường hợp không đánh dấu ô nào được coi là lựa chọn phương án "Không có ý kiến".
- Các phiếu sau được coi là không hợp lệ:
 - Phiếu không do Công ty phát hành (không theo mẫu quy định, không có dấu của Công ty trên phiếu biểu quyết).
 - Phiếu tẩy xóa hoặc phiếu lựa chọn hơn 1 phương án ghi trên phiếu đối với mỗi thành viên BKS.

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

ĐƠN ỨNG CỬ
THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 - Công ty cổ phần Tư vấn xây dựng công nghiệp và đô thị Việt Nam

Tôi tên là (tổ chức/cá nhân):

CMND/ĐKKD số:Ngày cấp:Nơi cấp:.....

Địa chỉ thường trú:.....

Hiện đang sở hữu/đại diện sở hữu:Cổ phần (Bằng chữ:.....
.....)

Sau khi nghiên cứu và xét thấy bản thân đã thoả mãn các điều kiện được quy định của pháp luật hiện hành và Điều lệ Công ty, tôi làm đơn này đề nghị được tham gia ứng cử Thành viên Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Tư vấn xây dựng công nghiệp và đô thị Việt Nam.

Hồ sơ gửi kèm theo bao gồm:

- Sơ yếu lý lịch có xác nhận của cơ quan có thẩm quyền.
- Bản sao chứng minh thư nhân dân.
- Bản sao giấy chứng nhận trình độ chuyên môn.
- Giấy đề cử (nếu ứng viên được nhóm cổ đông đề cử).

Nếu được các cổ đông tín nhiệm bầu làm Thành viên Hội đồng quản trị, tôi xin đem năng lực và tâm huyết của bản thân để đóng góp cho sự phát triển của Công ty cổ phần Tư vấn xây dựng công nghiệp và đô thị Việt Nam, luôn tuân thủ nghiêm chỉnh các quy định hiện hành của pháp luật và điều lệ Công ty.

Trân trọng cảm ơn./.

Hà Nội, ngày tháng năm 2021

CỔ ĐÔNG

(Ký và ghi rõ họ tên, đóng dấu nếu có)

Handwritten signature

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

ĐƠN ỨNG CỬ
THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 - Công ty cổ phần Tư vấn xây dựng công nghiệp và đô thị Việt Nam

Tôi tên là (tổ chức/cá nhân):

CMND/ĐKKD số:Ngày cấp:Nơi cấp:.....

Địa chỉ thường trú:.....

Hiện đang sở hữu/đại diện sở hữu:Cổ phần (Bằng chữ:.....
.....)

Sau khi nghiên cứu và xét thấy bản thân đã thoả mãn các điều kiện được quy định của pháp luật hiện hành và Điều lệ Công ty, tôi làm đơn này đề nghị được tham gia ứng cử Thành viên Ban Kiểm soát Công ty cổ phần Tư vấn xây dựng công nghiệp và đô thị Việt Nam.

Hồ sơ gửi kèm theo bao gồm:

- Sơ yếu lý lịch có xác nhận của cơ quan có thẩm quyền.
- Bản sao chứng minh thư nhân dân.
- Bản sao giấy chứng nhận trình độ chuyên môn.
- Giấy đề cử (nếu ứng viên được nhóm cổ đông đề cử).

Nếu được các cổ đông tín nhiệm bầu làm Thành viên Ban Kiểm soát, tôi xin đem năng lực và tâm huyết của bản thân để đóng góp cho sự phát triển của Công ty cổ phần Tư vấn xây dựng công nghiệp và đô thị Việt Nam, luôn tuân thủ nghiêm chỉnh các quy định hiện hành của pháp luật và điều lệ Công ty.

Trân trọng cảm ơn./.

Hà Nội, ngày tháng năm 2021

CÓ ĐÔNG

(Ký và ghi rõ họ tên, đóng dấu nếu có)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

ĐƠN ĐỀ CỬ
THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN XÂY DỰNG CÔNG NGHIỆP VÀ ĐÔ THỊ
VIỆT NAM

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 - Công ty cổ phần Tư vấn xây dựng công nghiệp và đô thị Việt Nam

Tôi/chúng tôi là cổ đông (những cổ đông) của Công ty cổ phần Tư vấn xây dựng công nghiệp và đô thị Việt Nam nắm giữcổ phần (bằng chữ:), chiếm% số cổ phần có quyền biểu quyết của Công ty, có tên trong danh sách dưới đây:

TT	Họ và tên	Số CMND	Mã số CĐ	Địa chỉ	Số CP sở hữu	Ký tên

Sau khi nghiên cứu dự thảo Quy chế bầu cử thành viên Hội đồng quản trị và Ban Kiểm soát Công ty cổ phần Tư vấn xây dựng công nghiệp và đô thị Việt Nam tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021, tôi/chúng tôi đồng ý đề cử:

Ông (bà) có tên trong danh sách sau tham gia ứng cử bầu Thành viên Hội đồng quản trị:

TT	Họ và tên	Số CMND	Địa chỉ	Trình độ học vấn	Số lượng CP sở hữu

bu

Đồng thời, chúng tôi thống nhất cử (áp dụng trong trường hợp nhóm cổ đông đề cử):

Ông (bà)

Số CMND: Nơi cấp Ngày cấp:

Địa chỉ thường trú:

Làm đại diện nhóm để thực hiện các thủ tục đề cử theo đúng Quy chế bầu cử Thành viên Hội đồng quản trị và Ban Kiểm soát tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021.

Tôi (chúng tôi) hoàn toàn chịu trách nhiệm về việc đề cử này và cam kết nghiêm chỉnh tuân thủ các quy định hiện hành của pháp luật và điều lệ Công ty.

Trân trọng cảm ơn./.

Hà Nội, ngày tháng năm 2021

CỔ ĐÔNG/ĐẠI DIỆN CỔ ĐÔNG
(Ký và ghi rõ họ tên, đóng dấu nếu có)

Handwritten signature

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

ĐƠN ĐỀ CỬ
THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT
CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN XÂY DỰNG CÔNG NGHIỆP VÀ ĐÔ THỊ
VIỆT NAM

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 - Công ty cổ phần Tư vấn xây dựng công nghiệp và đô thị Việt Nam

Tôi/chúng tôi là cổ đông (những cổ đông) của Công ty cổ phần Tư vấn xây dựng công nghiệp và đô thị Việt Nam nắm giữ cổ phần (bằng chữ:), chiếm% số cổ phần có quyền biểu quyết của Công ty, có tên trong danh sách dưới đây:

TT	Họ và tên	Số CMND	Mã số CĐ	Địa chỉ	Số CP sở hữu	Ký tên

Sau khi nghiên cứu dự thảo Quy chế bầu cử thành viên Hội đồng quản trị và Ban Kiểm soát Công ty cổ phần Tư vấn xây dựng công nghiệp và đô thị Việt Nam tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021, tôi/chúng tôi đồng ý đề cử:

Ông (bà) có tên trong danh sách sau tham gia ứng cử bầu Thành viên Ban Kiểm soát:

TT	Họ và tên	Số CMND	Địa chỉ	Trình độ học vấn	Số lượng CP sở hữu

lau

Đồng thời, chúng tôi thống nhất cử (áp dụng trong trường hợp nhóm cổ đông đề cử):

Ông (bà)

Số CMND: Nơi cấp Ngày cấp:

Địa chỉ thường trú:

Làm đại diện nhóm để thực hiện các thủ tục đề cử theo đúng Quy chế bầu cử thành viên Hội đồng quản trị và Ban Kiểm soát tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021.

Tôi (chúng tôi) hoàn toàn chịu trách nhiệm về việc đề cử này và cam kết nghiêm chỉnh tuân thủ các quy định hiện hành của pháp luật và điều lệ Công ty.

Trân trọng cảm ơn./.

Hà Nội, ngày tháng năm 2021
CỔ ĐÔNG/ĐẠI DIỆN CỔ ĐÔNG
(Ký và ghi rõ họ tên, đóng dấu nếu có)

Handwritten signature

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

SƠ YẾU LÝ LỊCH

**CỦA ỨNG CỬ VIÊN THAM GIA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ/BAN KIỂM SOÁT
CÔNG TY CP TƯ VẤN XÂY DỰNG CÔNG NGHIỆP VÀ ĐÔ THỊ VIỆT NAM**

Ảnh mẫu
4x6cm
(có đóng dấu
giáp lai của
cơ quan
xác nhận lý
lịch)

1. Họ và tên:
2. Giới tính:
3. Ngày sinh:
4. Nơi sinh:
5. Quốc tịch:
6. Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú hiện nay:
7. Chứng minh thư nhân dân số:
8. Điện thoại liên hệ:
9. Trình độ chuyên môn:
10. Chức vụ đang nắm giữ tại Công ty:
11. Chức vụ đang nắm giữ tại các tổ chức khác:
12. Quá trình công tác:

Nơi cấp:

<i>Thời gian (Từ tháng năm đến tháng năm)</i>	Đơn vị công tác	Chức vụ

10/11/2011

13. Hành vi vi phạm pháp luật:

14. Sở hữu chứng khoán của cá nhân và người có liên quan trong Công ty:

- Sở hữu cá nhân: cổ phần, chiếm tỷ lệ % vốn điều lệ của Công ty.

- Sở hữu đại diện: cổ phần, chiếm tỷ lệ % vốn điều lệ của Công ty.

- Sở hữu của người có liên quan (họ tên, mối quan hệ, số lượng, tỷ lệ nắm giữ):

Họ tên người có liên quan	Mối quan hệ	Số lượng cổ phần nắm giữ	Tỷ lệ nắm giữ

16. Các khoản nợ đối với Công ty:

17. Thù lao và lợi ích khác nhận được từ Công ty:

18. Lợi ích liên quan đối với Công ty:

Tôi xin cam đoan những lời khai trên là đúng sự thực, nếu sai tôi xin chịu trách nhiệm trước công ty và cơ quan có thẩm quyền theo quy định của pháp luật./.

...., ngày.....tháng.....năm 2021
Xác nhận của chính quyền
địa phương/nơi công tác

...., ngày.....tháng.....năm 2021
Người khai
(ký và ghi rõ họ tên)

Handwritten signature and initials

CÔNG TY CP TƯ VẤN XÂY DỰNG CÔNG NGHIỆP VÀ ĐÔ THỊ VIỆT NAM
ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2021

PHIẾU BẦU
THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

I. Thông tin của cổ đông/Đại diện cổ đông:

Họ và tên cổ đông/Đại diện cổ đông:

Mã số cổ đông:

Tổng số cổ phần sở hữu và đại diện sở hữu:

Tổng số phiếu bầu:

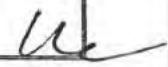
II. Phân bầu cử:

TT	Danh sách bầu cử Thành viên Hội đồng quản trị	Số phiếu bầu
	Tổng số phiếu bầu	

Ghi chú:

- Cổ đông có quyền bầu hết hoặc một phần tổng số phiếu bầu của mình cho một hoặc một số ứng viên đã được ĐHĐCD thông qua, phần phiếu còn lại có thể không bầu cho bất kỳ ứng cử viên nào.

- Tổng số phiếu bầu cho các ứng cử viên không vượt quá tổng số phiếu được quyền bầu ghi ở phần thông tin cổ đông.

10/7 01 

CÔNG TY CP TƯ VẤN XÂY DỰNG CÔNG NGHIỆP VÀ ĐÔ THỊ VIỆT NAM
ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2021

PHIẾU BẦU
THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT

I. Thông tin của cổ đông/Đại diện cổ đông:

Họ và tên cổ đông/Đại diện cổ đông:

Mã số cổ đông:

Tổng số cổ phần sở hữu và đại diện sở hữu:

Tổng số phiếu bầu:

II. Phân bầu cử:

TT	Danh sách bầu cử Thành viên Ban kiểm soát	Số phiếu bầu
	Tổng số phiếu bầu	

Ghi chú:

- Cổ đông có quyền bầu hết hoặc một phần tổng số phiếu bầu của mình cho một hoặc một số ứng viên đã được ĐHĐCĐ thông qua, phần phiếu còn lại có thể không bầu cho bất kỳ ứng cử viên nào.

- Tổng số phiếu bầu cho các ứng cử viên không vượt quá tổng số phiếu được quyền bầu ghi ở phần thông tin cổ đông.

Handwritten signature and date

(Bản thảo – 280621)

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

ĐIỀU LỆ
CÔNG TY CP TƯ VẤN XÂY DỰNG
CÔNG NGHIỆP VÀ ĐÔ THỊ VIỆT NAM

(Điều lệ sửa đổi năm 2021)

Hà Nội, tháng năm 2021

trú

u ⁰ *sp*

MỤC LỤC

	Trang
PHẦN MỞ ĐẦU	4
Chương I: ĐỊNH NGHĨA CÁC THUẬT NGỮ TRONG ĐIỀU LỆ	4
Điều 1. Giải thích thuật ngữ.....	4
Chương II: TÊN, HÌNH THỨC, TRỤ SỞ, CHI NHÁNH, VĂN PHÒNG ĐẠI DIỆN, THỜI HẠN HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY VÀ NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA CÔNG TY	4
Điều 2. Tên, hình thức, trụ sở, chi nhánh, văn phòng đại diện và thời hạn hoạt động của Công ty	4
Điều 3. Người đại diện theo pháp luật của công ty	5
Chương III: MỤC TIÊU, PHẠM VI KINH DOANH VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY	6
Điều 4. Mục tiêu hoạt động và lĩnh vực kinh doanh của công ty	6
Điều 5. Phạm vi kinh doanh và hoạt động	8
Chương IV: VỐN ĐIỀU LỆ, CỔ PHẦN	8
Điều 6: Vốn điều lệ, cổ phần	8
Điều 7. Chứng nhận cổ phiếu	9
Điều 8. Chứng chỉ chứng khoán khác	10
Điều 9. Chuyển nhượng cổ phần	10
Chương V: CƠ CẤU TỔ CHỨC, QUẢN TRỊ VÀ KIỂM SOÁT	10
Điều 10. Cơ cấu tổ chức, quản lý và kiểm soát	10
Chương VI: CỔ ĐÔNG VÀ ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG	10
Điều 11. Quyền của cổ đông	10
Điều 12. Nghĩa vụ của cổ đông	12
Điều 13. Đại hội đồng cổ đông	13
Điều 14. Quyền và nghĩa vụ của Đại hội đồng cổ đông	14
Điều 15. Ủy quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông	16
Điều 16. Thay đổi các quyền	16
Điều 17. Triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông, chương trình họp và thông báo họp Đại hội đồng cổ đông	17
Điều 18. Các điều kiện tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông	18
Điều 19. Thủ tục tiến hành họp và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng CD.	18

[Handwritten signature]

[Handwritten signature]

[Handwritten signature]

Điều 20. Điều kiện đề nghị quyết Đại hội đồng cổ đông được thông qua	20
Điều 21. Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông	21
Điều 22. Nghị quyết, Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông	23
Điều 23. Yêu cầu hủy bỏ Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông	24
Chương VII: HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ.....	24
Điều 24. Ứng cử, đề cử thành viên Hội đồng quản trị	24
Điều 25. Thành phần và nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị	25
Điều 26. Quyền hạn và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị	25
Điều 27. Thù lao, thưởng và lợi ích khác của thành viên Hội đồng quản trị ..	27
Điều 28. Chủ tịch Hội đồng quản trị	28
Điều 29. Cuộc họp của Hội đồng quản trị	29
Điều 30. Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị	30
Điều 31. Người phụ trách quản trị công ty	31
Chương VIII: TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ NGƯỜI ĐIỀU HÀNH KHÁC	32
Điều 32. Tổ chức bộ máy quản lý	32
Điều 33. Người điều hành Công ty	32
Điều 34. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, nhiệm vụ và quyền hạn của Tổng giám đốc.	32
Chương IX: BAN KIỂM SOÁT.....	33
Điều 35. Ứng cử, đề cử Kiểm soát viên	33
Điều 36. Thành phần Ban kiểm soát	33
Điều 37. Trưởng Ban kiểm soát	34
Điều 38. Quyền và nghĩa vụ của Ban kiểm soát	34
Điều 39. Cuộc họp của Ban kiểm soát	35
Điều 40. Tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác của thành viên Ban KS.	35
Chương X: TRÁCH NHIỆM CỦA THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT, TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ NGƯỜI ĐIỀU HÀNH KHÁC	36
Điều 41. Trách nhiệm trung thực và tránh các xung đột về quyền lợi	36
Điều 42. Trách nhiệm về thiệt hại và bồi thường	37
Chương XI: QUYỀN TRA CỨU SỔ SÁCH VÀ HỒ SƠ CÔNG TY	37
Điều 43. Quyền tra cứu sổ sách và hồ sơ	37

Chương XII: CÔNG NHÂN VIÊN VÀ CÔNG ĐOÀN	38
Điều 44. Công nhân viên và công đoàn	38
Chương XIII: PHÂN PHỐI LỢI NHUẬN	38
Điều 45. Phân phối lợi nhuận	38
Chương XIV: TÀI KHOẢN NGÂN HÀNG, NĂM TÀI CHÍNH VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN.....	39
Điều 46. Tài khoản ngân hàng	39
Điều 47. Năm tài chính	40
Điều 48. Chế độ kế toán	40
Chương XV: BÁO CÁO TÀI CHÍNH, BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN VÀ TRÁCH NHIỆM CÔNG BỐ THÔNG TIN	41
Điều 49. Báo cáo tài chính năm, bán niên và quý	41
Điều 50. Báo cáo thường niên	41
Chương XVI: KIỂM TOÁN CÔNG TY	41
Điều 51. Kiểm toán	41
Chương XVII: DẤU CỦA CÔNG TY	41
Điều 52. Dấu của công ty	41
Chương XVIII: GIẢI THỂ CÔNG TY	41
Điều 53. Giải thể công ty	41
Điều 54. Thanh lý	41
Chương XIX: GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP NỘI BỘ	42
Điều 55. Giải quyết tranh chấp nội bộ	42
Chương XX: BỔ SUNG VÀ SỬA ĐỔI ĐIỀU LỆ	43
Điều 56. Bổ sung và sửa đổi Điều lệ	43
Chương XXI: NGÀY HIỆU LỰC	43
Điều 57. Ngày hiệu lực	43

lml

u

3
cyg

PHẦN MỞ ĐẦU

Điều lệ này được thông qua theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông số ...ngày .. tháng .. năm 2021

Chương I

ĐỊNH NGHĨA CÁC THUẬT NGỮ TRONG ĐIỀU LỆ

Điều 1. Giải thích thuật ngữ

1. Trong Điều lệ này, những thuật ngữ dưới đây được hiểu như sau:

a) *Vốn điều lệ* là tổng mệnh giá cổ phần đã bán và quy định tại Điều 6 Điều lệ này.

c) *Luật Doanh nghiệp* là Luật Doanh nghiệp năm 2020

d) *Luật Chứng khoán* là Luật Chứng khoán năm 2019

g) *Người điều hành doanh nghiệp* là Tổng giám đốc, Phó tổng giám đốc, Kế toán trưởng;

h) *Người quản lý Công ty* là Chủ tịch Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc.

i) *Người có liên quan* là cá nhân, tổ chức được quy định tại khoản 46 Điều 4 Luật Chứng khoán;

k) *Cổ đông* là cá nhân, tổ chức sở hữu ít nhất một cổ phần của công ty;

l) *Cổ đông lớn* là cổ đông được quy định tại khoản 18 Điều 4 Luật Chứng khoán;

m) *Thời hạn hoạt động* là thời gian hoạt động của Công ty được quy định tại Điều 2 Điều lệ này và thời gian gia hạn (nếu có) được Đại hội đồng cổ đông của Công ty thông qua;

n) *Sở giao dịch chứng khoán* là Sở giao dịch chứng khoán Việt Nam.

2. Các tiêu đề (chương, điều của Điều lệ này) được sử dụng nhằm thuận tiện cho việc hiểu nội dung và không ảnh hưởng tới nội dung của Điều lệ này.

Chương II

TÊN, HÌNH THỨC, TRỤ SỞ, CHI NHÁNH, VĂN PHÒNG ĐẠI DIỆN, THỜI HẠN HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY VÀ NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA CÔNG TY

Điều 2. Tên, hình thức, trụ sở, chi nhánh, văn phòng đại diện và thời hạn hoạt động của Công ty

1. Tên Công ty

Tên tiếng Việt: Công ty cổ phần Tư vấn Xây dựng Công nghiệp và Đô thị Việt Nam.

Tên tiếng Anh: VCC Engineering Consultants Joint-Stock Company.

Tên giao dịch: Công ty cổ phần Tư vấn Xây dựng Công nghiệp và Đô thị Việt Nam.

Tên viết tắt: VCC

2. Công ty là công ty cổ phần có tư cách pháp nhân phù hợp với pháp luật hiện hành của Việt Nam.

3. Trụ sở đăng ký của Công ty là:

Địa chỉ: Tầng 8 - 11 toà nhà số 10, phố Hoa Lư, phường Lê Đại Hành, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội.

Điện thoại: (+84 4) 22205889

Fax: (+84 4) 22206366

E-mail: vcc@vcc.com.vn

Website:ww.vcc.com.vn

4. Công ty có thể thành lập chi nhánh và văn phòng đại diện tại địa bàn kinh doanh để thực hiện các mục tiêu hoạt động của Công ty phù hợp với quyết định của Hội đồng quản trị và trong phạm vi luật pháp cho phép.

5. Trừ khi chấm dứt hoạt động trước thời hạn quy định tại khoản 2 Điều 53, thời hạn hoạt động của Công ty là vô thời hạn kể từ ngày thành lập.

Điều 3. Người đại diện theo pháp luật của công ty

1. Công ty có một (01) người đại diện theo pháp luật là Tổng Giám đốc công ty.

2. Người đại diện theo pháp luật của Công ty là cá nhân đại diện cho Công ty thực hiện các quyền và nghĩa vụ phát sinh từ giao dịch của Công ty, đại diện cho Công ty với tư cách người yêu cầu giải quyết việc dân sự, nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trước Trọng tài, Tòa án và các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật.

3. Người đại diện theo pháp luật của Công ty phải cư trú ở Việt Nam; trường hợp xuất cảnh khỏi Việt Nam thì phải ủy quyền bằng văn bản cho người khác để thực hiện quyền và nhiệm vụ của người đại diện theo pháp luật của Công ty.

4. Trường hợp hết thời hạn ủy quyền mà người đại diện theo pháp luật của Công ty chưa trở lại Việt Nam và không có ủy quyền khác thì người được ủy quyền vẫn tiếp tục thực hiện các quyền và nghĩa vụ của người đại diện theo pháp luật của Công ty trong phạm vi đã được ủy quyền cho đến khi người đại diện theo pháp luật của Công ty trở lại làm việc tại Công ty hoặc cho đến khi Hội đồng quản trị quyết định cử người khác làm người đại diện theo pháp luật của Công ty.

5. Trường hợp Người đại diện theo pháp luật vắng mặt tại Việt Nam quá ba mươi (30) ngày mà không ủy quyền cho người khác thực hiện các quyền và nghĩa vụ của người đại diện theo pháp luật của Công ty hoặc chết, mất tích,

VCC

W

[Signature]

đang bị truy cứu trách nhiệm hình sự, bị tạm giam, đang chấp hành hình phạt tù, đang chấp hành biện pháp xử lý hành chính tại cơ sở cai nghiện bắt buộc, cơ sở giáo dục bắt buộc, bị hạn chế hoặc mất năng lực hành vi dân sự, có khó khăn trong nhận thức, làm chủ hành vi, bị Tòa án cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định thì Hội đồng quản trị cử người khác làm người đại diện theo pháp luật của Công ty.

Chương III

MỤC TIÊU, PHẠM VI KINH DOANH VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

Điều 4. Mục tiêu hoạt động và lĩnh vực kinh doanh của công ty

1. Mục tiêu hoạt động:

Công ty không ngừng nâng cao thương hiệu của Công ty; Tìm kiếm cơ hội đầu tư, mở rộng thị trường nhằm bảo toàn và phát triển vốn của các cổ đông, kinh doanh có lãi mang lại lợi nhuận cao nhất cho các cổ đông, quan tâm đến việc làm và thu nhập cho người lao động, đồng thời thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ đối với Nhà nước.

2. Lĩnh vực kinh doanh của Công ty

a) Ngành, nghề kinh doanh của công ty

- Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan

Quy hoạch xây dựng vùng, quy hoạch tỉnh, quy hoạch đô thị, quy hoạch nông thôn, quy hoạch chung, quy hoạch chi tiết khu đô thị, khu công nghiệp, khu công nghệ cao, khu kinh tế đặc thù, cụm công nghiệp và điểm dân cư nông thôn;

Đo đạc, đo vẽ bản đồ địa hình, địa chính; đo độ lún; đo độ nghiêng; đo độ chuyển dịch và định vị công trình;

Khảo sát địa chất công trình;

Tư vấn thiết kế: Các công trình công nghiệp, dân dụng, thủy lợi, hàng không, đường sắt, cầu, đường bộ, hạ tầng kỹ thuật khu công nghiệp và khu đô thị; Hệ thống thông gió, điều hòa không khí công trình xây dựng; Hệ thống cấp thoát nước và xử lý nước thải; Khai thác nước ngầm và xử lý chất thải rắn; Hệ thống điện công trình dân dụng và công nghiệp, thủy lợi, hàng không, đường sắt, cầu, đường bộ, hạ tầng kỹ thuật khu công nghiệp và khu đô thị; Hệ thống mạng thông tin - liên lạc công trình xây dựng; Phòng cháy chữa cháy công trình xây dựng; Phòng chống mối; Công trình đường dây và trạm biến áp đến 35KV;

Tư vấn thẩm tra thiết kế xây dựng công trình (chỉ hoạt động trong phạm vi chứng chỉ hành nghề đã đăng ký);

Tư vấn đấu thầu các gói thầu tư vấn, thi công xây lắp, mua sắm, lắp đặt thiết bị;

Tư vấn quản lý dự án đầu tư xây dựng; Quản lý chi phí đầu tư xây dựng công trình;







Tư vấn giám sát thi công xây dựng và hoàn thiện: Công trình xây dựng công nghiệp, dân dụng, cầu, đường bộ, hạ tầng kỹ thuật, thủy lợi, hàng không, đường sắt, hạ tầng kỹ thuật khu công nghiệp và khu đô thị, cấp thoát nước công trình xây dựng, đường dây và trạm biến áp có điện áp đến 110KV

Tư vấn giám sát lắp đặt thiết bị công trình và thiết bị công nghệ điện công trình dân dụng, công nghiệp; Thiết bị công nghệ cấp thoát nước công trình xây dựng;

Thi công nội, ngoại thất, ứng dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật thi công xây dựng các công trình công nghiệp, dân dụng, giao thông, thủy lợi, hàng không, đường sắt và hạ tầng kỹ thuật khu công nghiệp, khu đô thị;

Tư vấn xây dựng hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn ISO;

- Kiểm tra và phân tích kỹ thuật: Thí nghiệm xác định chỉ tiêu kỹ thuật của đất, đá, nền móng công trình xây dựng; kiểm định các cấu kiện xây dựng và chất lượng công trình; Xác định hiện trạng; đánh giá nguyên nhân sự cố và giải pháp xử lý công trình xây dựng; Kiểm tra và chứng nhận sự phù hợp về chất lượng công trình xây dựng; Kiểm định, giám định và chứng nhận đủ điều kiện đảm bảo an toàn chịu lực, chứng nhận sự phù hợp về chất lượng công trình xây dựng;

- Bồi dưỡng và tập huấn về công tác tư vấn xây dựng;

- Hoạt động chuyên môn, khoa học và công nghệ khác: Dịch vụ dịch thuật; Tư vấn về kinh tế xây dựng cho các dự án đầu tư xây dựng; Tư vấn xin giấy phép đầu tư dự án, thành lập doanh nghiệp; Nghiên cứu khoa học và chuyển giao công nghệ; kinh doanh và chuyển giao công nghệ xây dựng các nhà máy sản xuất vật liệu xây dựng; Lập báo cáo đánh giá tác động môi trường, lập bản đăng ký đạt tiêu chuẩn môi trường; Lập báo cáo đánh giá môi trường chiến lược; Lập bản cam kết bảo vệ môi trường;

- Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác: Xử lý nền móng các loại công trình; Tổng thầu tư vấn trong nước và quốc tế các công trình dân dụng, công nghiệp, giao thông thủy lợi, hàng không, đường sắt, cầu đường bộ, hạ tầng kỹ thuật khu công nghiệp, khu đô thị.

- Kinh doanh bất động sản, kinh doanh hạ tầng kỹ thuật khu đô thị, khu công nghiệp và vệ sinh môi trường; Cho thuê, điều hành, quản lý nhà và đất không để ở;

- Hoạt động hỗ trợ dịch vụ tài chính: Hoạt động tư vấn đầu tư (không bao gồm tư vấn pháp luật, tài chính, kế toán, kiểm toán, thuế và chứng khoán);

- Các ngành nghề khác mà pháp luật không cấm, không mâu thuẫn với các ngành nghề kinh doanh nêu trên, không trái với mục tiêu kinh doanh của Công ty.

b) Khách hàng của công ty là các chủ đầu tư các dự án từ nguồn vốn nhà nước, tư nhân, các đối tác trong và ngoài nước, từ mọi nguồn kinh tế với nguồn vốn đầu tư hợp pháp;

c) Đối tượng kinh doanh của các dịch vụ được nêu tại điểm a khoản 2 Điều này bao gồm:

[Handwritten signature]

[Handwritten signature]

[Handwritten signature]

- Tất cả các công trình xây dựng trong và ngoài nước, bao gồm và không giới hạn bởi các loại công trình sau:

- + Công trình xây dựng dân dụng và công nghiệp;
- + Công trình hạ tầng kỹ thuật: cấp thoát nước, cấp điện, môi trường, thông tin liên lạc;
- + Công trình giao thông: cầu, đường, đường sắt, bến cảng, sân bay...;
- + Công trình thủy lợi;
- + Công trình nông nghiệp;

- Tất cả các cấu phần chuyên môn trong một công trình, bao gồm và không giới hạn bởi các công việc chuyên môn sau:

- + Nền móng;
- + Kết cấu công trình;
- + Các hệ thống kỹ thuật: Điện, Cấp thoát nước, Điều hòa, Thông hơi, Cấp nhiệt, Hệ thống mạng máy tính, Phòng cháy chữa cháy, Hệ thống BMS, Xử lý nước thải, làm mát, Cấp gas, Khử trùng y tế...

- + Kiến trúc công trình;
- + Nội ngoại thất;
- + Hạ tầng ngoài nhà;
- + Cảnh quan cây xanh;
- + Chống mối.;

Điều 5. Phạm vi kinh doanh và hoạt động

1. Công ty được phép lập kế hoạch và tiến hành tất cả các hoạt động kinh doanh theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp và Điều lệ này, phù hợp với quy định của pháp luật hiện hành và thực hiện các biện pháp thích hợp để đạt được các mục tiêu của Công ty.

2. Công ty có thể tiến hành hoạt động kinh doanh trong các lĩnh vực khác được pháp luật cho phép và được Đại hội đồng cổ đông thông qua.

Chương IV

VỐN ĐIỀU LỆ, CỔ PHẦN

Điều 6. Vốn điều lệ, cổ phần

1. Vốn điều lệ của Công ty là 18.000.000.000 đồng (Bằng chữ: Mười tám tỷ đồng).

Tổng số vốn điều lệ của Công ty được chia thành 1.800.000 cổ phần với mệnh giá là 10.000 đồng/cổ phần (Mười nghìn đồng/cổ phần).

2. Công ty có thể thay đổi vốn điều lệ khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua và phù hợp với các quy định của pháp luật.

lưu *ll*

[Handwritten mark]

3. Các cổ phần của Công ty vào ngày thông qua Điều lệ này đều là cổ phần phổ thông. Các quyền và nghĩa vụ của cổ đông nắm giữ cổ phần phổ thông được quy định tại Điều 11, Điều 12 Điều lệ này.

4. Công ty có thể phát hành các loại cổ phần ưu đãi khác sau khi có sự chấp thuận của Đại hội đồng cổ đông và phù hợp với các quy định của pháp luật.

5. Cổ phần phổ thông phải được ưu tiên chào bán cho các cổ đông hiện hữu theo tỷ lệ tương ứng với tỷ lệ sở hữu cổ phần phổ thông của họ trong Công ty, trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông quyết định khác. Số cổ phần cổ đông không đăng ký mua hết sẽ do Hội đồng quản trị của Công ty quyết định. Hội đồng quản trị có thể phân phối số cổ phần đó cho các đối tượng theo các điều kiện và cách thức mà Hội đồng quản trị thấy là phù hợp, nhưng không được bán số cổ phần đó theo các điều kiện thuận lợi hơn so với những điều kiện đã chào bán cho các cổ đông hiện hữu trừ trường hợp cổ phần được bán qua Sở giao dịch chứng khoán theo phương thức đấu giá.

6. Công ty có thể mua cổ phần do chính công ty đã phát hành theo những cách thức được quy định trong Điều lệ này và pháp luật hiện hành. Cổ phần do Công ty mua lại là cổ phiếu quỹ và Hội đồng quản trị có thể chào bán theo những cách thức phù hợp với quy định của Điều lệ này, Luật Chứng khoán và văn bản hướng dẫn liên quan.

7. Công ty có thể phát hành các loại chứng khoán khác khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua và phù hợp với quy định của pháp luật.

Điều 7. Chứng nhận cổ phiếu

1. Cổ đông của Công ty được cấp chứng nhận cổ phiếu tương ứng với số cổ phần và loại cổ phần sở hữu.

2. Chứng nhận cổ phiếu phải có dấu của Công ty và chữ ký của đại diện theo pháp luật của Công ty theo các quy định tại Luật Doanh nghiệp. Chứng nhận cổ phiếu phải ghi rõ số lượng và loại cổ phiếu mà cổ đông nắm giữ, họ và tên người nắm giữ và các thông tin khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp.

3. Trong thời hạn ba mươi (30) ngày kể từ ngày nộp đầy đủ hồ sơ đề nghị chuyển quyền sở hữu cổ phần theo quy định của Công ty hoặc trong thời hạn hai (02) tháng kể từ ngày thanh toán đầy đủ tiền mua cổ phần theo quy định tại phương án phát hành cổ phiếu của Công ty (hoặc thời hạn khác theo điều khoản phát hành quy định), người sở hữu số cổ phần được cấp chứng nhận cổ phiếu. Người sở hữu cổ phần không phải trả cho Công ty chi phí in chứng nhận cổ phiếu.

4. Trường hợp Chứng nhận cổ phiếu bị mất, bị hư hỏng hoặc bị hủy hoại dưới hình thức khác thì cổ đông được Công ty cấp lại cổ phiếu theo đề nghị của cổ đông đó với điều kiện phải đưa ra bằng chứng về việc sở hữu cổ phần và thanh toán mọi chi phí liên quan cho Công ty.

Đề nghị của cổ đông phải bao gồm các nội dung sau đây:

a) Thông tin về cổ phiếu đã bị mất, bị hư hỏng hoặc bị hủy hoại dưới hình thức khác;



b) Cam kết chịu trách nhiệm về những tranh chấp phát sinh từ việc cấp lại cổ phiếu mới.

Điều 8. Chứng chỉ chứng khoán khác

Chứng chỉ trái phiếu hoặc các chứng chỉ chứng khoán khác của Công ty (trừ các thư chào bán, các chứng chỉ tạm thời và các tài liệu tương tự) được phát hành có chữ ký của người đại diện theo pháp luật và dấu của Công ty.

Điều 9. Chuyển nhượng cổ phần

1. Cổ phần phổ thông của Công ty được tự do chuyển nhượng.
2. Việc chuyển nhượng được thực hiện bằng hợp đồng hoặc giao dịch trên thị trường chứng khoán. Trường hợp chuyển nhượng bằng hợp đồng thì giấy tờ chuyển nhượng phải được bên chuyển nhượng và bên nhận chuyển nhượng hoặc người đại diện theo ủy quyền của họ ký. Trường hợp giao dịch trên thị trường chứng khoán thì trình tự, thủ tục chuyển nhượng được thực hiện theo quy định của pháp luật về chứng khoán.

Chương V

CƠ CẤU TỔ CHỨC, QUẢN TRỊ VÀ KIỂM SOÁT

Điều 10. Cơ cấu tổ chức quản lý, quản trị và kiểm soát

Cơ cấu tổ chức quản lý, quản trị và kiểm soát của Công ty bao gồm:

1. Đại hội đồng cổ đông.
2. Hội đồng quản trị.
3. Ban kiểm soát.
4. Tổng giám đốc.

Chương VI

CỔ ĐÔNG VÀ ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

Điều 11. Quyền của cổ đông

1. Cổ đông là người chủ sở hữu Công ty, có các quyền và nghĩa vụ tương ứng theo số cổ phần và loại cổ phần mà họ sở hữu. Cổ đông chỉ chịu trách nhiệm về nợ và các nghĩa vụ tài sản khác của Công ty trong phạm vi số vốn đã góp vào Công ty.

2. Người nắm giữ cổ phần phổ thông có các quyền sau:

a) Tham dự và phát biểu trong các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và thực hiện quyền biểu quyết/bầu cử trực tiếp tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông hoặc thông qua người đại diện được uỷ quyền hoặc hình thức khác do Điều lệ Công ty, pháp luật quy định;

b) Nhận cổ tức với mức theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông;



c) Tự do chuyển nhượng cổ phần đã được thanh toán đầy đủ theo quy định của Điều lệ này và pháp luật hiện hành;

d) Được ưu tiên mua cổ phần mới chào bán tương ứng với tỷ lệ cổ phần phổ thông mà họ sở hữu;

đ) Xem xét, tra cứu và trích lục thông tin về tên và địa chỉ liên lạc trong danh sách cổ đông có quyền biểu quyết; yêu cầu sửa đổi các thông tin không chính xác của mình;

e) Xem xét, tra cứu, trích lục hoặc sao chụp Điều lệ công ty, biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và các nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông;

f) Trường hợp Công ty giải thể hoặc phá sản, được nhận một phần tài sản còn lại tương ứng với số cổ phần góp vốn vào công ty sau khi Công ty đã thanh toán cho chủ nợ và các cổ đông nắm giữ loại cổ phần khác của Công ty theo quy định của pháp luật;

g) Yêu cầu Công ty mua lại cổ phần của họ trong các trường hợp quy định tại Điều 132 của Luật Doanh nghiệp;

h) Các quyền khác theo quy định của Điều lệ này và pháp luật.

3. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ mười phần trăm (10%) tổng số cổ phần phổ thông trở lên có quyền sau đây:

Đề cử các ứng viên Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát theo quy định tương ứng tại Điều 24 và Điều 35 Điều lệ này;

Việc đề cử người vào Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát thực hiện như sau:

a) Các cổ đông phổ thông hợp thành nhóm để đề cử người vào Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát phải thông báo về việc hợp nhóm cho các cổ đông dự họp biết trước khi khai mạc Đại hội đồng cổ đông;

b) Căn cứ số lượng thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát, cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản này được quyền đề cử một hoặc một số người theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông làm ứng cử viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát. Trường hợp số ứng cử viên được cổ đông hoặc nhóm cổ đông đề cử thấp hơn số ứng cử viên mà họ được quyền đề cử theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông thì số ứng cử viên còn lại do Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và các cổ đông khác đề cử.

4. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ năm phần trăm (05%) tổng số cổ phần phổ thông trở lên có quyền sau đây:

a) Yêu cầu Hội đồng quản trị thực hiện việc triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo các quy định tại khoản 3 Điều 115 và Điều 140 Luật Doanh nghiệp.

b) Xem xét, tra cứu, trích lục sổ biên bản và nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị, báo cáo tài chính giữa năm và hằng năm, báo cáo của Ban kiểm soát, họp đồng, giao dịch phải thông qua Hội đồng quản trị và tài liệu khác, trừ tài liệu liên quan đến bí mật thương mại, bí mật kinh doanh của Công ty;





c) Yêu cầu Ban kiểm soát kiểm tra từng vấn đề cụ thể liên quan đến quản lý, điều hành hoạt động của Công ty khi xét thấy cần thiết. Yêu cầu phải bằng văn bản và phải bao gồm các nội dung sau đây: họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số giấy tờ pháp lý của tổ chức, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần và thời điểm đăng ký cổ phần của từng cổ đông, tổng số cổ phần của cả nhóm cổ đông và tỷ lệ sở hữu trong tổng số cổ phần của Công ty; vấn đề cần kiểm tra, mục đích kiểm tra;

d) Kiến nghị vấn đề đưa vào chương trình họp Đại hội đồng cổ đông. Kiến nghị phải bằng văn bản và được gửi đến Công ty chậm nhất là ba (03) ngày làm việc trước ngày khai mạc. Kiến nghị phải ghi rõ tên cổ đông, số lượng từng loại cổ phần của cổ đông, vấn đề kiến nghị đưa vào chương trình họp;

e) Các quyền khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

Điều 12. Nghĩa vụ của cổ đông

Cổ đông có các nghĩa vụ sau:

1. Tuân thủ Điều lệ Công ty và các Quy chế quản lý nội bộ của Công ty; chấp hành nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị.

2. Tham dự cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và thực hiện quyền biểu quyết/bầu cử thông qua các hình thức sau:

a) Tham dự và biểu quyết/bầu cử trực tiếp tại cuộc họp;

b) Ủy quyền cho người khác tham dự và biểu quyết tại cuộc họp;

c) Tham dự và biểu quyết/bầu cử thông qua họp trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức khác;

d) Gửi phiếu biểu quyết/bầu cử đến cuộc họp thông qua thư, fax, thư điện tử.

3. Thanh toán đủ và đúng hạn tiền mua cổ phần đã đăng ký mua theo quy định.

4. Cung cấp chính xác họ, tên, địa chỉ thường trú, số Thẻ căn cước công dân, Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số quyết định thành lập, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức khi đăng ký mua cổ phần và thông báo cho công ty khi có thay đổi về các nội dung trên.

5. Hoàn thành các nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật hiện hành.

6. Chịu trách nhiệm cá nhân khi nhân danh Công ty dưới mọi hình thức để thực hiện một trong các hành vi sau đây:

a) Vi phạm pháp luật;

b) Tiến hành kinh doanh và các giao dịch khác để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác;

c) Thanh toán các khoản nợ chưa đến hạn trước các rủi ro tài chính có thể xảy ra đối với Công ty.

lnur

u

[Signature]

7. Bảo mật các thông tin được công ty cung cấp theo quy định tại Điều lệ Công ty và pháp luật; chỉ sử dụng thông tin được cung cấp để thực hiện và bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình; nghiêm cấm phát tán hoặc sao, gửi thông tin được công ty cung cấp cho tổ chức, cá nhân khác.

Điều 13. Đại hội đồng cổ đông

1. Đại hội đồng cổ đông gồm tất cả cổ đông có quyền biểu quyết. Đại hội đồng cổ đông là cơ quan quyết định cao nhất của Công ty.

Đại hội cổ đông thường niên được tổ chức mỗi năm một lần và trong thời hạn bốn (04) tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính. Hội đồng quản trị quyết định gia hạn họp Đại hội đồng cổ đông thường niên trong trường hợp cần thiết, nhưng không quá sáu (06) tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính. Ngoài cuộc họp thường niên, Đại hội đồng cổ đông có thể họp bất thường. Địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông được xác định là nơi chủ tọa tham dự họp và phải ở trên lãnh thổ Việt Nam.

2. Hội đồng quản trị tổ chức triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông thường niên và lựa chọn địa điểm phù hợp. Đại hội đồng cổ đông thường niên quyết định những vấn đề theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty, đặc biệt thông qua các báo cáo tài chính hàng năm được kiểm toán.

3. Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường trong các trường hợp sau:

- a) Hội đồng quản trị xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty;
- b) Số lượng thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát còn lại ít hơn số lượng thành viên tối thiểu theo quy định của pháp luật.
- c) Theo yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 4 Điều 11 của Điều lệ này;
- d) Theo yêu cầu của Ban kiểm soát;
- đ) Báo cáo tài chính đã được kiểm toán phản ánh vốn chủ sở hữu đã bị mất một nửa (1/2) so với số đầu kỳ;
- e) Trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty.

4. Triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường

a) Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn ba mươi (30) ngày kể từ ngày số thành viên Hội đồng quản trị, hoặc thành viên Ban Kiểm soát còn lại như quy định tại điểm b khoản 3 Điều này hoặc nhận được yêu cầu quy định tại điểm c và điểm d khoản 3 Điều này;

b) Trường hợp Hội đồng quản trị không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại điểm a khoản 4 Điều này thì trong thời hạn ba mươi (30) ngày tiếp theo, Ban kiểm soát phải thay thế Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại khoản 3 Điều 140 Luật Doanh nghiệp;

c) Trường hợp Ban kiểm soát không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại điểm b khoản 4 Điều này thì cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại

1/24

u

13


điểm c khoản 3 Điều này có quyền yêu cầu đại diện Công ty triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Luật Doanh nghiệp;

Trong trường hợp này, cổ đông hoặc nhóm cổ đông triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có thể đề nghị Cơ quan đăng ký kinh doanh giám sát trình tự, thủ tục triệu tập, tiến hành họp và ra quyết định của Đại hội đồng cổ đông. Tất cả chi phí cho việc triệu tập và tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông được Công ty hoàn lại. Chi phí này không bao gồm những chi phí do cổ đông chi tiêu khi tham dự cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, kể cả chi phí ăn ở và đi lại.

d) Thủ tục để tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại khoản 5 Điều 140 Luật Doanh nghiệp.

Điều 14. Quyền và nghĩa vụ của Đại hội đồng cổ đông

1. Đại hội đồng cổ đông có quyền và nghĩa vụ sau:

a) Thông qua định hướng phát triển của Công ty;

b) Quyết định loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại được quyền chào bán; quyết định mức cổ tức hàng năm của từng loại cổ phần;

c) Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát;

d) Quyết định đầu tư hoặc bán số tài sản có giá trị từ ba mươi lăm phần trăm (35%) tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty;

đ) Quyết định sửa đổi, bổ sung Điều lệ công ty;

e) Thông qua báo cáo tài chính hằng năm;

g) Quyết định mua lại trên mười phần trăm (10%) tổng số cổ phần đã bán của mỗi loại;

h) Xem xét, xử lý vi phạm của thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát gây thiệt hại cho Công ty và cổ đông Công ty;

i) Quyết định tổ chức lại, giải thể Công ty;

k) Quyết định ngân sách hoặc tổng mức thù lao, thưởng và lợi ích khác cho Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát;

l) Phê duyệt Quy chế quản trị nội bộ; Quy chế hoạt động Hội đồng quản trị; Quy chế hoạt động Ban kiểm soát;

m) Phê duyệt danh sách công ty kiểm toán được chấp thuận; quyết định công ty kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm tra hoạt động của Công ty, bãi miễn kiểm toán viên được chấp thuận khi xét thấy cần thiết;

n) Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định pháp luật.

2. Đại hội đồng cổ đông thảo luận và thông qua các vấn đề sau:

a) Kế hoạch kinh doanh hằng năm của Công ty;

b) Báo cáo tài chính hằng năm đã được kiểm toán;

Luoi

u

o

c) Báo cáo của Hội đồng quản trị về quản trị và kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị và từng thành viên Hội đồng quản trị;

d) Báo cáo của Ban kiểm soát về kết quả kinh doanh của Công ty, kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc;

đ) Báo cáo tự đánh giá kết quả hoạt động của Ban kiểm soát và thành viên Ban kiểm soát;

e) Mức cổ tức đối với mỗi cổ phần của từng loại;

g) Số lượng thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát;

h) Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát;

i) Quyết định ngân sách hoặc tổng mức thù lao, thưởng và lợi ích khác đối với Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát;

k) Phê duyệt danh sách công ty kiểm toán được chấp thuận; quyết định công ty kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm tra các hoạt động của Công ty khi xét thấy cần thiết;

l) Bổ sung và sửa đổi Điều lệ Công ty;

m) Loại cổ phần và số lượng cổ phần mới được phát hành đối với mỗi loại cổ phần;

n) Chia, tách, hợp nhất, sáp nhập hoặc chuyển đổi Công ty;

o) Tổ chức lại và giải thể Công ty và chỉ định người thanh lý;

p) Quyết định đầu tư hoặc bán số tài sản có giá trị từ ba mươi lăm phần trăm (35%) tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong Báo cáo tài chính gần nhất của Công ty;

q) Quyết định mua lại trên mười phần trăm (10%) tổng số cổ phần đã bán của mỗi loại;

r) Công ty ký kết hợp đồng, giao dịch với những đối tượng được quy định tại khoản 1 Điều 167 Luật Doanh nghiệp với giá trị bằng hoặc lớn hơn ba mươi lăm phần trăm (35%) tổng giá trị tài sản của Công ty được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất;

s) Chấp thuận các giao dịch quy định tại khoản 4 Điều 293 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;

t) Phê duyệt Quy chế nội bộ về quản trị Công ty, Quy chế hoạt động Hội đồng quản trị, Quy chế hoạt động Ban kiểm soát;

u) Các vấn đề khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

3. Tất cả các nghị quyết và các vấn đề đã được đưa vào chương trình họp phải được đưa ra thảo luận và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.

15

Điều 15. Ủy quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông

1. Cổ đông, người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức có thể trực tiếp tham dự họp, ủy quyền bằng văn bản cho một hoặc một số cá nhân, tổ chức khác dự họp hoặc dự họp thông qua một trong các hình thức quy định như sau:

- a) Tham dự và biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp;
- b) Ủy quyền cho cá nhân, tổ chức khác tham dự và biểu quyết, tại cuộc họp;
- c) Tham dự và biểu quyết thông qua hội nghị trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác;
- d) Gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua gửi thư, fax, thư điện tử;

2. Việc ủy quyền cho cá nhân, tổ chức đại diện dự họp Đại hội đồng cổ đông phải lập thành văn bản theo quy định của pháp luật về dân sự và nêu rõ tên cổ đông ủy quyền, tên cá nhân, tổ chức được ủy quyền, số lượng cổ phần được ủy quyền, nội dung ủy quyền, phạm vi ủy quyền, thời hạn ủy quyền, chữ ký của bên ủy quyền và bên được ủy quyền. Người được ủy quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông phải nộp văn bản ủy quyền khi đăng ký dự họp.

Điều 16. Thay đổi các quyền

1. Việc thay đổi hoặc hủy bỏ các quyền đặc biệt gắn liền với một loại cổ phần ưu đãi có hiệu lực khi được cổ đông đại diện từ sáu mươi lăm phần trăm (65%) tổng số phiếu biểu quyết trở lên của tất cả cổ đông dự họp thông qua. Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông về nội dung làm thay đổi bất lợi quyền và nghĩa vụ của cổ đông sở hữu cổ phần ưu đãi chỉ được thông qua nếu được số cổ đông ưu đãi cùng loại dự họp sở hữu từ bảy mươi lăm phần trăm (75%) tổng số cổ phần ưu đãi loại đó trở lên tán thành hoặc được các cổ đông ưu đãi cùng loại sở hữu từ bảy mươi lăm phần trăm (75%) tổng số cổ phần ưu đãi loại đó trở lên tán thành trong trường họp thông qua nghị quyết dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản.

2. Việc tổ chức cuộc họp của các cổ đông nắm giữ một loại cổ phần ưu đãi để thông qua việc thay đổi quyền nêu trên chỉ có giá trị khi có tối thiểu hai (02) cổ đông (hoặc đại diện được ủy quyền của họ) và nắm giữ tối thiểu một phần ba (1/3) giá trị mệnh giá của các cổ phần loại đó đã phát hành. Trường hợp không có đủ số đại biểu như nêu trên thì cuộc họp được tổ chức lại trong vòng ba mươi (30) ngày sau đó và những người nắm giữ cổ phần thuộc loại đó (không phụ thuộc vào số lượng người và số cổ phần) có mặt trực tiếp hoặc thông qua đại diện được ủy quyền đều được coi là đủ số lượng đại biểu yêu cầu. Tại các cuộc họp của cổ đông nắm giữ cổ phần ưu đãi nêu trên, những người nắm giữ cổ phần thuộc loại đó có mặt trực tiếp hoặc qua người đại diện có thể yêu cầu bỏ phiếu kín. Mỗi cổ phần cùng loại có quyền biểu quyết ngang bằng nhau tại các cuộc họp nêu trên.

3. Thủ tục tiến hành các cuộc họp riêng biệt như vậy được thực hiện tương tự với các quy định tại Điều 18, 19 và Điều 20 Điều lệ này.

4. Trừ khi các điều khoản phát hành cổ phần quy định khác, các quyền đặc biệt gắn liền với các loại cổ phần có quyền ưu đãi đối với một số hoặc tất cả các vấn đề

lnw

u

CB

liên quan đến việc phân phối lợi nhuận hoặc tài sản của Công ty không bị thay đổi khi Công ty phát hành thêm các cổ phần cùng loại.

Điều 17. Triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông, chương trình họp và thông báo họp Đại hội đồng cổ đông

1. Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông thường niên hoặc bất thường. Hội đồng quản trị triệu tập họp bất thường Đại hội đồng cổ đông theo các trường hợp quy định tại khoản 3 Điều 13 Điều lệ này.

2. Người triệu tập Đại hội đồng cổ đông phải thực hiện những nhiệm vụ sau đây:

a) Lập danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông trên sổ đăng ký cổ đông của Công ty. Danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông được lập không quá mười (10) ngày trước ngày gửi thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông. Công ty phải công bố thông tin về việc lập danh sách cổ đông có quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông tối thiểu hai mươi (20) ngày trước ngày đăng ký cuối cùng;

b) Chuẩn bị chương trình, nội dung cuộc họp;

c) Chuẩn bị tài liệu cho cuộc họp;

d) Dự thảo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông theo nội dung dự kiến của cuộc họp; danh sách và thông tin chi tiết của các ứng viên trong trường hợp bầu thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên;

đ) Xác định thời gian và địa điểm tổ chức cuộc họp ;

e) Gửi thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông cho tất cả các cổ đông có quyền dự họp;

g) Các công việc khác phục vụ đại hội.

3. Thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông được gửi cho tất cả các cổ đông bằng phương thức để bảo đảm đến được địa chỉ liên lạc của cổ đông, đồng thời công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty và Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán nơi cổ phiếu của Công ty niêm yết hoặc đăng ký giao dịch. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải gửi thông báo mời họp đến tất cả các cổ đông trong Danh sách cổ đông có quyền dự họp chậm nhất hai mươi (21) ngày trước ngày khai mạc cuộc họp (tính từ ngày mà thông báo được gửi hoặc chuyển đi một cách hợp lệ). Chương trình họp Đại hội đồng cổ đông, các tài liệu liên quan đến các vấn đề sẽ được biểu quyết tại đại hội được gửi cho các cổ đông hoặc/và đăng trên trang thông tin điện tử của Công ty. Trong trường hợp tài liệu không được gửi kèm thông báo họp Đại hội đồng cổ đông, thông báo mời họp phải nêu rõ đường dẫn đến toàn bộ tài liệu họp để các cổ đông có thể tiếp cận, bao gồm:

a) Chương trình họp, các tài liệu sử dụng trong cuộc họp;

b) Danh sách và thông tin chi tiết của các ứng viên trong trường hợp bầu thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát;

- c) Phiếu biểu quyết;
- d) Mẫu chỉ định đại diện theo ủy quyền dự họp; (Giấy ủy quyền)
- e) Dự thảo nghị quyết đối với từng vấn đề trong chương trình họp.

4. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông được đề cập tại khoản 4 Điều 11 Điều lệ này có quyền kiến nghị các vấn đề đưa vào chương trình họp Đại hội đồng cổ đông. Đề xuất phải được làm bằng văn bản và phải được gửi cho Công ty ít nhất ba (03) ngày làm việc trước ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông. Kiến nghị phải bao gồm họ và tên cổ đông, số lượng và loại cổ phần người đó nắm giữ, và nội dung đề nghị đưa vào chương trình họp.

5. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải chấp nhận và đưa các đề xuất quy định tại khoản 4 Điều này vào dự kiến chương trình và nội dung cuộc họp, có quyền từ chối kiến nghị nếu thuộc một trong các trường hợp sau:

- a) Đề xuất được gửi đến không đúng quy định tại khoản 4 Điều này;
- b) Vấn đề được đề xuất không thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông;
- c) Vào thời điểm đề xuất, cổ đông hoặc nhóm cổ đông không thuộc trường hợp quy định tại khoản 4 Điều 11 Điều lệ này;
- d) Trường hợp khác theo quy định tại Điều lệ công ty và pháp luật hiện hành. Các đề xuất được chính thức bổ sung vào chương trình và nội dung cuộc họp nếu được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận.

Điều 18. Các điều kiện tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông

1. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện trên năm mươi phần trăm (50%) tổng số phiếu biểu quyết.
2. Trường hợp cuộc họp lần thứ nhất không đủ điều kiện tiến hành theo quy định tại khoản 1 Điều này thì thông báo mời họp lần thứ hai được gửi trong thời hạn ba mươi (30) ngày, kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông lần thứ hai được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện từ ba mươi ba phần trăm (33%) tổng số phiếu biểu quyết trở lên.
3. Trường hợp cuộc họp lần thứ hai không đủ điều kiện tiến hành theo quy định tại khoản 2 Điều này thì thông báo mời họp lần thứ ba phải được gửi trong thời hạn hai mươi (20) ngày kể từ ngày dự định họp lần thứ hai. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông lần thứ ba được tiến hành không phụ thuộc vào tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông dự họp.
4. Chỉ có Đại hội đồng cổ đông mới có quyền quyết định thay đổi chương trình họp đã được gửi kèm theo thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông.

Điều 19. Thể thức tiến hành họp và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông

1. Trước khi khai mạc cuộc họp, Công ty phải tiến hành thủ tục đăng ký cổ đông dự họp Đại hội đồng cổ đông và phải đăng ký cho đến khi các cổ đông có

Handwritten signature

Handwritten signature

Handwritten mark

quyền dự họp có mặt đăng ký hết.

a) Khi tiến hành đăng ký cổ đông, Công ty cấp cho từng cổ đông hoặc đại diện được ủy quyền có quyền biểu quyết một thẻ biểu quyết/phiếu biểu quyết/phiếu bầu cử, trên đó ghi số đăng ký, họ và tên của cổ đông, họ và tên đại diện được ủy quyền và số phiếu biểu quyết của cổ đông đó. Khi tiến hành biểu quyết tại đại hội, số thẻ tán thành nghị quyết được thu trước, số thẻ không tán thành nghị quyết được thu sau, cuối cùng đếm tổng số phiếu tán thành hay không tán thành để quyết định. Tổng số phiếu tán thành, không tán thành, không ý kiến hoặc không hợp lệ theo từng vấn đề được Chủ tọa thông báo ngay sau khi tiến hành biểu quyết vấn đề đó. Đại hội bầu những người chịu trách nhiệm kiểm phiếu hoặc giám sát kiểm phiếu theo đề nghị của Chủ tọa. Số thành viên của ban kiểm phiếu do Đại hội đồng cổ đông quyết định căn cứ đề nghị của Chủ tọa cuộc họp.

b) Cổ đông hoặc đại diện được ủy quyền đến sau khi cuộc họp đã khai mạc có quyền đăng ký ngay và sau đó có quyền tham gia và biểu quyết/bầu cử tại đại hội ngay sau khi đăng ký. Chủ tọa không có trách nhiệm dừng đại hội để cho cổ đông đến muộn đăng ký và hiệu lực của những nội dung đã được biểu quyết trước đó không thay đổi.

2. Việc bầu chủ tọa, thư ký và ban kiểm phiếu được quy định như sau:

a) Chủ tịch Hội đồng quản trị làm chủ tọa hoặc ủy quyền cho thành viên Hội đồng quản trị khác làm chủ tọa cuộc họp Hội đồng cổ đông do Hội đồng quản trị triệu tập; Trường hợp Chủ tịch vắng mặt hoặc tạm thời mất khả năng làm việc thì các thành viên Hội đồng quản trị còn lại bầu một người trong số họ làm chủ tọa cuộc họp theo nguyên tắc đa số; trường hợp không bầu được người làm chủ tọa thì Trường Ban kiểm soát điều hành để Đại hội đồng cổ đông bầu chủ tọa cuộc họp và người có số phiếu bầu cao nhất làm chủ tọa cuộc họp;

b) Trừ trường hợp quy định tại điểm a khoản này, người ký tên triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông điều hành để Đại hội đồng cổ đông bầu chủ tọa cuộc họp và người có số phiếu bầu cao nhất làm chủ tọa cuộc họp;

c) Chủ tọa cử một hoặc một số người làm thư ký cuộc họp;

d) Đại hội đồng cổ đông bầu một hoặc một số người vào ban kiểm phiếu theo đề nghị của chủ tọa cuộc họp;

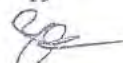
3. Chương trình và nội dung họp phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua trong phiên khai mạc. Chương trình phải xác định thời gian đối với từng vấn đề trong nội dung chương trình họp;

4. Chủ tọa có quyền thực hiện các biện pháp cần thiết và hợp lý để điều hành cuộc họp một cách có trật tự, đúng theo chương trình đã được thông qua và phản ánh được mong muốn của đa số người dự họp;

5. Đại hội đồng cổ đông thảo luận và biểu quyết theo từng vấn đề trong nội dung chương trình. Việc biểu quyết được tiến hành bằng biểu quyết tán thành, không tán thành và không có ý kiến. Kết quả kiểm phiếu được chủ tọa công bố ngay trước khi bế mạc cuộc họp;







6. Cổ đông hoặc người được uỷ quyền dự họp đến sau khi cuộc họp đã khai mạc vẫn được đăng ký và có quyền tham gia biểu quyết ngay sau khi đăng ký; trong trường hợp này, hiệu lực của những nội dung đã được biểu quyết trước đó không thay đổi;

7. Người triệu tập họp hoặc chủ tọa cuộc họp Đại hội đồng cổ đông có quyền sau đây:

a) Yêu cầu tất cả người dự họp chịu sự kiểm tra hoặc các biện pháp an ninh hợp pháp, hợp lý khác;

b) Yêu cầu các cơ quan có thẩm quyền duy trì trật tự cuộc họp; trục xuất những người không tuân thủ quyền điều hành của chủ tọa, cố ý gây rối trật tự cuộc họp; trục xuất những người không tuân thủ quyền điều hành của chủ tọa, cố ý gây rối trật tự, ngăn cản tiến triển bình thường của cuộc họp hoặc không tuân thủ các yêu cầu về kiểm tra an ninh ra khỏi cuộc họp Đại hội đồng cổ đông;

8. Chủ tọa có quyền hoãn cuộc họp Đại hội đồng cổ đông đã có đủ số người đăng ký dự họp tối đa không quá ba (03) ngày làm việc kể từ ngày cuộc họp dự định khai mạc và chỉ được hoãn cuộc họp hoặc thay đổi địa điểm họp trong trường hợp sau đây:

a) Địa điểm họp không có đủ chỗ ngồi thuận tiện cho tất cả người dự họp;

b) Phương tiện thông tin tại địa điểm họp không bảo đảm cho cổ đông dự họp tham gia, thảo luận và biểu quyết;

c) Có người dự họp cản trở, gây rối trật tự, có nguy cơ làm cho cuộc họp không được tiến hành một cách công bằng và hợp pháp.

9. Trường hợp chủ tọa hoãn hoặc tạm dừng Đại hội đồng cổ đông trái với quy định tại khoản 7 Điều này, Đại hội đồng cổ đông bầu một người khác trong số những người dự họp để thay thế chủ tọa điều hành cuộc họp cho đến lúc kết thúc; tất cả nghị quyết được thông qua tại cuộc họp đó đều có hiệu lực thi hành.

10. Trường hợp Công ty áp dụng công nghệ hiện đại để tổ chức cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thông qua họp trực tuyến, Công ty có trách nhiệm đảm bảo để cổ đông tham dự, biểu quyết bằng hình thức bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác theo quy định của pháp luật.

Điều 20. Điều kiện để nghị quyết Đại hội đồng cổ đông được thông qua

1. Nghị quyết về nội dung sau đây được thông qua nếu được số cổ đông đại diện từ sáu mươi lăm phần trăm (65%) tổng số phiếu biểu quyết trở lên của tất cả cổ đông dự họp tán thành, trừ trường hợp quy định tại các khoản 2,3,4 Điều này:

a) Loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại;

b) Thay đổi ngành, nghề và lĩnh vực kinh doanh;

c) Thay đổi cơ cấu tổ chức quản lý công ty;

d) Dự án đầu tư hoặc bán tài sản có giá trị từ ba mươi lăm phần trăm (35%) tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của công ty;

tru

u

20

d) Tổ chức lại, giải thể công ty;

2. Các nghị quyết khác được thông qua khi được số cổ đông sở hữu trên năm mươi phần trăm (50%) tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông dự họp tán thành, trừ trường hợp quy định tại các khoản 1, khoản 3 Điều này.

3. Việc biểu quyết bầu thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát phải thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu, theo đó mỗi cổ đông có tổng số phiếu biểu quyết tương ứng với tổng số cổ phần sở hữu nhân với số thành viên được bầu của Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát và cổ đông có quyền dồn hết hoặc một phần tổng số phiếu bầu của mình cho một hoặc một số ứng cử viên. Người trúng cử thành viên Hội đồng quản trị hoặc Kiểm soát viên được xác định theo số phiếu bầu tính từ cao xuống thấp, bắt đầu từ ứng cử viên có số phiếu bầu cao nhất cho đến khi đủ số thành viên quy định tại Điều lệ công ty. Trường hợp có từ hai (02) ứng cử viên trở lên đạt cùng số phiếu bầu như nhau cho thành viên cuối cùng của Hội đồng quản trị hoặc ban kiểm soát thì sẽ tiến hành bầu lại trong số các ứng cử viên có số phiếu bầu ngang nhau hoặc lựa chọn theo tiêu chí quy định tại quy chế bầu cử hoặc Điều lệ công ty.

4. Trường hợp thông qua nghị quyết dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản thì nghị quyết Đại hội đồng cổ đông được thông qua nếu được số cổ đông sở hữu ít nhất trên năm mươi phần trăm (50%) tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông có quyền biểu quyết tán thành.

5. Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông phải được thông báo đến cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn mười lăm (15) ngày kể từ ngày thông qua; trường hợp công ty có trang thông tin điện tử, việc gửi nghị quyết có thể thay thế bằng việc đăng tải lên trang thông tin điện tử của công ty.

6. Các Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông được thông qua bằng một trăm phần trăm (100%) tổng số cổ phần có quyền biểu quyết là hợp pháp và có hiệu lực ngay cả khi trình tự, thủ tục triệu tập họp và thông qua nghị quyết đó vi phạm quy định của pháp luật hiện hành và Điều lệ công ty.

Điều 21. Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông

Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông được thực hiện theo quy định sau đây:

1. Hội đồng quản trị có quyền lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông tất cả các vấn đề thuộc quyền của Đại hội đồng cổ đông, trừ các vấn đề quy định tại khoản 1 Điều 20 Điều lệ này.

2. Hội đồng quản trị chuẩn bị phiếu lấy ý kiến, dự thảo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông, các tài liệu giải trình dự thảo nghị quyết và gửi đến tất cả cổ đông có quyền biểu quyết chậm nhất là mười (10) ngày trước thời hạn phải gửi lại phiếu lấy ý kiến.

3. Phiếu lấy ý kiến phải có các nội dung chủ yếu sau đây:

a) Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;

b) Mục đích lấy ý kiến;

c) Họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số giấy tờ pháp lý của tổ chức hoặc họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với đại diện của cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần của từng loại và số phiếu biểu quyết của cổ đông;

d) Vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua;

đ) Phương án biểu quyết bao gồm tán thành, không tán thành và không có ý kiến đối với từng vấn đề lấy ý kiến;

e) Thời hạn phải gửi về Công ty phiếu lấy ý kiến đã được trả lời;

g) Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị.

4. Cổ đông có thể gửi phiếu ý kiến đã trả lời đến Công ty theo một trong các hình thức sau đây:

a) Gửi thư: Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời phải có chữ ký của cổ đông là cá nhân, của người đại diện theo uỷ quyền hoặc người đại diện theo pháp luật của cổ đông là tổ chức. Phiếu lấy ý kiến gửi về Công ty phải được đựng trong phong bì dán kín và không ai được quyền mở trước khi kiểm phiếu.

b) Gửi fax hoặc thư điện tử: Phiếu lấy ý kiến gửi về Công ty qua fax hoặc thư điện tử phải được giữ bí mật đến thời điểm kiểm phiếu.

c) Các phiếu lấy ý kiến gửi về Công ty sau thời hạn đã xác định tại nội dung phiếu lấy ý kiến hoặc đã bị mở trong trường hợp gửi thư và bị tiết lộ trong trường hợp gửi fax, thư điện tử là không hợp lệ. Phiếu lấy ý kiến không được gửi về được coi là phiếu không tham gia biểu quyết;

5. Hội đồng quản trị tổ chức kiểm phiếu và lập biên bản kiểm phiếu dưới sự chứng kiến của Ban kiểm soát hoặc của cổ đông không nắm giữ chức vụ quản lý Công ty. Biên bản kiểm phiếu phải có các nội dung chủ yếu sau đây:

a) Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;

b) Mục đích và các vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua nghị quyết;

c) Số cổ đông với tổng số phiếu biểu quyết đã tham gia biểu quyết, trong đó phân biệt số phiếu biểu quyết hợp lệ và số biểu quyết không hợp lệ, và phương thức gửi phiếu biểu quyết kèm theo phụ lục danh sách cổ đông tham gia biểu quyết;

d) Tổng số phiếu tán thành, không tán thành và không có ý kiến đối với từng vấn đề;

e) Vấn đề đã được thông qua và tỷ lệ biểu quyết thông qua tương ứng;

f) Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị, người giám sát kiểm phiếu và người kiểm phiếu.

Các thành viên Hội đồng quản trị và người giám sát kiểm phiếu phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của biên bản kiểm phiếu; liên đới







chịu trách nhiệm về các thiệt hại phát sinh từ các quyết định được thông qua do kiểm phiếu không trung thực, không chính xác.

6. Biên bản kiểm phiếu và Nghị Quyết phải được gửi đến các cổ đông trong thời hạn mười lăm (15) ngày, kể từ ngày kết thúc kiểm phiếu. Trường hợp Công ty có trang thông tin điện tử, việc gửi biên bản kiểm phiếu có thể thay thế bằng việc đăng tải lên trang thông tin điện tử của Công ty trong thời hạn hai mươi tư (24) giờ, kể từ thời điểm kết thúc kiểm phiếu.

7. Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời, biên bản kiểm phiếu, toàn văn nghị quyết đã được thông qua và tài liệu có liên quan gửi kèm theo phiếu lấy ý kiến đều phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.

8. Quyết định được thông qua theo hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản phải được số cổ đông đại diện ít nhất năm mươi phần trăm (50%) tổng số cổ phần có quyền biểu quyết tán thành và có giá trị như nghị quyết được thông qua tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.

Điều 22. Nghị quyết, Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông

1. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông phải được ghi biên bản và có thể ghi âm hoặc ghi và lưu giữ dưới hình thức điện tử khác. Biên bản phải lập bằng tiếng Việt và có các nội dung chủ yếu sau đây:

- a) Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;
- b) Thời gian và địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông;
- c) Chương trình và nội dung cuộc họp;
- d) Họ, tên chủ tọa và thư ký;
- đ) Tóm tắt diễn biến cuộc họp và các ý kiến phát biểu tại Đại hội đồng cổ đông về từng vấn đề trong nội dung chương trình họp;
- e) Số cổ đông và tổng số phiếu biểu quyết/phiếu bầu cử của các cổ đông dự họp, phụ lục danh sách đăng ký cổ đông, đại diện cổ đông dự họp với số cổ phần và số phiếu bầu tương ứng;
- g) Tổng số phiếu biểu quyết đối với từng vấn đề biểu quyết, trong đó ghi rõ phương thức biểu quyết, tổng số phiếu hợp lệ, không hợp lệ, tán thành, không tán thành và không có ý kiến; tỷ lệ tương ứng trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp; Tổng hợp số phiếu bầu đối với từng ứng viên;
- h) Các vấn đề đã được thông qua và tỷ lệ phiếu biểu quyết thông qua tương ứng;
- i) Chữ ký của chủ tọa và thư ký.

Biên bản được lập bằng tiếng Việt và tiếng nước ngoài đều có hiệu lực pháp lý như nhau. Trường hợp có sự khác nhau về nội dung biên bản tiếng Việt và tiếng nước ngoài thì nội dung trong biên bản tiếng Việt có hiệu lực áp dụng.

2. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông phải được lập xong và thông qua trước khi kết thúc cuộc họp.



3. Chủ tọa và thư ký cuộc họp phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của nội dung biên bản.

4. Nghị quyết, Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông, phụ lục danh sách cổ đông đăng ký dự họp kèm chữ ký của cổ đông, văn bản ủy quyền tham dự họp, tất cả các tài liệu đính kèm Biên bản (nếu có) và tài liệu có liên quan kèm theo thông báo mời họp phải được công bố thông tin theo quy định pháp luật về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán và phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.

5. Trường hợp chủ tọa, thư ký từ chối ký biên bản họp thì biên bản này có hiệu lực nếu được tất cả thành viên khác của Hội đồng quản trị tham dự họp ký và có đầy đủ nội dung theo quy định tại Khoản này. Biên bản họp ghi rõ việc chủ tọa, thư ký từ chối ký biên bản họp.

Điều 23. Yêu cầu hủy bỏ Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông

Trong thời hạn chín mươi (90) ngày, kể từ ngày nhận được nghị quyết hoặc biên bản họp Đại hội đồng cổ đông hoặc biên bản kết quả kiểm phiếu lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản, cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 4 Điều 11 Điều lệ này có quyền yêu cầu Tòa án hoặc Trọng tài xem xét, hủy bỏ quyết định của Đại hội đồng cổ đông trong các trường hợp sau đây:

1. Trình tự và thủ tục triệu tập họp hoặc lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản và ra quyết định của Đại hội đồng cổ đông không thực hiện đúng theo quy định của Luật doanh nghiệp và Điều lệ này, trừ trường hợp quy định tại khoản 6 Điều 20 Điều lệ này.

2. Nội dung nghị quyết vi phạm Pháp luật hoặc Điều lệ này.

Chương VII

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 24. Ứng cử, đề cử thành viên Hội đồng quản trị

1. Trường hợp đã xác định được trước ứng viên, thông tin liên quan đến các ứng viên Hội đồng quản trị được đưa vào tài liệu họp Đại hội đồng cổ đông và công bố tối thiểu mười (10) ngày trước ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông trên trang thông tin điện tử của Công ty để cổ đông có thể tìm hiểu về các ứng viên này trước khi bỏ phiếu. Ứng viên Hội đồng quản trị phải có cam kết bằng văn bản về tính trung thực, chính xác và hợp lý của các thông tin cá nhân được công bố và phải cam kết thực hiện nhiệm vụ một cách trung thực cẩn trọng và lợi ích cao nhất của Công ty nếu được bầu làm thành viên Hội đồng quản trị. Thông tin liên quan đến ứng viên Hội đồng quản trị được công bố bao gồm các nội dung tối thiểu sau đây:

- a) Họ tên, ngày, tháng, năm sinh;
- b) Trình độ chuyên môn;
- c) Quá trình công tác;



d) Các chức danh quản lý khác (bao gồm cả chức danh Hội đồng quản trị của công ty khác);

đ) Lợi ích có liên quan tới Công ty và các bên có liên quan của Công ty;

e) Công ty phải có trách nhiệm công bố thông tin về các công ty mà ứng cử viên đang nắm giữ chức vụ thành viên Hội đồng quản trị, các chức danh quản lý khác và các lợi ích có liên quan tới công ty của ứng cử viên Hội đồng quản trị (nếu có).

2. Các cổ đông có quyền gộp số quyền biểu quyết để đề cử các ứng viên Hội đồng quản trị Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ mười phần trăm (10%) đến dưới hai mươi phần trăm (20%) tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử một (01) ứng viên; từ hai mươi phần trăm (20%) đến dưới ba mươi phần trăm (30%) được đề cử tối đa hai (02) ứng viên; từ ba mươi phần trăm (30%) đến dưới bốn mươi phần trăm (40%) được đề cử tối đa ba (03) ứng viên; từ bốn mươi phần trăm (40%) đến dưới năm mươi phần trăm (50%) được đề cử tối đa bốn (04) ứng viên; từ năm mươi phần trăm (50%) trở lên được đề cử tối đa năm (05) ứng viên.

Các cổ đông phổ thông họp thành nhóm để đề cử người vào Hội đồng quản trị phải thông báo về việc họp nhóm cho các cổ đông dự họp biết trước khi khai mạc Đại hội đồng cổ đông.

3. Trường hợp số lượng ứng viên Hội đồng quản trị thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết theo quy định tại khoản 5 Điều 115 Luật Doanh nghiệp, Hội đồng quản trị đương nhiệm giới thiệu thêm ứng cử viên hoặc tổ chức đề cử theo cơ chế được Công ty quy định tại Quy chế nội bộ về quản trị công ty và Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị. Hội đồng quản trị đương nhiệm giới thiệu thêm ứng viên Hội đồng quản trị phải được công bố rõ ràng và phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua trước khi tiến hành đề cử theo quy định Pháp luật.

4. Thành viên Hội đồng quản trị phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 155 Luật Doanh nghiệp.

Điều 25. Thành phần và nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị

1. Số lượng thành viên Hội đồng quản trị là năm (05) người. Cơ cấu Hội đồng quản trị của công ty đại chúng phải đảm bảo tối thiểu một phần ba (1/3) tổng số thành viên Hội đồng quản trị là thành viên không điều hành.

2. Nhiệm kỳ của Hội đồng quản trị là năm (05) năm. Thành viên Hội đồng quản trị có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.

3. Thành viên Hội đồng quản trị không còn tư cách thành viên Hội đồng quản trị trong trường hợp bị Đại hội đồng cổ đông miễn nhiệm, bãi nhiệm, thay thế theo quy định tại điều 160 Luật Doanh nghiệp.

4. Thành viên Hội đồng quản trị không nhất thiết phải là cổ đông của Công ty.

Điều 26. Quyền hạn và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị

1. Hội đồng quản trị là cơ quan quản lý công ty, có toàn quyền nhân danh Công ty để quyết định, thực hiện quyền và nghĩa vụ của công ty, trừ các quyền và nghĩa

vụ thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông.

2. Hội đồng quản trị có những quyền và nghĩa vụ sau đây:

a) Quyết định chiến lược, kế hoạch phát triển trung hạn và kế hoạch kinh doanh hằng năm của công ty;

b) Kiến nghị loại cổ phần và tổng số cổ phần được quyền chào bán của từng loại;

c) Quyết định bán cổ phần chưa bán trong phạm vi số cổ phần được quyền chào bán của từng loại; quyết định huy động thêm vốn theo hình thức khác;

d) Quyết định giá bán cổ phần và trái phiếu của công ty;

đ) Quyết định mua lại cổ phần theo quy định của pháp luật;

e) Quyết định phương án đầu tư và dự án đầu tư trong thẩm quyền và giới hạn theo quy định của pháp luật;

g) Quyết định giải pháp phát triển thị trường, tiếp thị và công nghệ;

h) Thông qua hợp đồng mua, bán, vay, cho vay và hợp đồng, giao dịch khác có giá trị từ ba mươi lăm phần trăm (35%) tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của công ty, trừ trường hợp hợp đồng, giao dịch thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại khoản 1 Điều 20 Điều lệ này, và các trường hợp khác theo quy định của pháp luật hiện hành;

i) Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Chủ tịch Hội đồng quản trị; bổ nhiệm, miễn nhiệm, quyết định tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác đối với Tổng giám đốc; quyết định cử hoặc thôi làm người đại diện theo uỷ quyền tham gia Hội đồng quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông ở công ty khác, quyết định mức thù lao và quyền lợi khác của những người đó;

k) Giám sát, chỉ đạo Tổng giám đốc trong điều hành công việc kinh doanh hằng ngày của công ty;

l) Quyết định cơ cấu tổ chức, quy chế quản lý nội bộ của công ty, quyết định thành lập công ty con, chi nhánh, văn phòng đại diện và việc góp vốn, mua cổ phần của doanh nghiệp khác;

m) Duyệt chương trình, nội dung tài liệu phục vụ họp Đại hội đồng cổ đông, triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông hoặc lấy ý kiến để Đại hội đồng cổ đông thông qua nghị quyết;

n) Trình báo cáo tài chính hằng năm lên Đại hội đồng cổ đông;

o) Kiến nghị mức cổ tức được trả; quyết định thời hạn và thủ tục trả cổ tức hoặc xử lý lỗ phát sinh trong quá trình kinh doanh;

p) Kiến nghị việc tổ chức lại, giải thể công ty; yêu cầu phá sản công ty;

q) Quyết định ban hành Quy chế hoạt động Hội đồng quản trị, Quy chế nội bộ về quản trị Công ty sau khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua. Quyết định Quy chế về công bố thông tin của Công ty.

lưu

s) Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty.

3. Hội đồng quản trị thông qua nghị quyết, quyết định bằng biểu quyết tại cuộc họp, lấy ý kiến bằng văn bản. Mỗi thành viên Hội đồng quản trị có một phiếu biểu quyết.

4. Trường hợp nghị quyết, quyết định do Hội đồng quản trị thông qua trái với quy định của pháp luật, nghị quyết Đại hội đồng cổ đông, Điều lệ công ty gây thiệt hại cho công ty thì các thành viên tán thành thông qua nghị quyết, quyết định đó phải cùng liên đới chịu trách nhiệm cá nhân về nghị quyết, quyết định đó và phải đền bù thiệt hại cho công ty; thành viên phản đối thông qua nghị quyết, quyết định nói trên được miễn trừ trách nhiệm. Trường hợp này, cổ đông của công ty có quyền yêu cầu Toà án đình chỉ thực hiện hoặc huỷ bỏ nghị quyết, quyết định nói trên.

5. Hội đồng quản trị phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị theo quy định tại Điều 280 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán.

6. Khi xét thấy cần thiết, Hội đồng quản trị quyết định bổ nhiệm thư ký công ty. Thư ký công ty có quyền và nghĩa vụ sau đây:

a) Hỗ trợ tổ chức triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị; ghi chép các biên bản họp;

b) Hỗ trợ thành viên Hội đồng quản trị trong việc thực hiện quyền và nghĩa vụ được giao;

c) Hỗ trợ Hội đồng quản trị trong áp dụng và thực hiện nguyên tắc quản trị công ty;

d) Hỗ trợ công ty trong xây dựng quan hệ cổ đông và bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của cổ đông; việc tuân thủ nghĩa vụ cung cấp thông tin, công khai hóa thông tin và thủ tục hành chính;

đ) Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định tại Điều lệ này.

Điều 27. Thù lao, thưởng và lợi ích khác của thành viên Hội đồng quản trị

1. Công ty có quyền trả thù lao, thưởng cho thành viên Hội đồng quản trị theo kết quả và hiệu quả kinh doanh.

2. Thành viên Hội đồng quản trị được hưởng thù lao công việc và thưởng. Thù lao công việc được tính theo số ngày công cần thiết hoàn thành nhiệm vụ của thành viên Hội đồng quản trị và mức thù lao mỗi ngày. Hội đồng quản trị dự tính mức thù lao cho từng thành viên theo nguyên tắc nhất trí. Tổng mức thù lao và thưởng của Hội đồng quản trị do Đại hội đồng cổ đông quyết định tại cuộc họp thường niên.

3. Thù lao của từng thành viên Hội đồng quản trị được tính vào chi phí kinh doanh của Công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, được thể hiện thành mục riêng trong báo cáo tài chính hằng năm của Công ty và phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp thường niên.

4. Thành viên Hội đồng quản trị nắm giữ chức vụ điều hành hoặc thành viên Hội đồng quản trị làm việc tại các tiểu ban của Hội đồng quản trị hoặc thực hiện những công việc khác ngoài phạm vi nhiệm vụ thông thường của một thành viên Hội đồng quản trị, có thể được trả thêm thù lao dưới dạng một khoản tiền công trọn gói theo từng lần, lương, hoa hồng, phần trăm lợi nhuận hoặc dưới hình thức khác theo quyết định của Hội đồng quản trị.

5. Thành viên Hội đồng quản trị có quyền được thanh toán tất cả các chi phí đi lại, ăn, ở và các khoản chi phí hợp lý khác mà họ đã phải chi trả khi thực hiện trách nhiệm thành viên Hội đồng quản trị của mình, bao gồm cả các chi phí phát sinh trong việc tới tham dự các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị hoặc các tiểu ban của Hội đồng quản trị.

6. Thành viên Hội đồng quản trị có thể được Công ty mua bảo hiểm trách nhiệm sau khi có sự chấp thuận của Đại hội đồng cổ đông. Bảo hiểm này không bao gồm bảo hiểm cho những trách nhiệm của thành viên Hội đồng quản trị liên quan đến việc vi phạm pháp luật và Điều lệ công ty.

Điều 28. Chủ tịch Hội đồng quản trị

1. Chủ tịch Hội đồng quản trị do Hội đồng quản trị bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm trong số các thành viên Hội đồng quản trị.

2. Chủ tịch Hội đồng quản trị không được kiêm Tổng giám đốc.

3. Chủ tịch Hội đồng quản trị có quyền và nghĩa vụ sau đây:

a) Lập chương trình, kế hoạch hoạt động của Hội đồng quản trị;

b) Chuẩn bị chương trình, nội dung, tài liệu phục vụ cuộc họp; triệu tập, chủ trì và làm chủ tọa cuộc họp Hội đồng quản trị;

c) Tổ chức việc thông qua nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị; Có trách nhiệm ký ban hành Nghị quyết trong thời hạn ba (03) ngày sau khi đa số thành viên Hội đồng quản trị biểu quyết thông qua.

d) Giám sát quá trình tổ chức thực hiện các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị;

đ) Chủ tọa cuộc họp Đại hội đồng cổ đông;

4. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị vắng mặt hoặc không thể thực hiện được nhiệm vụ của mình thì phải uỷ quyền bằng văn bản cho một thành viên khác thực hiện quyền và nghĩa vụ của Chủ tịch Hội đồng quản trị theo nguyên tắc quy định tại Điều lệ công ty. Trường hợp không có người được uỷ quyền hoặc Chủ tịch Hội đồng quản trị chết, mất tích, bị tạm giam, đang chấp hành hình phạt tù, đang chấp hành biện pháp xử lý hành chính tại cơ sở cai nghiện bắt buộc, cơ sở giáo dục bắt buộc, trốn khỏi nơi cư trú, bị hạn chế hoặc mất năng lực hành vi dân sự, có khó khăn trong nhận thức, làm chủ hành vi, bị Toà án cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định thì các thành viên còn lại bầu một người trong số các thành viên giữ chức Chủ tịch Hội đồng quản trị theo nguyên tắc đa số

lou

u

g

thành viên còn lại tán thành cho đến khi có quyết định mới của Hội đồng quản trị.

5. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị có đơn từ chức hoặc bị miễn nhiệm/bãi nhiệm, Hội đồng quản trị phải bầu Chủ tịch Hội đồng quản trị mới thay thế trong thời hạn mười (10) ngày kể từ ngày nhận đơn từ chức hoặc bị miễn nhiệm/bãi nhiệm.

Điều 29. Cuộc họp của Hội đồng quản trị

1. Chủ tịch Hội đồng quản trị được bầu trong cuộc họp đầu tiên của Hội đồng quản trị trong thời hạn bảy (07) ngày làm việc kể từ ngày kết thúc bầu cử Hội đồng quản trị đó. Cuộc họp này do thành viên có số phiếu bầu cao nhất hoặc tỷ lệ phiếu bầu cao nhất triệu tập và chủ trì. Trường hợp có nhiều hơn một thành viên có số phiếu bầu hoặc tỷ lệ phiếu bầu cao nhất và ngang nhau thì các thành viên bầu theo nguyên tắc đa số để chọn một (01) người trong số họ triệu tập họp Hội đồng quản trị.

2. Hội đồng quản trị phải họp ít nhất mỗi quý một (01) lần và có thể họp bất thường.

3. Chủ tịch Hội đồng quản trị triệu tập họp Hội đồng quản trị trong trường hợp sau đây:

- a) Có đề nghị của Ban kiểm soát hoặc thành viên độc lập Hội đồng quản trị;
- b) Có đề nghị của Tổng giám đốc;
- c) Có đề nghị của ít nhất hai (02) thành viên Hội đồng quản trị;

4. Đề nghị quy định tại khoản 3 Điều này phải được lập thành văn bản, trong đó nêu rõ mục đích, vấn đề cần thảo luận và quyết định thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị.

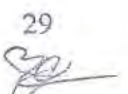
5. Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Hội đồng quản trị trong thời hạn bảy (07) ngày làm việc kể từ ngày nhận được đề nghị quy định tại khoản 3 Điều này. Trường hợp không triệu tập họp Hội đồng quản trị theo đề nghị thì Chủ tịch Hội đồng quản trị phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại xảy ra đối với Công ty; người đề nghị có quyền thay thế Chủ tịch Hội đồng quản trị triệu tập họp Hội đồng quản trị.

6. Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc người triệu tập họp Hội đồng quản trị phải gửi thông báo mời họp chậm nhất là ba (03) ngày làm việc trước ngày họp. Thông báo mời họp phải được làm bằng văn bản tiếng Việt và phải xác định cụ thể thời gian và địa điểm họp, chương trình, các vấn đề thảo luận và quyết định. Thông báo mời họp phải kèm theo tài liệu sử dụng tại cuộc họp và phiếu biểu quyết của thành viên.

Thông báo mời họp Hội đồng quản trị có thể gửi bằng bưu điện, fax, phương tiện điện tử hoặc phương thức khác và bảo đảm đến được địa chỉ liên lạc của từng thành viên Hội đồng quản trị được đăng ký tại Công ty.

7. Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc người triệu tập gửi thông báo mời họp và



29


các tài liệu kèm theo đến Trưởng Ban Kiểm soát như đối với các thành viên Hội đồng quản trị.

Trưởng Ban Kiểm soát có quyền dự các cuộc họp Hội đồng quản trị; có quyền thảo luận nhưng không được biểu quyết.

8. Cuộc họp Hội đồng quản trị được tiến hành khi có từ ba phần tư tổng số thành viên trở lên dự họp. Trường hợp cuộc họp được triệu tập theo quy định tại khoản này không đủ số thành viên dự họp theo quy định thì được triệu tập lần thứ hai trong thời hạn bảy (07) ngày kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất Trường hợp này, cuộc họp được tiến hành nếu có hơn một nửa số thành viên Hội đồng quản trị dự họp.

9. Thành viên Hội đồng quản trị được coi là tham dự và biểu quyết tại cuộc họp trong trường hợp sau đây:

a) Tham dự và biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp;

b) Ủy quyền cho người khác đến dự họp và biểu quyết theo quy định tại khoản 11 Điều này;

c) Tham dự và biểu quyết thông qua hội nghị trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác;

d) Gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, fax, thư điện tử;

d) Gửi phiếu biểu quyết bằng phương tiện khác.

10. Trường hợp gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, phiếu biểu quyết phải đựng trong phong bì dán kín và phải được chuyển đến Chủ tịch Hội đồng quản trị chậm nhất là một (01) giờ trước khi khai mạc. Phiếu biểu quyết chỉ được mở trước sự chứng kiến của tất cả những người dự họp.

11. Thành viên phải tham dự đầy đủ các cuộc họp Hội đồng quản trị và có trách nhiệm ký vào Biên bản họp. Thành viên được ủy quyền cho người khác dự họp và biểu quyết nếu được đa số thành viên Hội đồng quản trị chấp thuận.

12. Nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị được thông qua nếu được đa số thành viên dự họp tán thành; trường hợp số phiếu ngang nhau thì quyết định cuối cùng thuộc về phía có ý kiến của Chủ tịch Hội đồng quản trị.

Điều 30. Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị

1. Hội đồng quản trị có thể thành lập tiểu ban trực thuộc để phụ trách về chính sách phát triển, nhân sự, lương thưởng, kiểm toán nội bộ, quản lý rủi ro. Số lượng thành viên của tiểu ban do Hội đồng quản trị quyết định có tối thiểu là ba (03) người bao gồm thành viên của Hội đồng quản trị và thành viên bên ngoài. Các thành viên độc lập Hội đồng quản trị/thành viên Hội đồng quản trị không điều hành chiếm đa số trong tiểu ban và một trong số các thành viên này được bổ nhiệm làm Trưởng tiểu ban theo quyết định của Hội đồng quản trị. Hoạt động của tiểu ban phải tuân thủ theo quy định của Hội đồng quản trị. Nghị quyết của tiểu ban chỉ có hiệu lực khi có đa số thành viên tham dự và biểu quyết thông qua tại cuộc họp của







tiểu ban.

2. Việc thực thi quyết định của Hội đồng quản trị, hoặc của tiểu ban trực thuộc Hội đồng quản trị, hoặc của người có tư cách thành viên tiểu ban Hội đồng quản trị phải phù hợp với các quy định pháp luật hiện hành và quy định tại Điều lệ công ty, Quy chế nội bộ về quản trị Công ty.

Điều 31. Người phụ trách quản trị công ty

1. Hội đồng quản trị bổ nhiệm ít nhất một (01) người làm Người phụ trách quản trị công ty để hỗ trợ hoạt động quản trị công ty được tiến hành một cách có hiệu quả. Nhiệm kỳ của Người phụ trách quản trị công ty do Hội đồng quản trị quyết định, tối đa là năm (05) năm. Người phụ trách quản trị công ty có thể đồng thời là thư ký công ty.

2. Người phụ trách quản trị công ty phải đáp ứng các tiêu chuẩn sau:

a) Có hiểu biết về pháp luật;

b) Không được đồng thời làm việc cho công ty kiểm toán độc lập đang thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của Công ty;

c. Các tiêu chuẩn khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ này và quyết định của Hội đồng quản trị.

3. Hội đồng quản trị có thể bãi nhiệm Người phụ trách quản trị công ty khi cần nhưng không trái với các quy định pháp luật hiện hành về lao động. Hội đồng quản trị có thể bổ nhiệm Trợ lý Người phụ trách quản trị công ty tùy từng thời điểm.

4. Người phụ trách quản trị công ty có các quyền và nghĩa vụ sau:

a) Tư vấn Hội đồng quản trị trong việc tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định và các công việc liên quan giữa Công ty và cổ đông;

b) Chuẩn bị các cuộc họp Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Đại hội đồng cổ đông theo yêu cầu của Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát;

c) Tư vấn về thủ tục của các cuộc họp;

d) Tham dự các cuộc họp;

e) Tư vấn thủ tục lập các nghị quyết của Hội đồng quản trị phù hợp với quy định của pháp luật;

f) Cung cấp các thông tin tài chính, bản sao biên bản họp Hội đồng quản trị và các thông tin khác cho thành viên của Hội đồng quản trị và Kiểm soát viên;

g) Giám sát và báo cáo Hội đồng quản trị về hoạt động công bố thông tin của công ty.

h) Bảo mật thông tin theo các quy định của pháp luật và Điều lệ công ty;

i) Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Pháp luật và Điều lệ này.





Chương VIII

TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ NGƯỜI ĐIỀU HÀNH KHÁC

Điều 32. Tổ chức bộ máy quản lý

Hệ thống quản lý của Công ty phải đảm bảo bộ máy quản lý chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị và chịu sự giám sát, chỉ đạo của Hội đồng quản trị trong công việc kinh doanh hàng ngày của Công ty. Công ty có Tổng Giám đốc, các Phó Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng. Việc bổ nhiệm miễn nhiệm, bãi nhiệm các chức danh nêu trên phải được thông qua bằng nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị.

Điều 33. Người điều hành Công ty

1. Người điều hành Công ty gồm: Tổng Giám đốc, các Phó Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng.

2. Theo đề nghị của Tổng Giám đốc và được sự chấp thuận của Hội đồng quản trị, Công ty được tuyển dụng người điều hành với số lượng và tiêu chuẩn phù hợp với cơ cấu và quy chế quản lý của Công ty do Hội đồng quản trị quy định. Người điều hành doanh nghiệp phải có trách nhiệm để hỗ trợ Công ty đạt được các mục tiêu đề ra trong hoạt động và tổ chức.

3. Tiền lương của Người điều hành được tính vào chi phí kinh doanh của Công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, được thể hiện thành mục riêng trong báo cáo tài chính hằng năm của Công ty và phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp thường niên.

Điều 34. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, nhiệm vụ và quyền hạn của Tổng giám đốc

1. Tổng giám đốc là người điều hành công việc kinh doanh hằng ngày của Công ty; chịu sự giám sát của Hội đồng quản trị; chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị và trước pháp luật về việc thực hiện quyền, nghĩa vụ được giao.

2. Nhiệm kỳ của Tổng giám đốc không quá năm (05) năm và có thể được bổ nhiệm lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Tổng giám đốc phải đáp ứng các tiêu chuẩn, điều kiện theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty.

3. Tổng giám đốc có các quyền và nghĩa vụ sau:

a) Quyết định các vấn đề liên quan đến công việc kinh doanh hằng ngày của Công ty mà không thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị;

b) Tổ chức thực hiện các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị;

c) Tổ chức thực hiện kế hoạch kinh doanh và phương án đầu tư của Công ty;

d) Kiến nghị phương án cơ cấu tổ chức, quy chế quản lý nội bộ của Công ty;

đ) Quyết định bổ nhiệm, miễn nhiệm, khen thưởng, kỷ luật đối với các Trưởng, Phó phòng ban, Giám đốc, Phó giám đốc đơn vị, Chi nhánh/văn phòng đại diện, các chức danh tương đương và cán bộ công nhân viên dưới quyền (trừ các chức danh do Hội đồng quản trị bổ nhiệm, miễn nhiệm);

e) Quyết định tiền lương và lợi ích khác đối với người lao động trong Công ty, kể cả các chức danh thuộc thẩm quyền bổ nhiệm của Tổng giám đốc;

g) Tuyển dụng lao động;

h) Kiến nghị phương án trả cổ tức hoặc xử lý lỗ trong kinh doanh;

i) Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ công ty và nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị.

4. Tổng giám đốc phải điều hành công việc kinh doanh hằng ngày của Công ty theo đúng quy định của pháp luật, Điều lệ Công ty, và nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị. Trường hợp điều hành trái với quy định tại khoản này mà gây thiệt hại cho công ty thì Tổng giám đốc phải chịu trách nhiệm trước pháp luật và phải bồi thường thiệt hại cho Công ty

5. Hội đồng quản trị có thể miễn nhiệm Tổng giám đốc khi đa số thành viên Hội đồng quản trị tán thành và bổ nhiệm Tổng giám đốc mới thay thế

Chương IX

BAN KIỂM SOÁT

Điều 35. Ứng cử, đề cử Kiểm soát viên

1. Việc xác định ứng viên và công bố thông tin ứng viên thực hiện tương tự quy định tại khoản 1 Điều 24 Điều lệ này.

2. Các cổ đông có quyền gộp số quyền biểu quyết để đề cử các ứng viên Ban kiểm soát. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ mười phần trăm (10%) đến dưới ba mươi phần trăm (30%) tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử một (01) ứng viên; từ ba mươi phần trăm (30%) đến dưới năm mươi phần trăm (50%) được đề cử tối đa hai (02) ứng viên; từ năm mươi phần trăm (50%) trở lên được đề cử tối đa ba (03) ứng viên.

Các cổ đông phổ thông họp thành nhóm để đề cử người vào Ban kiểm soát phải thông báo về việc họp nhóm cho các cổ đông dự họp biết trước khi khai mạc Đại hội đồng cổ đông.

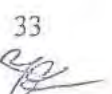
3. Trường hợp số lượng các ứng viên Ban kiểm soát thông qua đề cử và ứng cử không đủ số lượng cần thiết, Ban kiểm soát đương nhiệm có thể đề cử thêm ứng viên hoặc tổ chức đề cử theo cơ chế quy định tại Điều lệ công ty và Quy chế nội bộ về quản trị công ty. Cơ chế Ban kiểm soát đương nhiệm đề cử ứng viên Ban kiểm soát phải được công bố rõ ràng và phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua trước khi tiến hành đề cử.

Điều 36. Thành phần Ban kiểm soát

1. Số lượng thành viên Ban kiểm soát của Công ty là ba (03) người. Nhiệm kỳ của thành viên Ban kiểm soát không quá năm (05) năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.





33


2. Thành viên Ban kiểm soát phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại Điều 169 Luật Doanh nghiệp và không thuộc các trường hợp sau:

- a) Làm việc trong bộ phận kế toán, tài chính của Công ty;
- b) Là thành viên hay nhân viên của công ty kiểm toán độc lập thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của công ty trong ba (03) năm liền trước đó.
- c) Ban kiểm soát phải có hơn một nửa số thành viên thường trú ở Việt Nam.

3. Thành viên Ban Kiểm soát bị miễn nhiệm trong các trường hợp sau:

- a) Không còn đủ tiêu chuẩn và điều kiện làm thành viên Ban kiểm soát theo quy định tại khoản 2 Điều này;
- b) Có đơn từ chức và được chấp thuận;
- c) Các trường hợp khác theo quy định tại Điều lệ này.

4. Thành viên Ban kiểm soát bị bãi nhiệm trong các trường hợp sau:

- a) Không hoàn thành nhiệm vụ, công việc được phân công;
- b) Không thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình trong sáu (06) tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng;
- c) Vi phạm nhiều lần, vi phạm nghiêm trọng nghĩa vụ của thành viên Ban kiểm soát theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty;
- d) Trường hợp khác theo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông.

Điều 37. Trưởng Ban kiểm soát

1. Trưởng Ban kiểm soát do Ban kiểm soát bầu trong số các thành viên Ban kiểm soát; việc bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm theo nguyên tắc đa số. Trưởng Ban kiểm soát phải có bằng tốt nghiệp đại học trở lên thuộc một trong các chuyên ngành kinh tế, tài chính, kế toán, kiểm toán, luật, quản trị kinh doanh hoặc chuyên ngành có liên quan đến hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp.

2. Quyền và nghĩa vụ của Trưởng Ban kiểm soát:

- a) Triệu tập cuộc họp Ban kiểm soát;
- b) Yêu cầu Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và người điều hành khác cung cấp các thông tin liên quan để báo cáo Ban kiểm soát;
- c) Lập và ký báo cáo của Ban kiểm soát sau khi đã tham khảo ý kiến của Hội đồng quản trị để trình Đại hội đồng cổ đông.

3. Tham dự và tham gia thảo luận các cuộc họp Đại hội cổ đông, Hội đồng quản trị và các cuộc họp khác của Công ty.

Điều 38. Quyền và nghĩa vụ của Ban kiểm soát

Ban kiểm soát có các quyền, nghĩa vụ theo quy định tại Điều 170 Luật Doanh nghiệp và các quyền, nghĩa vụ sau:

1. Đề xuất, kiến nghị Đại hội đồng cổ đông phê duyệt danh sách tổ chức kiểm

LM

W

g

toán được chấp thuận thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính của Công ty; quyết định tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm tra hoạt động của Công ty, bãi miễn kiểm toán viên được chấp thuận khi xét thấy cần thiết.

2. Chịu trách nhiệm trước cổ đông về hoạt động giám sát của mình.

3. Giám sát tình hình tài chính của Công ty, việc tuân thủ pháp luật trong hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc.

4. Đảm bảo phối hợp hoạt động với Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và cổ đông.

5. Trường hợp phát hiện hành vi vi phạm pháp luật hoặc vi phạm Điều lệ công ty của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và người điều hành khác của doanh nghiệp, Ban kiểm soát phải thông báo bằng văn bản cho Hội đồng quản trị trong vòng 48 giờ, yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả.

6. Xây dựng Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát và trình Đại hội đồng cổ đông thông qua.

7. Báo cáo tại Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Điều 290 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán.

8. Có quyền tiếp cận hồ sơ, tài liệu của Công ty lưu giữ tại trụ sở chính, chi nhánh và địa điểm khác; có quyền đến địa điểm làm việc của người quản lý và nhân viên của Công ty trong giờ làm việc.

9. Có quyền yêu cầu Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc cung cấp đầy đủ, chính xác, kịp thời thông tin, tài liệu về công tác quản lý, điều hành và hoạt động kinh doanh của Công ty.

Điều 39. Cuộc họp của Ban kiểm soát

1. Ban kiểm soát phải họp ít nhất hai (02) lần trong năm, số lượng thành viên tham dự họp ít nhất là hai phần ba (2/3) số thành viên Ban kiểm soát. Biên bản họp Ban kiểm soát được lập chi tiết và rõ ràng. Người ghi biên bản và các thành viên Ban kiểm soát tham dự họp phải ký tên vào biên bản cuộc họp. Các biên bản họp của Ban kiểm soát phải được lưu giữ nhằm xác định trách nhiệm của từng thành viên Ban kiểm soát.

2. Ban kiểm soát có quyền yêu cầu thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và đại diện tổ chức kiểm toán được chấp thuận tham dự và trả lời các vấn đề cần được làm rõ.

Điều 40. Tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác của thành viên Ban kiểm soát

Tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác của thành viên Ban kiểm soát được thực hiện theo quy định sau đây

1. Thành viên Ban kiểm soát được trả tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích







khác theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông. Đại hội đồng cổ đông quyết định tổng mức tiền lương, thù lao, thưởng, lợi ích khác và ngân sách hoạt động hằng năm của Ban kiểm soát.

2. Thành viên Ban kiểm soát được thanh toán chi phí ăn, ở, đi lại, chi phí sử dụng dịch vụ tư vấn độc lập với mức hợp lý. Tổng mức thù lao và chi phí này không vượt quá tổng ngân sách hoạt động hằng năm của Ban kiểm soát đã được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận, trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông có quyết định khác.

3. Tiền lương và chi phí hoạt động của Ban kiểm soát được tính vào chi phí kinh doanh của Công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, quy định khác của pháp luật có liên quan và phải được lập thành mục riêng trong báo cáo tài chính hằng năm của Công ty.

Chương X

TRÁCH NHIỆM CỦA THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT, TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ NGƯỜI ĐIỀU HÀNH KHÁC

Điều 41. Trách nhiệm trung thực và tránh các xung đột về quyền lợi

1. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc phải công khai các lợi ích có liên quan theo quy định của Luật Doanh nghiệp và các văn bản pháp luật liên quan.

2. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc và những người có liên quan của các thành viên này chỉ được sử dụng những thông tin có được nhờ chức vụ của mình để phục vụ lợi ích của công ty.

3. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc có nghĩa vụ thông báo bằng văn bản cho Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát về các giao dịch giữa Công ty, công ty con, công ty khác do Công ty nắm quyền kiểm soát trên năm mươi phần trăm (50%) trở lên vốn điều lệ với chính đối tượng đó hoặc với những người có liên quan của đối tượng đó theo quy định của pháp luật. Đối với các giao dịch nêu trên do Đại hội đồng cổ đông hoặc Hội đồng quản trị chấp thuận, Công ty phải thực hiện công bố thông tin về các nghị quyết này theo quy định của pháp luật chứng khoán về công bố thông tin.

4. Thành viên Hội đồng quản trị không được biểu quyết đối với giao dịch mang lại lợi ích cho thành viên đó hoặc người có liên quan của thành viên đó theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ này

5. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc và những người có liên quan của các đối tượng này không được sử dụng hoặc tiết lộ cho người khác các thông tin nội bộ để thực hiện các giao dịch có liên quan.

6. Giao dịch giữa Công ty với một hoặc nhiều thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc, người điều hành khác và các cá nhân,

Uu

Uu

Uu

tổ chức có liên quan đến các đối tượng này không bị vô hiệu trong các trường hợp sau đây:

a) Đối với giao dịch có giá trị nhỏ hơn hoặc bằng hai mươi phần trăm (20%) tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất, những nội dung quan trọng của hợp đồng hoặc giao dịch cũng như các mối quan hệ và lợi ích của thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc, người điều hành khác đã được báo cáo Hội đồng quản trị và được Hội đồng quản trị thông qua bằng đa số phiếu tán thành của những thành viên Hội đồng quản trị không có lợi ích liên quan;

b) Đối với giao dịch có giá trị lớn hơn hai mươi phần trăm (20%) hoặc giao dịch dẫn đến giá trị giao dịch phát sinh trong vòng mười hai (12) tháng kể từ ngày thực hiện giao dịch đầu tiên có giá trị từ mười phần trăm (10%) trở lên tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất, những nội dung quan trọng của giao dịch này cũng như mối quan hệ và lợi ích của thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc, người điều hành khác đã được công bố cho các cổ đông và được Đại hội đồng cổ đông thông qua bằng phiếu biểu quyết của các cổ đông không có lợi ích liên quan.

Điều 42. Trách nhiệm về thiệt hại và bồi thường

1. Thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc và người điều hành khác vi phạm nghĩa vụ, trách nhiệm trung thực và cẩn trọng, không hoàn thành nghĩa vụ của mình với sự mất cân và năng lực chuyên môn phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại do hành vi vi phạm của mình gây ra.

2. Công ty bồi thường cho những người đã, đang hoặc có thể trở thành một bên liên quan trong các vụ khiếu nại, kiện, khởi tố (bao gồm các vụ việc dân sự, hành chính và không phải là các vụ kiện do Công ty là người khởi kiện) nếu người đó đã hoặc đang là thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc, người điều hành khác, nhân viên hoặc là đại diện được Công ty uỷ quyền hoặc người đó đã hoặc đang làm theo yêu cầu của Công ty hành động trung thực, cẩn trọng, vì lợi ích của Công ty, trên cơ sở tuân thủ luật pháp và không có bằng chứng xác nhận rằng người đó đã vi phạm những trách nhiệm của mình.

3. Chi phí bồi thường bao gồm các chi phí phát sinh (kể cả phí thuê luật sư), chi phí phán quyết, các khoản tiền phạt, các khoản phải thanh toán phát sinh trong thực tế hoặc được coi là mức hợp lý khi giải quyết những vụ việc này trong khuôn khổ luật pháp cho phép. Công ty có thể mua bảo hiểm cho những người đó để tránh những trách nhiệm bồi thường nêu trên.

Chương XI

QUYỀN TRA CỨU SỔ SÁCH VÀ HỒ SƠ CÔNG TY

Điều 43. Quyền tra cứu sổ sách và hồ sơ

1. Cổ đông phổ thông có quyền tra cứu sổ sách và hồ sơ, cụ thể như sau:



a) Cổ đông phổ thông có quyền xem xét, tra cứu và trích lục thông tin về tên và địa chỉ liên lạc trong danh sách cổ đông có quyền biểu quyết; yêu cầu sửa đổi thông tin không chính xác của mình; xem xét, tra cứu, trích lục hoặc sao chụp Điều lệ công ty, biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và nghị quyết Đại hội đồng cổ đông;

b) Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ năm phần trăm (05%) tổng số cổ phần phổ thông trở lên có quyền xem xét, tra cứu, trích lục sổ biên bản và nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị, báo cáo tài chính giữa năm và hằng năm, báo cáo của Ban kiểm soát, họp đồng, giao dịch phải thông qua Hội đồng quản trị và tài liệu khác, trừ tài liệu liên quan đến bí mật thương mại, bí mật kinh doanh của Công ty.

2. Trường hợp đại diện được ủy quyền của cổ đông và nhóm cổ đông yêu cầu tra cứu sổ sách và hồ sơ thì phải kèm theo giấy ủy quyền của cổ đông và nhóm cổ đông mà người đó đại diện hoặc bản sao công chứng của giấy ủy quyền này.

3. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc và người điều hành khác có quyền tra cứu sổ đăng ký cổ đông của Công ty, danh sách cổ đông, sổ sách và hồ sơ khác của Công ty vì những mục đích liên quan tới chức vụ của mình với điều kiện các thông tin này phải được bảo mật.

4. Công ty phải lưu giữ Điều lệ này và những bản sửa đổi bổ sung Điều lệ, Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, các quy chế, các tài liệu chứng minh quyền sở hữu tài sản, nghị quyết Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị, biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị, các báo cáo của Hội đồng quản trị, các báo cáo của Ban kiểm soát, báo cáo tài chính năm, sổ sách kế toán và các tài liệu khác theo quy định của pháp luật tại trụ sở chính hoặc một nơi khác với điều kiện là các cổ đông và Cơ quan đăng ký kinh doanh được thông báo về địa điểm lưu trữ các tài liệu này.

5. Điều lệ công ty phải được công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty.

Chương XII

CÔNG NHÂN VIÊN VÀ CÔNG ĐOÀN

Điều 44. Công nhân viên và công đoàn

1. Tổ chức Công đoàn tại Công ty hoạt động theo khuôn khổ Hiến pháp và Điều lệ Công đoàn Việt Nam phù hợp với quy định của Pháp luật hiện hành; Công ty tạo điều kiện thuận lợi để tổ chức Công đoàn hoạt động theo đúng chức năng, nhiệm vụ, phù hợp với tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh chung của toàn công ty đồng thời hỗ trợ cho mục tiêu phát triển bền vững của doanh nghiệp.

2. Công ty phải xây dựng kế hoạch liên quan đến việc tuyển dụng, cho người lao động thôi việc, tiền lương, bảo hiểm xã hội, phúc lợi, khen thưởng và kỷ luật đối với người lao động và người điều hành doanh nghiệp.

Chương XIII

PHÂN PHỐI LỢI NHUẬN

Điều 45. Phân phối lợi nhuận

1. Đại hội đồng cổ đông quyết định mức chi trả cổ tức và hình thức chi trả cổ tức hàng năm từ lợi nhuận được giữ lại của Công ty.

Cổ tức phải được thanh toán đầy đủ trong thời hạn sáu (06) tháng kể từ ngày kết thúc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên. Hội đồng quản trị lập danh sách cổ đông được nhận cổ tức, xác định mức cổ tức được trả đối với từng cổ phần, thời hạn và hình thức trả chậm nhất là ba mươi (30) ngày trước mỗi lần trả cổ tức. Thông báo về trả cổ tức được gửi bằng phương thức để bảo đảm đến cổ đông theo địa chỉ đăng ký trong sổ đăng ký cổ đông chậm nhất là mười lăm (15) ngày trước khi thực hiện trả cổ tức. Thông báo phải bao gồm các nội dung theo quy định tại khoản 4 Điều 135 Luật Doanh nghiệp

2. Công ty không thanh toán lãi cho khoản tiền trả cổ tức hay khoản tiền chi trả liên quan tới một loại cổ phiếu.

3. Hội đồng quản trị có thể kiến nghị Đại hội đồng cổ đông thông qua việc thanh toán toàn bộ hoặc một phần cổ tức bằng cổ phiếu và Hội đồng quản trị là cơ quan thực thi quyết định này.

4. Trường hợp cổ tức hay những khoản tiền khác liên quan tới một loại cổ phiếu được chi trả bằng tiền mặt, Công ty phải chi trả bằng tiền đồng Việt Nam. Việc chi trả có thể thực hiện trực tiếp hoặc thông qua các ngân hàng trên cơ sở các thông tin chi tiết về tài khoản ngân hàng do cổ đông cung cấp. Trường hợp Công ty đã chuyển khoản theo đúng các thông tin chi tiết về ngân hàng do cổ đông cung cấp mà cổ đông đó không nhận được tiền, Công ty không phải chịu trách nhiệm về khoản tiền Công ty đã chuyển cho cổ đông này. Việc thanh toán cổ tức đối với các cổ phiếu niêm yết/đăng ký giao dịch tại Sở giao dịch chứng khoán có thể được tiến hành thông qua công ty chứng khoán hoặc Công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam.

5. Căn cứ Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán, Hội đồng quản trị thông qua nghị quyết, quyết định xác định một ngày cụ thể để chốt danh sách cổ đông. Căn cứ theo ngày đó, những người đăng ký với tư cách cổ đông hoặc người sở hữu các chứng khoán khác được quyền nhận cổ tức bằng tiền mặt hoặc cổ phiếu, nhận thông báo hoặc tài liệu khác.

6. Các vấn đề khác liên quan đến phân phối lợi nhuận được thực hiện theo quy định của pháp luật.

Chương XIV

TÀI KHOẢN NGÂN HÀNG, NĂM TÀI CHÍNH VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN

Điều 46. Tài khoản ngân hàng

1. Công ty mở tài khoản tại các ngân hàng Việt Nam hoặc tại các ngân hàng nước ngoài được phép hoạt động tại Việt Nam.



2. Theo sự chấp thuận trước của cơ quan có thẩm quyền, trong trường hợp cần thiết, Công ty có thể mở tài khoản ngân hàng ở nước ngoài theo các quy định của pháp luật.

3. Công ty tiến hành tất cả các khoản thanh toán và giao dịch kế toán thông qua các tài khoản tiền Việt Nam hoặc ngoại tệ tại các ngân hàng mà Công ty mở tài khoản.

Điều 47. Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày đầu tiên của tháng 1 hàng năm và kết thúc vào ngày thứ 31 của tháng 12. Năm tài chính đầu tiên bắt đầu từ ngày cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp và kết thúc vào ngày thứ 31 của tháng 12 ngay sau ngày cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp đó.

Điều 48. Chế độ kế toán

1. Chế độ kế toán Công ty sử dụng là chế độ kế toán doanh nghiệp.

2. Công ty lập sổ sách kế toán bằng tiếng Việt. Công ty lưu giữ hồ sơ kế toán theo loại hình của các hoạt động kinh doanh mà Công ty tham gia. Những hồ sơ này phải chính xác, cập nhật, có hệ thống và phải đủ để chứng minh và giải trình các giao dịch của Công ty.

3. Công ty sử dụng đơn vị tiền tệ trong kế toán là đồng Việt Nam. Trường hợp Công ty có các nghiệp vụ kinh tế phát sinh chủ yếu bằng một loại ngoại tệ thì được tự chọn ngoại tệ đó làm đơn vị tiền tệ trong kế toán, chịu trách nhiệm về lựa chọn đó trước pháp luật và thông báo cho cơ quan quản lý thuế trực tiếp.

Chương XV

BÁO CÁO TÀI CHÍNH, BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN VÀ TRÁCH NHIỆM CÔNG BỐ THÔNG TIN

Điều 49. Báo cáo tài chính năm, bán niên và quý

1. Công ty phải lập báo cáo tài chính năm và báo cáo tài chính năm phải được kiểm toán theo quy định của pháp luật. Công ty công bố báo cáo tài chính năm đã được kiểm toán theo quy định của pháp luật về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán và nộp cho cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

2. Báo cáo tài chính năm phải bao gồm đầy đủ các báo cáo, phụ lục, thuyết minh theo quy định pháp luật về kế toán doanh nghiệp. Báo cáo tài chính năm phải phản ánh một cách trung thực và khách quan tình hình hoạt động của Công ty.

3. Công ty phải lập và công bố các báo cáo tài chính bán niên đã soát xét và báo cáo tài chính quý theo quy định pháp luật về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán và nộp cho cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

Điều 50. Báo cáo thường niên

Công ty phải lập và công bố Báo cáo thường niên theo các quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.

Chương XVI

KIỂM TOÁN CÔNG TY

Điều 51. Kiểm toán

1. Ban Kiểm soát trình, đề xuất lên Đại hội đồng cổ đông danh sách các công ty kiểm toán độc lập để kiểm toán Báo cáo tài chính. Đại hội đồng cổ đông xem xét, thông qua danh sách công ty kiểm toán do Ban Kiểm soát trình.

2. Báo cáo kiểm toán được đính kèm báo cáo tài chính năm của Công ty.

3. Kiểm toán viên độc lập thực hiện việc kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty được tham dự các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và được quyền nhận các thông báo và các thông tin khác liên quan đến cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và được phát biểu ý kiến tại đại hội về các vấn đề có liên quan đến việc kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty.

Chương XVII

DẤU CỦA CÔNG TY

Điều 52. Dấu của công ty

1. Dấu của công ty được làm tại cơ sở khắc dấu hoặc dấu dưới hình thức chữ ký số theo quy định của pháp luật về giao dịch điện tử.

2. Hội đồng quản trị công ty quyết định loại dấu, số lượng, hình thức và nội dung dấu của công ty, chi nhánh, văn phòng đại diện và đơn vị khác của công ty.

3. Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc sử dụng và quản lý dấu theo quy định của pháp luật hiện hành.

Chương XVIII

GIẢI THỂ CÔNG TY

Điều 53. Giải thể công ty

1. Công ty có thể bị giải thể trong những trường hợp sau:

- a) Theo nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông;
- b) Bị thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, trừ trường hợp Luật Quản lý thuế có quy định khác;
- c) Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật.

2. Việc giải thể Công ty trước thời hạn do Đại hội đồng cổ đông quyết định, Hội đồng quản trị thực hiện. Quyết định giải thể này phải thông báo hay xin chấp thuận của cơ quan có thẩm quyền (nếu bắt buộc) theo quy định.

Điều 54. Thanh lý

1. Tối thiểu sáu (06) tháng trước khi kết thúc thời hạn hoạt động của Công ty hoặc sau khi có quyết định giải thể Công ty, Hội đồng quản trị phải thành lập Ban

LM

LM 41
LM

thanh lý gồm ba (03) thành viên. trong đó hai (02) thành viên do Đại hội đồng cổ đông chỉ định và một (01) thành viên do Hội đồng quản trị chỉ định từ một công ty kiểm toán độc lập. Ban thanh lý chuẩn bị các quy chế hoạt động của mình. Các thành viên của Ban thanh lý có thể được lựa chọn trong số nhân viên Công ty hoặc chuyên gia độc lập. Tất cả các chi phí liên quan đến thanh lý được Công ty ưu tiên thanh toán trước các khoản nợ khác của Công ty.

2. Ban thanh lý có trách nhiệm báo cáo cho cơ quan đăng ký kinh doanh về ngày thành lập và ngày bắt đầu hoạt động. Kể từ thời điểm đó, Ban thanh lý thay mặt Công ty trong tất cả các công việc liên quan đến thanh lý Công ty trước Tòa án và các cơ quan hành chính.

3. Tiền thu được từ việc thanh lý được thanh toán theo thứ tự sau:

a. Các chi phí thanh lý;

b) Các khoản nợ lương, trợ cấp thôi việc, bảo hiểm xã hội và các quyền lợi khác của người lao động theo thỏa ước lao động tập thể và hợp đồng lao động đã ký kết;

c) Nợ thuế;

d) Các khoản nợ khác của Công ty;

đ) Phần còn lại sau khi đã thanh toán tất cả các khoản nợ từ mục a đến mục d trên đây được chia cho các cổ đông. Các cổ phần ưu đãi được ưu tiên thanh toán trước.

Chương XIX

GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP NỘI BỘ

Điều 55. Giải quyết tranh chấp nội bộ

1. Trường hợp phát sinh tranh chấp hay khiếu nại có liên quan tới hoạt động của Công ty hay tới quyền và nghĩa vụ của các cổ đông theo quy định tại Điều lệ công ty, Luật Doanh nghiệp, các luật khác hoặc các quy định pháp luật khác hoặc thỏa thuận giữa:

a. Cổ đông với Công ty;

b. Cổ đông với Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Tổng giám đốc hay người điều hành khác.

Các bên liên quan cố gắng giải quyết tranh chấp đó thông qua thương lượng và hoà giải. Trừ trường hợp tranh chấp liên quan tới Hội đồng quản trị hoặc Chủ tịch Hội đồng quản trị, Chủ tịch Hội đồng quản trị chủ trì việc giải quyết tranh chấp và yêu cầu từng bên trình bày các yếu tố thực tiễn liên quan đến tranh chấp trong vòng mười lăm (15) ngày làm việc kể từ ngày tranh chấp phát sinh. Trường hợp tranh chấp liên quan tới Hội đồng quản trị hay Chủ tịch Hội đồng quản trị, bất cứ bên nào cũng có thể yêu cầu chỉ định một chuyên gia độc lập làm trung gian hòa giải cho quá trình giải quyết tranh chấp.

2. Trường hợp không đạt được quyết định hoà giải trong vòng sáu (06) tuần từ khi bắt đầu quá trình hoà giải hoặc nếu quyết định của trung gian hoà giải không được các bên chấp nhận, bất cứ bên nào cũng có thể đưa tranh chấp đó ra Trọng tài kinh tế hoặc Toà án.

3. Các bên tự chịu chi phí có liên quan tới thủ tục thương lượng và hoà giải. Việc thanh toán các chi phí của Toà án được thực hiện theo phán quyết của Toà án.

Chương XX

BỔ SUNG VÀ SỬA ĐỔI ĐIỀU LỆ

Điều 56. Bổ sung và sửa đổi Điều lệ

1. Việc bổ sung, sửa đổi Điều lệ này phải được Đại hội đồng cổ đông xem xét quyết định.

2. Trong trường hợp có những quy định của pháp luật có liên quan đến hoạt động của Công ty chưa được đề cập trong bản Điều lệ này hoặc trong trường hợp có những quy định mới của pháp luật khác với những điều khoản trong Điều lệ này thì những quy định của pháp luật đó đương nhiên được áp dụng và điều chỉnh hoạt động của Công ty.

Chương XXI

NGÀY HIỆU LỰC

Điều 57. Ngày hiệu lực

1. Bản điều lệ này gồm 21 chương 57 điều được Đại hội đồng cổ đông Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Công nghiệp và Đô thị Việt Nam nhất trí thông qua ngày ... tháng ... năm 2021 tại Hà Nội và cùng chấp thuận hiệu lực toàn văn của Điều lệ này.

2. Điều lệ được lập thành mười (10) bản, có giá trị như nhau, và phải được lưu giữ tại Trụ sở chính của Công ty.

3. Điều lệ này là duy nhất và chính thức của Công ty.

4. Các bản sao hoặc trích lục Điều lệ Công ty có giá trị khi có chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc tối thiểu một phần hai (1/2) tổng số thành viên Hội đồng quản trị.

ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA CÔNG TY TỔNG GIÁM ĐỐC

(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

(Dàn thảo - 100721)

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

QUY CHẾ NỘI BỘ VỀ QUẢN TRỊ

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN XÂY DỰNG
CÔNG NGHIỆP VÀ ĐÔ THỊ VIỆT NAM

Hà Nội, tháng năm 2021

Handwritten signature and initials

Hà Nội, ngày tháng năm 2021

QUY CHẾ NỘI BỘ VỀ QUẢN TRỊ

(Ban hành theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên số ngày.. tháng... năm 2021 Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Công nghiệp và Đô thị Việt Nam)

Chương I QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Quy chế này quy định về vai trò, quyền và nghĩa vụ của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc; trình tự, thủ tục họp Đại hội đồng cổ đông; đề cử, ứng cử, bầu, miễn nhiệm và bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc và các hoạt động khác theo quy định của Điều lệ Công ty và quy định của Pháp luật.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Quy chế này áp dụng đối với các thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc và những người liên quan.

Chương II ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

Điều 3. Đại hội đồng cổ đông

1. Vai trò của Đại hội đồng cổ đông.

Đại hội đồng cổ đông là cơ quan có thẩm quyền cao nhất của Công ty, có quyền quyết định những vấn đề thuộc nhiệm vụ và quyền hạn được Pháp luật và Điều lệ Công ty quy định.

2. Quyền và nghĩa vụ của Đại hội đồng cổ đông.

- a) Thông qua định hướng phát triển của Công ty;
- b) Quyết định loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại được quyền chào bán; quyết định mức cổ tức hàng năm của từng loại cổ phần;
- c) Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát;
- d) Quyết định đầu tư hoặc bán số tài sản có giá trị từ ba mươi lăm phần trăm

bu

uu

1

(35%) tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty;

đ) Quyết định sửa đổi, bổ sung Điều lệ công ty;

e) Thông qua báo cáo tài chính hằng năm;

g) Quyết định mua lại trên mười phần trăm (10%) tổng số cổ phần đã bán của mỗi loại;

h) Xem xét, xử lý vi phạm của thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát gây thiệt hại cho Công ty và cổ đông Công ty;

i) Quyết định tổ chức lại, giải thể Công ty;

k) Quyết định ngân sách hoặc tổng mức thù lao, thưởng và lợi ích khác cho Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát;

l) Phê duyệt Quy chế quản trị nội bộ; Quy chế hoạt động Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát;

m) Phê duyệt danh sách công ty kiểm toán được chấp thuận; quyết định công ty kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm tra hoạt động của Công ty, bãi miễn kiểm toán viên được chấp thuận khi xét thấy cần thiết;

n) Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định pháp luật.

3. Đại hội đồng cổ đông thảo luận và thông qua các vấn đề sau:

a) Kế hoạch kinh doanh hằng năm của Công ty;

b) Báo cáo tài chính hằng năm đã được kiểm toán;

c) Báo cáo của Hội đồng quản trị về quản trị và kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị và từng thành viên Hội đồng quản trị;

d) Báo cáo của Ban kiểm soát về kết quả kinh doanh của Công ty, kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc;

đ) Báo cáo tự đánh giá kết quả hoạt động của Ban kiểm soát và thành viên Ban kiểm soát;

e) Mức cổ tức đối với mỗi cổ phần của từng loại;

g) Số lượng thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát;

h) Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát;

i) Quyết định ngân sách hoặc tổng mức thù lao, thưởng và lợi ích khác đối với Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát;

k) Phê duyệt danh sách công ty kiểm toán được chấp thuận; quyết định công ty kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm tra các hoạt động của công ty khi xét thấy cần thiết;

l) Bổ sung và sửa đổi Điều lệ công ty;

m) Loại cổ phần và số lượng cổ phần mới được phát hành đối với mỗi loại cổ phần;

2

- n) Chia, tách, hợp nhất, sáp nhập hoặc chuyển đổi Công ty;
- o) Tổ chức lại và giải thể Công ty và chỉ định người thanh lý;
- p) Quyết định đầu tư hoặc bán số tài sản có giá trị từ ba mươi lăm phần trăm (35%) tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong Báo cáo tài chính gần nhất của Công ty;
- q) Quyết định mua lại trên mười phần trăm (10%) tổng số cổ phần đã bán của mỗi loại;
- r) Công ty ký kết hợp đồng, giao dịch với những đối tượng được quy định tại khoản 1 Điều 167 Luật Doanh nghiệp với giá trị bằng hoặc lớn hơn ba mươi lăm phần trăm (35%) tổng giá trị tài sản của Công ty được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất;
- s) Chấp thuận các giao dịch quy định tại khoản 4 Điều 293 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;
- t) Phê duyệt Quy chế nội bộ về quản trị công ty, Quy chế hoạt động Hội đồng quản trị, Quy chế hoạt động Ban kiểm soát;
- u) Các vấn đề khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

4. Tất cả các nghị quyết và các vấn đề đã được đưa vào chương trình họp phải được đưa ra thảo luận và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.

Điều 4. Thẩm quyền triệu tập Đại hội đồng cổ đông

1. Hội đồng quản trị tổ chức triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông thường niên và lựa chọn địa điểm phù hợp.

Hội đồng quản trị phải triệu tập Đại hội đồng cổ đông bất thường trong các trường hợp quy định tại khoản 1,2 Điều 140 Luật doanh nghiệp.

2. Ban kiểm soát phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại khoản 3 Điều 140 Luật doanh nghiệp.

3. Cổ đông, nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 115 Luật doanh nghiệp triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại khoản 4 Điều 140 Luật doanh nghiệp.

Điều 5. Các trường hợp Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường

- 1. Hội đồng quản trị xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty;
- 2. Báo cáo tài chính sáu (06) tháng hoặc báo cáo tài chính năm đã được kiểm toán phản ánh vốn chủ sở hữu đã bị mất một nửa (1/2) so với số đầu kỳ;
- 3. Số lượng thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát còn lại ít hơn số lượng thành viên tối thiểu theo quy định của pháp luật;
- 4. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 4 Điều 11 của Điều lệ Công ty yêu cầu triệu tập Đại hội đồng cổ đông bằng một văn bản kiến nghị. Văn bản

luc

ll

ll

kiến nghị triệu tập phải nêu rõ lý do và mục đích cuộc họp, có đủ chữ ký của các cổ đông liên quan hoặc văn bản kiến nghị có thể lập thành nhiều bản và tập họp đủ chữ ký của các cổ đông có liên quan;

5. Ban kiểm soát yêu cầu triệu tập cuộc họp nếu Ban kiểm soát có lý do tin tưởng rằng các thành viên Hội đồng quản trị hoặc người điều hành khác vi phạm nghiêm trọng các nghĩa vụ của họ theo Điều 165 Luật doanh nghiệp hoặc Hội đồng quản trị hành động hoặc có ý định hành động ngoài phạm vi quyền hạn của mình;

6. Thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc:

a) Không thực hiện quyền và nghĩa vụ được giao theo đúng quy định của pháp luật, Điều lệ công ty, nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông;

b) Không thực hiện các quyền và nghĩa vụ được giao một cách trung thực, cẩn trọng, tốt nhất nhằm bảo đảm lợi ích hợp pháp tối đa của Công ty;

c) Không trung thành với lợi ích của Công ty và cổ đông; sử dụng thông tin, bí quyết, cơ hội kinh doanh của Công ty, địa vị, chức vụ và sử dụng tài sản của Công ty để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác;

d) Không thông báo kịp thời, đầy đủ, chính xác cho Công ty về doanh nghiệp mà họ và người liên quan của họ làm chủ hoặc có phần góp vốn, cổ phần chi phối; thông báo này được niêm yết tại trụ sở chính và chi nhánh của Công ty;

7. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty.

Điều 6. Thủ tục triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường

1. Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn ba mươi (30) ngày kể từ ngày số thành viên Hội đồng quản trị, thành viên độc lập Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát còn lại ít hơn số lượng thành viên tối thiểu theo quy định của pháp luật hoặc nhận được yêu cầu quy định tại khoản 4 và khoản 5 Điều 5 Quy chế này.

2. Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn sáu mươi (60) ngày kể từ ngày số thành viên Hội đồng quản trị bị giảm quá một phần ba (1/3).

3. Trường hợp Hội đồng quản trị không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định thì Chủ tịch Hội đồng quản trị và các thành viên Hội đồng quản trị phải bồi thường thiệt hại phát sinh cho Công ty.

4. Trường hợp Hội đồng quản trị không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Khoản 1 Điều này thì trong thời hạn ba mươi (30) ngày tiếp theo, Ban kiểm soát phải thay thế Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông.

5. Trường hợp Ban kiểm soát không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định thì Ban kiểm soát phải bồi thường thiệt hại phát sinh cho Công ty.

6. Trường hợp Ban kiểm soát không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại khoản 4 Điều này thì trong thời hạn ba mươi (30) ngày tiếp theo, cổ

lưu

u



đồng hoặc nhóm cổ đông theo quy định tại khoản 3 Điều 11 của Điều lệ Công ty có quyền đại diện Công ty triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định.

7. Chi phí cho việc triệu tập và tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông sẽ được Công ty hoàn lại. Chi phí này không bao gồm những chi phí do cổ đông chi tiêu khi tham dự Đại hội đồng cổ đông, kể cả chi phí ăn ở và đi lại.

Điều 7. Nhiệm vụ của Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông

1. Lập danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông trên sổ đăng ký cổ đông của Công ty. Danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông được lập không quá mười (10) ngày trước ngày gửi thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông;

2. Chuẩn bị chương trình, nội dung cuộc họp;

3. Chuẩn bị tài liệu cho cuộc họp;

4. Dự thảo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông theo nội dung dự kiến của cuộc họp;

5. Dự thảo danh sách và thông tin chi tiết của các ứng viên trong trường hợp bầu thành viên Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát;

6. Xác định thời gian và địa điểm tổ chức cuộc họp;

7. Gửi thông báo mời họp đến từng cổ đông có quyền dự họp theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty;

8. Các công việc khác phục vụ cuộc họp.

Điều 8. Thông báo về việc chốt danh sách cổ đông có quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông

Công ty phải công bố thông tin về việc chốt danh sách cổ đông có quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông tối thiểu hai mươi (20) ngày trước ngày đăng ký cuối cùng.

Điều 9. Thông báo triệu tập đại hội đồng cổ đông

1. Thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông được gửi cho tất cả các cổ đông bằng phương thức để bảo đảm đến được địa chỉ liên lạc của cổ đông, đồng thời công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty và Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán nơi cổ phiếu của Công ty niêm yết hoặc đăng ký giao dịch.

2. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải gửi thông báo mời họp đến tất cả các cổ đông trong Danh sách cổ đông có quyền dự họp chậm nhất hai mươi một ngày (21) ngày trước ngày khai mạc cuộc họp (tính từ ngày mà thông báo được gửi hoặc chuyển đi một cách hợp lệ, được trả cước phí hoặc được bỏ vào hòm thư).

3. Chương trình họp Đại hội đồng cổ đông, các tài liệu liên quan đến các vấn đề sẽ được biểu quyết tại đại hội được gửi cho các cổ đông hoặc/và đăng trên trang thông tin điện tử của Công ty.

4. Trong trường hợp tài liệu không được gửi kèm thông báo họp Đại hội đồng

cổ đông, thông báo mời họp phải nêu rõ đường dẫn đến toàn bộ tài liệu họp để các cổ đông có thể tiếp cận, bao gồm:

- a) Chương trình họp, các tài liệu sử dụng trong cuộc họp;
- b) Danh sách và thông tin chi tiết của các ứng viên trong trường hợp bầu thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát;
- c) Phiếu biểu quyết;
- d) Mẫu chỉ định đại diện theo ủy quyền dự họp; (Giấy ủy quyền)
- e) Dự thảo nghị quyết đối với từng vấn đề trong chương trình họp.

Điều 10. Chương trình, nội dung cuộc họp Đại hội đồng cổ đông

1. Chương trình và nội dung cuộc họp phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua trong phiên khai mạc.

2. Chương trình phải xác định rõ và chi tiết thời gian đối với từng vấn đề trong nội dung chương trình họp.

3. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông được đề cập tại khoản 4 Điều 11 Điều lệ Công ty có quyền kiến nghị các vấn đề đưa vào chương trình họp Đại hội đồng cổ đông. Đề xuất phải được làm bằng văn bản và phải được gửi cho Công ty ít nhất ba (03) ngày làm việc trước ngày khai mạc Đại hội đồng cổ đông. Kiến nghị phải bao gồm họ và tên cổ đông, số lượng và loại cổ phần của cổ đông và nội dung đề nghị đưa vào chương trình họp.

4. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có quyền từ chối kiến nghị trong các trường hợp sau:

a) Kiến nghị được gửi đến không đúng quy định về thời gian và nội dung tại khoản 3 Điều này;

b) Vào thời điểm kiến nghị, cổ đông hoặc nhóm cổ đông không nắm giữ đủ từ năm phần trăm (05%) cổ phần phổ thông trở lên theo quy định tại khoản 4 Điều 11 Điều lệ Công ty;

c) Vấn đề kiến nghị không thuộc phạm vi thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông;

d) Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty.

đ) Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải chấp nhận và đưa kiến nghị quy định tại khoản 3 Điều này này vào dự kiến chương trình và nội dung cuộc họp, trừ trường hợp quy định tại khoản 4 Điều này; kiến nghị được chính thức bổ sung vào chương trình và nội dung cuộc họp nếu được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận.

Điều 11. Ủy quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông

1. Cổ đông, người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức có thể trực tiếp tham dự họp hoặc ủy quyền cho một hoặc một số cá nhân, tổ chức khác dự họp hoặc dự họp thông qua một trong các hình thức quy định tại khoản 3 Điều 144 Luật Doanh nghiệp như sau:

lma

U

[Signature]

- a) Tham dự và biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp;
- b) Ủy quyền cho cá nhân, tổ chức khác tham dự và biểu quyết tại cuộc họp;
- c) Tham dự và biểu quyết thông qua hội nghị trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác;
- d) Gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua gửi thư, fax, thư điện tử;

2. Việc ủy quyền cho cá nhân, tổ chức đại diện dự họp Đại hội đồng cổ đông phải lập thành văn bản theo quy định của Bộ luật dân sự và nêu rõ tên cổ đông ủy quyền, tên cá nhân, tổ chức được ủy quyền, số lượng cổ phần được ủy quyền, nội dung ủy quyền, phạm vi ủy quyền, thời hạn ủy quyền, chữ ký của bên ủy quyền và bên được ủy quyền.

3. Trường hợp cổ đông cá nhân là người ủy quyền thì phải có chữ ký của cổ đông đó và người được ủy quyền dự họp;

4. Trường hợp người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức là người ủy quyền thì phải có chữ ký của người đại diện theo ủy quyền, người đại diện theo pháp luật của cổ đông và người được ủy quyền dự họp;

5. Trong trường hợp khác thì phải có chữ ký của người đại diện theo pháp luật của cổ đông và người được ủy quyền dự họp.

6. Người được ủy quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông phải nộp văn bản ủy quyền khi đăng ký dự họp. Trường hợp ủy quyền lại thì người tham dự họp phải xuất trình thêm văn bản ủy quyền ban đầu của cổ đông, người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức (nếu trước đó chưa đăng ký với Công ty).

7. Trường hợp luật sư thay mặt cho người ủy quyền ký giấy chỉ định đại diện, việc chỉ định đại diện trong trường hợp này chỉ được coi là có hiệu lực nếu giấy chỉ định đại diện đó được xuất trình cùng với thư ủy quyền cho luật sư hoặc bản sao hợp lệ của thư ủy quyền đó (nếu trước đó chưa đăng ký với Công ty).

8. Phiếu biểu quyết của người được ủy quyền dự họp trong phạm vi được ủy quyền vẫn có hiệu lực khi xảy ra một trong các trường hợp sau đây:

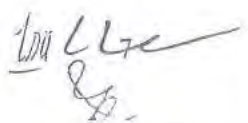
- a) Người ủy quyền đã chết, bị hạn chế năng lực hành vi dân sự hoặc bị mất năng lực hành vi dân sự;
- b) Người ủy quyền đã huỷ bỏ việc chỉ định ủy quyền;
- c) Người ủy quyền đã huỷ bỏ thẩm quyền của người thực hiện việc ủy quyền.

9. Điều này không áp dụng trong trường hợp Công ty nhận được thông báo về một trong các sự kiện trên trước giờ khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông hoặc trước khi cuộc họp được triệu tập lại.

Điều 12. Đăng ký dự họp Đại hội đồng cổ đông

1. Trước khi khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, Công ty phải tiến hành thủ tục đăng ký cổ đông và phải thực hiện việc đăng ký cho đến khi các cổ đông có quyền dự họp có mặt đăng ký hết.

2. Khi tiến hành đăng ký cổ đông, Công ty cấp cho từng cổ đông hoặc đại diện



theo ủy quyền có quyền biểu quyết một thẻ biểu quyết/phiếu biểu quyết/phiếu bầu cử, trên đó ghi số đăng ký, họ và tên của cổ đông, họ và tên đại diện theo ủy quyền và số phiếu biểu quyết của cổ đông đó.

3. Cổ đông hoặc người được ủy quyền dự họp đến sau khi cuộc họp đã khai mạc vẫn được đăng ký và có quyền tham gia biểu quyết/bầu cử ngay sau khi đăng ký; trong trường hợp này, hiệu lực của những nội dung đã được biểu quyết trước đó không thay đổi.

Điều 13. Điều kiện tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông

1. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện cho trên năm mươi phần trăm (50%) tổng số phiếu biểu quyết.

2. Trường hợp cuộc họp lần thứ nhất không đủ điều kiện tiến hành theo quy định tại khoản 1 Điều này thì thông báo mời họp lần thứ hai được gửi trong thời hạn ba mươi (30) ngày, kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông lần thứ hai được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện từ ba mươi ba phần trăm (33%) tổng số phiếu biểu quyết trở lên.

3. Trường hợp cuộc họp lần thứ hai không được tiến hành theo quy định tại khoản 2 Điều này, cuộc họp Đại hội đồng cổ đông lần thứ ba có thể được triệu tập trong vòng hai mươi (20) ngày kể từ ngày dự định tiến hành cuộc họp lần thứ hai. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông lần thứ ba được tiến hành không phụ thuộc vào tổng số phiếu có quyền biểu quyết của các cổ đông dự họp.

4. Chỉ có Đại hội đồng cổ đông mới có quyền quyết định thay đổi chương trình họp đã được gửi kèm theo thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông.

Điều 14. Hình thức thông qua Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông

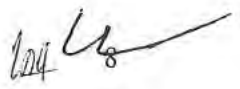
1. Đại hội đồng cổ đông thông qua các quyết định thuộc thẩm quyền bằng hình thức biểu quyết tại cuộc họp hoặc lấy ý kiến bằng văn bản.

2. Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông về các vấn đề sau đây phải được thông qua bằng hình thức biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông:

- a) Sửa đổi, bổ sung nội dung của Điều lệ Công ty;
- b) Định hướng phát triển Công ty;
- c) Loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại;
- d) Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát;
- đ) Quyết định đầu tư hoặc bán số tài sản có giá trị từ ba mươi lăm phần trăm (35%) tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của công ty;
- e) Thông qua báo cáo tài chính hằng năm;
- g) Tổ chức lại, giải thể Công ty.

Điều 15. Bỏ phiếu, kiểm phiếu và thông báo kết quả kiểm phiếu

1. Trường hợp biểu quyết bằng thẻ biểu quyết:

204 

a) Đại hội đồng cổ đông thảo luận và biểu quyết theo từng vấn đề trong nội dung chương trình.

b) Việc biểu quyết được tiến hành bằng biểu quyết tán thành, không tán thành và không có ý kiến.

c) Tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, số thẻ tán thành nghị quyết được thu trước, số thẻ không tán thành nghị quyết được thu sau, cuối cùng đếm tổng số phiếu tán thành hoặc không tán thành để quyết định.

d) Kết quả kiểm phiếu được Chủ tọa công bố ngay trước khi bế mạc cuộc họp.

đ) Đại hội đồng cổ đông bầu những người chịu trách nhiệm kiểm phiếu hoặc giám sát kiểm phiếu theo đề nghị của Chủ tọa.

e) Số thành viên của ban kiểm phiếu do Đại hội đồng cổ đông quyết định căn cứ đề nghị của Chủ tọa cuộc họp;

2. Trường hợp bầu cử bằng phiếu bầu:

a) Ban kiểm phiếu tiến hành kiểm tra thùng phiếu trước khi bỏ phiếu.

b) Việc bỏ phiếu bắt đầu sau khi việc phát phiếu được hoàn tất và kết thúc khi cổ đông cuối cùng bỏ phiếu bầu vào thùng phiếu.

c) Việc kiểm phiếu được tiến hành ngay sau khi kết thúc bỏ phiếu

d) Kết quả kiểm phiếu được lập thành biên bản kiểm phiếu và có chữ ký của các thành viên Ban kiểm phiếu

đ) Các phiếu bầu sau khi kiểm được lưu trữ tại trụ sở Công ty theo quy định của pháp luật.

e) Trưởng ban Kiểm phiếu công bố công khai trước đại hội kết quả kiểm phiếu bầu và kết quả trúng cử Thành viên Hội đồng quản trị và Ban Kiểm soát Công ty.

g) Những khiếu nại về việc bầu và kiểm phiếu được Chủ tọa cuộc họp giải quyết và được ghi trong Biên bản đại hội.

h) Kết quả kiểm phiếu được ghi nhận tại Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông.

Điều 16. Điều kiện để nghị quyết được thông qua

1. Nghị quyết về nội dung sau đây được thông qua nếu được số cổ đông đại diện từ sáu mươi lăm phần trăm (65%) tổng số phiếu biểu quyết trở lên của tất cả cổ đông dự họp tán thành, trừ trường hợp quy định tại các khoản 2,3,4 Điều này:

a) Loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại;

b) Thay đổi ngành, nghề và lĩnh vực kinh doanh;

c) Thay đổi cơ cấu tổ chức quản lý Công ty;

d) Dự án đầu tư hoặc bán tài sản có giá trị từ ba mươi lăm phần trăm (35%) tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty;

đ) Tổ chức lại, giải thể Công ty;

e) Sửa đổi, bổ sung Điều lệ Công ty.

2. Các Nghị quyết được thông qua khi được số cổ đông sở hữu trên năm mươi phần trăm (50%) tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông dự họp tán thành, trừ trường hợp quy định tại các khoản 1, 3 Điều này.

3. Trường hợp thông qua nghị quyết dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản thì nghị quyết Đại hội đồng cổ đông được thông qua nếu được số cổ đông sở hữu trên năm mươi phần trăm (50%) tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông có quyền biểu quyết tán thành.

4. Các Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông được thông qua bằng một trăm phần trăm (100%) tổng số cổ phần có quyền biểu quyết là hợp pháp và có hiệu lực ngay cả khi trình tự, thủ tục triệu tập họp và thông qua nghị quyết đó vi phạm quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty.

Điều 17. Phản đối nghị quyết Đại hội đồng cổ đông

1. Trong thời hạn chín mươi (90) ngày, kể từ ngày nhận được biên bản họp Đại hội đồng cổ đông hoặc biên bản kết quả kiểm phiếu lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản, thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng Giám đốc, cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 4 Điều 11 Điều lệ Công ty có quyền yêu cầu Tòa án hoặc Trọng tài xem xét, hủy bỏ quyết định của Đại hội đồng cổ đông trong các trường hợp sau đây:

a) Trình tự và thủ tục triệu tập họp hoặc lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản và ra quyết định của Đại hội đồng cổ đông không thực hiện đúng theo quy định của Luật doanh nghiệp và Điều lệ Công ty, trừ trường hợp quy định tại khoản 6 Điều 20 Điều lệ Công ty.

b) Nội dung nghị quyết vi phạm Pháp luật hoặc Điều lệ này.

2. Trường hợp có cổ đông, nhóm cổ đông yêu cầu Tòa án hoặc Trọng tài hủy bỏ Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Điều này, Nghị quyết đó vẫn có hiệu lực thi hành cho đến khi quyết định hủy bỏ nghị quyết đó của Tòa án, Trọng tài có hiệu lực, trừ trường hợp áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời theo quyết định của cơ quan có thẩm quyền.

3. Trường hợp nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông bị hủy bỏ theo quyết định của Tòa án, người triệu tập cuộc họp Đại hội đồng cổ đông có thể xem xét tổ chức lại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông trong vòng ba mươi (30) ngày theo trình tự, thủ tục quy định tại Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty.

Điều 18. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông

1. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông phải được ghi biên bản và có thể ghi âm hoặc ghi và lưu giữ dưới hình thức điện tử khác.

2. Biên bản phải lập bằng tiếng Việt, có thể lập thêm bằng tiếng nước ngoài

3. Biên bản phải bao gồm các nội dung chủ yếu sau đây:

a) Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp của Công ty;

b) Thời gian và địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông;

- c) Chương trình và nội dung cuộc họp;
- d) Họ tên chủ tọa và thư ký;
- đ) Tóm tắt diễn biến cuộc họp và các ý kiến phát biểu tại Đại hội đồng cổ đông về từng vấn đề trong nội dung chương trình họp;
- e) Số cổ đông và tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông dự họp, phụ lục danh sách đăng ký cổ đông, đại diện cổ đông dự họp với số cổ phần và số phiếu bầu tương ứng;
- g) Tổng số phiếu biểu quyết đối với từng vấn đề biểu quyết, trong đó ghi rõ phương thức biểu quyết, tổng số phiếu hợp lệ, không hợp lệ, tán thành, không tán thành và không có ý kiến, tỷ lệ tương ứng trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp.
- h) Các vấn đề đã được thông qua và tỷ lệ phiếu biểu quyết thông qua tương ứng;
- i) Họ, tên, chữ ký của chủ tọa và thư ký.

4. Trường hợp chủ tọa, thư ký từ chối ký biên bản họp thì biên bản này có hiệu lực nếu được tất cả thành viên khác của Hội đồng quản trị tham dự họp ký và có đầy đủ nội dung theo quy định tại Khoản 3 Điều này. Biên bản họp ghi rõ việc chủ tọa, thư ký từ chối ký biên bản họp.

5. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông phải làm xong và thông qua trước khi kết thúc cuộc họp. Chủ tọa và thư ký cuộc họp phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của nội dung biên bản.

6. Biên bản được lập bằng tiếng Việt và tiếng nước ngoài đều có hiệu lực pháp lý như nhau. Trường hợp có sự khác nhau về nội dung giữa biên bản bằng tiếng Việt và bằng tiếng nước ngoài thì nội dung trong biên bản bằng tiếng Việt được áp dụng.

Điều 19. Công bố thông tin cuộc họp Đại hội đồng cổ đông

Nghị quyết, Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông, phụ lục danh sách cổ đông đăng ký dự họp kèm văn bản ủy quyền tham dự họp, tất cả các tài liệu đính kèm Biên bản (nếu có) và tài liệu có liên quan kèm theo thông báo mời họp phải được công bố thông tin theo quy định pháp luật về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán và phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.

Điều 20. Thông qua Nghị quyết bằng hình thức lấy ý kiến bằng văn bản

Hội đồng quản trị có quyền lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông bất cứ lúc nào nếu xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty, trừ trường hợp quy định tại khoản 2 Điều 147 Luật Doanh nghiệp;

Điều 21. Trình tự, thủ tục thông qua Nghị quyết bằng hình thức lấy ý kiến bằng văn bản

1. Hội đồng quản trị phải chuẩn bị phiếu lấy ý kiến, dự thảo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông, các tài liệu giải trình dự thảo nghị quyết và gửi đến tất cả cổ đông

Ami

ll

11
ll

có quyền biểu quyết chậm nhất là mười (10) ngày trước thời hạn phải gửi lại phiếu lấy ý kiến. Việc lập danh sách cổ đông gửi phiếu lấy ý kiến thực hiện theo quy định tại Điều 7 quy chế này. Yêu cầu và cách thức gửi phiếu lấy ý kiến và tài liệu kèm theo thực hiện theo quy định tại Điều 9 quy chế này.

2. Các nội dung chủ yếu của phiếu lấy ý kiến:

a) Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp của Công ty;

b) Mục đích lấy ý kiến;

c) Họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số giấy tờ pháp lý của tổ chức hoặc họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với đại diện của cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần của từng loại và số phiếu biểu quyết của cổ đông;

d) Vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua, quyết định;

đ) Phương án biểu quyết bao gồm tán thành, không tán thành và không có ý kiến đối với từng vấn đề lấy ý kiến;

e) Thời hạn phải gửi về Công ty phiếu lấy ý kiến đã được trả lời;

g) Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị;

Điều 22. Các hình thức gửi phiếu ý kiến đã trả lời đến Công ty

1. Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời phải có chữ ký của cổ đông là cá nhân, của người đại diện theo uỷ quyền hoặc người đại diện theo pháp luật của cổ đông là tổ chức được gửi đến Công ty bằng hình thức gửi thư về Công ty phải được đựng trong phong bì dán kín và không ai được quyền mở trước khi kiểm phiếu.

2. Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời gửi về Công ty qua fax hoặc thư điện tử phải được giữ bí mật đến thời điểm kiểm phiếu.

3. Các phiếu lấy ý kiến gửi về Công ty sau thời hạn đã xác định tại nội dung phiếu lấy ý kiến hoặc đã bị mở trong trường hợp gửi thư và bị tiết lộ trong trường hợp gửi fax, thư điện tử là không hợp lệ.

4. Phiếu lấy ý kiến không được gửi về được coi là phiếu không tham gia biểu quyết;

Điều 23. Kiểm phiếu và lập biên bản kiểm phiếu lấy ý kiến

1. Hội đồng quản trị kiểm phiếu và lập biên bản kiểm phiếu dưới sự chứng kiến của Ban kiểm soát hoặc của cổ đông không nắm giữ chức vụ quản lý Công ty.

2. Biên bản kiểm phiếu phải có các nội dung chủ yếu sau đây:

a) Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;

b) Mục đích và các vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua nghị quyết;

c) Số cổ đông với tổng số phiếu biểu quyết đã tham gia biểu quyết, trong đó phân biệt số phiếu biểu quyết hợp lệ, số biểu quyết không hợp lệ và phương thức gửi phiếu biểu quyết, kèm theo phụ lục danh sách cổ đông tham gia biểu quyết;

d) Tổng số phiếu tán thành, không tán thành và không có ý kiến đối với từng vấn đề;

đ) Vấn đề đã được thông qua và tỷ lệ biểu quyết thông qua tương ứng;

e) Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị, người giám sát kiểm phiếu và người kiểm phiếu.

3. Các thành viên Hội đồng quản trị, người kiểm phiếu và người giám sát kiểm phiếu phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của biên bản kiểm phiếu; liên đới chịu trách nhiệm về các thiệt hại phát sinh từ các quyết định được thông qua do kiểm phiếu không trung thực, không chính xác;

4. Biên bản kiểm phiếu và Nghị Quyết phải được gửi đến các cổ đông trong thời hạn mười lăm (15) ngày, kể từ ngày kết thúc kiểm phiếu.

5. Trường hợp Công ty có trang thông tin điện tử, việc gửi biên bản kiểm phiếu có thể thay thế bằng việc đăng tải lên trang thông tin điện tử của Công ty trong thời hạn 24 giờ, kể từ thời điểm kết thúc kiểm phiếu.

6. Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời, biên bản kiểm phiếu, toàn văn nghị quyết đã được thông qua và tài liệu có liên quan gửi kèm theo phiếu lấy ý kiến đều phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty;

7. Nghị quyết được thông qua theo hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản nếu được số cổ đông sở hữu trên năm mươi phần trăm (50%) tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông có quyền biểu quyết tán thành và có giá trị như Nghị quyết được thông qua tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.

Điều 24. Trình tự, thủ tục họp Đại hội đồng cổ đông thông qua nghị quyết bằng hình thức họp trực tuyến

Trường hợp Công ty áp dụng công nghệ hiện đại để tổ chức Đại hội đồng cổ đông thông qua họp trực tuyến, Công ty có trách nhiệm đảm bảo để cổ đông tham dự, biểu quyết bằng hình thức bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác theo quy định của pháp luật hiện hành và Điều lệ Công ty.

Điều 25. Trình tự, thủ tục họp Đại hội đồng cổ đông thông qua nghị quyết bằng hình thức hội nghị trực tiếp kết hợp với trực tuyến

Trường hợp Công ty áp dụng công nghệ hiện đại để tổ chức Đại hội đồng cổ đông thông qua họp trực tiếp kết hợp với trực tuyến, Công ty có trách nhiệm đảm bảo để cổ đông tham dự, biểu quyết bằng hình thức bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác hoặc bỏ phiếu tại chỗ theo quy định của pháp luật hiện hành và Điều lệ Công ty.

Chương III

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 26. Vai trò của Hội đồng quản trị

Hội đồng quản trị là cơ quan quản lý Công ty, có toàn quyền nhân danh Công

hieu

u

ty để quyết định, thực hiện các quyền và nghĩa vụ của Công ty, trừ các quyền và nghĩa vụ thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông.

Điều 27. Quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị

1. Quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị do pháp luật, Điều lệ Công ty và Đại hội đồng cổ đông quy định.

2. Hội đồng quản trị có những quyền hạn và nghĩa vụ sau:

a) Quyết định chiến lược, kế hoạch phát triển trung hạn và kế hoạch kinh doanh hằng năm của công ty;

b) Kiến nghị loại cổ phần và tổng số cổ phần được quyền chào bán của từng loại;

c) Quyết định bán cổ phần chưa bán trong phạm vi số cổ phần được quyền chào bán của từng loại; quyết định huy động thêm vốn theo hình thức khác;

d) Quyết định giá bán cổ phần và trái phiếu của công ty;

đ) Quyết định mua lại cổ phần theo quy định của pháp luật;

e) Quyết định phương án đầu tư và dự án đầu tư trong thẩm quyền và giới hạn theo quy định của pháp luật;

g) Quyết định giải pháp phát triển thị trường, tiếp thị và công nghệ;

h) Thông qua hợp đồng mua, bán, vay, cho vay và hợp đồng, giao dịch khác có giá trị từ ba mươi lăm phần trăm (35%) tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của công ty, trừ trường hợp hợp đồng, giao dịch thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại khoản 1 Điều 20 Điều lệ Công ty, và các trường hợp khác theo quy định của pháp luật hiện hành;

i) Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Chủ tịch Hội đồng quản trị; bổ nhiệm, miễn nhiệm, quyết định tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác đối với Tổng giám đốc; quyết định cử hoặc thôi làm người đại diện theo uỷ quyền tham gia Hội đồng quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông ở công ty khác, quyết định mức thù lao và quyền lợi khác của những người đó;

k) Giám sát, chỉ đạo Tổng giám đốc trong điều hành công việc kinh doanh hằng ngày của công ty;

l) Quyết định cơ cấu tổ chức, quy chế quản lý nội bộ của công ty, quyết định thành lập công ty con, chi nhánh, văn phòng đại diện và việc góp vốn, mua cổ phần của doanh nghiệp khác;

m) Duyệt chương trình, nội dung tài liệu phục vụ họp Đại hội đồng cổ đông, triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông hoặc lấy ý kiến để Đại hội đồng cổ đông thông qua nghị quyết;

n) Trình báo cáo tài chính hằng năm lên Đại hội đồng cổ đông;

o) Kiến nghị mức cổ tức được trả; quyết định thời hạn và thủ tục trả cổ tức hoặc xử lý lỗ phát sinh trong quá trình kinh doanh;

- p) Kiến nghị việc tổ chức lại, giải thể công ty; yêu cầu phá sản công ty;
- q) Quyết định ban hành Quy chế hoạt động Hội đồng quản trị, Quy chế nội bộ về quản trị Công ty sau khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua. Quyết định Quy chế về công bố thông tin của Công ty.
- r) Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty.

3. Khi thực hiện chức năng, quyền và nghĩa vụ của mình, Hội đồng quản trị tuân thủ đúng quy định của pháp luật, Điều lệ Công ty và nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.

4. Trong trường hợp nghị quyết do Hội đồng quản trị thông qua trái với quy định của pháp luật hoặc Điều lệ Công ty gây thiệt hại cho Công ty thì các thành viên tán thành thông qua nghị quyết đó phải cùng liên đới chịu trách nhiệm cá nhân về nghị quyết đó và phải đền bù thiệt hại cho Công ty; thành viên phản đối thông qua nghị quyết nói trên được miễn trừ trách nhiệm. Trường hợp này, cổ đông sở hữu cổ phần của Công ty có quyền yêu cầu Tòa án đình chỉ thực hiện hoặc hủy bỏ nghị quyết nói trên.

Điều 28. Quyền và trách nhiệm của thành viên Hội đồng quản trị

1. Thành viên Hội đồng quản trị có đầy đủ các quyền theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán, các luật khác có liên quan và Điều lệ Công ty, trong đó có quyền được cung cấp các thông tin, tài liệu về tình hình tài chính, hoạt động kinh doanh của Công ty và của các đơn vị trong Công ty.

2. Thành viên Hội đồng quản trị có nghĩa vụ theo quy định tại Điều lệ Công ty như sau:

a) Thực hiện các nhiệm vụ của mình một cách trung thực, cẩn trọng vì lợi ích cao nhất của cổ đông và của Công ty;

b) Tham dự đầy đủ các cuộc họp của Hội đồng quản trị và có ý kiến về các vấn đề được đưa ra thảo luận;

c) Báo cáo kịp thời, đầy đủ với Hội đồng quản trị các khoản thù lao nhận được từ các công ty con, công ty liên kết và các tổ chức khác;

d) Báo cáo Hội đồng quản trị tại cuộc họp gần nhất các giao dịch giữa Công ty, công ty con, công ty khác do Công ty nắm quyền kiểm soát trên năm mươi phần trăm (50%) trở lên vốn điều lệ với thành viên Hội đồng quản trị và những người có liên quan của thành viên đó; giao dịch giữa Công ty với công ty trong đó thành viên Hội đồng quản trị là thành viên sáng lập hoặc là người quản lý doanh nghiệp trong thời gian ba (03) năm gần nhất trước thời điểm giao dịch;

đ) Thực hiện công bố thông tin khi thực hiện giao dịch cổ phiếu của Công ty theo quy định của pháp luật.

e) Thành viên Hội đồng quản trị có quyền yêu cầu Tổng giám đốc, Phó Tổng giám đốc, người điều hành khác trong Công ty cung cấp thông tin, tài liệu về tình hình tài chính, hoạt động kinh doanh của Công ty và của đơn vị trong Công ty.

g) Người quản lý được yêu cầu phải cung cấp kịp thời, đầy đủ và chính xác thông tin, tài liệu theo yêu cầu của thành viên Hội đồng quản trị.

Điều 29. Nhiệm kỳ và số lượng thành viên Hội đồng quản trị

1. Số lượng thành viên Hội đồng quản trị là năm (05) người.

2. Nhiệm kỳ của Hội đồng quản trị là năm (05) năm. Thành viên Hội đồng quản trị có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.

3. Thành viên Hội đồng quản trị không còn tư cách thành viên Hội đồng quản trị trong trường hợp bị Đại hội đồng cổ đông miễn nhiệm, bãi nhiệm, thay thế theo quy định tại điều 160 Luật Doanh nghiệp.

4. Thành viên Hội đồng quản trị không nhất thiết phải là cổ đông của Công ty.

Điều 30. Cơ cấu, tiêu chuẩn và điều kiện của thành viên Hội đồng quản trị

1. Hội đồng quản trị của Công ty phải đảm bảo tối thiểu một phần ba (1/3) tổng số thành viên Hội đồng quản trị là thành viên không điều hành. Hạn chế tối đa thành viên Hội đồng quản trị kiêm nhiệm chức danh điều hành của Công ty để đảm bảo tính độc lập của Hội đồng quản trị.

2. Tiêu chuẩn và điều kiện của thành viên Hội đồng quản trị

Thành viên Hội đồng quản trị phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 155 Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty. Cụ thể:

a) Không thuộc đối tượng bị cấm thành lập và quản lý doanh nghiệp theo quy định tại khoản 2 Điều 17 Luật Doanh nghiệp;

b) Có trình độ chuyên môn, kinh nghiệm trong quản trị kinh doanh hoặc trong lĩnh vực, ngành, nghề kinh doanh của Công ty và không nhất thiết phải là cổ đông của Công ty;

c) Thành viên Hội đồng quản trị Công ty có thể đồng thời là thành viên Hội đồng quản trị của công ty khác;

d) Các tiêu chuẩn khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty.

Điều 31. Đề cử, ứng cử thành viên Hội đồng quản trị

1. Các cổ đông phổ thông hợp thành nhóm để đề cử người vào Hội đồng quản trị phải thông báo về việc hợp nhóm cho các cổ đông dự họp biết trước khi khai mạc Đại hội đồng cổ đông;

2. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ mười phần trăm (10%) tổng số cổ phần phổ thông trở lên có quyền đề cử, ứng cử vào Hội đồng quản trị và có quyền gộp số quyền biểu quyết của từng người lại với nhau để đề cử các ứng viên Hội đồng quản trị.

3. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ mười phần trăm (10%) đến dưới hai mươi phần trăm (20%) tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử một (01) ứng viên;

LMH

W

SP

4. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ hai mươi phần trăm (20%) đến dưới ba mươi phần trăm (30%) được đề cử tối đa hai (02) ứng viên;

5. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ ba mươi phần trăm (30%) đến dưới bốn mươi phần trăm (40%) được đề cử tối đa ba (03) ứng viên;

6. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ bốn mươi phần trăm (40%) đến dưới năm mươi phần trăm (50%) được đề cử tối đa bốn (04) ứng viên;

7. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ năm mươi phần trăm (50%) trở lên được đề cử tối đa năm (05) ứng viên.

Điều 32. Cách thức bầu thành viên Hội đồng quản trị

1. Biểu quyết bầu thành viên Hội đồng quản trị thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu.

2. Mỗi cổ đông có tổng số phiếu biểu quyết tương ứng với tổng số cổ phần sở hữu nhân với số thành viên được bầu của Hội đồng quản trị và cổ đông có quyền dồn hết hoặc một phần tổng số phiếu bầu của mình cho một hoặc một số ứng cử viên.

3. Người trúng cử thành viên Hội đồng quản trị được xác định theo số phiếu biểu quyết tính từ cao xuống thấp, bắt đầu từ ứng cử viên có số phiếu biểu quyết cao nhất cho đến khi đủ số thành viên theo quy định tại Điều lệ Công ty.

4. Trường hợp có từ hai ứng cử viên trở lên đạt cùng số phiếu biểu quyết như nhau cho thành viên cuối cùng của Hội đồng quản trị thì sẽ tiến hành bầu lại trong số các ứng cử viên có số phiếu biểu quyết ngang nhau hoặc lựa chọn theo tiêu chí trong quy chế bầu cử hoặc Điều lệ Công ty.

5. Việc bầu thành viên Hội đồng quản trị do Đại hội đồng cổ đông quyết định theo nguyên tắc bỏ phiếu.

Điều 33. Miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị

1. Đại hội đồng cổ đông miễn nhiệm thành viên Hội đồng quản trị trong trường hợp sau đây:

a) Không có đủ tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại Điều 155 Luật Doanh nghiệp;

b) Có đơn từ chức và được chấp thuận;

c) Trường hợp khác quy định tại Điều lệ Công ty.

2. Đại hội đồng cổ đông bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị trong trường hợp sau đây:

a) Không tham gia các hoạt động của Hội đồng quản trị trong sáu (06) tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng;

b) Trường hợp khác quy định tại Điều lệ Công ty.

3. Khi xét thấy cần thiết, Đại hội đồng cổ đông quyết định thay thế thành viên Hội đồng quản trị; miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị ngoài

Handwritten signature

Handwritten signature

trường hợp quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều này.

Điều 34. Thông báo về bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị

1. Trường hợp đã xác định được ứng cử viên Hội đồng quản trị, Công ty phải công bố thông tin liên quan đến các ứng cử viên tối thiểu mười (10) ngày trước ngày khai mạc họp Đại hội đồng cổ đông trên trang thông tin điện tử của Công ty để cổ đông có thể tìm hiểu về các ứng cử viên này trước khi bỏ phiếu.

2. Ứng cử viên Hội đồng quản trị phải có cam kết bằng văn bản về tính trung thực, chính xác của các thông tin cá nhân được công bố và phải cam kết thực hiện nhiệm vụ một cách trung thực, cẩn trọng và vì lợi ích cao nhất của Công ty nếu được bầu làm thành viên Hội đồng quản trị.

3. Thông tin liên quan đến ứng cử viên Hội đồng quản trị được công bố bao gồm:

- a) Họ tên, ngày, tháng, năm sinh;
- b) Trình độ chuyên môn;
- c) Quá trình công tác;
- d) Các chức danh quản lý khác (bao gồm cả chức danh Hội đồng quản trị của công ty khác);
- đ) Lợi ích có liên quan tới Công ty và các bên có liên quan của Công ty;
- e) Báo cáo đánh giá về đóng góp của ứng viên cho Công ty, trong trường hợp ứng viên đó hiện đang là thành viên Hội đồng quản trị của Công ty;
- g) Công ty phải có trách nhiệm công bố thông tin về các công ty mà ứng cử viên đang nắm giữ chức vụ thành viên Hội đồng quản trị, các chức danh quản lý khác và các lợi ích có liên quan tới công ty của ứng cử viên Hội đồng quản trị (nếu có).

4. Việc thông báo về kết quả bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị thực hiện theo các quy định hướng dẫn về công bố thông tin.

Điều 35. Giới thiệu ứng viên thành viên Hội đồng quản trị

1. Trường hợp số lượng các ứng viên Hội đồng quản trị thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết theo quy định tại khoản 5 Điều 115 Luật Doanh nghiệp, Hội đồng quản trị đương nhiệm được đề cử thêm ứng cử viên hoặc tổ chức đề cử theo quy định tại Điều lệ Công ty, Quy chế nội bộ về quản trị và Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị.

2. Hội đồng quản trị đương nhiệm giới thiệu thêm ứng viên phải được công bố rõ ràng trước khi Đại hội đồng cổ đông bầu thành viên Hội đồng quản trị theo quy định của pháp luật.

Điều 36. Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Chủ tịch Hội đồng quản trị

1. Hội đồng quản trị lựa chọn trong số các thành viên Hội đồng quản trị để bầu ra Chủ tịch Hội đồng quản trị.

2. Chủ tịch Hội đồng quản trị không kiêm nhiệm chức vụ Tổng Giám đốc của Công ty.

3. Chủ tịch Hội đồng quản trị có thể bị bãi miễn theo Quyết định của Hội đồng quản trị.

4. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị có đơn từ chức hoặc bị miễn nhiệm, bãi miễn, Hội đồng quản trị phải bầu người thay thế trong thời hạn mười (10) ngày kể từ ngày nhận đơn từ chức hoặc bị miễn nhiệm, bãi nhiệm.

Điều 37. Thù lao và lợi ích khác của thành viên Hội đồng quản trị

1. Công ty có quyền trả thù lao, thưởng cho thành viên Hội đồng quản trị theo kết quả và hiệu quả kinh doanh.

2. Thành viên Hội đồng quản trị được hưởng thù lao công việc và thưởng.

3. Thù lao công việc được tính theo số ngày công cần thiết hoàn thành nhiệm vụ của thành viên Hội đồng quản trị và mức thù lao mỗi ngày.

4. Hội đồng quản trị dự tính mức thù lao cho từng thành viên theo nguyên tắc nhất trí.

5. Tổng mức thù lao và thưởng của Hội đồng quản trị do Đại hội đồng cổ đông quyết định tại cuộc họp thường niên.

6. Các khoản chi phí cho hoạt động của Hội đồng quản trị (bao gồm tiền thù lao và các khoản chi phí khác) được tính vào chi phí sản xuất kinh doanh và thực hiện theo kế hoạch Đại hội đồng cổ đông phê duyệt hàng năm. Chi phí thực tế được quyết toán vào Đại hội đồng cổ đông thường niên hàng năm.

7. Thành viên Hội đồng quản trị nắm giữ chức vụ điều hành, hoặc thành viên Hội đồng quản trị làm việc tại các tiểu ban của Hội đồng quản trị, hoặc thực hiện những công việc khác mà theo quan điểm của Hội đồng quản trị là nằm ngoài phạm vi nhiệm vụ thông thường của một thành viên Hội đồng quản trị, có thể được trả thêm tiền thù lao dưới dạng một khoản tiền công trọn gói theo từng lần, lương, hoa hồng, phần trăm lợi nhuận, hoặc dưới hình thức khác theo quyết định của Hội đồng quản trị;

8. Thành viên Hội đồng quản trị có quyền được thanh toán tất cả các chi phí đi lại, ăn, ở và các khoản chi phí hợp lý khác mà họ đã phải chi trả khi thực hiện trách nhiệm thành viên Hội đồng quản trị của mình, bao gồm cả các chi phí phát sinh trong việc tới tham dự các cuộc họp của Hội đồng quản trị, hoặc các tiểu ban của Hội đồng quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông;

9. Thành viên Hội đồng quản trị có thể được Công ty mua bảo hiểm trách nhiệm sau khi có sự chấp thuận của Đại hội đồng cổ đông. Bảo hiểm này không bao gồm bảo hiểm cho những trách nhiệm của thành viên Hội đồng quản trị liên quan đến việc vi phạm pháp luật và Điều lệ công ty.

10. Thù lao và lợi ích khác của thành viên Hội đồng quản trị theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty.

Handwritten signature

Handwritten signature

Handwritten mark

Điều 38. Trình tự và thủ tục họp Hội đồng quản trị

1. Các cuộc họp thường kỳ của Hội đồng quản trị:

Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập các cuộc họp Hội đồng quản trị, lập chương trình nghị sự, thời gian và địa điểm họp ít nhất bảy (07) ngày trước ngày họp dự kiến. Chủ tịch có thể triệu tập họp bất kỳ khi nào thấy cần thiết, nhưng ít nhất là mỗi quý phải họp một (01) lần.

2. Các cuộc họp bất thường của Hội đồng quản trị:

Chủ tịch Hội đồng quản trị triệu tập các cuộc họp bất thường khi thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty. Ngoài ra, Chủ tịch phải triệu tập họp Hội đồng quản trị, không được trì hoãn nếu không có lý do chính đáng, khi một trong số các đối tượng dưới đây đề nghị bằng văn bản trình bày mục đích cuộc họp và các vấn đề cần bàn:

- a) Có đề nghị của Ban kiểm soát hoặc thành viên độc lập Hội đồng quản trị;
- b) Có đề nghị của Tổng Giám đốc Công ty;
- c) Có đề nghị của ít nhất hai (02) thành viên Hội đồng quản trị;
- d) Trường hợp khác do Điều lệ Công ty quy định.

3. Đề nghị quy định tại khoản 2 Điều này phải được lập thành văn bản, trong đó nêu rõ mục đích, vấn đề cần thảo luận và quyết định thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị.

4. Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Hội đồng quản trị trong thời hạn bảy (07) ngày làm việc, kể từ ngày nhận được đề nghị quy định tại khoản 2 Điều này.

5. Trường hợp Chủ tịch không triệu tập họp Hội đồng quản trị theo đề nghị thì Chủ tịch phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại xảy ra đối với Công ty; người đề nghị có quyền thay thế Hội đồng quản trị triệu tập họp Hội đồng quản trị.

Điều 39. Thông báo họp Hội đồng quản trị

1. Thông báo họp Hội đồng quản trị phải được gửi trước cho các thành viên Hội đồng quản trị và Trưởng Ban Kiểm soát ít nhất ba (03) ngày trước khi tổ chức họp.

2. Thông báo mời họp phải xác định cụ thể thời gian và địa điểm họp, chương trình, các vấn đề thảo luận và quyết định.

3. Kèm theo thông báo mời họp phải có tài liệu sử dụng tại cuộc họp và phiếu biểu quyết của thành viên.

4. Thông báo mời họp được gửi bằng bưu điện, fax, thư điện tử hoặc phương tiện khác, nhưng phải bảo đảm đến được địa chỉ của từng thành viên Hội đồng quản trị được đăng ký tại Công ty.

Điều 40. Quyền dự họp Hội đồng quản trị của Ban Kiểm soát

1. Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc người triệu tập gửi thông báo mời họp và các tài liệu kèm theo đến Trưởng Ban Kiểm soát như đối với các thành viên Hội đồng quản trị.

Handwritten signature

Handwritten signature

Handwritten mark

2. Trưởng Ban Kiểm soát có quyền dự các cuộc họp Hội đồng quản trị; có quyền thảo luận nhưng không được biểu quyết.

Điều 41. Điều kiện tổ chức họp Hội đồng quản trị

1. Các cuộc họp của Hội đồng quản trị được tiến hành khi có ít nhất ba phần tư (3/4) số thành viên Hội đồng quản trị có mặt trực tiếp hoặc thông qua người đại diện (người được ủy quyền).

2. Trường hợp không đủ số thành viên dự họp theo quy định, cuộc họp phải được triệu tập lại trong thời hạn bảy (07) ngày kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất.

3. Cuộc họp triệu tập lại được tiến hành nếu có hơn một nửa (1/2) số thành viên Hội đồng quản trị dự họp.

Điều 42. Biểu quyết tại cuộc họp Hội đồng quản trị

1. Thành viên Hội đồng quản trị được coi là tham dự và biểu quyết tại cuộc họp trong trường hợp sau đây:

a) Tham dự và biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp;

b) Ủy quyền cho người khác đến dự họp và biểu quyết theo quy định tại Điều 43;

c) Tham dự và biểu quyết thông qua hội nghị trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác;

d) Gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, fax, thư điện tử;

đ) Gửi phiếu biểu quyết bằng phương tiện khác theo quy định trong Điều lệ Công ty.

2. Trường hợp gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, phiếu biểu quyết phải đựng trong phong bì dán kín và phải được chuyển đến Chủ tịch Hội đồng quản trị chậm nhất là một (01) giờ trước khi khai mạc. Phiếu biểu quyết chỉ được mở trước sự chứng kiến của tất cả những người dự họp.

3. Mỗi thành viên Hội đồng quản trị hoặc người được ủy quyền trực tiếp có mặt với tư cách cá nhân tại cuộc họp Hội đồng quản trị sẽ có một (01) phiếu biểu quyết.

4. Thành viên Hội đồng quản trị không được biểu quyết về các hợp đồng, các giao dịch hoặc đề xuất mà thành viên đó hoặc người liên quan tới thành viên đó có lợi ích và lợi ích đó mâu thuẫn hoặc có thể mâu thuẫn với lợi ích của Công ty.

5. Một thành viên Hội đồng sẽ không được tính vào số lượng đại biểu tối thiểu cần thiết có mặt để có thể tổ chức một cuộc họp Hội đồng quản trị về những quyết định mà thành viên đó không có quyền biểu quyết.

Điều 43. Ủy quyền dự họp Hội đồng quản trị

Thành viên phải tham dự đầy đủ các cuộc họp Hội đồng quản trị. Thành viên được ủy quyền cho người khác dự họp và biểu quyết nếu được đa số thành viên Hội đồng quản trị chấp thuận.

Handwritten signature and initials

Điều 44. Thông qua nghị quyết của Hội đồng quản trị

1. Hội đồng quản trị thông qua các nghị quyết và ra quyết định bằng cách tuân theo ý kiến tán thành của đa số thành viên Hội đồng quản trị có mặt (trên 50%).

2. Trường hợp số phiếu tán thành và phản đối ngang bằng nhau, lá phiếu của Chủ tịch sẽ là lá phiếu quyết định.

3. Nghị quyết theo hình thức lấy ý kiến bằng văn bản được thông qua trên cơ sở ý kiến tán thành của đa số thành viên Hội đồng quản trị có quyền biểu quyết. Nghị quyết loại này có hiệu lực và giá trị như Nghị quyết được các thành viên Hội đồng quản trị thông qua tại một cuộc họp được triệu tập và tổ chức theo thông lệ.

4. Trong thời hạn ba (03) ngày Chủ tịch Hội đồng quản trị phải ký ban hành Nghị quyết đã được đa số thành viên Hội đồng quản trị biểu quyết thông qua. Trong trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị không thực hiện thì các thành viên còn lại sẽ biểu quyết thống nhất đề một thành viên Hội đồng quản trị ký ban hành Nghị quyết.

Điều 45. Biên bản họp Hội đồng quản trị

1. Các cuộc họp Hội đồng quản trị phải được ghi biên bản và có thể ghi âm, ghi và lưu giữ dưới hình thức điện tử khác. Biên bản phải lập bằng tiếng Việt, bao gồm các nội dung chủ yếu sau đây:

- a) Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;
- b) Thời gian, địa điểm họp;
- c) Mục đích, chương trình và nội dung họp;
- d) Họ, tên từng thành viên dự họp hoặc người được ủy quyền dự họp và cách thức dự họp; họ, tên các thành viên không dự họp và lý do;
- đ) Vấn đề được thảo luận và biểu quyết tại cuộc họp;
- e) Tóm tắt phát biểu ý kiến của từng thành viên dự họp theo trình tự diễn biến của cuộc họp;
- g) Kết quả biểu quyết trong đó ghi rõ những thành viên tán thành, không tán thành và không có ý kiến;
- h) Vấn đề đã được thông qua và tỷ lệ biểu quyết thông qua tương ứng;
- i) Biên bản họp Hội đồng quản trị phải có chữ ký của tất cả các thành viên Hội đồng quản trị tham dự cuộc họp;
- k) Trường hợp chủ tọa, người ghi biên bản từ chối ký biên bản họp nhưng nếu được tất cả thành viên khác của Hội đồng quản trị tham dự họp ký và có đầy đủ nội dung theo quy định tại các điểm a, b, c, d, đ, e, g h và i Khoản 1 Điều này thì biên bản này có hiệu lực.

2. Chủ tọa, người ghi biên bản và những người ký tên trong biên bản phải chịu trách nhiệm về tính trung thực và chính xác của nội dung biên bản họp Hội đồng quản trị.

3. Biên bản họp Hội đồng quản trị và tài liệu sử dụng trong cuộc họp phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.

Điều 46. Thông báo Nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị

1. Nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị phải được thông báo hoặc gửi lại cho tất cả thành viên Hội đồng quản trị sau khi được Chủ tịch Hội đồng quản trị ký.

2. Công ty có trách nhiệm công bố thông tin về Nghị quyết của Hội đồng quản trị trong nội bộ Công ty và cho các cơ quan hữu quan (nếu được yêu cầu) và/hoặc trên các phương tiện thông tin đại chúng, trên website của Công ty theo trình tự và quy định của pháp luật.

Điều 47. Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị

Hội đồng quản trị có thể thành lập tiểu ban trực thuộc để phụ trách về chính sách phát triển, nhân sự, lương thưởng, kiểm toán nội bộ, quản lý rủi ro...trong trường hợp cần thiết theo tình hình thực tế của Công ty.

Điều 48. Người phụ trách quản trị Công ty

1. Hội đồng quản trị bổ nhiệm ít nhất một (01) người làm Người phụ trách quản trị Công ty để hỗ trợ hoạt động quản trị Công ty được tiến hành một cách có hiệu quả. Nhiệm kỳ của Người phụ trách quản trị Công ty do Hội đồng quản trị quyết định, tối đa là năm (05) năm. Người phụ trách quản trị Công ty có thể đồng thời là thư ký Công ty.

2. Người phụ trách quản trị Công ty phải đáp ứng các tiêu chuẩn sau:

- a) Có hiểu biết về pháp luật;
- b) Không được đồng thời làm việc cho công ty kiểm toán độc lập đang thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của Công ty;
- c) Các tiêu chuẩn khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ Công ty và quyết định của Hội đồng quản trị.

3. Hội đồng quản trị có thể bãi nhiệm Người phụ trách quản trị Công ty khi cần nhưng không trái với các quy định pháp luật hiện hành về lao động. Hội đồng quản trị có thể bổ nhiệm Trợ lý Người phụ trách quản trị Công ty tùy từng thời điểm.

4. Người phụ trách quản trị Công ty có các quyền và nghĩa vụ sau:

- a) Tư vấn Hội đồng quản trị trong việc tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định và các công việc liên quan giữa Công ty và cổ đông;
- b) Chuẩn bị các cuộc họp Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Đại hội đồng cổ đông theo yêu cầu của Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát;
- c) Tư vấn về thủ tục của các cuộc họp;
- d) Tham dự các cuộc họp;
- e) Tư vấn thủ tục lập các nghị quyết của Hội đồng quản trị phù hợp với quy định của pháp luật;

trần

u

f) Cung cấp các thông tin tài chính, bản sao biên bản họp Hội đồng quản trị và các thông tin khác cho thành viên của Hội đồng quản trị và Kiểm soát viên;

g) Giám sát và báo cáo Hội đồng quản trị về hoạt động công bố thông tin của Công ty.

h) Bảo mật thông tin theo các quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty;

i) Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty.

Chương IV

BAN KIỂM SOÁT

Điều 49. Quyền và nghĩa vụ của Ban Kiểm soát

Ban kiểm soát có các quyền, nghĩa vụ theo quy định tại Điều 170 Luật Doanh nghiệp và các quyền, nghĩa vụ sau:

1. Đề xuất, kiến nghị Đại hội đồng cổ đông phê duyệt danh sách tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính của Công ty; quyết định tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm tra hoạt động của Công ty, bãi miễn kiểm toán viên được chấp thuận khi xét thấy cần thiết.

2. Chịu trách nhiệm trước cổ đông về hoạt động giám sát của mình.

3. Giám sát tình hình tài chính của Công ty, việc tuân thủ pháp luật trong hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc.

4. Đảm bảo phối hợp hoạt động với Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và cổ đông

5. Trường hợp phát hiện hành vi vi phạm pháp luật hoặc vi phạm Điều lệ công ty của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và người điều hành khác của doanh nghiệp, Ban kiểm soát phải thông báo bằng văn bản cho Hội đồng quản trị trong vòng 48 giờ, yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả.

6. Xây dựng Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát và trình Đại hội đồng cổ đông thông qua.

7. Báo cáo tại Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Điều 290 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán.

8. Có quyền tiếp cận hồ sơ, tài liệu của Công ty lưu giữ tại trụ sở chính, chi nhánh và địa điểm khác; có quyền đến địa điểm làm việc của người quản lý và nhân viên của Công ty trong giờ làm việc.

9. Có quyền yêu cầu Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc cung cấp đầy đủ, chính xác, kịp thời thông tin, tài liệu về công tác quản lý, điều hành và hoạt động kinh doanh của Công ty.



Điều 50. Trách nhiệm của thành viên Ban Kiểm soát

1. Tuân thủ đúng pháp luật, Điều lệ Công ty, nghị quyết Đại hội đồng cổ đông và đạo đức nghề nghiệp trong thực hiện quyền và nghĩa vụ được giao.
2. Thực hiện quyền và nghĩa vụ được giao một cách trung thực, cẩn trọng, tốt nhất nhằm bảo đảm lợi ích hợp pháp tối đa của Công ty.
3. Trung thành với lợi ích của Công ty và cổ đông; không lạm dụng địa vị, chức vụ và sử dụng thông tin, bí quyết, cơ hội kinh doanh, tài sản khác của Công ty để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác.
4. Nghĩa vụ khác theo quy định của Luật doanh nghiệp và Điều lệ Công ty.
5. Trường hợp vi phạm quy định tại các khoản 1, 2, 3 và 4 Điều này mà gây thiệt hại cho Công ty hoặc người khác thì thành viên Ban Kiểm soát phải chịu trách nhiệm cá nhân hoặc liên đới bồi thường thiệt hại đó. Thu nhập và lợi ích khác mà thành viên Ban Kiểm soát có được do vi phạm phải hoàn trả cho Công ty.
6. Trường hợp phát hiện có thành viên Ban Kiểm soát vi phạm trong thực hiện quyền và nghĩa vụ được giao thì phải thông báo bằng văn bản đến Ban kiểm soát; yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt hành vi vi phạm và khắc phục hậu quả.

Điều 51. Nhiệm kỳ, số lượng, thành phần, cơ cấu thành viên Ban Kiểm soát

1. Ban kiểm soát có từ ba (03) đến năm (05) thành viên. Nhiệm kỳ của thành viên Ban Kiểm soát không quá năm (05) năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.
2. Thành viên Ban kiểm soát không nhất thiết phải là cổ đông của Công ty.
3. Ban kiểm soát phải có hơn một nửa số thành viên thường trú ở Việt Nam.
4. Trường hợp thành viên Ban Kiểm soát có cùng thời điểm kết thúc nhiệm kỳ mà thành viên Ban kiểm soát nhiệm kỳ mới chưa được bầu thì thành viên Ban kiểm soát đã hết nhiệm kỳ vẫn tiếp tục thực hiện quyền và nghĩa vụ cho đến khi thành viên Ban kiểm soát nhiệm kỳ mới được bầu và nhận nhiệm vụ.

Điều 52. Tiêu chuẩn, điều kiện làm thành viên Ban Kiểm soát

1. Thành viên Ban kiểm soát phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện sau đây:
 - a) Không thuộc đối tượng theo quy định tại khoản 2 Điều 17 của Luật doanh nghiệp;
 - b) Được đào tạo một trong các chuyên ngành về kinh tế, tài chính, kế toán, kiểm toán, luật, quản trị kinh doanh hoặc chuyên ngành phù hợp với hoạt động kinh doanh của Công ty;
 - c) Không phải là người có quan hệ gia đình của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và người điều hành khác;
 - d) Không phải là người quản lý Công ty, không nhất thiết phải là cổ đông hoặc người lao động của Công ty;

Lucy
2/10

đ) Không được làm việc trong bộ phận kế toán, tài chính của Công ty;

e) Không được là thành viên hay nhân viên của tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của Công ty trong ba (03) năm liền trước đó;

g) Tiêu chuẩn và điều kiện khác theo quy định khác của pháp luật có liên quan và Điều lệ Công ty.

2. Ngoài các tiêu chuẩn, điều kiện quy định tại khoản 1 Điều này, thành viên Ban kiểm soát Công ty không được là người có quan hệ gia đình của người quản lý doanh nghiệp của Công ty và công ty mẹ; người đại diện phần vốn của doanh nghiệp, người đại diện phần vốn nhà nước tại công ty mẹ và tại Công ty.

Điều 53. Đề cử, ứng cử thành viên Ban Kiểm soát

1. Các cổ đông phổ thông hợp thành nhóm để đề cử người vào Ban kiểm soát phải thông báo về việc hợp nhóm cho các cổ đông dự họp biết trước khi khai mạc Đại hội đồng cổ đông;

2. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ mười phần trăm (10%) tổng số cổ phần phổ thông trở lên có quyền đề cử, ứng cử người vào Ban Kiểm soát và có quyền gộp số quyền biểu quyết của từng người lại với nhau để đề cử các ứng viên Ban Kiểm soát

3. Quyền đề cử ứng viên của cổ đông hoặc nhóm cổ đông cụ thể như sau:

a) Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ mười phần trăm (10%) đến dưới ba mươi phần trăm (30%) tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử một (01) ứng viên;

b) Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ ba mươi phần trăm (30%) đến dưới năm mươi phần trăm (50%) tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử tối đa hai (02) ứng viên;

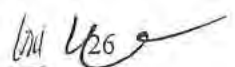
c) Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ trên năm mươi phần trăm (50%) tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử tối đa ba (03) ứng viên;

4. Việc đề cử người vào Ban Kiểm soát được thực hiện như sau:

a) Căn cứ số lượng thành viên Ban Kiểm soát, cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại điểm này được quyền đề cử một hoặc một số người theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông làm ứng cử viên Ban kiểm soát.

b) Trường hợp số ứng cử viên được cổ đông hoặc nhóm cổ đông đề cử thấp hơn số ứng cử viên mà họ được quyền đề cử theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông thì số ứng cử viên còn lại do Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát và các cổ đông khác đề cử.

c) Trường hợp số lượng ứng cử viên Ban kiểm soát thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết theo quy định tại khoản 5 Điều 115 Luật Doanh



nghiệp, Ban kiểm soát đương nhiệm giới thiệu thêm ứng cử viên hoặc tổ chức đề cử theo quy định tại Điều lệ Công ty, Quy chế nội bộ về quản trị của Công ty và Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát.

d) Việc Ban Kiểm soát đương nhiệm giới thiệu thêm ứng cử viên phải được công bố rõ ràng trước khi Đại hội đồng cổ đông biểu quyết bầu thành viên Ban kiểm soát theo quy định của pháp luật.

Điều 54. Cách thức bầu thành viên Ban Kiểm soát

a) Việc bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban kiểm soát thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông.

b) Việc biểu quyết bầu thành viên Ban kiểm soát phải thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu, theo đó mỗi cổ đông có tổng số phiếu biểu quyết tương ứng với tổng số cổ phần sở hữu nhân với số thành viên được bầu của Ban Kiểm soát và cổ đông có quyền dồn hết hoặc một phần tổng số phiếu bầu của mình cho một hoặc một số ứng cử viên.

c) Người trúng cử thành viên Ban kiểm soát được xác định theo số phiếu bầu tính từ cao xuống thấp, bắt đầu từ ứng cử viên có số phiếu bầu cao nhất cho đến khi đủ số thành viên quy định tại Quy chế này.

d) Trường hợp có từ 02 ứng cử viên trở lên đạt cùng số phiếu bầu như nhau cho thành viên cuối cùng của Ban kiểm soát thì sẽ tiến hành bầu lại trong số các ứng cử viên có số phiếu bầu ngang nhau hoặc lựa chọn theo tiêu chí quy định tại quy chế bầu cử hoặc Điều lệ công ty.

Điều 55. Miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban Kiểm soát

1. Đại hội đồng cổ đông miễn nhiệm thành viên Ban Kiểm soát trong trường hợp sau đây:

a) Không còn đủ tiêu chuẩn và điều kiện làm thành viên Ban Kiểm soát theo quy định tại điểm Điều 52 Quy chế này;

b) Có đơn từ chức và được chấp thuận;

c) Trường hợp khác do Điều lệ Công ty quy định.

2. Đại hội đồng cổ đông bãi nhiệm thành viên Ban Kiểm soát trong trường hợp sau đây:

a) Không hoàn thành nhiệm vụ, công việc được phân công;

b) Không thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình trong sáu (06) tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng;

c) Vi phạm nhiều lần, vi phạm nghiêm trọng nghĩa vụ của thành viên Ban Kiểm soát theo quy định của Luật doanh nghiệp và Điều lệ Công ty;

d) Trường hợp khác theo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông.

lucil

u

Điều 56. Thông báo về bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban Kiểm soát

1. Trường hợp đã xác định được ứng cử viên Ban kiểm soát, Công ty phải công bố thông tin liên quan đến các ứng cử viên tối thiểu mười (10) ngày trước ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông trên trang thông tin điện tử của Công ty để cổ đông có thể tìm hiểu về các ứng cử viên này trước khi bỏ phiếu, ứng cử viên Ban kiểm soát phải có cam kết bằng văn bản về tính trung thực, chính xác của các thông tin cá nhân được công bố và phải cam kết thực hiện nhiệm vụ một cách trung thực, cẩn trọng và vì lợi ích cao nhất của công ty nếu được bầu làm thành viên Ban kiểm soát.

2. Thông tin liên quan đến ứng cử viên Ban Kiểm soát được công bố bao gồm:

a) Họ tên, ngày, tháng, năm sinh;

b) Trình độ chuyên môn;

c) Quá trình công tác;

d) Các chức danh quản lý khác;

đ) Lợi ích có liên quan tới Công ty và các bên có liên quan của Công ty;

e) Các thông tin khác (nếu có) theo quy định tại Điều lệ Công ty;

3. Công ty phải có trách nhiệm công bố thông tin về các công ty mà ứng cử viên đang nắm giữ các chức danh quản lý và các lợi ích có liên quan tới Công ty của ứng cử viên Ban kiểm soát (nếu có).

4. Việc thông báo về kết quả bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban kiểm soát thực hiện theo các quy định hướng dẫn về công bố thông tin.

Điều 57. Tiền lương và quyền lợi khác của thành viên Ban Kiểm soát

Tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác của thành viên Ban kiểm soát được thực hiện theo quy định sau đây:

1. Thành viên Ban kiểm soát được trả tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông.

2. Đại hội đồng cổ đông quyết định tổng mức tiền lương, thù lao, thưởng, lợi ích khác và ngân sách hoạt động hằng năm của Ban kiểm soát.

3. Thành viên Ban kiểm soát được thanh toán chi phí ăn, ở, đi lại, chi phí sử dụng dịch vụ tư vấn độc lập với mức hợp lý. Tổng mức thù lao và chi phí này không vượt quá tổng ngân sách hoạt động hằng năm của Ban Kiểm soát đã được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận, trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông có quyết định khác.

4. Tiền lương và chi phí hoạt động của Ban kiểm soát được tính vào chi phí kinh doanh của Công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, quy định khác của pháp luật có liên quan và phải được lập thành mục riêng trong báo cáo tài chính hàng năm của Công ty.

1/2011

[Signature]

[Signature]

Chương V

TỔNG GIÁM ĐỐC

Điều 58. Trách nhiệm, quyền và nghĩa vụ của Tổng giám đốc

Tổng giám đốc có các quyền và nghĩa vụ sau:

1. Quyết định các vấn đề liên quan đến công việc kinh doanh hằng ngày của Công ty mà không thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị;
2. Tổ chức thực hiện các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị;
3. Tổ chức thực hiện kế hoạch kinh doanh và phương án đầu tư của Công ty;
4. Kiến nghị phương án cơ cấu tổ chức, quy chế quản lý nội bộ của Công ty;
5. Quyết định bổ nhiệm, miễn nhiệm, khen thưởng, kỷ luật đối với các Trưởng, Phó phòng ban, Giám đốc, Phó giám đốc đơn vị, Chi nhánh/văn phòng đại diện, các chức danh tương đương và cán bộ công nhân viên dưới quyền (trừ các chức danh do Hội đồng quản trị bổ nhiệm, miễn nhiệm);
6. Quyết định tiền lương và lợi ích khác đối với người lao động trong Công ty, kể cả người quản lý thuộc thẩm quyền bổ nhiệm của Tổng giám đốc;
7. Tuyển dụng lao động;
8. Kiến nghị phương án trả cổ tức hoặc xử lý lỗ trong kinh doanh;
9. Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ Công ty và nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị.

Điều 59. Nhiệm kỳ, tiêu chuẩn và điều kiện của Tổng giám đốc

1. Nhiệm kỳ của Tổng giám đốc

a) Nhiệm kỳ của Tổng giám đốc không quá năm (05) năm và có thể được bổ nhiệm lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Tổng giám đốc phải đáp ứng các tiêu chuẩn, điều kiện theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty.

b) Việc bổ nhiệm có thể hết hiệu lực căn cứ vào quyết định bổ nhiệm hoặc các quy định tại hợp đồng lao động.

2. Tiêu chuẩn và điều kiện của Tổng giám đốc

a) Có đủ năng lực hành vi dân sự và không thuộc các đối tượng quy định tại khoản 2 Điều 17 Luật Doanh nghiệp;

b) Có trình độ chuyên môn, kinh nghiệm thực tế trong quản trị doanh nghiệp về các ngành, nghề kinh doanh chủ yếu của Công ty hoặc tiêu chuẩn, điều kiện khác do Hội đồng quản trị quyết định phù hợp với quy định của pháp luật và điều kiện cụ thể của Công ty;

c) Không được là người có quan hệ gia đình với người quản lý Công ty, Kiểm soát viên Công ty, người đại diện phần vốn nhà nước, người đại diện phần vốn của Công ty tại các công ty con và công ty mẹ;

d) Các điều kiện khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp.

Trần

U

Điều 60. Bổ nhiệm, ký hợp đồng lao động đối với Tổng giám đốc

1. Hội đồng quản trị bổ nhiệm một thành viên trong Hội đồng quản trị hoặc ký hợp đồng với một người khác làm Tổng giám đốc, trong đó quy định mức lương, thù lao, lợi ích và các điều khoản khác liên quan.

2. Thông tin về mức lương, trợ cấp, quyền lợi của Tổng giám đốc phải được báo cáo trong Đại hội đồng cổ đông thường niên và được nêu trong báo cáo thường niên của Công ty.

Điều 61. Miễn nhiệm, bãi nhiệm Tổng giám đốc

Hội đồng quản trị có thể miễn nhiệm Tổng giám đốc khi đa số thành viên Hội đồng quản trị dự họp có quyền biểu quyết tán thành và bổ nhiệm một Tổng giám đốc mới thay thế.

Điều 62. Thông báo bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm ký hợp đồng lao động đối với Tổng giám đốc

Việc bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm Tổng giám đốc phải thông báo với các cơ quan chức năng theo quy định của pháp luật.

Điều 63. Tiền lương và lợi ích khác của Tổng giám đốc

1. Công ty có quyền trả lương, thưởng cho Tổng giám đốc theo kết quả và hiệu quả kinh doanh.

2. Tiền lương, thưởng và lợi ích khác của Tổng giám đốc do Hội đồng quản trị quyết định.

3. Tiền lương của Tổng giám đốc được tính vào chi phí kinh doanh của Công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, được thể hiện thành mục riêng trong báo cáo tài chính hằng năm của Công ty và phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp thường niên.

Chương VI

CÁC HOẠT ĐỘNG KHÁC

Điều 64. Thủ tục, trình tự triệu tập, thông báo họp, mời họp, thông báo kết quả họp giữa Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát và Tổng giám đốc

1. Chủ tịch Hội đồng quản trị thông báo cho Trưởng Ban kiểm soát biết về nội dung, chương trình cuộc họp Hội đồng quản trị để Trưởng Ban kiểm soát được biết và có thể tham dự cuộc họp.

2. Căn cứ nội dung cuộc họp để Chủ tịch Hội đồng quản trị quyết định mời Tổng Giám đốc, các Phó Tổng giám đốc hoặc Trưởng phòng/ban phụ trách mảng việc có liên quan dự họp và tham gia ý kiến (nếu có).

3. Trưởng Ban kiểm soát căn cứ vào nội dung cuộc họp của Ban kiểm soát để quyết định mời Chủ tịch Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị có liên quan, Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc hoặc Trưởng phòng/ban phụ trách

lml

W

CG

mảng việc có liên quan tham dự họp và đóng góp ý kiến (nếu có). Giấy mời họp phải bằng văn bản và phải được gửi đến bên được mời dự họp không muộn hơn 03 (ba) ngày trước ngày dự kiến họp, trừ trường hợp triệu tập họp đột xuất.

4. Nội dung cuộc họp phải được lập thành biên bản và phải được gửi cho các bên dự họp trong thời hạn bảy (07) ngày kể từ ngày diễn ra cuộc họp.

Điều 65. Thông báo nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị cho Ban kiểm soát

1. Các Nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị sẽ được chuyển đến Trưởng ban kiểm soát trong thời hạn ba (03) ngày kể từ ngày kết thúc cuộc họp.

2. Nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị được gửi cho Ban Kiểm soát bằng hình thức trực tiếp hoặc thông qua gián tiếp bằng email, fax hoặc các hình thức online khác mà Ban Kiểm soát có thể nhận được.

Điều 66. Thông báo nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị cho Tổng Giám đốc

1. Các Nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị sẽ được chuyển đến Tổng giám đốc trong thời hạn ba (03) ngày kể từ ngày kết thúc cuộc họp.

2. Nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị được gửi cho Tổng giám đốc bằng hình thức trực tiếp hoặc thông qua gián tiếp bằng email, fax hoặc các hình thức online khác mà Tổng giám đốc có thể nhận được.

Điều 67. Các trường hợp Tổng giám đốc và Ban Kiểm soát yêu cầu triệu tập họp Hội đồng quản trị và những vấn đề cần xin ý kiến Hội đồng quản trị

1. Theo nhu cầu sản xuất kinh doanh, điều chỉnh kế hoạch sản xuất kinh doanh hoặc các dự án đầu tư lớn, phê duyệt các dự án lớn của Công ty;

2. Trường hợp khẩn cấp (thiên tai, dịch họa, hỏa hoạn, sự cố) xảy ra đối với Công ty;

3. Tài khoản của Công ty tại ngân hàng bị phong tỏa hoặc được phép hoạt động trở lại sau khi bị phong tỏa, ngoại trừ trường hợp phong tỏa theo yêu cầu của chính Công ty;

4. Công ty có các hoạt động trái qui định của pháp luật;

5. Công ty bị đình chỉ kinh doanh, thu hồi Giấy chứng nhận doanh nghiệp hoặc Giấy phép hoạt động;

6. Có quyết định khởi tố đối với thành viên Hội đồng quản trị, Phó Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng hoặc các chức danh tương đương khác của Công ty;

7. Có bản án, quyết định của Tòa án liên quan đến hoạt động của Công ty;

8. Công ty có các tổn thất, tranh chấp tổn thất lớn về tài sản;

9. Phát hiện Công ty đi chệch mục tiêu, định hướng của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị.

12/11/2015
C/C

10. Trường hợp mà Tổng Giám đốc hoặc Ban Kiểm soát không thể xác định rõ ràng các vấn đề của Công ty cần được giải quyết thuộc thẩm quyền của mình, thẩm quyền của Hội đồng quản trị hay của Đại hội đồng cổ đông.

11. Trường hợp trong quá trình thực hiện các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị mà Tổng Giám đốc nhận thấy khó khăn hoặc không thể thực hiện được trên thực tế hoặc trong trường hợp Tổng Giám đốc nhận thấy rằng việc thực hiện các nghị quyết, quyết định này là không có lợi cho Công ty hoặc không tuân thủ các quy định của pháp luật áp dụng.

Điều 68. Báo cáo của Tổng Giám đốc với Hội đồng quản trị về việc thực hiện nhiệm vụ và quyền hạn được giao

1. Trường hợp phát hiện một số nội dung của Nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị không có lợi cho Công ty thì Tổng giám đốc có trách nhiệm đề nghị Hội đồng quản trị xem xét, điều chỉnh nội dung Nghị quyết, quyết định cho phù hợp;

2. Trường hợp Hội đồng quản trị không điều chỉnh Nghị quyết, quyết định thì Tổng giám đốc vẫn phải thực hiện nhưng có quyền bảo lưu ý kiến và kiến nghị lên Đại hội đồng cổ đông hoặc cơ quan có thẩm quyền khác.

3. Tổng giám đốc chịu trách nhiệm báo cáo bằng văn bản cho Hội đồng quản trị theo định kỳ hoặc khi có yêu cầu của Hội đồng quản trị về việc thực hiện nhiệm vụ và quyền hạn được giao.

Điều 69. Kiểm điểm việc thực hiện nghị quyết và các vấn đề ủy quyền khác của Hội đồng quản trị đối với Tổng Giám đốc

Trường hợp Tổng giám đốc thực hiện các Nghị quyết của Hội đồng quản trị chưa đạt yêu cầu của Hội đồng quản trị hoặc chưa phù hợp với quy định của Điều lệ Công ty thì Hội đồng quản trị yêu cầu Tổng giám đốc giải trình, làm cơ sở để Hội đồng quản trị kiểm điểm Tổng giám đốc hoặc có biện pháp giải quyết phù hợp.

Điều 70. Các vấn đề Tổng Giám đốc phải báo cáo, cung cấp thông tin và cách thức thông báo cho Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát

1. Tổng Giám đốc báo cáo định kỳ cho Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát về tình hình hoạt động sản xuất, kinh doanh trong các cuộc họp giao ban của Công ty.

2. Tổng Giám đốc có trách nhiệm báo cáo hoặc cung cấp thông tin cho Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát theo yêu cầu của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát theo nội dung được yêu cầu vào từng thời điểm cụ thể.

3. Các giao dịch mà Tổng Giám đốc có trách nhiệm báo cáo cho Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát theo Luật doanh nghiệp, Luật chứng khoán và các văn bản hướng dẫn thi hành.

4. Cách thức báo cáo:

a) Thông báo của Tổng Giám đốc cho Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát;

b) Báo cáo trực tiếp tại các cuộc họp Hội đồng quản trị;

c) Báo cáo bằng văn bản. Trường hợp báo cáo bằng văn bản, thời hạn báo cáo, thời hạn yêu cầu trả lời nêu tại văn bản của Hội đồng quản trị.

Điều 71. Phối hợp hoạt động kiểm soát, điều hành, giám sát giữa các thành viên Hội đồng quản trị, các thành viên Ban kiểm soát và Tổng Giám đốc

1. Các thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên và Tổng Giám đốc thường xuyên trao đổi trong công việc và cung cấp thông tin qua lại theo tinh thần hợp tác, hỗ trợ, tạo thuận lợi cho công việc của các thành viên theo đúng quy định tại Điều lệ Công ty, quy chế làm việc và kế hoạch hoạt động chung.

2. Trường hợp khẩn cấp, các thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên và Tổng Giám đốc có thể thông tin ngay (bằng gặp mặt, điện thoại hoặc email đã đăng ký với Công ty) cho Chủ tịch Hội đồng quản trị, Trưởng Ban kiểm soát hoặc Tổng giám đốc hoặc cả ba bên để được giải quyết hiệu quả.

3. Khi phát hiện rủi ro có thể gây ảnh hưởng đến uy tín hoặc hoạt động kinh doanh của Công ty, Tổng Giám đốc phải thông báo ngay cho Chủ tịch Hội đồng quản trị biết về rủi ro này.

4. Các thành viên Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát và Tổng Giám đốc không can thiệp vào công việc điều hành theo hệ thống chức năng nhiệm vụ khác nhau của mỗi bộ phận, tổ chức.

Điều 72. Khen thưởng đối với thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc và người điều hành doanh nghiệp khác

1. Các thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, cán bộ quản lý có thành tích trong việc quản trị, điều hành Công ty và các nhiệm vụ khác được giao sẽ được xem xét, khen thưởng theo quy định của pháp luật, Quy chế của Công ty.

2. Các hình thức khen thưởng, tiêu chuẩn cụ thể về hình thức khen thưởng, trình tự, thủ tục khen thưởng sẽ được thực hiện theo quy định của Công ty và quy định của pháp luật.

Điều 73. Kỷ luật đối với thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc và người điều hành doanh nghiệp khác

1. Các thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, cán bộ quản lý Công ty trong quá trình thực thi nhiệm vụ của mình mà vi phạm quy của pháp luật, Điều lệ Công ty và các quy định khác có liên quan của Công ty thì tùy theo tính chất, mức độ và hậu quả của hành vi vi phạm sẽ bị xử lý kỷ luật và bồi thường theo quy định.

2. Hội đồng quản trị có thẩm quyền quyết định kỷ luật đối với các chức danh do Hội đồng quản trị quản lý. Tổng giám đốc có thẩm quyền quyết định kỷ luật đối với các chức danh do Tổng giám đốc quản lý.

3. Nguyên tắc xử lý vi phạm kỷ luật, các hình thức xử lý vi phạm kỷ luật, trình tự, thủ tục xử lý vi phạm kỷ luật sẽ được thực hiện theo quy định của pháp luật và của Công ty.

10/11/2011
63
[Signature]

Chương VII
ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 74. Hiệu lực thi hành

Quy chế nội bộ về quản trị của Công ty cổ phần Tư vấn Xây dựng Công nghiệp và Đô thị Việt Nam bao gồm 7 Chương, 74 Điều và có hiệu lực kể từ ngày ... tháng ... năm 2021.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH

(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

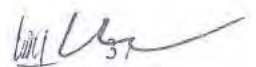

Trần Văn Tuấn

MỤC LỤC

	Trang
Chương I: QUY ĐỊNH CHUNG	1
Điều 1. Phạm vi điều chỉnh	1
Điều 2. Đối tượng áp dụng	1
Chương II: ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG	1
Điều 3. Đại hội đồng cổ đông	1
Điều 4. Thẩm quyền triệu tập Đại hội đồng cổ đông	3
Điều 5. Các trường hợp Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường	3
Điều 6. Thủ tục triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường	4
Điều 7. Nhiệm vụ của Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông	5
Điều 8. Thông báo về việc chốt danh sách cổ đông có quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông	5
Điều 9. Thông báo triệu tập đại hội đồng cổ đông	5
Điều 10. Chương trình, nội dung cuộc họp Đại hội đồng cổ đông	6
Điều 11. Ủy quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông	6
Điều 12. Đăng ký dự họp Đại hội đồng cổ đông	7
Điều 13. Điều kiện tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông	8
Điều 14. Hình thức thông qua Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông	8
Điều 15. Bỏ phiếu, kiểm phiếu và thông báo kết quả kiểm phiếu	8
Điều 16. Điều kiện để nghị quyết được thông qua	9
Điều 17. Phản đối nghị quyết Đại hội đồng cổ đông	10
Điều 18. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông	10
Điều 19. Công bố thông tin cuộc họp Đại hội đồng cổ đông	11
Điều 20. Thông qua Nghị quyết bằng hình thức lấy ý kiến bằng văn bản	11
Điều 21. Trình tự, thủ tục thông qua Nghị quyết bằng hình thức lấy ý kiến bằng văn bản	11
Điều 22. Các hình thức gửi phiếu ý kiến đã trả lời đến Công ty	12
Điều 23. Kiểm phiếu và lập biên bản kiểm phiếu lấy ý kiến	12
Điều 24. Trình tự, thủ tục họp Đại hội đồng cổ đông thông qua nghị quyết bằng hình thức họp trực tuyến	13

Điều 25. Trình tự, thủ tục họp Đại hội đồng cổ đông thông qua nghị quyết bằng hình thức hội nghị trực tiếp kết hợp với trực tuyến.	13
Chương III: HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ	13
Điều 26. Vai trò của Hội đồng quản trị	13
Điều 27. Quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị	14
Điều 28. Quyền và trách nhiệm của thành viên Hội đồng quản trị	15
Điều 29. Nhiệm kỳ và số lượng thành viên Hội đồng quản trị	16
Điều 30. Cơ cấu, tiêu chuẩn và điều kiện của thành viên Hội đồng quản trị ..	16
Điều 31. Đề cử, ứng cử thành viên Hội đồng quản trị	16
Điều 32. Cách thức bầu thành viên Hội đồng quản trị	17
Điều 33. Miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị	17
Điều 34. Thông báo về bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên HĐQT	18
Điều 35. Giới thiệu ứng viên thành viên Hội đồng quản trị	18
Điều 36. Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Chủ tịch Hội đồng quản trị	18
Điều 37. Thủ lao và lợi ích khác của thành viên Hội đồng quản trị	19
Điều 38. Trình tự và thủ tục họp Hội đồng quản trị	20
Điều 39. Thông báo họp Hội đồng quản trị	20
Điều 40. Quyền dự họp Hội đồng quản trị của Ban Kiểm soát	20
Điều 41. Điều kiện tổ chức họp Hội đồng quản trị	21
Điều 42. Biểu quyết tại cuộc họp Hội đồng quản trị	21
Điều 43. Ủy quyền dự họp Hội đồng quản trị	21
Điều 44. Thông qua nghị quyết của Hội đồng quản trị	22
Điều 45. Biên bản họp Hội đồng quản trị	22
Điều 46. Thông báo Nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị	23
Điều 47. Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị	23
Điều 48. Người phụ trách quản trị Công ty	23
Chương IV: BAN KIỂM SOÁT	24
Điều 49. Quyền và nghĩa vụ của Ban Kiểm soát	24
Điều 50. Trách nhiệm của thành viên Ban Kiểm soát	25
Điều 51. Nhiệm kỳ, số lượng, thành phần, cơ cấu thành viên Ban Kiểm soát.	25
Điều 52. Tiêu chuẩn, điều kiện làm thành viên Ban Kiểm soát	25
Điều 53. Đề cử, ứng cử thành viên Ban Kiểm soát	26

Điều 54. Cách thức bầu thành viên Ban Kiểm soát	27
Điều 55. Miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban Kiểm soát	27
Điều 56. Thông báo về bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên BKS	28
Điều 57. Tiền lương và quyền lợi khác của thành viên Ban Kiểm soát	28
Chương V: TỔNG GIÁM ĐỐC	29
Điều 58. Trách nhiệm, quyền và nghĩa vụ của Tổng giám đốc	29
Điều 59. Nhiệm kỳ, tiêu chuẩn và điều kiện của Tổng giám đốc	29
Điều 60. Bổ nhiệm, ký hợp đồng lao động đối với Tổng giám đốc	30
Điều 61. Miễn nhiệm, bãi nhiệm Tổng giám đốc	30
Điều 62. Thông báo bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm ký hợp đồng lao động đối với Tổng giám đốc	30
Điều 63. Tiền lương và lợi ích khác của Tổng giám đốc	30
Chương VI: CÁC HOẠT ĐỘNG KHÁC	30
Điều 64. Thủ tục, trình tự triệu tập, thông báo họp, mời họp, thông báo kết quả họp giữa Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát và Tổng giám đốc	30
Điều 65. Thông báo nghị quyết, quyết định của HĐQT cho Ban kiểm soát ...	31
Điều 66. Thông báo nghị quyết, quyết định của HĐQT cho Tổng Giám đốc	31
Điều 67. Các trường hợp Tổng giám đốc và Ban Kiểm soát yêu cầu triệu tập họp Hội đồng quản trị và những vấn đề cần xin ý kiến Hội đồng quản trị	31
Điều 68. Báo cáo của Tổng Giám đốc với Hội đồng quản trị về việc thực hiện nhiệm vụ và quyền hạn được giao	32
Điều 69. Kiểm điểm việc thực hiện nghị quyết và các vấn đề ủy quyền khác của Hội đồng quản trị đối với Tổng Giám đốc	32
Điều 70. Các vấn đề Tổng Giám đốc phải báo cáo, cung cấp thông tin và cách thức thông báo cho Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát	32
Điều 71. Phối hợp hoạt động kiểm soát, điều hành, giám sát giữa các thành viên Hội đồng quản trị, các thành viên Ban kiểm soát và Tổng Giám đốc	33
Điều 72. Khen thưởng đối với thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc và người điều hành doanh nghiệp khác.	33
Điều 73. Kỷ luật đối với thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc và người điều hành doanh nghiệp khác	33
Chương VII: ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH.....	34
Điều 73. Hiệu lực thi hành.....	34

(Bản thảo – 280621)

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

QUY CHẾ HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN XÂY DỰNG
CÔNG NGHIỆP VÀ ĐÔ THỊ VIỆT NAM

Hà Nội, tháng năm 2021

ell

u

0
cy

Hà Nội, ngày tháng năm 2021

QUY CHẾ HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Căn cứ pháp lý:

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp ngày 17 tháng 6 năm 2020;
- Căn cứ Luật Chứng khoán ngày 26 tháng 11 năm 2019;
- Căn cứ Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;
- Căn cứ Thông tư số 116/2020/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng tại Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;
- Căn cứ Điều lệ Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Công nghiệp và Đô thị Việt Nam;
- Căn cứ Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số ...ngày ...tháng...năm 2021;

Hội đồng quản trị ban hành Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Công nghiệp và Đô thị Việt Nam.

Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Công nghiệp và Đô thị Việt Nam bao gồm các nội dung sau:

Chương I

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh: Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị quy định cơ cấu tổ chức nhân sự, nguyên tắc hoạt động, quyền hạn, nghĩa vụ của Hội đồng quản trị và các thành viên Hội đồng quản trị nhằm hoạt động theo quy định tại Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Công ty và các quy định khác của pháp luật có liên quan.

2. Đối tượng áp dụng: Quy chế này được áp dụng cho Hội đồng quản trị, các thành viên Hội đồng quản trị.

Điều 2. Nguyên tắc hoạt động của Hội đồng quản trị

1. Hội đồng quản trị làm việc theo nguyên tắc tập thể. Các thành viên của Hội

1

đồng quản trị chịu trách nhiệm cá nhân về phần việc của mình và cùng chịu trách nhiệm trước Đại hội đồng cổ đông, trước pháp luật về các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị đối với sự phát triển của Công ty.

2. Hội đồng quản trị giao trách nhiệm cho Tổng giám đốc tổ chức điều hành thực hiện các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị.

Chương II

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 3. Quyền và nghĩa vụ của thành viên Hội đồng quản trị

1. Thành viên Hội đồng quản trị có đầy đủ các quyền theo quy định của Luật Chứng khoán, pháp luật liên quan và Điều lệ Công ty, trong đó có quyền được cung cấp các thông tin, tài liệu về tình hình tài chính, hoạt động kinh doanh của Công ty và của các đơn vị trong Công ty.

2. Thành viên Hội đồng quản trị có nghĩa vụ theo quy định tại Điều lệ Công ty và các nghĩa vụ sau:

a) Thực hiện các nhiệm vụ của mình một cách trung thực, cẩn trọng vì lợi ích cao nhất của cổ đông và của Công ty;

b) Tham dự đầy đủ các cuộc họp của Hội đồng quản trị và có ý kiến về các vấn đề được đưa ra thảo luận;

c) Báo cáo kịp thời, đầy đủ với Hội đồng quản trị các khoản thù lao nhận được từ các công ty con, công ty liên kết và các tổ chức khác;

d) Báo cáo Hội đồng quản trị tại cuộc họp gần nhất các giao dịch giữa Công ty, công ty con, công ty khác do Công ty nắm quyền kiểm soát trên năm mươi phần trăm (50%) trở lên vốn điều lệ với thành viên Hội đồng quản trị và những người có liên quan của thành viên đó; giao dịch giữa Công ty với công ty trong đó thành viên Hội đồng quản trị là thành viên sáng lập hoặc là người quản lý doanh nghiệp trong thời gian ba (03) năm gần nhất trước thời điểm giao dịch;

e) Thực hiện công bố thông tin khi thực hiện giao dịch cổ phiếu của Công ty theo quy định của pháp luật.

Điều 4. Quyền được cung cấp thông tin của thành viên Hội đồng quản trị

1. Thành viên Hội đồng quản trị có quyền yêu cầu Tổng giám đốc, Phó Tổng giám đốc Công ty cung cấp thông tin, tài liệu về tình hình tài chính, hoạt động kinh doanh của Công ty và của đơn vị trong Công ty. Thành viên Hội đồng quản trị gửi văn bản yêu cầu đến Ban Tổng giám đốc, trong đó ghi đầy đủ các nội dung vấn đề cần cung cấp thông tin.

2. Người quản lý được yêu cầu phải cung cấp kịp thời, đầy đủ và chính xác thông tin, tài liệu theo yêu cầu của thành viên Hội đồng quản trị.

Điều 5. Nhiệm kỳ và số lượng thành viên Hội đồng quản trị

1. Số lượng thành viên Hội đồng quản trị là năm (05) người.
2. Nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị không quá năm (05) năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Một cá nhân chỉ được bầu làm thành viên Hội đồng quản trị độc lập của một công ty không quá hai (02) nhiệm kỳ liên tục.
3. Trường hợp tất cả thành viên Hội đồng quản trị cùng kết thúc nhiệm kỳ thì các thành viên đó tiếp tục là thành viên Hội đồng quản trị cho đến khi có thành viên mới được bầu thay thế và tiếp quản công việc
4. Cơ cấu Hội đồng quản trị của Công ty phải đảm bảo tối thiểu một phần ba (1/3) tổng số thành viên Hội đồng quản trị là thành viên không điều hành.

Điều 6. Tiêu chuẩn và điều kiện thành viên Hội đồng quản trị

Thành viên Hội đồng quản trị phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 155 Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty. Cụ thể:

1. Không thuộc đối tượng quy định tại khoản 2 Điều 17 Luật Doanh nghiệp;
2. Có trình độ chuyên môn, kinh nghiệm trong quản trị kinh doanh hoặc trong lĩnh vực, ngành, nghề kinh doanh của Công ty và không nhất thiết phải là cổ đông của Công ty, trừ trường hợp Điều lệ Công ty có quy định khác;
3. Thành viên Hội đồng quản trị Công ty có thể đồng thời là thành viên Hội đồng quản trị của công ty khác;
4. Đối với doanh nghiệp nhà nước theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 88 Luật Doanh nghiệp và công ty con của doanh nghiệp nhà nước theo quy định tại khoản 1 Điều 88 Luật Doanh nghiệp thì thành viên Hội đồng quản trị không được là người có quan hệ gia đình của Tổng giám đốc Công ty; của người quản lý, người có thẩm quyền bổ nhiệm người quản lý công ty mẹ;
5. Các tiêu chuẩn khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty.

Điều 7. Chủ tịch Hội đồng quản trị

1. Chủ tịch Hội đồng quản trị do Hội đồng quản trị bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm trong số các thành viên Hội đồng quản trị.
2. Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty không được kiêm Tổng giám đốc.
3. Chủ tịch Hội đồng quản trị có quyền và nghĩa vụ sau đây:
 - a) Lập chương trình, kế hoạch hoạt động của Hội đồng quản trị;
 - b) Chuẩn bị chương trình, nội dung, tài liệu phục vụ cuộc họp; triệu tập, chủ trì và làm chủ tọa cuộc họp Hội đồng quản trị;
 - c) Tổ chức việc thông qua nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị; Có trách nhiệm ký ban hành Nghị quyết trong thời hạn ba (03) ngày sau khi đa số

lưu

u

ye

thành viên Hội đồng quản trị biểu quyết thông qua.

d) Giám sát quá trình tổ chức thực hiện các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị;

đ) Chủ tọa cuộc họp Đại hội đồng cổ đông;

e) Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty.

4. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị có đơn từ chức hoặc bị bãi miễn, Hội đồng quản trị phải bầu người thay thế trong thời hạn mười (10) ngày kể từ ngày nhận đơn từ chức hoặc bị bãi miễn. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị vắng mặt hoặc không thể thực hiện được nhiệm vụ của mình thì phải ủy quyền bằng văn bản cho một thành viên khác thực hiện quyền và nghĩa vụ của Chủ tịch Hội đồng quản trị theo nguyên tắc quy định tại Điều lệ Công ty. Trường hợp không có người được ủy quyền hoặc Chủ tịch Hội đồng quản trị chết, mất tích, bị tạm giam, đang chấp hành hình phạt tù, đang chấp hành biện pháp xử lý hành chính tại cơ sở cai nghiện bắt buộc, cơ sở giáo dục bắt buộc, trốn khỏi nơi cư trú, bị hạn chế hoặc mất năng lực hành vi dân sự, có khó khăn trong nhận thức, làm chủ hành vi, bị Tòa án cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định thì các thành viên còn lại bầu một người trong số các thành viên giữ chức Chủ tịch Hội đồng quản trị theo nguyên tắc đa số thành viên còn lại tán thành cho đến khi có quyết định mới của Hội đồng quản trị.

5. Hội đồng quản trị bổ nhiệm một (01) người làm Người phụ trách quản trị công ty và có thể đồng thời là thư ký công ty. Người phụ trách quản trị công ty công ty có quyền và nghĩa vụ sau đây:

a) Hỗ trợ tổ chức triệu tập Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị; ghi chép các biên bản họp;

b) Hỗ trợ thành viên Hội đồng quản trị trong việc thực hiện quyền và nghĩa vụ được giao;

c) Hỗ trợ Hội đồng quản trị trong áp dụng và thực hiện nguyên tắc quản trị Công ty;

d) Hỗ trợ Công ty trong xây dựng quan hệ cổ đông và bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của cổ đông; việc tuân thủ nghĩa vụ cung cấp thông tin, công khai hóa thông tin và thủ tục hành chính;

e) Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định tại Điều lệ Công ty.

Điều 8. Miễn nhiệm, bãi nhiệm, thay thế và bổ sung thành viên Hội đồng quản trị

1. Đại hội đồng cổ đông miễn nhiệm thành viên Hội đồng quản trị trong trường hợp sau đây:

a) Không có đủ tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại Điều 155 Luật Doanh nghiệp;

b) Có đơn từ chức và được chấp thuận;

c) Trường hợp khác quy định tại Điều lệ Công ty.

2. Đại hội đồng cổ đông bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị trong trường hợp sau đây:

a) Không tham gia các hoạt động của Hội đồng quản trị trong sáu (06) tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng;

b) Trường hợp khác quy định tại Điều lệ công ty.

3. Khi xét thấy cần thiết, Đại hội đồng cổ đông quyết định thay thế thành viên Hội đồng quản trị; miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị ngoài trường hợp quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều này.

4. Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông để bầu bổ sung thành viên Hội đồng quản trị trong trường hợp sau đây:

a) Số thành viên Hội đồng quản trị bị giảm quá một phần ba (1/3) so với số quy định tại Điều lệ công ty. Trường hợp này, Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn sáu mươi (60) ngày kể từ ngày số thành viên bị giảm quá một phần ba (1/3);

b) Số lượng thành viên độc lập Hội đồng quản trị giảm xuống, không bảo đảm tỷ lệ theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 137 Luật doanh nghiệp;



c) Trừ trường hợp quy định tại điểm a và điểm b khoản này, Đại hội đồng cổ đông bầu thành viên mới thay thế thành viên Hội đồng quản trị đã bị miễn nhiệm, bãi nhiệm tại cuộc họp gần nhất.

Điều 9. Cách thức bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị

1. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ mười phần trăm (10%) tổng số cổ phần phổ thông trở lên có quyền đề cử, ứng cử vào Hội đồng quản trị và có quyền gộp số quyền biểu quyết của từng người lại với nhau để đề cử các ứng viên Hội đồng quản trị. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ mười phần trăm (10%) đến dưới hai mươi phần trăm (20%) tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử một (01) ứng viên; từ hai mươi phần trăm (20%) đến dưới ba mươi phần trăm (30%) được đề cử tối đa hai (02) ứng viên; từ ba mươi phần trăm (30%) đến dưới bốn mươi phần trăm 40% được đề cử tối đa ba (03) ứng viên; từ bốn mươi phần trăm (40%) đến dưới năm mươi phần trăm (50%) được đề cử tối đa bốn (04) ứng viên; từ năm mươi phần trăm 50% trở lên được đề cử tối đa năm (05) ứng viên;

a) Các cổ đông phổ thông họp thành nhóm để đề cử người vào Hội đồng quản trị phải thông báo về việc họp nhóm cho các cổ đông dự họp biết trước khi khai mạc Đại hội đồng cổ đông;

b) Căn cứ số lượng thành viên Hội đồng quản trị, cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản này được quyền đề cử một hoặc một số người theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông làm ứng cử viên Hội đồng quản trị. Trường hợp số ứng



cử viên được cổ đông hoặc nhóm cổ đông đề cử thấp hơn số ứng cử viên mà họ được quyền đề cử theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông thì số ứng cử viên còn lại do Hội đồng quản trị và các cổ đông khác đề cử.

2. Trường hợp số lượng ứng cử viên Hội đồng quản trị thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết theo quy định tại khoản 5 Điều 115 Luật Doanh nghiệp, Hội đồng quản trị đương nhiệm giới thiệu thêm ứng cử viên hoặc tổ chức đề cử theo quy định tại Điều lệ Công ty, Quy chế nội bộ về quản trị công ty và Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị. Việc Hội đồng quản trị đương nhiệm giới thiệu thêm ứng cử viên phải được công bố rõ ràng trước khi Đại hội đồng cổ đông biểu quyết bầu thành viên Hội đồng quản trị theo quy định của pháp luật.

3. Việc biểu quyết bầu thành viên Hội đồng quản trị phải thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu, theo đó mỗi cổ đông có tổng số phiếu biểu quyết tương ứng với tổng số cổ phần sở hữu nhân với số thành viên được bầu của Hội đồng quản trị và cổ đông có quyền dồn hết hoặc một phần tổng số phiếu bầu của mình cho một hoặc một số ứng cử viên. Người trúng cử thành viên Hội đồng quản trị được xác định theo số phiếu bầu tính từ cao xuống thấp, bắt đầu từ ứng cử viên có số phiếu bầu cao nhất cho đến khi đủ số thành viên theo quy định tại khoản 1, điều 5 Quy chế này. Trường hợp có từ hai (02) ứng cử viên trở lên đạt cùng số phiếu bầu như nhau cho thành viên cuối cùng của Hội đồng quản trị thì sẽ tiến hành bầu lại trong số các ứng cử viên có số phiếu bầu ngang nhau hoặc lựa chọn theo tiêu chí quy chế bầu cử hoặc Điều lệ Công ty.

4. Việc bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị do Đại hội đồng cổ đông quyết định theo nguyên tắc bỏ phiếu.

Điều 10. Thông báo về bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị

1. Trường hợp đã xác định được ứng cử viên Hội đồng quản trị, Công ty phải công bố thông tin liên quan đến các ứng cử viên tối thiểu mười (10) ngày trước ngày khai mạc họp Đại hội đồng cổ đông trên trang thông tin điện tử của Công ty để cổ đông có thể tìm hiểu về các ứng cử viên này trước khi bỏ phiếu, ứng cử viên Hội đồng quản trị phải có cam kết bằng văn bản về tính trung thực, chính xác của các thông tin cá nhân được công bố và phải cam kết thực hiện nhiệm vụ một cách trung thực, cẩn trọng và vì lợi ích cao nhất của Công ty nếu được bầu làm thành viên Hội đồng quản trị. Thông tin liên quan đến ứng cử viên Hội đồng quản trị được công bố bao gồm:

- a) Họ tên, ngày, tháng, năm sinh;
- b) Trình độ chuyên môn;
- c) Quá trình công tác;
- d) Các chức danh quản lý khác (bao gồm cả chức danh Hội đồng quản trị của Công ty khác);

LMH

u

CE

- đ) Lợi ích có liên quan tới Công ty và các bên có liên quan của Công ty;
- e) Báo cáo đánh giá về đóng góp của ứng viên cho Công ty, trong trường hợp ứng viên đó hiện đang là thành viên Hội đồng quản trị của Công ty;
- g) Công ty phải có trách nhiệm công bố thông tin về các công ty mà ứng cử viên đang nắm giữ chức vụ thành viên Hội đồng quản trị, các chức danh quản lý khác và các lợi ích có liên quan tới Công ty của ứng cử viên Hội đồng quản trị (nếu có).
2. Việc thông báo về kết quả bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị thực hiện theo các quy định hướng dẫn về công bố thông tin.

Chương III

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 11. Quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị

1. Hội đồng quản trị là cơ quan quản lý Công ty, có toàn quyền nhân danh Công ty để quyết định, thực hiện quyền và nghĩa vụ của Công ty, trừ các quyền và nghĩa vụ thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông.
2. Quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị do luật pháp, Điều lệ Công ty và Đại hội đồng cổ đông quy định. Cụ thể, Hội đồng quản trị có những quyền hạn và nghĩa vụ sau:
- a) Quyết định chiến lược, kế hoạch phát triển trung hạn và kế hoạch kinh doanh hằng năm của công ty;
- b) Kiến nghị loại cổ phần và tổng số cổ phần được quyền chào bán của từng loại;
- c) Quyết định bán cổ phần chưa bán trong phạm vi số cổ phần được quyền chào bán của từng loại; quyết định huy động thêm vốn theo hình thức khác;
- d) Quyết định giá bán cổ phần và trái phiếu của công ty;
- đ) Quyết định mua lại cổ phần theo quy định của pháp luật;
- e) Quyết định phương án đầu tư và dự án đầu tư trong thẩm quyền và giới hạn theo quy định của pháp luật;
- g) Quyết định giải pháp phát triển thị trường, tiếp thị và công nghệ;
- h) Thông qua hợp đồng mua, bán, vay, cho vay và hợp đồng, giao dịch khác có giá trị từ ba mươi lăm phần trăm (35%) tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của công ty, trừ trường hợp hợp đồng, giao dịch thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Khoản 1 Điều 20 Điều lệ công ty, và các trường hợp khác theo quy định của pháp luật hiện hành;
- i) Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Chủ tịch Hội đồng quản trị; bổ nhiệm, miễn nhiệm đối với Tổng giám đốc; quyết định tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích

lưu

u

7
cy

khác của những người quản lý đó; quyết định cử hoặc thôi làm người đại diện theo uỷ quyền tham gia Hội đồng quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông ở công ty khác, quyết định mức thù lao và quyền lợi khác của những người đó;

k) Giám sát, chỉ đạo Tổng giám đốc trong điều hành công việc kinh doanh hằng ngày của công ty;

l) Quyết định cơ cấu tổ chức, quy chế quản lý nội bộ của công ty, quyết định thành lập công ty con, chi nhánh, văn phòng đại diện và việc góp vốn, mua cổ phần của doanh nghiệp khác;

m) Duyệt chương trình, nội dung tài liệu phục vụ họp Đại hội đồng cổ đông, triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông hoặc lấy ý kiến để Đại hội đồng cổ đông thông qua nghị quyết;

n) Trình báo cáo tài chính hằng năm lên Đại hội đồng cổ đông;

o) Kiến nghị mức cổ tức được trả; quyết định thời hạn và thủ tục trả cổ tức hoặc xử lý lỗ phát sinh trong quá trình kinh doanh;

p) Kiến nghị việc tổ chức lại, giải thể công ty; yêu cầu phá sản công ty;

q) Quyết định ban hành Quy chế hoạt động Hội đồng quản trị, Quy chế nội bộ về quản trị Công ty sau khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua. Quyết định Quy chế về công bố thông tin của Công ty.

r) Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty.

3. Hội đồng quản trị thông qua nghị quyết, quyết định bằng biểu quyết tại cuộc họp, lấy ý kiến bằng văn bản hoặc hình thức khác do Điều lệ công ty quy định. Mỗi thành viên Hội đồng quản trị có một phiếu biểu quyết.

4. Trường hợp nghị quyết, quyết định do Hội đồng quản trị thông qua trái với quy định của pháp luật, nghị quyết Đại hội đồng cổ đông, Điều lệ Công ty gây thiệt hại cho Công ty thì các thành viên tán thành thông qua nghị quyết, quyết định đó phải cùng liên đới chịu trách nhiệm cá nhân về nghị quyết, quyết định đó và phải đền bù thiệt hại cho Công ty; thành viên phản đối thông qua nghị quyết, quyết định nói trên được miễn trừ trách nhiệm. Trường hợp này, cổ đông của Công ty có quyền yêu cầu Tòa án đình chỉ thực hiện hoặc hủy bỏ nghị quyết, quyết định nói trên.

Điều 12. Nhiệm vụ và quyền hạn của Hội đồng quản trị trong việc phê duyệt, ký kết hợp đồng giao dịch

1. Hội đồng quản trị chấp thuận các hợp đồng, giao dịch có giá trị nhỏ hơn ba mươi lăm phần trăm (35%) hoặc giao dịch dẫn đến tổng giá trị giao dịch phát sinh trong vòng mười hai (12) tháng kể từ ngày thực hiện giao dịch đầu tiên có giá trị nhỏ hơn ba mươi lăm phần trăm (35%) tổng giá trị tài sản ghi trên báo cáo tài chính gần nhất hoặc một tỷ lệ, giá trị khác nhỏ hơn theo quy định tại Điều lệ Công ty giữa Công ty với một trong các đối tượng sau:

a) Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc và người có liên quan của các đối tượng này;

lru

u

g

b) Cổ đông, người đại diện ủy quyền của cổ đông sở hữu trên mười phần trăm (10%) tổng vốn cổ phần phổ thông của Công ty và những người có liên quan của họ;

c) Doanh nghiệp có liên quan đến các đối tượng quy định tại Khoản 2 Điều 164 Luật Doanh nghiệp.

2. Người đại diện Công ty ký hợp đồng, giao dịch phải thông báo cho thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát về các đối tượng có liên quan đối với hợp đồng, giao dịch đó và gửi kèm theo dự thảo hợp đồng hoặc nội dung chủ yếu của giao dịch. Hội đồng quản trị quyết định việc chấp thuận hợp đồng, giao dịch trong thời hạn mười lăm (15) ngày kể từ ngày nhận được thông báo, trừ trường hợp Điều lệ Công ty quy định một thời hạn khác; thành viên Hội đồng quản trị có lợi ích liên quan đến các bên trong hợp đồng, giao dịch không có quyền biểu quyết.

Điều 13. Trách nhiệm của Hội đồng quản trị trong việc triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường

1. Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường trong các trường hợp sau:

a) Hội đồng quản trị xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty;

b) Báo cáo tài chính sáu (06) tháng hoặc báo cáo tài chính năm đã được kiểm toán phản ánh vốn chủ sở hữu đã bị mất một phần hai (1/2) so với số đầu kỳ;

c) Số lượng thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát còn lại ít hơn số lượng thành viên tối thiểu theo quy định của pháp luật;

d) Theo yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 115 của Luật Doanh nghiệp; yêu cầu triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải được thể hiện bằng văn bản, trong đó nêu rõ lý do và mục đích cuộc họp, có đủ chữ ký của các cổ đông liên quan hoặc văn bản yêu cầu được lập thành nhiều bản và tập hợp đủ chữ ký của các cổ đông có liên quan;

e) Ban kiểm soát yêu cầu triệu tập cuộc họp nếu Ban kiểm soát có lý do tin tưởng rằng các thành viên Hội đồng quản trị hoặc người điều hành khác vi phạm nghiêm trọng các nghĩa vụ của họ theo theo Điều 165 Luật doanh nghiệp hoặc Hội đồng quản trị hành động hoặc có ý định hành động ngoài phạm vi quyền hạn của mình;

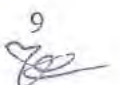
f) Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty.

2. Triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường:

a) Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn ba mươi (30) ngày kể từ ngày số lượng thành viên Hội đồng quản trị, thành viên độc lập Hội đồng quản trị, thành viên Ban Kiểm soát còn lại ít hơn số lượng thành viên tối thiểu theo quy định của pháp luật hoặc nhận được yêu cầu quy định tại điểm c và điểm d khoản 1 Điều này. Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn sáu mươi (60) ngày kể từ ngày số thành viên Hội đồng quản





9


trị bị giảm quá một phần ba (1/3). Trường hợp Hội đồng quản trị không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định thì Chủ tịch Hội đồng quản trị và các thành viên Hội đồng quản trị phải bồi thường thiệt hại phát sinh cho Công ty.

b) Trường hợp Hội đồng quản trị không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại điểm a khoản 4 Điều này thì trong thời hạn ba mươi (30) ngày tiếp theo, Ban kiểm soát phải thay thế Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông. Trường hợp Ban kiểm soát không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định thì Ban kiểm soát phải bồi thường thiệt hại phát sinh cho Công ty.

c) Trường hợp Ban kiểm soát không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều này thì trong thời hạn ba mươi (30) ngày tiếp theo, cổ đông hoặc nhóm cổ đông theo quy định tại khoản 2 Điều 115 Luật Doanh nghiệp có quyền đại diện Công ty triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định.

3. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải thực hiện các công việc sau đây:

a) Lập danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông trên sổ đăng ký cổ đông của Công ty. Danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông được lập không quá mười (10) ngày trước ngày gửi thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông. Công ty phải công bố thông tin về việc lập danh sách cổ đông có quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông tối thiểu hai mươi (20) ngày trước ngày đăng ký cuối cùng;

b) Cung cấp thông tin và giải quyết khiếu nại liên quan đến danh sách cổ đông;

c) Lập chương trình và nội dung cuộc họp;

d) Chuẩn bị tài liệu cho cuộc họp;

đ) Dự thảo nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông theo nội dung dự kiến của cuộc họp; danh sách và thông tin chi tiết của các ứng cử viên trong trường hợp bầu thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban Kiểm soát;

e) Xác định thời gian và địa điểm họp;

g) Gửi thông báo mời họp đến từng cổ đông có quyền dự họp theo quy định Luật doanh nghiệp;

h) Các công việc khác phục vụ cuộc họp.

Điều 14. Các tiểu ban giúp việc Hội đồng quản trị

1. Hội đồng quản trị có thể thành lập tiểu ban trực thuộc để phụ trách về chính sách phát triển, nhân sự, lương thưởng, kiểm toán nội bộ, quản lý rủi ro. Số lượng thành viên của tiểu ban do Hội đồng quản trị quyết định có tối thiểu là ba (03) người bao gồm thành viên của Hội đồng quản trị và thành viên bên ngoài. Các thành viên độc lập Hội đồng quản trị/thành viên Hội đồng quản trị không điều hành nên chiếm đa số trong tiểu ban và một trong số các thành viên này được bổ nhiệm làm Trưởng tiểu ban theo quyết định của Hội đồng quản trị. Hoạt động của tiểu







ban phải tuân thủ theo quy định của Hội đồng quản trị. Nghị quyết của tiểu ban chỉ có hiệu lực khi có đa số thành viên tham dự và biểu quyết thông qua tại cuộc họp của tiểu ban.

2. Việc thực thi quyết định của Hội đồng quản trị, hoặc của tiểu ban trực thuộc Hội đồng quản trị phải phù hợp với các quy định pháp luật hiện hành và quy định tại Điều lệ Công ty, Quy chế nội bộ về quản trị công ty.

Chương IV

CUỘC HỌP HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 15. Cuộc họp Hội đồng quản trị

1. Chủ tịch Hội đồng quản trị được bầu trong cuộc họp đầu tiên của Hội đồng quản trị trong thời hạn bảy (07) ngày làm việc kể từ ngày kết thúc bầu cử Hội đồng quản trị đó. Cuộc họp này do thành viên có số phiếu bầu cao nhất hoặc tỷ lệ phiếu bầu cao nhất triệu tập và chủ trì. Trường hợp có nhiều hơn một thành viên có số phiếu bầu hoặc tỷ lệ phiếu bầu cao nhất và ngang nhau thì các thành viên bầu theo nguyên tắc đa số để chọn một (01) người trong số họ triệu tập họp Hội đồng quản trị.

2. Hội đồng quản trị phải họp ít nhất mỗi quý một (01) lần và có thể họp bất thường.

3. Chủ tịch Hội đồng quản trị triệu tập họp Hội đồng quản trị trong trường hợp sau đây:

- a) Có đề nghị của Ban kiểm soát hoặc thành viên độc lập Hội đồng quản trị;
- b) Có đề nghị của Tổng giám đốc;
- c) Có đề nghị của ít nhất hai (02) thành viên Hội đồng quản trị;
- d) Trường hợp khác do Điều lệ công ty quy định.

4. Đề nghị quy định tại khoản 3 Điều này phải được lập thành văn bản, trong đó nêu rõ mục đích, vấn đề cần thảo luận và quyết định thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị.

5. Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Hội đồng quản trị trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận được đề nghị quy định tại khoản 3 Điều này. Trường hợp không triệu tập họp Hội đồng quản trị theo đề nghị thì Chủ tịch Hội đồng quản trị phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại xảy ra đối với Công ty; người đề nghị có quyền thay thế Chủ tịch Hội đồng quản trị triệu tập họp Hội đồng quản trị.

6. Thông báo họp Hội đồng quản trị phải được gửi trước cho các thành viên Hội đồng quản trị và Trưởng Ban Kiểm soát ít nhất ba (03) ngày trước khi tổ chức họp. Thông báo mời họp phải xác định cụ thể thời gian và địa điểm họp, chương trình, các vấn đề thảo luận và quyết định. Kèm theo thông báo mời họp phải có tài



liệu sử dụng tại cuộc họp và phiếu biểu quyết của thành viên.

Thông báo mời họp được gửi bằng bưu điện, fax, thư điện tử hoặc phương tiện khác, nhưng phải bảo đảm đến được địa chỉ của từng thành viên Hội đồng quản trị được đăng ký tại Công ty

7. Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc người triệu tập gửi thông báo mời họp và các tài liệu kèm theo đến Trưởng Ban Kiểm soát như đối với các thành viên Hội đồng quản trị.

Trưởng Ban Kiểm soát có quyền dự các cuộc họp Hội đồng quản trị; có quyền thảo luận nhưng không được biểu quyết.

8. Cuộc họp Hội đồng quản trị được tiến hành khi có từ ba phần tư (3/4) tổng số thành viên trở lên dự họp. Trường hợp cuộc họp được triệu tập theo quy định tại khoản này không đủ số thành viên dự họp theo quy định thì được triệu tập lần thứ hai trong thời hạn bảy (07) ngày kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Trường hợp này, cuộc họp được tiến hành nếu có hơn một nửa số thành viên Hội đồng quản trị dự họp.

9. Thành viên Hội đồng quản trị được coi là tham dự và biểu quyết tại cuộc họp trong trường hợp sau đây:

a) Tham dự và biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp;

b) Ủy quyền cho người khác đến dự họp và biểu quyết theo quy định tại Khoản 11 Điều này;

c) Tham dự và biểu quyết thông qua hội nghị trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác;

d) Gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, fax, thư điện tử; Gửi phiếu biểu quyết bằng phương tiện khác theo quy định trong Điều lệ công ty.

10. Trường hợp gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, phiếu biểu quyết phải đựng trong phong bì dán kín và phải được chuyển đến Chủ tịch Hội đồng quản trị chậm nhất là một (01) giờ trước khi khai mạc. Phiếu biểu quyết chỉ được mở trước sự chứng kiến của tất cả những người dự họp.

11. Thành viên phải tham dự đầy đủ các cuộc họp Hội đồng quản trị. Thành viên được ủy quyền cho người khác dự họp và biểu quyết nếu được đa số thành viên Hội đồng quản trị chấp thuận.

12. Nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị được thông qua nếu được đa số thành viên dự họp tán thành; trường hợp số phiếu ngang nhau thì quyết định cuối cùng thuộc về phía có ý kiến của Chủ tịch Hội đồng quản trị.

13. Thành viên Hội đồng quản trị trực tiếp hoặc gián tiếp được hưởng lợi từ một hợp đồng hoặc giao dịch đã được ký kết hoặc đang dự kiến ký kết với Công ty và biết là mình có lợi ích trong đó, sẽ phải công khai bản chất, nội dung của quyền lợi đó trong cuộc họp mà Hội đồng quản trị lần đầu tiên xem xét vấn đề ký kết hợp đồng hoặc giao dịch này. Hoặc thành viên này có thể công khai điều đó tại

lma

u

CF

cuộc họp đầu tiên của Hội đồng quản trị được tổ chức sau khi thành viên này biết rằng mình có lợi ích hoặc sẽ có lợi ích trong giao dịch hoặc hợp đồng liên quan.

14. Cuộc họp của Hội đồng quản trị có thể tổ chức theo hình thức nghị sự giữa các thành viên của Hội đồng quản trị khi tất cả hoặc một số thành viên đang ở những địa điểm khác nhau với điều kiện là mỗi thành viên tham gia họp đều có thể:

a) Nghe từng thành viên Hội đồng quản trị khác cùng tham gia phát biểu trong cuộc họp;

b) Nếu muốn, người đó có thể phát biểu với tất cả các thành viên tham dự khác một cách đồng thời.

Việc trao đổi giữa các thành viên có thể thực hiện một cách trực tiếp qua điện thoại hoặc bằng phương tiện liên lạc thông tin khác (kể cả việc sử dụng phương tiện này diễn ra vào thời điểm thông qua Điều lệ hay sau này) hoặc là kết hợp tất cả những phương thức này, thành viên Hội đồng quản trị tham gia cuộc họp như vậy được coi là “có mặt” tại cuộc họp đó.

Các quyết định được thông qua trong một cuộc họp qua điện thoại được tổ chức và tiến hành một cách hợp thức sẽ có hiệu lực ngay khi kết thúc cuộc họp nhưng phải được khẳng định bằng các chữ ký trong biên bản của tất cả thành viên Hội đồng quản trị tham dự cuộc họp này.

15. Nghị quyết theo hình thức lấy ý kiến bằng văn bản được thông qua trên cơ sở ý kiến tán thành của đa số thành viên Hội đồng quản trị có quyền biểu quyết. Nghị quyết loại này có hiệu lực và giá trị như Nghị quyết được các thành viên Hội đồng quản trị thông qua tại một cuộc họp được triệu tập và tổ chức theo thông lệ.

Điều 16. Biên bản họp Hội đồng quản trị

1. Các cuộc họp Hội đồng quản trị phải được ghi biên bản và có thể ghi âm, ghi và lưu giữ dưới hình thức điện tử khác. Biên bản phải lập bằng tiếng Việt và có thể lập thêm bằng tiếng nước ngoài, bao gồm các nội dung chủ yếu sau đây:

a) Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;

b) Thời gian, địa điểm họp;

c) Mục đích, chương trình và nội dung họp;

d) Họ, tên từng thành viên dự họp hoặc người được ủy quyền dự họp và cách thức dự họp; họ, tên các thành viên không dự họp và lý do;

e) Vấn đề được thảo luận và biểu quyết tại cuộc họp;

f) Tóm tắt phát biểu ý kiến của từng thành viên dự họp theo trình tự diễn biến của cuộc họp;

g) Kết quả biểu quyết trong đó ghi rõ những thành viên tán thành, không tán thành và không có ý kiến;

13

- h) Vấn đề đã được thông qua và tỷ lệ biểu quyết thông qua tương ứng;
- i) Biên bản họp Hội đồng quản trị phải có chữ ký của tất cả các thành viên Hội đồng quản trị tham dự cuộc họp;
- k) Họ, tên, chữ ký của chủ tọa và người ghi biên bản, trừ trường hợp quy định tại khoản 2 Điều này.

2. Trường hợp chủ tọa, người ghi biên bản từ chối ký biên bản họp nhưng nếu được tất cả thành viên khác của Hội đồng quản trị tham dự họp ký và có đầy đủ nội dung theo quy định tại các điểm a, b, c, d, đ, e, g và h khoản 1 Điều này thì biên bản này có hiệu lực.

3. Chủ tọa, người ghi biên bản và những người ký tên trong biên bản phải chịu trách nhiệm về tính trung thực và chính xác của nội dung biên bản họp Hội đồng quản trị.

4. Biên bản họp Hội đồng quản trị và tài liệu sử dụng trong cuộc họp phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.

5. Biên bản lập bằng tiếng Việt và bằng tiếng nước ngoài có hiệu lực pháp lý như nhau. Trường hợp có sự khác nhau về nội dung giữa biên bản bằng tiếng Việt và bằng tiếng nước ngoài thì nội dung trong biên bản bằng tiếng Việt được áp dụng.

Chương V

BÁO CÁO, CÔNG KHAI CÁC LỢI ÍCH

Điều 17. Trình báo cáo hằng năm

1. Kết thúc năm tài chính, Hội đồng quản trị phải trình Đại hội đồng cổ đông báo cáo sau đây:

- Báo cáo kết quả kinh doanh của Công ty;
- Báo cáo tài chính;
- Báo cáo đánh giá công tác quản lý, điều hành Công ty;
- Báo cáo thẩm định của Ban Kiểm soát.

2. Báo cáo quy định tại các điểm a, b và c khoản 1 Điều này phải được gửi đến Ban kiểm soát để thẩm định chậm nhất là ba mươi (30) ngày trước ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên nếu Điều lệ Công ty không có quy định khác.

3. Báo cáo quy định tại các khoản 1, 2 Điều này, báo cáo thẩm định của Ban kiểm soát và báo cáo kiểm toán phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty chậm nhất là mười (10) ngày trước ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên nếu Điều lệ Công ty không quy định thời hạn khác dài hơn. Cổ đông sở hữu cổ phần của Công ty liên tục ít nhất một (01) năm có quyền tự mình hoặc cùng với luật sư, kế toán viên, kiểm toán viên có chứng chỉ hành nghề trực tiếp xem xét báo cáo quy định tại Điều này.

Điều 18. Thù lao, thưởng và lợi ích khác của thành viên Hội đồng quản trị

1. Công ty có quyền trả thù lao, thưởng cho thành viên Hội đồng quản trị theo kết quả và hiệu quả kinh doanh.

2. Thành viên Hội đồng quản trị được hưởng thù lao công việc và thưởng. Thù lao công việc được tính theo số ngày công cần thiết hoàn thành nhiệm vụ của thành viên Hội đồng quản trị và mức thù lao mỗi ngày. Hội đồng quản trị dự tính mức thù lao cho từng thành viên theo nguyên tắc nhất trí. Tổng mức thù lao và thưởng của Hội đồng quản trị do Đại hội đồng cổ đông quyết định tại cuộc họp thường niên.

3. Thù lao của từng thành viên Hội đồng quản trị được tính vào chi phí kinh doanh của Công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, được thể hiện thành mục riêng trong báo cáo tài chính hằng năm của Công ty và phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp thường niên.

4. Thành viên Hội đồng quản trị nắm giữ chức vụ điều hành hoặc thành viên Hội đồng quản trị làm việc tại các tiểu ban của Hội đồng quản trị hoặc thực hiện những công việc khác ngoài phạm vi nhiệm vụ thông thường của một thành viên Hội đồng quản trị, có thể được trả thêm thù lao dưới dạng một khoản tiền công trọn gói theo từng lần, lương, hoa hồng, phần trăm lợi nhuận hoặc dưới hình thức khác theo quyết định của Hội đồng quản trị.

5. Thành viên Hội đồng quản trị có quyền được thanh toán tất cả các chi phí đi lại, ăn, ở và các khoản chi phí hợp lý khác mà họ đã phải chi trả khi thực hiện trách nhiệm thành viên Hội đồng quản trị của mình, bao gồm cả các chi phí phát sinh trong việc tới tham dự các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị hoặc các tiểu ban của Hội đồng quản trị.

6. Thành viên Hội đồng quản trị có thể được Công ty mua bảo hiểm trách nhiệm sau khi có sự chấp thuận của Đại hội đồng cổ đông. Bảo hiểm này không bao gồm bảo hiểm cho những trách nhiệm của thành viên Hội đồng quản trị liên quan đến việc vi phạm pháp luật và Điều lệ công ty.

7. Khi thực hiện chức năng, quyền và nghĩa vụ của mình, Hội đồng quản trị tuân thủ đúng quy định của pháp luật, Điều lệ Công ty và nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông. Trong trường hợp nghị quyết do Hội đồng quản trị thông qua trái với quy định của pháp luật hoặc Điều lệ Công ty gây thiệt hại cho Công ty thì các thành viên tán thành thông qua nghị quyết đó phải cùng liên đới chịu trách nhiệm cá nhân về nghị quyết đó và phải đền bù thiệt hại cho Công ty; thành viên phản đối thông qua nghị quyết nói trên được miễn trừ trách nhiệm. Trường hợp này, cổ đông sở hữu cổ phần của Công ty có quyền yêu cầu Tòa án đình chỉ thực hiện hoặc hủy bỏ nghị quyết nói trên.

Điều 19. Công khai các lợi ích liên quan

Trường hợp Điều lệ Công ty không có quy định khác chặt chẽ hơn, việc công khai lợi ích và người có liên quan của Công ty thực hiện theo quy định sau đây:

1. Thành viên Hội đồng quản trị của Công ty phải kê khai cho công ty về các

luu

luu

luu

lợi ích liên quan của mình, bao gồm:

a) Tên, mã số doanh nghiệp, địa chỉ trụ sở chính, ngành, nghề kinh doanh của doanh nghiệp mà họ có sở hữu phần vốn góp hoặc cổ phần; tỷ lệ và thời điểm sở hữu phần vốn góp hoặc cổ phần đó;

b) Tên, mã số doanh nghiệp, địa chỉ trụ sở chính, ngành, nghề kinh doanh của doanh nghiệp mà những người có liên quan của họ cùng sở hữu hoặc sở hữu riêng phần vốn góp hoặc cổ phần trên mười phần trăm (10%) vốn điều lệ.

2. Việc kê khai quy định tại khoản 1 Điều này phải được thực hiện trong thời hạn bảy (07) ngày làm việc, kể từ ngày phát sinh lợi ích liên quan; việc sửa đổi, bổ sung phải được thông báo với Công ty trong thời hạn bảy (07) ngày làm việc, kể từ ngày có sửa đổi, bổ sung tương ứng.

3. Thành viên Hội đồng quản trị nhân danh cá nhân hoặc nhân danh người khác để thực hiện công việc dưới mọi hình thức trong phạm vi công việc kinh doanh của Công ty đều phải giải trình bản chất, nội dung của công việc đó trước Hội đồng quản trị và chỉ được thực hiện khi được đa số thành viên còn lại của Hội đồng quản trị chấp thuận; nếu thực hiện mà không khai báo hoặc không được sự chấp thuận của Hội đồng quản trị thì tất cả thu nhập có được từ hoạt động đó thuộc về Công ty.

Chương VI

MỐI QUAN HỆ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 20. Mối quan hệ giữa các thành viên Hội đồng quản trị

1. Quan hệ giữa các thành viên Hội đồng quản trị là quan hệ phối hợp, các thành viên Hội đồng quản trị có trách nhiệm thông tin cho nhau về vấn đề có liên quan trong quá trình xử lý công việc được phân công.

2. Trong quá trình xử lý công việc, thành viên Hội đồng quản trị được phân công chịu trách nhiệm chính phải chủ động phối hợp xử lý, nếu có vấn đề liên quan đến lĩnh vực do thành viên Hội đồng quản trị khác phụ trách. Trong trường hợp giữa các thành viên Hội đồng quản trị còn có ý kiến khác nhau thì thành viên chịu trách nhiệm chính báo cáo Chủ tịch Hội đồng quản trị xem xét quyết định theo thẩm quyền hoặc tổ chức họp hoặc lấy ý kiến của các thành viên Hội đồng quản trị theo quy định của pháp luật, Điều lệ Công ty và Quy chế này.

3. Trong trường hợp có sự phân công lại giữa các thành viên Hội đồng quản trị thì các thành viên Hội đồng quản trị phải bàn giao công việc, hồ sơ, tài liệu liên quan. Việc bàn giao này phải được lập thành văn bản và báo cáo Chủ tịch Hội đồng quản trị về việc bàn giao đó.

Điều 21. Mối quan hệ với ban điều hành

Với vai trò quản trị, Hội đồng quản trị ban hành các nghị quyết để Tổng giám đốc và bộ máy điều hành thực hiện. Đồng thời, Hội đồng quản trị kiểm tra, giám sát thực hiện các nghị quyết.

Điều 22. Mối quan hệ với Ban Kiểm soát

1. Mối quan hệ giữa Hội đồng quản trị và Ban Kiểm soát là quan hệ phối hợp. Quan hệ làm việc giữa Hội đồng quản trị với Ban Kiểm soát theo nguyên tắc bình đẳng và độc lập, đồng thời phối hợp chặt chẽ, hỗ trợ lẫn nhau trong quá trình thực thi nhiệm vụ.

2. Khi tiếp nhận các biên bản kiểm tra hoặc báo cáo tổng hợp của Ban Kiểm soát, Hội đồng quản trị có trách nhiệm nghiên cứu và chỉ đạo các bộ phận có liên quan xây dựng kế hoạch và thực hiện chấn chỉnh kịp thời.

Chương VII

ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 23. Hiệu lực thi hành

Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị Công ty bao gồm 7 chương 23 điều và có hiệu lực từ ngày ... tháng ... năm 2021 sau khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH

(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

lau

[Signature]

[Signature]

MỤC LỤC

	Trang
Căn cứ pháp lý	1
Chương I: QUY ĐỊNH CHUNG	1
Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng.....	1
Điều 2. Nguyên tắc hoạt động của Hội đồng quản trị	1
Chương II: THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ	2
Điều 3. Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của thành viên Hội đồng quản trị...	2
Điều 4. Quyền được cung cấp thông tin của thành viên Hội đồng quản trị.....	2
Điều 5. Nhiệm kỳ và số lượng thành viên Hội đồng quản trị	3
Điều 6. Tiêu chuẩn và điều kiện thành viên Hội đồng quản trị	3
Điều 7. Chủ tịch Hội đồng quản trị	3
Điều 8. Miễn nhiệm, bãi nhiệm, thay thế và bổ sung thành viên Hội đồng quản trị	4
Điều 9. Cách thức bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị	5
Điều 10. Thông báo về bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị.....	6
Chương III: HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ	7
Điều 11. Quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị.....	7
Điều 12. Nhiệm vụ và quyền hạn của Hội đồng quản trị trong việc phê duyệt, ký kết hợp đồng giao dịch	8
Điều 13. Trách nhiệm của Hội đồng quản trị trong việc triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường	9
Điều 14. Các tiêu ban giúp việc Hội đồng quản trị.....	10
Chương IV: CUỘC HỌP HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ	11
Điều 15. Cuộc họp Hội đồng quản trị.....	11
Điều 16. Biên bản họp Hội đồng quản trị.....	13
Chương V: BÁO CÁO VÀ CÔNG KHAI CÁC LỢI ÍCH	14
Điều 17. Trình báo cáo hàng năm.....	14
Điều 18. Thù lao, thưởng và lợi ích khác của thành viên Hội đồng quản trị...	15
Điều 19. Công khai các lợi ích liên quan.....	15
Chương VI: MỐI QUAN HỆ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ	16

lưu

U

cy

Điều 20. Mối quan hệ giữa các thành viên Hội đồng quản trị.....	16
Điều 21. Mối quan hệ với ban điều hành.....	16
Điều 22. Mối quan hệ với Ban kiểm soát	17
Chương VII: ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH.....	17
Điều 23. Hiệu lực thi hành.....	17

[Handwritten signature]

[Handwritten signature]

(Bản thảo - 280621)

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

QUY CHẾ HOẠT ĐỘNG CỦA BAN KIỂM SOÁT

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN XÂY DỰNG
CÔNG NGHIỆP VÀ ĐÔ THỊ VIỆT NAM

Hà Nội, tháng năm 2021







Hà Nội, ngày tháng năm 2021

QUY CHẾ HOẠT ĐỘNG CỦA BAN KIỂM SOÁT

Căn cứ pháp lý:

- Căn cứ Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 ngày 26 tháng 11 năm 2019;
 - Căn cứ Luật doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17 tháng 06 năm 2020;
 - Căn cứ Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;
 - Căn cứ thông tư số 116/2020/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều về quản trị Công ty áp dụng đối với Công ty đại chúng tại Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;
 - Căn cứ Điều lệ của Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Công nghiệp và Đô thị Việt Nam (VCC) (sửa đổi năm 2021);
 - Căn cứ Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số ngày năm 2021;
 - Ban Kiểm soát Công ty ban hành Quy chế hoạt động của Ban Kiểm soát Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng công nghiệp và Đô thị Việt nam.
- Quy chế hoạt động của Ban Kiểm soát Công ty bao gồm các nội dung sau:

Chương I

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh: Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát quy định cơ cấu tổ chức nhân sự, tiêu chuẩn, điều kiện, quyền và nghĩa vụ của Ban kiểm soát và các thành viên Ban kiểm soát theo quy định tại Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Công ty và các quy định khác có liên quan.

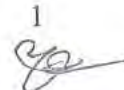
2. Đối tượng áp dụng: Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát được áp dụng cho Ban kiểm soát và các thành viên Ban kiểm soát.

Điều 2. Nguyên tắc hoạt động của Ban kiểm soát

Ban kiểm soát làm việc theo nguyên tắc tập thể. Các thành viên của Ban kiểm soát chịu trách nhiệm cá nhân về phần việc của mình và cùng chịu trách nhiệm trước Đại hội đồng cổ đông, trước pháp luật về các công việc, quyết định của Ban kiểm soát.





1


Chương II

THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT (KIỂM SOÁT VIÊN)

Điều 3. Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của thành viên Ban kiểm soát

1. Tuân thủ đúng pháp luật, Điều lệ công ty, nghị quyết Đại hội đồng cổ đông và đạo đức nghề nghiệp trong thực hiện quyền và nghĩa vụ được giao.

2. Thực hiện quyền và nghĩa vụ được giao một cách trung thực, cẩn trọng, tốt nhất nhằm bảo đảm lợi ích hợp pháp tối đa của Công ty.

3. Trung thành với lợi ích của Công ty và cổ đông; không làm dụng địa vị, chức vụ và sử dụng thông tin, bí quyết, cơ hội kinh doanh, tài sản khác của Công ty để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, các nhân khác

4. Nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty.

5. Trường hợp vi phạm quy định tại các khoản 1, 2, 3 và 4 Điều này mà gây thiệt hại cho Công ty hoặc người khác thì thành viên Ban kiểm soát phải chịu trách nhiệm cá nhân hoặc liên đới bồi thường thiệt hại đó. Thu nhập và lợi ích khác mà thành viên Ban kiểm soát có được do vi phạm phải hoàn trả cho Công ty.

6. Trường hợp phát hiện có thành viên Ban kiểm soát vi phạm trong thực hiện quyền và nghĩa vụ được giao thì phải thông báo bằng văn bản đến Ban kiểm soát, yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt hành vi vi phạm và khắc phục hậu quả.

Điều 4. Nhiệm kỳ và số lượng thành viên Ban kiểm soát

1. Ban kiểm soát có ba (03) thành viên, nhiệm kỳ của thành viên Ban kiểm soát không quá năm (05) năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.

2. Thành viên Ban kiểm soát không nhất thiết phải là cổ đông của Công ty.

3. Ban kiểm soát phải có hơn một nửa số thành viên thường trú ở Việt Nam.

4. Trường hợp thành viên Ban kiểm soát có cùng thời điểm kết thúc nhiệm kỳ mà thành viên Ban kiểm soát nhiệm kỳ mới chưa được bầu thì thành viên Ban kiểm soát đã hết nhiệm kỳ vẫn tiếp tục thực hiện quyền và nghĩa vụ cho đến khi thành viên Ban kiểm soát nhiệm kỳ mới được bầu và nhận nhiệm vụ.

Điều 5. Tiêu chuẩn và điều kiện thành viên Ban kiểm soát

1. Thành viên Ban kiểm soát phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện sau đây:

a) Không thuộc đối tượng theo quy định tại khoản 2 Điều 17 của Luật doanh nghiệp;

b) Được đào tạo một trong các chuyên ngành về kinh tế, tài chính, kế toán, kiểm toán, luật, quản trị kinh doanh hoặc chuyên ngành phù hợp với hoạt động kinh doanh của Công ty;

c) Không phải là người có quan hệ gia đình của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc;

d) Không phải là người quản lý Công ty, không nhất thiết phải là cổ đông hoặc







người lao động của Công ty;

d) Không được làm việc trong bộ phận kế toán, tài chính của Công ty;

e) Không được là thành viên hay nhân viên của tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của Công ty trong ba (03) năm liền trước đó;

g) Tiêu chuẩn và điều kiện khác theo quy định khác của pháp luật có liên quan và Điều lệ công ty.

2. Ngoài các tiêu chuẩn, điều kiện quy định tại khoản 1 Điều này, thành viên Ban kiểm soát Công ty không được là người có quan hệ gia đình của người quản lý của Công ty và công ty mẹ; người đại diện phần vốn của Công ty, người đại diện phần vốn nhà nước tại Công ty và tại Công ty mẹ.

Điều 6. Trưởng Ban Kiểm soát

1. Trưởng Ban kiểm soát phải có bằng tốt nghiệp đại học trở lên thuộc một trong các chuyên ngành kinh tế, tài chính, kế toán, kiểm toán, luật, quản trị kinh doanh hoặc chuyên ngành có liên quan đến hoạt động kinh doanh của Công ty trừ trường hợp Điều lệ Công ty có quy định tiêu chuẩn khác cao hơn.

2. Trưởng Ban kiểm soát do Ban kiểm soát bầu trong số các thành viên Ban kiểm soát; việc bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm theo nguyên tắc đa số.

3. Quyền và nghĩa vụ của Trưởng Ban kiểm soát:

a. Lên kế hoạch và phân công công việc cho từng thành viên trong Ban kiểm soát;

b. Triệu tập cuộc họp của Ban kiểm soát;

c. Ủy quyền cho một kiểm soát viên thực hiện nhiệm vụ của mình trong thời gian vắng mặt;

d. Yêu cầu Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và người điều hành khác trong Công ty cung cấp các thông tin liên quan để báo cáo ban kiểm soát;

đ. Lập và ký báo cáo của Ban kiểm soát sau khi đã tham khảo ý kiến của Hội đồng quản trị để trình Đại hội đồng cổ đông.

e. Trưởng Ban kiểm soát cử một thành viên Ban kiểm soát ghi chép biên bản cuộc họp của Ban kiểm soát.

g. Tham dự và tham gia thảo luận tại các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị và các cuộc họp khác của Công ty.

Điều 7. Đề cử, ứng cử thành viên Ban kiểm soát

1. Cổ đông hoặc nhóm đông nắm giữ từ mười phần trăm (10%) đến dưới ba mươi phần trăm (30%) tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử một (01) ứng viên; từ ba mươi phần trăm (30%) đến dưới năm mươi phần trăm (50%) được đề cử tối đa hai (02) ứng viên; từ năm mươi phần trăm (50%) trở lên được đề cử

luc

ll

3
ll

tối đa ba (03) ứng viên. Việc đề cử người vào Ban kiểm soát thực hiện như sau:

a) Các cổ đông phổ thông hợp thành nhóm đề cử người vào Ban kiểm soát phải thông báo về việc hợp nhóm cho các cổ đông dự họp biết trước khi khai mạc Đại hội đồng cổ đông;

b) Căn cứ số lượng thành viên Ban kiểm soát, cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản này được quyền đề cử một hoặc một số người theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông làm ứng cử viên Ban kiểm soát. Trường hợp số ứng cử viên được cổ đông hoặc nhóm cổ đông đề cử thấp hơn số ứng cử viên mà họ được quyền đề cử theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông thì số ứng cử viên còn lại do Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và các cổ đông khác đề cử.

2. Trường hợp số lượng ứng cử viên Ban kiểm soát thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết, Ban kiểm soát đương nhiệm giới thiệu thêm ứng cử viên hoặc tổ chức đề cử theo quy định tại Điều lệ Công ty, Quy chế nội bộ về quản trị Công ty và Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát. Việc Ban kiểm soát đương nhiệm giới thiệu thêm ứng cử viên phải được công bố rõ ràng trước khi Đại hội đồng cổ đông biểu quyết bầu thành viên Ban kiểm soát theo quy định của pháp luật.

Điều 8. Cách thức bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban kiểm soát

1. Việc bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban kiểm soát thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông.

2. Việc biểu quyết bầu thành viên Ban kiểm soát phải thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu, theo đó mỗi cổ đông có tổng số phiếu biểu quyết tương ứng với tổng số cổ phần sở hữu nhân với số thành viên được bầu của Ban kiểm soát và cổ đông có quyền dồn hết hoặc một phần tổng số phiếu bầu của mình cho một hoặc một số ứng cử viên. Người trúng cử thành viên Ban kiểm soát được xác định theo số phiếu bầu tính từ cao xuống thấp, bắt đầu từ ứng cử viên có số phiếu bầu cao nhất cho đến khi đủ số thành viên quy định tại Điều lệ Công ty. Trường hợp có từ 02 ứng cử viên trở lên đạt cùng số phiếu bầu như nhau cho thành viên cuối cùng của Ban kiểm soát thì sẽ tiến hành bầu lại trong số các ứng cử viên có số phiếu bầu ngang nhau hoặc lựa chọn theo tiêu chí quy định tại quy chế bầu cử hoặc Điều lệ Công ty.

Điều 9. Các trường hợp miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban kiểm soát

1. Đại hội đồng cổ đông miễn nhiệm thành viên Ban kiểm soát trong trường hợp sau đây:

a) Không còn đủ tiêu chuẩn và điều kiện làm thành viên Ban kiểm soát theo quy định tại Điều 169 của Luật Doanh nghiệp;

b) Có đơn từ chức và được chấp thuận;

c) Trường hợp khác do Điều lệ Công ty quy định.

2. Đại hội đồng cổ đông bãi nhiệm thành viên Ban kiểm soát trong trường hợp

sau đây:

- a) Không hoàn thành nhiệm vụ, công việc được phân công;
- b) Không thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình trong sáu (06) tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng;
- c) Vi phạm nhiều lần, vi phạm nghiêm trọng nghĩa vụ của thành viên Ban kiểm soát theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty;
- d) Trường hợp khác theo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông.

Điều 10. Thông báo về bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban kiểm soát

1. Trường hợp đã xác định được ứng cử viên Ban kiểm soát, Công ty phải công bố thông tin liên quan đến các ứng cử viên tối thiểu mười (10) ngày trước ngày khai mạc họp Đại hội đồng cổ đông trên trang thông tin điện tử của Công ty để cổ đông có thể tìm hiểu về các ứng cử viên này trước khi bỏ phiếu, ứng cử viên Ban kiểm soát phải có cam kết bằng văn bản về tính trung thực, chính xác của các thông tin cá nhân được công bố và phải cam kết thực hiện nhiệm vụ một cách trung thực, cẩn trọng và vì lợi ích cao nhất của công ty nếu được bầu làm thành viên Ban kiểm soát. Thông tin liên quan đến ứng cử viên Ban kiểm soát được công bố bao gồm:

- a) Họ tên, ngày, tháng, năm sinh;
- b) Trình độ chuyên môn;
- c) Quá trình công tác;
- d) Các chức danh quản lý khác;
- đ) Lợi ích có liên quan tới Công ty và các bên có liên quan của Công ty;
- e) Các thông tin khác (nếu có) theo quy định tại Điều lệ công ty;
- g) Công ty phải có trách nhiệm công bố thông tin về các công ty mà ứng cử viên đang nắm giữ các chức danh quản lý và các lợi ích có liên quan tới Công ty của ứng cử viên Ban kiểm soát (nếu có).

2. Việc thông báo về kết quả bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban kiểm soát thực hiện theo các quy định hướng dẫn về công bố thông tin.

Chương III BAN KIỂM SOÁT

Điều 11. Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của Ban kiểm soát

Ban kiểm soát có các quyền, nghĩa vụ theo quy định tại Điều 170 Luật Doanh nghiệp và các quyền, nghĩa vụ sau đây:

1. Ban kiểm soát thực hiện giám sát Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc trong việc quản lý và điều hành Công ty.

bu

U

5
gg

2. Kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp, tính trung thực và mức độ cần trọng trong quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh; tính hệ thống, nhất quán và phù hợp của công tác kế toán, thống kê và lập báo cáo tài chính.

3. Thẩm định tính đầy đủ, hợp pháp và trung thực của báo cáo tình hình kinh doanh, báo cáo tài chính hằng năm và 06 tháng của Công ty, báo cáo đánh giá công tác quản lý của Hội đồng quản trị và trình báo cáo thẩm định tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên. Rà soát hợp đồng, giao dịch với người có liên quan thuộc thẩm quyền phê duyệt của Hội đồng quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông và đưa ra khuyến nghị về hợp đồng, giao dịch cần có phê duyệt của Hội đồng quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông.

4. Rà soát, kiểm tra và đánh giá hiệu lực và hiệu quả của hệ thống kiểm soát nội bộ, kiểm toán nội bộ, quản lý rủi ro và cảnh báo sớm của Công ty.

5. Xem xét sổ kế toán, ghi chép kế toán và các tài liệu khác của Công ty, công việc quản lý, điều hành hoạt động của Công ty khi xét thấy cần thiết hoặc theo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông hoặc theo yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 115 Luật Doanh nghiệp.

6. Khi có yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 115 Luật Doanh nghiệp, Ban kiểm soát thực hiện kiểm tra trong thời hạn bảy (07) ngày làm việc kể từ ngày nhận được yêu cầu. Trong thời hạn mười lăm (15) ngày kể từ ngày kết thúc kiểm tra, Ban kiểm soát phải báo cáo về những vấn đề được yêu cầu kiểm tra đến Hội đồng quản trị và cổ đông hoặc nhóm cổ đông có yêu cầu. Việc kiểm tra của Ban kiểm soát quy định tại khoản này không được cản trở hoạt động bình thường của Hội đồng quản trị, không gây gián đoạn điều hành hoạt động kinh doanh của Công ty.

7. Kiến nghị Hội đồng quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông biện pháp sửa đổi, bổ sung, cải tiến cơ cấu tổ chức quản lý, giám sát và điều hành hoạt động kinh doanh của Công ty.

8. Khi phát hiện có thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc vi phạm quy định tại Điều 165 Luật doanh nghiệp phải thông báo ngay bằng văn bản cho Hội đồng quản trị, yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt hành vi vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả.

9. Sử dụng tư vấn độc lập, bộ phận kiểm toán nội bộ của Công ty để thực hiện nhiệm vụ được giao.

10. Ban kiểm soát có thể tham khảo ý kiến của Hội đồng quản trị trước khi trình báo cáo, kết luận và kiến nghị lên Đại hội đồng cổ đông.

11. Kiểm tra từng vấn đề cụ thể liên quan đến quản lý, điều hành hoạt động của Công ty theo đề nghị của cổ đông.

12. Yêu cầu Hội đồng quản trị phải triệu tập họp bất thường Đại hội đồng cổ đông.

13. Thay thế Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời

hạn 30 ngày trong trường hợp Hội đồng quản trị không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại khoản 3 Điều 140 Luật Doanh nghiệp.

14. Đề nghị Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Hội đồng quản trị.

15. Xem xét, trích lục, sao chép một phần hoặc toàn bộ nội dung kê khai Danh sách người có liên quan và lợi ích có liên quan được kê khai quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 164 Luật Doanh nghiệp.

16. Đề xuất và kiến nghị Đại hội đồng cổ đông phê duyệt danh sách tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính của Công ty; tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm tra các hoạt động của Công ty khi xét thấy cần thiết.

17. Chịu trách nhiệm trước cổ đông về hoạt động giám sát của mình.

18. Giám sát tình hình tài chính Công ty, việc tuân thủ pháp luật của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc trong các hoạt động.

19. Đảm bảo phối hợp hoạt động với Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và cổ đông.

20. Trường hợp phát hiện hành vi vi phạm pháp luật hoặc vi phạm Điều lệ công ty của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và người điều hành doanh nghiệp khác, Ban kiểm soát phải thông báo bằng văn bản cho Hội đồng quản trị trong vòng 48 giờ, yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả.

21. Xây dựng Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát và trình Đại hội đồng cổ đông thông qua.

22. Chứng kiến Hội đồng quản trị tổ chức kiểm phiếu và lập biên bản kiểm phiếu nếu được Hội đồng quản trị yêu cầu trong trường hợp lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.

23. Trưởng Ban kiểm soát điều hành để Đại hội đồng cổ đông bầu chủ tọa cuộc họp đối với trường hợp Chủ tịch vắng mặt hoặc tạm thời mất khả năng làm việc mà các thành viên Hội đồng quản trị còn lại không bầu được người làm chủ tọa. Trường hợp này, người có số phiếu bầu cao nhất làm chủ tọa cuộc họp.

24. Thực hiện các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Điều lệ công ty và Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.

Điều 12. Quyền được cung cấp thông tin của Ban kiểm soát

1. Tài liệu và thông tin phải được gửi đến thành viên Ban kiểm soát cùng thời điểm và theo phương thức như đối với thành viên Hội đồng quản trị, bao gồm:

a) Thông báo mời họp, phiếu lấy ý kiến thành viên Hội đồng quản trị và tài liệu kèm theo;

b) Nghị quyết, quyết định và biên bản họp của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị;

lưu

[Signature]

[Signature]

c) Báo cáo của Tổng Giám đốc trình Hội đồng quản trị hoặc tài liệu khác do Công ty phát hành.

2. Thành viên Ban kiểm soát có quyền tiếp cận hồ sơ, tài liệu của Công ty lưu giữ tại trụ sở chính, chi nhánh và địa điểm khác; có quyền đến địa điểm làm việc của người quản lý và nhân viên của Công ty trong giờ làm việc.

3. Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc, phải cung cấp đầy đủ, chính xác, kịp thời thông tin, tài liệu về công tác quản lý, điều hành và hoạt động kinh doanh của Công ty theo yêu cầu của thành viên Ban kiểm soát hoặc Ban kiểm soát.

Điều 13. Trách nhiệm của Ban kiểm soát trong việc triệu tập họp bất thường Đại hội đồng cổ đông

1. Ban kiểm soát có trách nhiệm thay thế Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn ba mươi (30) ngày trong trường hợp Hội đồng quản trị không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong các trường hợp sau đây:

a) Số thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát còn lại ít hơn số thành viên theo quy định của pháp luật;

b) Theo yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 115 Luật Doanh nghiệp;

c) Khi có yêu cầu triệu tập họp bất thường Đại hội đồng cổ đông của Ban kiểm soát nhưng Hội đồng quản trị không thực hiện.

2. Trường hợp Ban kiểm soát không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định thì Ban kiểm soát phải bồi thường thiệt hại phát sinh cho Công ty.

3. Chi phí triệu tập và tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại khoản 1 Điều này sẽ được Công ty hoàn lại.

Chương IV

CUỘC HỌP BAN KIỂM SOÁT

Điều 14. Cuộc họp của Ban kiểm soát

1. Ban kiểm soát phải họp ít nhất hai (02) lần trong một năm, số lượng thành viên tham dự họp ít nhất là hai phần ba (2/3) số thành viên Ban kiểm soát.

2. Ban kiểm soát có quyền yêu cầu thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và đại diện tổ chức kiểm toán được chấp thuận tham dự và trả lời các vấn đề cần được làm rõ.

3. Trưởng Ban kiểm soát triệu tập và chủ trì các cuộc họp của Ban kiểm soát. Trường hợp Trưởng Ban kiểm soát vắng mặt vì lý do chính đáng thì Trưởng ban uỷ quyền cho một thành viên khác trong Ban kiểm soát chủ trì cuộc họp và cuộc họp được coi là hợp lệ khi có ít nhất hai phần ba (2/3) số thành viên Ban kiểm soát có mặt. Trường hợp cần thiết có thể triệu tập họp Ban kiểm soát bất thường.

4. Các tài liệu thông báo được gửi đến thành viên Ban kiểm soát bằng bưu điện, fax, thư điện tử hay bằng phương tiện khác nhưng phải đảm bảo gửi đến được đúng địa chỉ liên lạc của các thành viên.

Điều 15. Biên bản họp Ban kiểm soát

Trưởng Ban kiểm soát cử một thành viên Ban kiểm soát ghi biên bản cuộc họp. Biên bản họp Ban kiểm soát được lập chi tiết và rõ ràng. Người ghi biên bản và các thành viên Ban kiểm soát tham dự họp phải ký tên vào biên bản cuộc họp. Các biên bản họp của Ban kiểm soát phải được lưu giữ nhằm xác định trách nhiệm của từng thành viên Ban kiểm soát.

Chương V

BÁO CÁO VÀ CÔNG KHAI LỢI ÍCH

Điều 16. Trình báo cáo hàng năm

Các Báo cáo của Ban kiểm soát tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên bao gồm các nội dung sau đây:

1. Báo cáo về kết quả kinh doanh của Công ty, về kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc để trình Đại hội đồng cổ đông thông qua tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên.

2. Báo cáo tự đánh giá kết quả hoạt động của Ban kiểm soát và thành viên Ban kiểm soát.

3. Thù lao, chi phí hoạt động và các lợi ích khác của Ban kiểm soát và từng thành viên Ban kiểm soát.

4. Tổng kết các cuộc họp của Ban kiểm soát và các kết luận, kiến nghị của Ban kiểm soát; kết quả giám sát tình hình hoạt động và tài chính của Công ty.

5. Báo cáo đánh giá về giao dịch giữa Công ty, công ty con, công ty khác do Công ty nắm quyền kiểm soát trên năm mươi phần trăm (50%) trở lên vốn điều lệ với thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và những người có liên quan của thành viên đó; giao dịch giữa Công ty với công ty trong đó thành viên Hội đồng quản trị là thành viên sáng lập hoặc là người quản lý doanh nghiệp trong thời gian 03 năm gần nhất trước thời điểm giao dịch.

6. Kết quả giám sát đối với Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và những người điều hành doanh nghiệp khác.

7. Kết quả đánh giá sự phối hợp hoạt động giữa Ban kiểm soát với Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và các cổ đông.

8. Đề xuất và kiến nghị Đại hội đồng cổ đông phê duyệt danh sách tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính của Công ty; tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm tra các hoạt động của Công ty khi xét thấy cần thiết.

9

Điều 17. Tiền lương và quyền lợi khác

Tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác của thành viên Ban kiểm soát được thực hiện theo quy định sau đây:

1. Thành viên Ban kiểm soát được trả tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông. Đại hội đồng cổ đông quyết định tổng mức tiền lương, thù lao, thưởng, lợi ích khác và ngân sách hoạt động hằng năm của Ban kiểm soát.

2. Thành viên Ban kiểm soát được thanh toán chi phí ăn, ở, đi lại, chi phí sử dụng dịch vụ tư vấn độc lập với mức hợp lý. Tổng mức thù lao và chi phí này không vượt quá tổng ngân sách hoạt động hằng năm của Ban kiểm soát đã được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận, trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông có quyết định khác.

3. Tiền lương và chi phí hoạt động của Ban kiểm soát được tính vào chi phí kinh doanh của Công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, quy định khác của pháp luật có liên quan và phải được lập thành mục riêng trong báo cáo tài chính hằng năm của Công ty.

Điều 18. Công khai các lợi ích liên quan

1. Thành viên Ban kiểm soát của Công ty phải kê khai cho Công ty về các lợi ích liên quan của mình, bao gồm:

a) Tên, mã số doanh nghiệp, địa chỉ trụ sở chính, ngành, nghề kinh doanh của doanh nghiệp mà họ làm chủ hoặc sở hữu phần vốn góp hoặc cổ phần; tỷ lệ và thời điểm làm chủ, sở hữu phần vốn góp hoặc cổ phần đó;

b) Tên, mã số doanh nghiệp, địa chỉ trụ sở chính, ngành, nghề kinh doanh của doanh nghiệp mà những người có liên quan của họ làm chủ, cùng sở hữu hoặc sở hữu riêng phần vốn góp hoặc cổ phần trên mười phần trăm (10%) vốn điều lệ.

2. Việc kê khai theo quy định tại khoản 1 Điều này phải được thực hiện trong thời hạn bảy (07) ngày làm việc kể từ ngày phát sinh lợi ích liên quan; việc sửa đổi, bổ sung phải được thông báo với Công ty trong thời hạn bảy (07) ngày làm việc kể từ ngày có sửa đổi, bổ sung tương ứng.

3. Thành viên Ban kiểm soát và những người có liên quan của các thành viên Ban kiểm soát chỉ được sử dụng những thông tin có được nhờ chức vụ của mình để phục vụ lợi ích của Công ty.

4. Thành viên Ban kiểm soát có nghĩa vụ thông báo bằng văn bản cho Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát về các giao dịch giữa Công ty, công ty con, công ty khác do Công ty nắm quyền kiểm soát trên năm mươi phần trăm (50%) trở lên vốn điều lệ với thành viên Ban kiểm soát hoặc với những người có liên quan của thành viên Ban kiểm soát theo quy định của pháp luật. Đối với các giao dịch nêu trên do Đại hội đồng cổ đông hoặc Hội đồng quản trị chấp thuận, Công ty phải thực hiện công bố thông tin về các nghị quyết này theo quy định của pháp luật chứng khoán và công bố thông tin.

5. Thành viên Ban kiểm soát và những người có liên quan của các thành viên này không được sử dụng hoặc tiết lộ cho người khác các thông tin nội bộ để thực hiện các giao dịch có liên quan.

Chương VI

MỐI QUAN HỆ CỦA BAN KIỂM SOÁT

Điều 19. Mối quan hệ giữa các thành viên Ban kiểm soát

Các thành viên Ban kiểm soát có mối quan hệ độc lập, không phụ thuộc lẫn nhau nhưng có sự phối hợp, cộng tác trong công việc chung để đảm bảo thực hiện tốt trách nhiệm, quyền và nhiệm vụ của Ban kiểm soát theo quy định pháp luật và Điều lệ công ty. Trưởng Ban Kiểm soát là người điều phối công việc chung của Ban kiểm soát nhưng không có quyền chỉ phối các thành viên Ban kiểm soát.

Điều 20. Mối quan hệ với ban điều hành

Ban kiểm soát có mối quan hệ độc lập với ban điều hành Công ty, là đơn vị thực hiện chức năng giám sát hoạt động của ban điều hành.

Điều 21. Mối quan hệ với Hội đồng quản trị

Ban kiểm soát có mối quan hệ độc lập với Hội đồng quản trị Công ty, là đơn vị thực hiện chức năng giám sát hoạt động của Hội đồng quản trị.

Chương VII

ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 22. Hiệu lực thi hành

Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát Công ty cổ phần Tư vấn Xây dựng Công nghiệp và Đô thị Việt Nam bao gồm 07 chương, 22 Điều và có hiệu lực thi hành kể từ ngày....tháng....năm 2021.

TM. BAN KIỂM SOÁT

TRƯỞNG BAN

(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

[Handwritten signature]

[Handwritten signature]

[Handwritten signature]

MỤC LỤC

	Trang
Căn cứ pháp lý	1
Chương I: QUY ĐỊNH CHUNG	1
Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng.....	1
Điều 2. Nguyên tắc hoạt động của Ban kiểm soát	1
Chương II: THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT (KIỂM SOÁT VIÊN) ...	2
Điều 3. Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của thành viên Ban kiểm soát.....	2
Điều 4. Nhiệm kỳ và số lượng thành viên Ban kiểm soát.....	2
Điều 5. Tiêu chuẩn và điều kiện thành viên Ban kiểm soát.....	2
Điều 6. Trưởng Ban Kiểm soát.....	3
Điều 7. Đề cử, ứng cử thành viên Ban kiểm soát.....	3
Điều 8. Cách thức bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban kiểm soát....	4
Điều 9. Các trường hợp miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban kiểm soát....	4
Điều 10. Thông báo về bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban kiểm soát	5
Chương III: BAN KIỂM SOÁT	5
Điều 11. Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của Ban kiểm soát.....	5
Điều 12. Quyền được cung cấp thông tin của Ban kiểm soát.....	7
Điều 13. Trách nhiệm của BKS trong việc triệu tập họp bất thường ĐHĐCĐ..	8
Chương IV: CUỘC HỌP BAN KIỂM SOÁT	8
Điều 14. Cuộc họp của Ban kiểm soát.....	8
Điều 15. Biên bản họp Ban kiểm soát.....	9
Chương V: BÁO CÁO VÀ CÔNG KHAI LỢI ÍCH	9
Điều 16. Trình báo cáo hàng năm.....	9
Điều 17. Tiền lương và quyền lợi khác.....	10
Điều 18. Công khai các lợi ích liên quan.....	10
Chương VI: MỐI QUAN HỆ CỦA BAN KIỂM SOÁT	11
Điều 19. Mối quan hệ giữa các thành viên Ban kiểm soát.....	11
Điều 20. Mối quan hệ với ban điều hành.....	11
Điều 21. Mối quan hệ với Hội đồng quản trị.....	11
Chương VII: ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH	11
Điều 22. Hiệu lực thi hành.....	11